

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VŨ THỊ THU HÀ

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRONG
CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VŨ THỊ THU HÀ

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRONG
CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC
Mã số: 9310204**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Lý Việt Quang

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC



1. PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Dung



2. TS. Lê Thị Hằng

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xác nhận luận án này là kết quả nghiên cứu do tôi trực tiếp thực hiện dưới sự định hướng và hướng dẫn khoa học của tập thể cán bộ hướng dẫn. Những tư liệu, số liệu và nhận định được sử dụng trong luận án bảo đảm tính trung thực, có xuất xứ rõ ràng; các nội dung kế thừa, tham khảo từ những công trình đã công bố đều được ghi nguồn và trích dẫn theo đúng quy định học thuật.

Tác giả luận án



Vũ Thị Thu Hà

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	9
1.1. Tình hình nghiên cứu về phát triển nông nghiệp ở Việt Nam.....	9
1.2. Tình hình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp và vận dụng trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam.....	21
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu đã đạt được và những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục nghiên cứu	30
Chương 2: VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	35
2.1. Một số khái niệm liên quan	35
2.2. Một số quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp	45
Chương 3: THỰC TRẠNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 2011 - 2025 VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA	90
3.1. Thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp trong công cuộc đổi mới từ 2011 - 2025.....	90
3.2. Thành tựu, hạn chế và một số vấn đề đặt ra trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp	136
Chương 4: NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG, PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI.....	161
4.1. Những yếu tố tác động đến vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới	161
4.2. Phương hướng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới	169
4.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới	173
KẾT LUẬN	199
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	201
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	202
PHỤ LỤC	221

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNH, HĐH	:	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CNXH	:	Chủ nghĩa xã hội
CT-XH	:	Chính trị - xã hội
HTCT	:	Hệ thống chính trị
HTX	:	Hợp tác xã
KHCN	:	Khoa học, công nghệ
KHKT	:	Khoa học kỹ thuật
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
NTM	:	Nông thôn mới
PTNN	:	Phát triển nông nghiệp
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm trồng trọt	102
Biểu đồ 3.2. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành trồng trọt.....	104
Biểu đồ 3.3. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi	104
Biểu đồ 3.4. Tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp	106
Biểu đồ 3.5. Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp	107
Biểu đồ 3.6. Tỷ trọng giá trị sản xuất lâm nghiệp trong giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản	109
Biểu đồ 3.7. Tổng sản lượng thủy sản.....	111
Biểu đồ 3.8. Xu hướng thay đổi tỷ trọng GDP của ba khu vực kinh tế chính tại Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2024	114
Biểu đồ 3.9. Tốc độ tăng GDP của ngành nông nghiệp.....	138
Biểu đồ 3.10. Kim ngạch xuất khẩu nông nghiệp.....	138
Biểu đồ 3.11. Đóng góp của nông, lâm, thủy sản vào GDP cả nước.....	145

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành sự quan tâm đặc biệt sâu sắc đến phát triển nông nghiệp (PTNN) nước nhà, bởi theo Người một đất nước sống về nghề nông, đại đa số là nông dân, nền kinh tế lấy canh nông làm gốc thì phát triển nông nghiệp có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc bảo đảm lương thực, cải thiện đời sống Nhân dân, củng cố hậu phương, phục vụ kháng chiến, kiến quốc và góp phần là nền tảng quan trọng để xây dựng và phát triển đất nước. Với nhận thức: “Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh” [128, tr.246], trong suốt quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã xây dựng nên một hệ thống quan điểm về PTNN hết sức giá trị. Những quan điểm đó bao quát từ vị trí, vai trò của nông nghiệp; chủ thể và lực lượng tham gia PTNN; đến nội dung, phương thức, biện pháp tổ chức sản xuất, cải thiện đời sống nông dân và xây dựng nông thôn. Điểm nổi bật trong tư tưởng của Người là luôn đặt PTNN trong mối quan hệ chặt chẽ với lợi ích của Nhân dân, với nhiệm vụ giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ mới và phát triển đất nước. Những quan điểm đó không chỉ có giá trị lý luận mà còn là cơ sở thực tiễn quan trọng để Đảng ta xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách PTNN phù hợp với yêu cầu của từng thời kỳ cách mạng.

Quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn xác định nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng. Trong những năm đầu của chính quyền cách mạng, quan điểm của Người về PTNN góp phần định hướng cho nhiệm vụ diệt “giặc đói”, khôi phục sản xuất, đảm bảo đời sống Nhân dân và phục vụ kháng chiến, kiến quốc. Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, Đảng ta tiếp tục khẳng định vai trò to lớn của nông nghiệp. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng xác định nông nghiệp là một trụ cột chiến lược, PTNN không chỉ góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế mà còn là nhân tố then chốt bảo đảm ổn định xã hội và an ninh quốc gia. PTNN đóng vai trò nền tảng để hiện thực hóa khát vọng vươn mình của dân tộc. Vì vậy, tiếp tục nghiên cứu, quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay là yêu cầu có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Sau 40 năm đổi mới, nông nghiệp Việt Nam đã có bước chuyển quan trọng từ nền sản xuất chủ yếu mang tính tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa, ngày càng

gắn chặt hơn với nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Quá trình ứng dụng khoa học công nghệ (KHCN), đổi mới phương thức tổ chức sản xuất, PTNN công nghệ cao, nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái và bền vững đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong năng suất, chất lượng và giá trị của nhiều sản phẩm nông nghiệp. Nhờ đó, nông nghiệp tiếp tục khẳng định là ngành sản xuất trọng yếu của nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Trong nhiều thời điểm khó khăn, nông nghiệp còn thể hiện vai trò là “trụ đỡ” của nền kinh tế, đồng thời góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong thương mại nông sản toàn cầu. Nông nghiệp Việt Nam hiện đã sẵn sàng phát huy lợi thế để cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, PTNN nước ta vẫn còn không ít hạn chế, bất cập. Quy mô sản xuất nhìn chung còn nhỏ lẻ, phân tán, manh mún; việc hình thành nền sản xuất lớn, hiện đại và các chuỗi giá trị nông sản bền vững chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm nông nghiệp còn thấp; một bộ phận nông sản vẫn phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu thô, gia công sơ chế, chưa xây dựng được thương hiệu mạnh trên thị trường quốc tế. Việc ứng dụng KHCN, chuyển đổi số, cơ giới hóa, tự động hóa trong nông nghiệp tuy đã có chuyển biến nhưng chưa đồng đều, chưa tạo thành động lực đủ mạnh để nâng cao chất lượng tăng trưởng của toàn ngành. Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, biến động thị trường, yêu cầu ngày càng cao về tiêu chuẩn xanh, sạch, an toàn và truy xuất nguồn gốc còn hạn chế. Liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX), nông dân và các chủ thể trong chuỗi giá trị chưa thật sự bền chặt; hạ tầng phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản ở nhiều nơi chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Vì vậy, nông nghiệp Việt Nam tuy đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, nhưng chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế vốn có; chưa thật sự trở thành nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, giá trị gia tăng cao và bền vững đáp ứng được kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân để phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Vì thế, nghiên cứu để làm thế nào đưa nông nghiệp Việt Nam phát triển xứng tầm hơn nữa là một vấn đề đặt ra cần giải quyết trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

PTNN ở Việt Nam hiện đang diễn ra trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, kỷ nguyên mang tính

bước ngoặt của lịch sử, đánh dấu sự phát triển nhanh, mạnh mẽ của dân tộc. Điều này đặt ra những đòi hỏi, những yêu cầu ngày càng cao đối với các cấp, các ngành, các lĩnh vực trong đó có nông nghiệp. Ngành nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước những yêu cầu phát triển ngày càng toàn diện, khát khe và mang tính chiến lược. Nông nghiệp không chỉ phải đáp ứng yêu cầu về hiệu quả kinh tế mà còn phải bảo đảm chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và nâng cao năng lực cạnh tranh trong chuỗi giá trị toàn cầu. Bên cạnh đó, PTNN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay đối mặt với cả thời cơ và thách thức đòi hỏi ngành nông nghiệp phải đổi mới nhanh, mạnh mẽ hơn nữa để thích nghi với bối cảnh mới. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục mở ra cơ hội mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, tiếp cận tri thức quản trị và thành tựu KHCN hiện đại; song đồng thời cũng làm gia tăng sức ép cạnh tranh, buộc nông sản Việt Nam phải đáp ứng ngày càng cao các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo điều kiện để nông nghiệp ứng dụng công nghệ số, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tự động hóa vào sản xuất, chế biến, quản lý và tiêu thụ nông sản; nhưng cũng đặt ra yêu cầu lớn về vốn đầu tư, nguồn nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và năng lực làm chủ công nghệ. Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra đối với ngành nông nghiệp Việt Nam trong kỷ nguyên mới không chỉ là duy trì tốc độ tăng trưởng mà còn phải thực hiện đồng thời các mục tiêu nâng cao giá trị gia tăng, gia tăng khả năng chống chịu trước các cú sốc toàn cầu, bảo đảm an ninh lương thực, ổn định xã hội, an ninh sinh thái và đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Do đó, nghiên cứu để đưa ra những giải pháp thiết thực hơn nữa giúp ngành nông nghiệp Việt Nam phát triển, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong kỷ nguyên mới là một vấn đề cấp thiết hiện nay.

Mặc dù thời gian qua đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN cũng như việc vận dụng tư tưởng đó trong thực tiễn Việt Nam dưới những góc độ khác nhau, nhưng nhìn chung số công trình tiếp cận vấn đề này một cách toàn diện, hệ thống và chuyên sâu vẫn chưa nhiều. Đặc biệt, việc làm rõ nội dung, giá trị và ý nghĩa định hướng của tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong điều kiện mới chưa được quan tâm tương xứng. Do đó, nhận thức của một số

chủ thể, lực lượng về nội dung, giá trị và yêu cầu vận dụng tư tưởng của Người trong lĩnh vực này có lúc, có nơi còn chưa đầy đủ; chưa làm nổi bật được yêu cầu phải tiếp tục quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước.

Từ những lý do trên, tiếp tục nghiên cứu một cách đầy đủ, nhận thức sâu sắc nội dung và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN để vận dụng sáng tạo vào điều kiện hiện nay là vấn đề ý nghĩa thiết thực đối với quá trình xây dựng nền nông nghiệp Việt Nam hiện đại, toàn diện, hiệu quả, sinh thái và thích ứng với yêu cầu của thời đại. Sự vận dụng đó không chỉ góp phần giữ vững vai trò nền tảng của nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế, mà còn hướng tới bảo đảm lợi ích chính đáng của nông dân, xây dựng giai cấp nông dân hiện đại, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, nhất là cư dân khu vực nông thôn. Vì vậy, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề: “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay*” làm đề tài Luận án Tiến sĩ, ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN và sự vận dụng của Đảng, Nhà nước trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam, trên cơ sở đó, đề xuất phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở nước ta trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án có các nhiệm vụ sau:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, khái quát những kết quả đã đạt được và những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở Việt Nam

Ba là, đánh giá thực trạng và nêu lên những vấn đề đặt ra từ việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2025.

Bốn là, nêu lên những yếu tố tác động; xác định phương hướng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN và quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Tập trung nghiên cứu, luận giải những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN; thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam; phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở nước ta trong thời gian tới.

- Phạm vi không gian:

Không gian về nội dung: Tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN có nội dung khá rộng bao gồm: Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, các ngành nghề truyền thống, nghề phụ. Trong phạm vi đề tài, luận án tập trung nghiên cứu một số lĩnh vực cơ bản của PTNN như: Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.

Không gian vận dụng: Trong lĩnh vực PTNN ở nước ta.

- Phạm vi thời gian: Công cuộc đổi mới của nước ta bắt đầu từ năm 1986, trong phạm vi luận án tập trung nghiên cứu từ năm 2011 - 2025. Luận án lấy mốc 2011 gắn với Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) (Bổ sung, phát triển năm 2011). Trong đó, Đảng đưa ra những định hướng quan trọng về PTNN.

- Phạm vi chủ thể vận dụng: Luận án tiếp cận chủ thể vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN chủ yếu là Đảng Cộng sản Việt Nam, với vai trò là chủ thể lãnh đạo, đề ra đường lối, chủ trương về PTNN, nông dân, nông thôn; đồng thời có sự tham gia tổ chức thực hiện của Nhà nước, hệ thống chính trị (HTCT), các cấp ủy, chính quyền địa phương, đội ngũ cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, HTX và nông dân.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

4.1.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về PTNN; các báo cáo tổng kết những vấn đề lý luận của Đảng liên quan đến PTNN.

4.1.2. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN và thực tiễn PTNN trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

4.2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.2.1. Phương pháp luận

Đề tài luận án thuộc ngành Hồ Chí Minh học, luận án dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành khoa học xã hội và nhân văn, kết hợp với phương pháp đặc thù của ngành Hồ Chí Minh học. Tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN được tiếp cận trong tính chỉnh thể, hệ thống, đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam và gắn với nhiệm vụ giải phóng dân tộc, xây dựng CNXH, chăm lo đời sống Nhân dân. Cụ thể:

Phương pháp logic, phương pháp lịch sử và sự kết hợp phương pháp logic và phương pháp lịch sử: Phương pháp logic được sử dụng để hệ thống hóa các quan điểm của Hồ Chí Minh về PTNN theo những nội dung cơ bản như tầm quan trọng, chủ thể, lực lượng, nội dung và biện pháp PTNN, qua đó làm rõ tính chỉnh thể và giá trị lý luận trong tư tưởng của Người. Phương pháp lịch sử được vận dụng nhằm đặt các quan điểm đó trong bối cảnh cụ thể của từng giai đoạn cách mạng, nhận diện quá trình hình thành, vận động và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Sự kết hợp hai phương pháp này giúp luận án vừa khái quát được những luận điểm cốt lõi, vừa bảo đảm tính khách quan, tránh suy diễn hoặc hiện đại hóa tư tưởng của Người.

Phương pháp phân tích tài liệu: Sử dụng để nghiên cứu các tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài. Từ đó, nhận định được những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN cũng như vận dụng vào công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Phương pháp phân tích - tổng hợp: Phương pháp phân tích được sử dụng để làm rõ các nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN; đồng thời

xem xét chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và thực trạng PTNN ở Việt Nam hiện nay, qua đó nhận diện thành tựu, hạn chế và nguyên nhân. Phương pháp tổng hợp được vận dụng nhằm khái quát những luận điểm cốt lõi của Hồ Chí Minh về PTNN, đánh giá sự vận dụng trong thực tiễn và đề xuất giải pháp phù hợp với bối cảnh mới.

Phương pháp thống kê, so sánh: Được sử dụng để khảo cứu các tư liệu, văn kiện, tác phẩm liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN; từ đó so sánh giữa các giai đoạn lịch sử và đối chiếu với một số quan điểm lý luận có liên quan. Qua phương pháp này, luận án làm rõ những điểm tương đồng, khác biệt, sự kế thừa, vận dụng và phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, đồng thời khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn của những tư tưởng đó.

Phương pháp dự báo: Được sử dụng để nhận diện những xu hướng, biến động và yếu tố có thể ảnh hưởng đến quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Trên cơ sở đó, luận án có thêm căn cứ khoa học để xác định phương hướng và đề xuất biện pháp vận dụng phù hợp với bối cảnh đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Phương pháp điều tra xã hội học: Được sử dụng để thu thập thông tin phục vụ đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Luận án tiến hành khảo sát hai nhóm khách thể gồm cán bộ, đảng viên với 250 phiếu và người dân với 1.600 phiếu. Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng Excel, Google Forms, làm cơ sở phân tích thực trạng, xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở Việt Nam trong thời gian tới.

Phương pháp tổng kết thực tiễn: Tác giả sử dụng phương pháp này để thu thập, phân tích, đánh giá các mô hình, phong trào, chính sách PTNN ở nước ta trong thời gian qua. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN thời gian tới.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

5.1. Đóng góp về mặt lý luận

Luận án góp phần hệ thống hóa và phân tích, làm sáng tỏ hơn nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN; làm rõ một số vấn đề lý luận về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 2011 đến nay.

5.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Luận án làm rõ thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 2011 đến nay; trên cơ sở đó, luận án nêu lên những vấn đề đặt ra trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN; đồng thời, phân tích những yếu tố tác động, chỉ ra phương hướng và đề xuất các giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sáng tỏ hơn nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, đồng thời, bổ sung và phát triển những vấn đề lý luận về việc vận dụng tư tưởng trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Luận án cũng cung cấp những luận cứ khoa học quan trọng cho việc đổi mới tư duy PTNN theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả nghiên cứu cũng góp phần cung cấp thêm căn cứ thực tiễn cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN vào đổi mới nông nghiệp, nông dân, nông thôn hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Trong cuốn *Vài suy nghĩ về phát triển nông nghiệp Việt Nam trong thế kỷ 21* (2010) tác giả Trần Văn Đạt [66], đã phân tích những nội dung cơ bản của PTNN Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Công trình đề cập nhiều phương diện quan trọng của PTNN như mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, tiếp cận KHCN hiện đại, nâng cao chất lượng nông sản, phát triển công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Tác giả cũng chỉ ra yêu cầu phải đổi mới phương thức sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu. Từ đó, công trình góp phần làm rõ nội dung PTNN Việt Nam trong thế kỷ XXI theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập sâu hơn vào thị trường quốc tế.

Tác giả Phạm Ngọc Dũng (2011) trong cuốn: *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn - Từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay* [46], đã nêu lên những vấn đề ảnh hưởng đến PTNN Việt Nam như: tình trạng mất đất, thiếu việc làm ngày càng trầm trọng, làn sóng ly nông ra đô thị diễn ra phổ biến, sự gia tăng phân hóa giàu - nghèo và bất bình đẳng xã hội, tình trạng ô nhiễm môi trường và suy giảm chất lượng không gian sống ở nông thôn, đi kèm với sự mai một các giá trị văn hóa truyền thống và những biến đổi tiêu cực trong đời sống xã hội nông thôn. Theo tác giả, để khắc phục những vấn đề trên cần thực hiện một số giải pháp sau: thúc đẩy công tác đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, đồng thời tạo điều kiện mở rộng cơ hội việc làm bền vững cho lực lượng lao động nông thôn; tăng cường đầu tư, nâng cấp hạ tầng KT-XH, tạo nền tảng cho PTNN; đẩy mạnh ứng dụng KHCN; hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến PTNN; nâng cao chất lượng đời sống văn hóa - xã hội ở nông thôn.

Bonnin, Turner và cộng sự (2012), trong bài viết *At what price rice? Food security, livelihood vulnerability, and state interventions in upland northern*

Vietnam [208], đã làm rõ tầm quan trọng đặc biệt của nông nghiệp, nhất là sản xuất lúa gạo, đối với an ninh lương thực và sinh kế của các cộng đồng nông thôn vùng cao ở Việt Nam. Thông qua nghiên cứu trường hợp các hộ dân tộc thiểu số Hmông và Dao ở tỉnh Lào Cai, công trình cho thấy lúa gạo không chỉ là nguồn lương thực thiết yếu bảo đảm đời sống hàng ngày, mà còn là nền tảng duy trì sinh kế, ổn định xã hội và khả năng tự chủ của người nông dân trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Theo các tác giả, đối với các cộng đồng miền núi, PTNN có ý nghĩa trực tiếp trong việc giảm thiểu tính dễ tổn thương về lương thực, hạn chế rủi ro sinh kế và nâng cao khả năng thích ứng của hộ nông dân trước những biến động về tự nhiên, thị trường và chính sách. Từ đó, công trình góp phần khẳng định rằng nông nghiệp giữ vai trò nền tảng không chỉ đối với tăng trưởng kinh tế, mà còn đối với bảo đảm an ninh lương thực, ổn định đời sống nông thôn và phát triển bền vững ở những khu vực dễ bị tổn thương.

Trong cuốn sách *Climate change and its gendered impacts on agriculture in Vietnam* (Biến đổi khí hậu và tác động giới tính đối với nền nông nghiệp Việt Nam) (2013), Phạm Thanh Trung [226], nhấn mạnh vai trò quan trọng của PTNN đối với kinh tế Việt Nam, đồng thời chỉ ra những tác động ngày càng rõ của biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực này. Tác giả cho rằng cần tăng cường nghiên cứu, dự báo để nhận diện chính xác mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, công trình đề xuất nâng cao nhận thức, năng lực thích ứng của nông dân; ứng dụng KHCN trong canh tác, chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện khí hậu cực đoan; lồng ghép yếu tố giới trong chính sách PTNN; mở rộng hợp tác quốc tế và huy động nguồn lực để giảm thiểu rủi ro, hướng tới PTNN bền vững.

Bài viết *Nông dân trong phát triển nông thôn: từ phong trào Saemaul Hàn Quốc đến chương trình nông thôn mới của Việt Nam* (2013) của Nguyễn Hoài Sơn [165], tập trung làm rõ vai trò của nông dân với tư cách là chủ thể trung tâm trong PTNN, nông thôn. Từ kinh nghiệm phong trào Saemaul Undong của Hàn Quốc, tác giả nhấn mạnh rằng thành công của quá trình phát triển không chỉ dựa vào sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, mà quan trọng hơn là cơ chế huy động, trao quyền và khơi dậy nội lực của nông dân. Theo đó, nông dân cần được tham gia bàn bạc, quyết

định, đóng góp và tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển ở cơ sở. Bài viết gợi mở cho Việt Nam yêu cầu phát huy vai trò chủ thể của nông dân, kết hợp hỗ trợ của Nhà nước với tính chủ động của người dân, gắn xây dựng NTM với phát triển sản xuất và nâng cao đời sống nông dân.

Rutten và cộng sự (2014), trong bài viết *Land Use Dynamics, Climate Change, and Food Security in Vietnam: A Global-to-local Modeling Approach* [227], đã làm rõ tầm quan trọng của nông nghiệp đối với bảo đảm an ninh lương thực ở Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu và biến động sử dụng đất. Công trình cho thấy, mặc dù Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu lúa gạo quan trọng, nhưng vấn đề an ninh lương thực vẫn có ý nghĩa đặc biệt đối với đời sống của nhiều hộ gia đình, nhất là các nhóm dân cư nông thôn còn phụ thuộc lớn vào sản xuất nông nghiệp. Các tác giả nhấn mạnh rằng nông nghiệp không chỉ cung cấp lương thực cho xã hội, mà còn gắn trực tiếp với sinh kế, thu nhập, khả năng tiếp cận lương thực và sự ổn định của khu vực nông thôn. Bằng cách phân tích mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu, thay đổi sử dụng đất và an ninh lương thực, công trình góp phần khẳng định vai trò nền tảng của nông nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), đồng thời cho thấy PTNN bền vững là điều kiện quan trọng để Việt Nam duy trì an ninh lương thực, giảm tính dễ tổn thương của người dân và thích ứng hiệu quả với những biến động trong tương lai.

Cuốn sách *Chuyển đổi Nông nghiệp Việt Nam: tăng giá trị, giảm đầu vào* (2016) của Ngân hàng thế giới [141], trên cơ sở so sánh nền nông nghiệp Việt Nam với các nước có nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới, nhóm nghiên cứu đã xây dựng tầm nhìn PTNN trong 1-2 thập kỷ tới và đưa ra những biện pháp cải cách chính sách và thể chế ngắn hạn nhằm đưa nông nghiệp vào đúng quỹ đạo phát triển. Các tác giả khẳng định mặc dù có một số nét đặc thù nhưng Việt Nam vẫn có thể học hỏi được nhiều kinh nghiệm từ các nước khác đã từng trải qua hoặc đang thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp được đề cập đến trong báo cáo này.

Tập thể tác giả Đặng Kim Sơn và cộng sự (2016), trong cuốn *Đổi mới chính sách nông nghiệp Việt Nam - Bối cảnh, nhu cầu và triển vọng* [164], đã đề xuất nhiều biện pháp quan trọng nhằm thúc đẩy PTNN Việt Nam trước yêu cầu mới. Công trình

nhấn mạnh việc đổi mới đồng bộ các chính sách về đất đai, tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp, KHCN, thị trường, thương mại, an sinh xã hội và đào tạo lao động nông thôn. Theo các tác giả, hệ thống chính sách này cần hướng tới tích tụ ruộng đất, phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, giảm thiểu rủi ro cho nông dân, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản. Qua đó, công trình gợi mở những biện pháp có ý nghĩa thiết thực đối với quá trình PTNN Việt Nam theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững và thích ứng với hội nhập quốc tế.

Viện Nghiên cứu thế giới về Kinh tế Phát triển, Đại học Liên Hợp quốc (UNU-WIDER) (2017) trong cuốn *Tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu và thay đổi của nông thôn Việt Nam* [196], đã làm rõ một số nội dung quan trọng của PTNN trong mối quan hệ với chuyển đổi cơ cấu và biến đổi đời sống nông thôn. Công trình tập trung đánh giá những thay đổi ở khu vực nông thôn Việt Nam trong khoảng một thập kỷ, trong đó chú ý đến khả năng tiếp cận của hộ gia đình nông thôn đối với các thị trường đất đai, lao động, vốn và tác động của chính sách đến tăng trưởng, bất bình đẳng, nghèo đói ở cấp xã. Qua đó, công trình cho thấy PTNN không chỉ gắn với sản xuất nông nghiệp, mà còn bao gồm quá trình chuyển đổi sinh kế, phân bổ nguồn lực, cải thiện đời sống nông thôn và xử lý hài hòa các lợi ích, thua thiệt phát sinh trong quá trình tăng trưởng.

Bui Nu Hoang Anh (2017) trong bài: *Opportunities and Challenges for Sustainable Development of Agriculture in Vietnam* (Cơ hội và thách thức cho phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam) [209], đã tiếp cận nội dung PTNN Việt Nam từ yêu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và biến đổi khí hậu. Công trình làm rõ một số nội dung trọng tâm của PTNN bền vững, như tái cơ cấu ngành theo hướng gia tăng giá trị, ứng dụng KHCN, nhất là công nghệ sinh học và công nghệ sau thu hoạch, PTNN sinh thái, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, mở rộng thị trường xuất khẩu và tăng sức cạnh tranh của nông sản. Tác giả cũng nhấn mạnh yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Qua đó, công trình góp phần làm rõ nội dung PTNN Việt Nam theo hướng hiện đại, sinh thái, hiệu quả, có khả năng thích ứng và phát triển bền vững trong điều kiện mới.

Trong cuốn *Một số yếu tố tâm lý của người nông dân ảnh hưởng tới việc chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại* (2018), Bùi Thị

Vân Anh [2], đã làm rõ vai trò của nông dân từ phương diện tâm lý - xã hội trong quá trình PTNN hiện đại. Tác giả cho rằng, nông dân là chủ thể trực tiếp của sản xuất nông nghiệp, nên những đặc điểm tâm lý của họ có ảnh hưởng lớn đến khả năng tiếp nhận, chuyển đổi và ứng dụng phương thức sản xuất mới. Công trình chỉ ra các yếu tố tích cực như sự gắn bó với đất đai, tính cần cù, tinh thần cộng đồng; đồng thời phân tích những hạn chế như tâm lý ngại rủi ro, thói quen sản xuất nhỏ lẻ, manh mún và sự phụ thuộc vào kinh nghiệm truyền thống. Từ đó, công trình gợi mở yêu cầu phát huy vai trò chủ thể của nông dân, nâng cao nhận thức, khắc phục tâm lý bảo thủ, ngại đổi mới để thúc đẩy PTNN theo hướng hiện đại.

Kỷ yếu Hội nghị trực tuyến toàn quốc và triển lãm quốc gia (2018), *Tổng kết 10 năm thực hiện nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn* do Chính phủ và Ban Kinh tế Trung ương chủ trì [40], đã tổng kết thực tiễn và đề xuất nhiều biện pháp PTNN trong giai đoạn mới. Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết, những chuyển biến của nông nghiệp Việt Nam từ sau Đổi mới đến năm 2018 và yêu cầu đặt ra trong bối cảnh hội nhập, kỷ yếu nhấn mạnh cần tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM; đẩy mạnh ứng dụng KHCN, công nghệ cao, công nghệ sinh học và chuyển đổi số; hoàn thiện chính sách đất đai, tín dụng, bảo hiểm, thương mại nông sản; tăng cường liên kết chuỗi giá trị, bảo vệ môi trường và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Đây là những định hướng có ý nghĩa quan trọng đối với PTNN Việt Nam theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Công trình *Chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia và một số kiến nghị cho Việt Nam trong bối cảnh mới* (2019), Bộ Khoa học và Công nghệ [20], đã gợi mở nhiều biện pháp PTNN bền vững từ kinh nghiệm chính sách của Trung Quốc, Thái Lan, Israel và Ba Lan. Trên cơ sở khảo cứu chính sách của các quốc gia này, tài liệu nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách PTNN ở Việt Nam, nhất là chính sách đất đai, tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp, hỗ trợ sản phẩm nông nghiệp truyền thống và khuyến khích mô hình nông nghiệp công nghệ cao. Những kiến nghị này hướng tới giảm thiểu rủi ro cho nông dân, nâng cao hiệu quả sản xuất, gia tăng giá trị sản phẩm và thúc đẩy PTNN theo hướng bền vững trong bối cảnh mới.

Cuốn sách *Bức tranh sinh kế người nông dân Việt Nam trong thời kỳ hội nhập (1990-2018)* (2019), Đặng Kim Khôi, Trần Công Thắng [114], đã làm rõ vai trò của nông dân với tư cách là lực lượng trực tiếp tham gia vào quá trình PTNN trong bối cảnh hội nhập. Công trình cho thấy, hội nhập kinh tế quốc tế mở ra nhiều cơ hội cho nông dân trong tiếp cận thị trường, KHCN, nguồn vốn, kỹ thuật sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, nông dân cũng đối diện với nhiều thách thức như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, cạnh tranh thị trường, hạn chế về vốn, kỹ năng và năng lực ứng dụng công nghệ. Từ đó, công trình gợi mở yêu cầu nâng cao năng lực của nông dân, hỗ trợ sinh kế bền vững và phát huy tốt hơn vai trò của nông dân trong PTNN thời kỳ hội nhập.

Trong Đề tài *Chính sách phát triển nông nghiệp an toàn trong bối cảnh tái cơ cấu nông nghiệp ở Việt Nam* (2019), Đào Thị Hoàng Mai [122], đã tiếp cận PTNN an toàn từ vai trò của các chủ thể tham gia chuỗi sản xuất, phân phối và tiêu dùng nông sản. Công trình cho thấy, để PTNN an toàn, không chỉ cần vai trò của Nhà nước trong ban hành chính sách, mà còn cần sự tham gia của người sản xuất, người tiêu dùng và các tổ chức chính trị - xã hội (CT-XH) trong giám sát, kiểm chứng chất lượng sản phẩm. Tác giả nhấn mạnh việc huy động các lực lượng xã hội tham gia giám sát chuỗi sản xuất - phân phối có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao tính minh bạch, bảo đảm lợi ích hài hòa giữa người sản xuất và người tiêu dùng, qua đó củng cố niềm tin đối với sản phẩm nông nghiệp an toàn.

Newman, Singhal và Tarp (2020), trong bài viết *Introduction to understanding agricultural development and change: Learning from Vietnam* (Nhập môn tìm hiểu về sự phát triển và chuyển đổi nông nghiệp: Bài học từ Việt Nam) [223], đã tiếp cận PTNN Việt Nam như một trường hợp tiêu biểu để nhận diện vai trò của nông nghiệp trong quá trình phát triển và chuyển đổi kinh tế ở các quốc gia đang phát triển. Các tác giả cho rằng, nông nghiệp là khu vực có ý nghĩa nền tảng đối với nhiều nền kinh tế, nhất là ở các quốc gia mà phần lớn dân cư và lao động còn gắn bó với nông thôn. Từ thực tiễn Việt Nam, công trình cho thấy PTNN không chỉ góp phần bảo đảm lương thực, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, mà còn là động lực thúc đẩy giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cải thiện phúc lợi xã

hội. Đặc biệt, bài viết nhấn mạnh rằng những biến đổi trong nông nghiệp Việt Nam sau đổi mới đã góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế rộng lớn hơn của đất nước. Từ đó, công trình khẳng định tầm quan trọng của nông nghiệp như một trụ cột của phát triển, vừa bảo đảm sinh kế cho khu vực nông thôn, vừa tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi kinh tế theo hướng hiện đại và bền vững.

Maitah và cộng sự (2020), trong bài viết *Rice as a Determinant of Vietnamese Economic Sustainability* (Lúa gạo là yếu tố quyết định tính bền vững của nền kinh tế Việt Nam) [222], đã làm rõ vai trò quan trọng của sản xuất lúa gạo đối với tính bền vững của kinh tế Việt Nam. Các tác giả cho rằng, trong cơ cấu nông nghiệp Việt Nam, lúa gạo không chỉ là cây lương thực chủ lực, mà còn là yếu tố có ảnh hưởng lớn đến sinh kế nông thôn, an ninh lương thực, xuất khẩu nông sản và sự ổn định của nền kinh tế. Công trình nhấn mạnh, Việt Nam là một trong những quốc gia sản xuất và xuất khẩu gạo quan trọng trên thế giới; do đó, sự phát triển ổn định của ngành lúa gạo có ý nghĩa trực tiếp đối với thu nhập của nông dân, cân đối thương mại nông sản và vị thế của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Từ việc phân tích mối quan hệ giữa sản xuất lúa gạo và phát triển kinh tế bền vững, bài viết góp phần khẳng định tầm quan trọng của nông nghiệp, đặc biệt là ngành lúa gạo, như một nền tảng bảo đảm an ninh lương thực, ổn định sinh kế, thúc đẩy xuất khẩu và duy trì sức bền của nền kinh tế Việt Nam trong quá trình hội nhập.

Tác giả Duc Tam Duong (2020), trong bài *Sustainable development for Vietnam agriculture* (Phát triển bền vững cho nông nghiệp Việt Nam) [217], nhấn mạnh yêu cầu PTNN Việt Nam theo hướng bền vững, hiệu quả và gia tăng giá trị. Theo tác giả, nông nghiệp Việt Nam còn nhiều dư địa phát triển và có khả năng tạo ra giá trị kinh tế lớn, nhưng tình trạng thất thoát, lãng phí trong thu hoạch, vận chuyển, bảo quản và chế biến vẫn đang làm giảm giá trị gia tăng, ảnh hưởng đến thu nhập của nông dân và sức cạnh tranh của nông sản. Từ đó, bài viết chỉ ra một số nội dung cần chú trọng trong PTNN, như PTNN sạch, an toàn, chất lượng, hữu cơ; khai thác hiệu quả chính sách đất đai; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đồng thời bảo vệ tài nguyên đất, nước, khí hậu và môi trường tự nhiên. Công trình góp phần làm rõ định hướng PTNN Việt Nam theo hướng bền vững, nâng cao giá trị và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Bài Agricultural Restructure Policy in Vietnam and Practical Application for Sustainable Development in Agriculture (Chính sách tái cấu trúc ngành nông nghiệp ở Việt Nam và Ứng dụng thực tiễn cho phát triển nông nghiệp bền vững) (2021) của nhóm tác giả Vinh Bảo Ngọc và cộng sự [230] tập trung luận giải chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp Việt Nam trong mối quan hệ với mục tiêu PTNN bền vững. Trên cơ sở phân tích những thách thức về thể chế, nguồn lực, cơ cấu ngành và khả năng thích ứng của lao động nông nghiệp, các tác giả nhấn mạnh một số hướng chính sách cần được chú trọng, như khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào nông nghiệp, hoàn thiện chính sách đất đai để tạo điều kiện phát triển sản xuất quy mô lớn, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành. Ngoài ra, tác giả còn đề cập yêu cầu xây dựng các “chiến lược chuyển đổi” phù hợp nhằm giúp lực lượng lao động nông nghiệp truyền thống thích ứng với tiến bộ KHCN. Qua đó, bài viết cung cấp những gợi ý quan trọng về biện pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Vũ Thị Thúy Hằng (2021), *Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở Ấn Độ và bài học cho Việt Nam* [77], phân tích kinh nghiệm hiện đại hóa nông nghiệp của Ấn Độ thông qua ứng dụng công nghệ cao. Từ thực tiễn một quốc gia từng có nền nông nghiệp kém phát triển, trải qua Cách mạng xanh và các cải cách kinh tế lấy nông nghiệp làm trọng tâm, tác giả cho thấy việc gia tăng hàm lượng KHCN trong sản xuất là một biện pháp quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả nông nghiệp. Trên cơ sở đó, công trình rút ra một số bài học cho Việt Nam về chính sách đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, hoàn thiện cơ chế, chính sách và thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, góp phần phục vụ quá trình CNH, HĐH nông nghiệp.

Hoàng Văn Phai, Nguyễn Đức Trí và Hoàng Minh Đẹp (2022), trong bài *Ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp: Thành tựu, hạn chế và giải pháp tháo gỡ* [148], làm rõ vai trò của KHCN đối với nông nghiệp Việt Nam trước tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, đô thị hóa, biến đổi khí hậu và yêu cầu mới của thị trường. Các tác giả khẳng định ứng dụng KHCN là hướng đi tất yếu để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông sản. Bài viết ghi nhận kết quả ứng dụng KHCN trong cải tạo đất, giống, phân bón, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, chế biến; đồng thời chỉ ra hạn chế về quy mô ứng dụng, mức

độ chuyển giao, trình độ công nghệ, hiệu quả KT-XH và tính bền vững. Từ đó, công trình đề xuất hoàn thiện chính sách, nâng cao nhân lực nông nghiệp, phát triển thị trường KHCN, tăng cường quản lý nhà nước, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và thúc đẩy liên kết chuỗi bền vững.

Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Thị Bảo Nga (2022), *Kinh nghiệm phát triển công nghệ cao ở Israel và khuyến nghị cho Việt Nam* [3], phân tích kinh nghiệm của Israel trong PTNN công nghệ cao. Các tác giả cho thấy, thành công của Israel bắt nguồn từ sự chú trọng đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng thành tựu KHCN, khuyến khích đổi mới sáng tạo và tạo lập môi trường thuận lợi để doanh nghiệp, nhà khoa học, nông dân cùng tham gia PTNN. Từ kinh nghiệm đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị cho Việt Nam như tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và chuyển giao công nghệ nông nghiệp, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát triển mô hình liên kết công - tư và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Công trình có giá trị tham khảo trong xác định các biện pháp thúc đẩy PTNN theo hướng công nghệ cao, hiện đại và thích ứng với hội nhập quốc tế.

Doan Minh Quan, Tran Thi Hai Van (2022), *Potential and trends of IoT Application in Agriculture in Vietnam* (Tiềm năng và xu hướng ứng dụng công nghệ mạng lưới kết nối vạn vật (IoT) vào nông nghiệp Việt Nam) [216], các tác giả cho rằng Việt Nam có nhiều tiềm năng và lợi thế để PTNN, song quá trình này vẫn đang đối mặt với không ít thách thức như: Diện tích đất canh tác ngày càng thu hẹp, chất lượng đất suy giảm và ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ IoT trong nông nghiệp còn hạn chế do chi phí đầu tư cao, thiếu nhân lực chất lượng và hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ. Để khắc phục những hạn chế này, nhóm tác giả đề xuất cần có các định hướng chính sách rõ ràng từ phía Chính phủ, tập trung vào nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ phục vụ quản lý đất đai, giám sát môi trường, tối ưu hóa quy trình sản xuất cũng như nâng cao hiệu quả bảo quản nông sản.

Tác giả Đặng Kim Oanh (2022), *Quá trình phát triển tư duy của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn qua 35 năm thực hiện đổi mới (1986-2021)* [146], đã làm rõ vai trò của Đảng với tư cách là chủ thể lãnh đạo, định hướng quá trình PTNN, nông dân, nông thôn ở Việt Nam. Công trình cho thấy, trong suốt 35 năm đổi mới, tư duy của Đảng về “tam nông” không ngừng được bổ sung, phát

triển, từ yêu cầu giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp đến đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân. Từ đó, công trình góp phần khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong xác lập mục tiêu, phương hướng và động lực PTNN ở Việt Nam hiện nay.

Bài *Four Decades of Doi Moi in Viet Nam Agriculture* (Bốn thập kỷ đổi mới nông nghiệp ở Việt Nam) (2023) của Cao Duc Phat [210], là một tổng thuật mang tính đúc kết chính sách về quá trình đổi mới nông nghiệp Việt Nam từ sau 1986. Tác giả khái quát các trụ cột cải cách như đổi mới thể chế đất đai và trao quyền cho hộ nông dân, mở rộng cơ chế thị trường và hội nhập, tái tổ chức HTX/nông trường theo hướng dịch vụ - liên kết, đồng thời tăng vai trò của dịch vụ công (khuyến nông, tín dụng, nghiên cứu) và chương trình phát triển nông thôn. Bài viết làm rõ vì sao các cải cách này tạo bứt phá về an ninh lương thực, năng suất và xuất khẩu nông sản, góp phần chuyển nông nghiệp từ “tự cấp” sang “hàng hóa”. Đồng thời, tác giả chỉ ra các thách thức còn dai dẳng như manh mún ruộng đất, năng suất/giá trị gia tăng chưa tương xứng, rủi ro thị trường - môi trường, và yêu cầu chuyển mạnh sang nông nghiệp giá trị cao, bền vững và có tổ chức chuỗi.

Đỗ Thị Hạnh (2023), *Nông nghiệp là trụ đỡ của nền kinh tế: Từ lý luận đến thực tiễn, Cổng thông tin điện tử Học viện Nông nghiệp Việt Nam* [75], đã trực tiếp làm rõ tầm quan trọng của nông nghiệp đối với sự phát triển của nền kinh tế. Tác giả khẳng định nông nghiệp không chỉ là ngành sản xuất vật chất cơ bản, bảo đảm lương thực, thực phẩm cho xã hội, mà còn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, tạo việc làm, ổn định đời sống dân cư nông thôn và góp phần bảo đảm an sinh xã hội. Từ việc phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn PTNN Việt Nam, bài viết nhấn mạnh vai trò “trụ đỡ” của nông nghiệp, nhất là trong những thời điểm nền kinh tế gặp khó khăn, qua đó khẳng định PTNN có ý nghĩa nền tảng đối với ổn định KT-XH, bảo đảm đời sống Nhân dân và phát triển bền vững đất nước.

Tác giả Trần Thị Vân Anh (2024) trong bài *Xu hướng phát triển nông nghiệp hiện nay: Cơ hội và thách thức* [6], phân tích các xu hướng PTNN hiện nay, chỉ ra cơ hội, thách thức và đề xuất một số gợi ý chính sách về hoàn thiện thể chế, huy động nguồn lực, PTNN hiện đại, bền vững, thúc đẩy hợp tác, liên kết chuỗi giá trị, kinh tế hợp tác, HTX, thu hút doanh nghiệp và chuyển đổi số trong nông nghiệp.

Trong bài *Chuyển đổi số thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững tại Việt Nam hiện nay* (2025), Lê Thị Vân Anh [7] nhấn mạnh vai trò của chuyển đổi số đối với PTNN hiện đại, hiệu quả và bền vững. Theo tác giả, chuyển đổi số là động lực quan trọng để cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông sản. Bài viết phân tích việc ứng dụng IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain trong sản xuất, quản lý, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát chất lượng nông sản; đồng thời chỉ ra kết quả bước đầu, những rào cản trong thực tiễn. Từ đó, tác giả đề xuất nâng cao năng lực số, phát triển hạ tầng số, xây dựng dữ liệu nông nghiệp mở, hoàn thiện chính sách, thúc đẩy liên kết công - tư và triển khai chuyển đổi số nông nghiệp theo lộ trình phù hợp.

Bài *Vietnam's Agricultural Policy across Various Phases (POST-1976)* (Chính sách nông nghiệp của Việt Nam qua các giai đoạn (sau năm 1976)) (2025) của Ngo Thi Huyen Trang [224], đã hệ thống hóa quá trình điều chỉnh chính sách nông nghiệp Việt Nam qua các giai đoạn sau năm 1976. Từ sự chuyển đổi từ mô hình kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường và hiện đại hóa theo chuỗi giá trị, tác giả nhấn mạnh vai trò của đổi mới thể chế, mở rộng quyền chủ động cho nông dân, thúc đẩy sản xuất hàng hóa và hội nhập thị trường. Theo tác giả, chính sách nông nghiệp cần được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh KT-XH từng thời kỳ, qua đó tạo động lực nâng cao hiệu quả sản xuất, năng lực cạnh tranh và vị thế của nông nghiệp trong nền kinh tế. Đây là gợi ý có ý nghĩa trong xác định các biện pháp PTNN Việt Nam theo hướng hiện đại, linh hoạt và thích ứng với yêu cầu phát triển mới.

Lê Minh Hoan (2025), *Vị thế nông nghiệp Việt Nam sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới* [82], đã khái quát những chuyển biến quan trọng của nông nghiệp Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Tác giả cho thấy, từ nền sản xuất nhỏ, năng suất thấp, nông nghiệp nước ta đã phát triển thành ngành có năng lực sản xuất, cung ứng và xuất khẩu nhiều nông sản chủ lực trên thị trường thế giới. Bài viết cũng nhấn mạnh vai trò của nông nghiệp trong tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an ninh lương thực, tạo việc làm, ổn định xã hội, giảm nghèo và nâng cao vị thế quốc gia. Từ đó, tác giả cho rằng PTNN trong bối cảnh mới cần tiếp tục gắn với cơ cấu lại ngành, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng hơn.

Đào Thu Trà (2025), *Phát triển kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và một số giải pháp* [185], đã phân tích nội dung PTNN Việt Nam từ góc độ phát

triển kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2019 - 2024. Bài viết chỉ ra những chuyển biến của nông nghiệp Việt Nam trong quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, hội nhập thị trường, chuyển đổi số, đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trên cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh một số nội dung cần chú trọng trong PTNN hiện nay như tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh, phát triển sản phẩm gắn với chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Công trình góp phần làm rõ xu hướng PTNN Việt Nam theo hướng hiện đại, hàng hóa, bền vững và gắn kết chặt chẽ hơn với nhu cầu của thị trường.

Tác giả Tạ Kim Sen (2026) trong bài *Tác động xã hội của chuyển đổi số trong nông nghiệp* [162], đã bổ sung cách nhìn về nội dung PTNN từ phương diện chuyển đổi số và biến đổi xã hội nông thôn. Tác giả cho rằng, chuyển đổi số trong nông nghiệp không chỉ là ứng dụng IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain vào sản xuất, mà còn là quá trình làm thay đổi phương thức tổ chức sản xuất, cơ cấu lao động, đời sống xã hội và văn hóa sản xuất ở nông thôn. Công trình nhấn mạnh chuyển đổi số có thể góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân, thu hẹp khoảng cách số giữa thành thị và nông thôn, hỗ trợ bảo đảm an ninh lương thực; đồng thời cũng đặt ra những vấn đề như bất bình đẳng công nghệ, thiếu kỹ năng số và nguy cơ một bộ phận nông dân bị loại trừ khỏi tiến trình PTNN hiện đại.

Bài viết *Chuyển đổi số nông nghiệp - những thách thức từ góc độ của người sản xuất* (2026) của Đặng Thị Hoài, Tống Thế Sơn [83], đã tiếp cận chuyển đổi số nông nghiệp từ vai trò của người sản xuất - chủ thể trực tiếp ứng dụng, vận hành công nghệ số trong sản xuất, quản lý và tiêu thụ nông sản. Các tác giả cho rằng, người sản xuất giữ vị trí quan trọng trong quá trình chuyển đổi số nông nghiệp, bởi hiệu quả ứng dụng công nghệ phụ thuộc trực tiếp vào nhận thức, năng lực số, nguồn lực tài chính, kỹ năng thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu số của họ. Công trình cũng chỉ ra những rào cản từ phía người sản xuất như hạn chế về hạ tầng công nghệ, năng lực tiếp cận dữ liệu, khả năng bảo vệ quyền sở hữu dữ liệu và thích ứng với hệ sinh thái nông nghiệp số. Từ đó, bài viết gợi mở yêu cầu nâng cao năng lực số cho nông dân, đổi mới hoạt động khuyến nông, tăng cường hỗ trợ tài chính, hoàn thiện chính sách và bảo vệ quyền lợi của người sản xuất trong quá trình PTNN theo hướng hiện đại, bền vững.

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ VẬN DỤNG TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

** Các nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp.*

Cuốn sách *Bác Hồ với nông dân, nông dân với Bác Hồ* (2000) của Lê Văn Sang [161], làm rõ tình cảm, sự quan tâm sâu sắc của Hồ Chí Minh đối với giai cấp nông dân và sự nghiệp PTNN. Công trình cho thấy, trên cương vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Người luôn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nông dân; coi nông nghiệp là nền tảng quan trọng để bảo đảm cơm no, áo ấm cho Nhân dân. Trong chỉ đạo PTNN, Hồ Chí Minh chú trọng đổi mới phương thức sản xuất, phát triển HTX, cải tiến kỹ thuật và nâng cao hiệu quả lao động. Qua đó, công trình góp phần làm rõ tầm nhìn của Người về vai trò của nông nghiệp, nông dân đối với phát triển đất nước và sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp hiện nay.

Cuốn sách *Hồ Chí Minh với giai cấp nông dân* (2000) do Nguyễn Thị Kim Dung và Trần Thị Nhuận (biên soạn) [44], đã làm rõ sự quan tâm của Hồ Chí Minh đối với nông nghiệp và giai cấp nông dân trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Công trình nhấn mạnh, Người luôn xem nông nghiệp là nền tảng kinh tế quan trọng, gắn trực tiếp với đời sống nông dân và nhiệm vụ cách mạng. Các tác giả đã khái quát một số quan điểm của Hồ Chí Minh về con đường, phương thức và lực lượng PTNN. Những nội dung này không chỉ có ý nghĩa đối với thực tiễn PTNN trong thời kỳ kháng chiến, mà còn gợi mở giá trị tham khảo cho việc xây dựng đường lối PTNN ở Việt Nam hiện nay.

Trong cuốn *Bước đầu tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế* (2003), Phạm Ngọc Anh [5], khái quát những nội dung chủ yếu trong tư tưởng kinh tế của Hồ Chí Minh, trong đó có vấn đề nông nghiệp. Theo tác giả, Hồ Chí Minh nhìn nhận nông nghiệp là nền tảng quan trọng của nền kinh tế quốc dân, có vai trò bảo đảm lương thực, thực phẩm cho xã hội, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và tạo điều kiện thúc đẩy thương nghiệp, mở rộng trao đổi với bên ngoài. Từ đó, công trình làm rõ sự quan tâm nhất quán của Người đối với PTNN, coi đây không chỉ là nhiệm vụ kinh tế, mà còn là điều kiện thiết yếu để cải thiện đời sống nông dân và phát triển đất nước.

Cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế và quản lý kinh tế* (2004) tác giả Nguyễn Thế Hình [78], cho rằng, Hồ Chí Minh coi PTNN là nhiệm vụ chiến lược, không chỉ bảo đảm nguồn lương thực, thực phẩm mà còn là nền tảng của nền kinh

tế đất nước. Từ thời kỳ kháng chiến đến kiến quốc và xây dựng CNXH ở miền Bắc, Hồ Chí Minh luôn coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Người cũng nhấn mạnh mối quan hệ hữu cơ giữa nông nghiệp và các ngành khác, đặc biệt là công nghiệp. Theo Người, nông nghiệp và công nghiệp có mối quan hệ hữu cơ, hỗ trợ lẫn nhau và cùng tạo nên nền kinh tế toàn diện. Người nhấn mạnh rằng nông nghiệp không thể phát triển độc lập, mà phải gắn chặt với công nghiệp: nông nghiệp cung cấp nguyên liệu, lương thực, thực phẩm và sức lao động cho công nghiệp, trong khi công nghiệp cung cấp công cụ, máy móc, vật liệu và kỹ thuật hiện đại để nâng cao năng suất nông nghiệp.

Trong cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế nông nghiệp* (2005), Trần Văn Phòng [150], hệ thống hóa nhiều biện pháp PTNN trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Công trình đề cập các nội dung như phát triển thủy lợi, cải tiến nông cụ, ứng dụng khoa học kỹ thuật (KHKT), chọn giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao; PTNN toàn diện; xây dựng kinh tế tập thể, nhất là HTX nông nghiệp; nâng cao dân trí, đời sống tinh thần của nông dân; phát huy vai trò của Nông hội, chi bộ đảng ở nông thôn và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương. Theo tác giả, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN vừa có giá trị thực tiễn, khoa học, vừa là cơ sở định hướng cho PTNN Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng.

Nguyễn Xuyên (2007) trong bài viết *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế* [203], làm rõ một số quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Tác giả nhấn mạnh, trong tư tưởng của Người, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, còn nông nghiệp giữ vị trí nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Nông nghiệp vừa bảo đảm lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho các ngành sản xuất, vừa trực tiếp góp phần cải thiện đời sống Nhân dân. Bài viết cũng phân tích quan hệ gắn bó giữa nông nghiệp và công nghiệp: công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp về công cụ, kỹ thuật, còn nông nghiệp cung cấp nguyên liệu, lao động, thị trường cho công nghiệp. Sự phát triển hài hòa giữa hai khu vực này được xem là điều kiện quan trọng để thúc đẩy CNH, HĐH đất nước.

Trong cuốn *Đảng, Bác Hồ với vấn đề tam nông* (2009), Nguyễn Văn Tuấn [192] khẳng định Hồ Chí Minh luôn đặt nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở vị trí quan trọng trong sự nghiệp cách mạng. Theo tác giả, Người coi nông nghiệp là nền tảng của kinh tế quốc dân, là cơ sở để bảo đảm đời sống Nhân dân, thúc đẩy công

ng nghiệp, dịch vụ và xây dựng CNXH ở Việt Nam. Công trình cũng làm rõ một số biện pháp PTNN trong tư tưởng Hồ Chí Minh như đẩy mạnh thi đua sản xuất, tăng năng suất lao động, phát triển kinh tế hợp tác, xây dựng HTX nông nghiệp phù hợp với điều kiện nông dân; ứng dụng KHKT, cải tiến công cụ, cải tạo đồng ruộng; đồng thời chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ văn hóa, ý thức chính trị và phát huy vai trò làm chủ của nông dân trong PTNN.

Tác giả Nguyễn Khánh Battles (2010) trong cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nông dân* [16], tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp, nông thôn từ nền tảng triết học duy vật biện chứng, có sự kết hợp với triết lý phương Đông và đặc điểm phương thức sản xuất châu Á. Theo tác giả, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng nền nông nghiệp toàn diện, gắn với công nghiệp và phát triển hạ tầng kinh tế - kỹ thuật. Công trình cũng nhấn mạnh quan điểm coi CNH phải xuất phát từ nông nghiệp, xem PTNN là khâu quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân và tạo nền tảng cho phát triển đất nước hiện nay.

Trong cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác xã: Những vấn đề lý luận và thực tiễn* (2010), Lê Hữu Nghĩa và các cộng sự [142], đã hệ thống hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về HTX nông nghiệp. Theo các tác giả, Hồ Chí Minh nhìn nhận HTX không chỉ là hình thức tổ chức sản xuất tập thể, mà còn là phương thức liên kết KT-XH dựa trên tự nguyện, đoàn kết và cùng có lợi. HTX được Người xem là công cụ quan trọng để tổ chức lại sản xuất, ứng dụng KHKT, đổi mới quản lý, khai thác hiệu quả đất đai, lao động và các nguồn lực nông thôn. Qua đó, HTX góp phần thúc đẩy PTNN toàn diện, gắn nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, nâng cao đời sống nông dân và củng cố nền tảng KT-XH ở nông thôn.

Bài viết *Quan điểm Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp - Giá trị lý luận và thực tiễn* (2010) của nhóm tác giả Phạm Ngọc Anh và Phan Bá Linh [4], làm rõ vị trí nền tảng của nông nghiệp trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo các tác giả, Người coi nông nghiệp là “gốc” của nền kinh tế, có vai trò quan trọng trong giải quyết các vấn đề KT-XH và nâng cao đời sống Nhân dân. Công trình nhấn mạnh quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền nông nghiệp toàn diện, gắn với ứng dụng KHKT, đổi mới phương thức sản xuất và phát triển hài hòa trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp cùng ngành nghề phụ ở nông thôn. Qua đó, bài viết góp phần khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với PTNN ở Việt Nam.

Trong bài *Tìm hiểu quan điểm Hồ Chí Minh về nông nghiệp, nông thôn* (2014) tác giả Nguyễn Thị Nguyệt Ánh [9] khẳng định, Hồ Chí Minh không chỉ đưa ra những định hướng mang tầm chiến lược cho PTNN, mà còn nhấn mạnh đến các giải pháp cụ thể và khả thi. Theo tác giả, tư tưởng của Người về PTNN bao gồm việc thúc đẩy sự hỗ trợ lẫn nhau giữa công nghiệp và nông nghiệp, đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh công tác thủy lợi, cũng như vận động nông dân tích cực tham gia vào các hình thức sản xuất tập thể để nâng cao năng suất và hiệu quả. Đồng thời, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng mối quan hệ gắn bó hữu cơ giữa nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, xem đây là điều kiện quan trọng để xây dựng một nền kinh tế quốc dân vững mạnh. Chỉ khi nông nghiệp phát triển toàn diện, hài hòa với công nghiệp và dịch vụ, thì đời sống vật chất, tinh thần của nông dân mới được cải thiện, góp phần củng cố nền tảng ổn định và phát triển bền vững cho xã hội.

Bài viết *Quan điểm Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp - Giá trị lý luận và thực tiễn* (2016) của Kiều Thị Yến [203], phân tích những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Tác giả nhấn mạnh hệ thống giải pháp của Người, gồm tăng cường vai trò lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước; xây dựng, củng cố HTX nông nghiệp; phát huy vai trò chủ thể, tinh thần làm chủ, sáng tạo của nông dân; đồng thời thúc đẩy CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Công trình khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN có giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc, là cơ sở cho đường lối của Đảng, góp phần vào thành tựu nông nghiệp sau năm 1945 và tiếp tục có ý nghĩa định hướng trong thời kỳ đổi mới.

** Các nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam*

Tác giả Nguyễn Huy Oánh (2004) trong cuốn *Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh với xây dựng nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay* [147], làm rõ những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH, trong đó nhấn mạnh vai trò của nông nghiệp và kinh tế tập thể. Theo tác giả, tư tưởng kinh tế của Người là cơ sở quan trọng để Đảng, Nhà nước xây dựng chính sách PTNN toàn diện, gắn nông nghiệp với công nghiệp và các ngành kinh tế khác. Từ đó, công trình gợi mở một số hướng vận dụng như cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng NTM, phát triển kinh tế hợp tác, tăng liên kết giữa các hộ nông dân, ứng dụng KHCN, cơ giới hóa, nông nghiệp thông minh, phát triển

công nghiệp chế biến và chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ. Tác giả cũng nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện chính sách tín dụng, bảo hiểm, đất đai và thị trường đầu ra nhằm tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển ổn định, hiệu quả.

Trong cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế* (2010), tác giả Ngô Văn Lương [119], trình bày các giải pháp PTNN, nông thôn theo tư tưởng Hồ Chí Minh và làm rõ sự vận dụng của Đảng trong thực tiễn. Từ đó, tác giả gợi mở một số định hướng hiện nay như nâng cao lực lượng sản xuất, hiệu quả lao động nông nghiệp; xây dựng quan hệ sản xuất mới với các hình thức sở hữu đa dạng, quản lý và phân phối dân chủ, công khai, minh bạch; PTNN toàn diện giữa nông, lâm, thủy sản và ngành nghề nông thôn. Công trình cũng nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện hạ tầng KT-XH như thủy lợi, giao thông, điện, thông tin và dịch vụ hỗ trợ sản xuất, nhằm cải thiện đời sống nông dân và tạo nền tảng cho phát triển KT-XH nông thôn bền vững.

Tác giả Trần Thanh Quang (2016) trong bài *Quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam* [155], phân tích những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN và quá trình Đảng vận dụng vào thực tiễn. Tác giả cho rằng các thành tựu nông nghiệp, nhất là trong thời kỳ đổi mới, có sự đóng góp quan trọng từ việc kế thừa, vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất tiếp tục nâng cao nhận thức về giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong PTNN; cụ thể hóa các chỉ dẫn của Người phù hợp với điều kiện hiện nay; đồng thời thường xuyên tổng kết thực tiễn để điều chỉnh việc vận dụng theo hướng thiết thực, hiệu quả và bền vững.

Bài viết *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng và phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn* (2017) của Phạm Bích Hằng [76], nhấn mạnh sự cần thiết của việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn hiện nay. Bài viết gợi mở một số hướng vận dụng như gắn PTNN với xây dựng NTM; phát huy vai trò của các tổ chức CT-XH, nhất là Hội Nông dân; đồng thời đề cao vị trí chủ thể của nông dân trong sản xuất, quản lý và phát triển kinh tế nông thôn, nhằm tạo động lực chủ động, sáng tạo và bền vững cho quá trình phát triển.

Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2019) trong kỷ yếu Hội thảo: *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển nền nông nghiệp bền vững* [87], tập hợp nhiều bài viết bàn về giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với PTNN hiện nay. Các tham luận

làm rõ một số quan điểm cơ bản của Người về nông nghiệp, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu vận dụng trong xây dựng nền nông nghiệp bền vững. Kỷ yếu gợi mở các hướng như nâng cao nhận thức của các chủ thể về vai trò của nông nghiệp; phát huy sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; đẩy mạnh KHCN, cơ giới hóa; nâng cao trình độ nông dân; mở rộng hợp tác quốc tế trong chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản nhằm tăng giá trị và sức cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam.

Trần Hoa Phượng (2019) với bài viết *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp toàn diện vào phát triển nông nghiệp Việt Nam hiện nay* [153], làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về PTNN toàn diện. Tác giả nhấn mạnh yêu cầu xây dựng cơ cấu nông nghiệp cân đối, gắn nông nghiệp với các ngành kinh tế khác, phát triển bền vững và phù hợp với điều kiện thực tiễn. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất đẩy mạnh cơ giới hóa, ứng dụng KHCN, chuyển đổi số trong sản xuất và quản lý; gắn PTNN với xây dựng NTM; nâng cao đời sống nông dân, cải thiện hạ tầng, văn hóa, giáo dục nông thôn; phát huy vai trò chủ thể của nông dân và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong PTNN bền vững.

Trong kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (2019) có bài *Phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* của Nguyễn Thị Ánh [86] đã phân tích sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PTNN và nông thôn. Tác giả nhấn mạnh quan điểm coi nông nghiệp là nền tảng kinh tế, gắn PTNN với nâng cao đời sống nông dân và phát triển hài hòa với các ngành kinh tế khác. Bài viết cũng khái quát những kết quả đạt được, qua đó khẳng định giá trị định hướng của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với PTNN bền vững và xây dựng nông thôn hiện đại, văn minh.

Trong bài *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp và phát triển nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay* (2020), Trần Thị Thu Huyền [95], phân tích một số quan điểm của Hồ Chí Minh về nông nghiệp, nhất là vị trí của nông nghiệp trong nền kinh tế, quan hệ giữa nông nghiệp với công nghiệp và yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế trong lĩnh vực này. Tác giả cho rằng những quan điểm đó tiếp tục có giá trị định hướng đối với đường lối, chính sách của Đảng về PTNN bền vững. Từ đó, bài viết đề xuất tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của

Nhà nước, đổi mới HTX nông nghiệp và đẩy mạnh ứng dụng KHCN để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị nông sản Việt Nam.

Hoàng Công Vũ (2021) trong bài: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp và sự vận dụng của Đảng trong thời kỳ đổi mới* [200], đã làm rõ vị trí chiến lược của nông nghiệp trong tư tưởng Hồ Chí Minh và ý nghĩa vận dụng trong thời kỳ đổi mới. Tác giả đề xuất một số hướng vận dụng như tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát triển HTX nông nghiệp và các hình thức liên kết sản xuất; đẩy mạnh KHCN, cơ giới hóa, chuyển đổi số; xây dựng nền nông nghiệp toàn diện, gắn trồng trọt, chăn nuôi, lâm - thủy sản và ngành nghề nông thôn. Bài viết cũng nhấn mạnh việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân, gắn PTNN với xây dựng NTM, nâng cao đời sống nông dân và hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, bền vững.

Trong bài viết *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp và những gợi mở hiện nay* (2022) tác giả Lại Quốc Khánh [112], nhìn nhận tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN như một hệ thống quan điểm khá toàn diện, bao quát từ vai trò, mục tiêu đến phương thức phát triển. Từ đó, tác giả gợi mở một số hướng vận dụng hiện nay như xây dựng đường lối, chính sách PTNN phù hợp; phát triển HTX và các hình thức liên kết sản xuất; đẩy mạnh ứng dụng KHCN; mở rộng hợp tác quốc tế, khai thác nguồn lực bên ngoài; đồng thời gắn PTNN với xây dựng NTM và nâng cao chất lượng nông dân, hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, bền vững.

Đặng Công Thành (2024) trong bài *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay* [170], tập trung làm rõ các quan điểm của Hồ Chí Minh về biện pháp PTNN và khả năng vận dụng trong điều kiện mới. Tác giả đề xuất chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa quy mô lớn; phát triển kinh tế hợp tác, tổ hợp tác và HTX kiểu mới; tăng cường KHCN, chuyển đổi số; đào tạo lao động nông nghiệp; gắn PTNN với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu; đồng thời phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và tổ chức lại sản xuất theo hướng hiện đại, bền vững, hiệu quả.

Nguyễn Thị Quyển (2024) trong bài: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa nông nghiệp - nông dân - nông thôn và sự vận dụng của Đảng trong giai đoạn hiện nay* [159], phân tích sự gắn kết hữu cơ giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tác giả nhấn mạnh yêu cầu nhận thức đúng vị trí chiến

lược của “tam nông”, coi đây là chỉnh thể thống nhất trong phát triển đất nước. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất tiếp tục vận dụng tư tưởng của Người vào xây dựng nhiệm vụ, giải pháp PTNN, nâng cao đời sống nông dân và phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn 2045, hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, bền vững và đồng bộ.

Bài viết *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp và sự vận dụng của Đảng đối với vấn đề bảo đảm an ninh lương thực ở Việt Nam hiện nay* (2024) của tác giả Nguyễn Đình Quyết [160], tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN từ yêu cầu bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Tác giả đề xuất cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng đáp ứng tốt hơn nhu cầu lương thực, thực phẩm cả về số lượng và chất lượng; hiện đại hóa hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KHCN để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị nông sản. Qua đó, bài viết góp phần khẳng định ý nghĩa vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, bền vững và bảo đảm an ninh lương thực ở Việt Nam hiện nay.

Tác giả Nguyễn Quốc Dũng, Nguyễn Thị Tuyết Mai (2024) trong bài: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp nền tảng đổi mới tư duy nông nghiệp Việt Nam* [45], phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp từ góc độ đổi mới tư duy PTNN hiện nay. Các tác giả đề xuất nâng cao nhận thức của đội ngũ lãnh đạo, quản lý về vai trò nền tảng của nông nghiệp; gắn PTNN với các ngành kinh tế khác, nhất là công nghiệp; xây dựng cơ cấu nông nghiệp toàn diện, hợp lý; đẩy mạnh ứng dụng KHKT, công nghệ tiên tiến; phát triển HTX và các hình thức tổ chức sản xuất tập thể. Bài viết cũng nhấn mạnh yêu cầu tôn trọng quy luật sản xuất nông nghiệp và đặc thù vùng miền trong hoạch định chính sách, hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, toàn diện, bền vững.

Bài *The Agricultural Production Development Path of the Communist Party of Vietnam Period 1945-1954* (Con đường phát triển sản xuất nông nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1945-1954) (2024) của Nguyễn Thị Ngọc, Đinh Thị Thu Phương [225], tập trung khái quát đường lối phát triển sản xuất nông nghiệp của Đảng trong bối cảnh kháng chiến chống Pháp, nhấn mạnh quan điểm “kháng chiến - kiến quốc” và coi nông nghiệp là lĩnh vực then chốt để ổn định đời sống, tạo tiềm lực vật chất cho kháng chiến. Trên cơ sở lập luận “nước ta ăn về nông nghiệp”, bài báo nêu bật việc Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định PTNN là “nền tảng của kinh tế kháng chiến”, từ đó phát động các phong trào tăng gia, khuyến khích trồng trọt - chăn nuôi,

mở rộng canh tác cây lương thực (ngô, khoai, sắn...), huy động sức dân trong lao động sản xuất, đồng thời từng bước hoàn thiện chính sách ruộng đất, tiến tới Luật Cải cách ruộng đất (12/1953) nhằm giải phóng sức sản xuất và củng cố liên minh công - nông. Bài viết cũng đưa ra minh chứng về kết quả sản lượng lương thực có xu hướng tăng ngay trong điều kiện chiến tranh, với số liệu nêu rằng năm 1950 đạt 2,7 triệu tấn và năm 1954 đạt 2,9 triệu tấn, qua đó góp phần bảo đảm tự túc lương thực, ổn định đời sống và tạo nền kinh tế hậu cần cho thắng lợi chung của cuộc kháng chiến.

Tác giả Nguyễn Duy Hưng (2024), trong bài *Những thành tựu trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn qua gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới* [91], khái quát những kết quả nổi bật của khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn sau gần 40 năm đổi mới. Theo tác giả, năng lực sản xuất và an ninh lương thực được củng cố; nông nghiệp tiếp tục là “trụ đỡ” của nền kinh tế; xuất khẩu nông lâm thủy sản tăng mạnh, thị trường ngày càng mở rộng; PTNN gắn hơn với xây dựng NTM, bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống người dân. Bài viết cũng chỉ ra một số hạn chế như tính bền vững chưa cao, tăng trưởng có xu hướng chậm lại, sản xuất còn dựa nhiều vào nông hộ nhỏ và liên kết chưa chặt chẽ. Từ đó, tác giả nhấn mạnh vai trò đổi mới tư duy lãnh đạo của Đảng, sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN và quan điểm coi nông dân là chủ thể, nông nghiệp là nền tảng, nông thôn là địa bàn chiến lược.

Bài viết *Vận dụng quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp vào phát triển nông nghiệp đô thị ở Việt Nam hiện nay* (2026) của tác giả Nguyễn Xuân Thúy [176], tiếp cận PTNN đô thị từ nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tác giả cho rằng, trong điều kiện đô thị hóa nhanh, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa thiết thực đối với PTNN đô thị hiệu quả, bền vững, thân thiện môi trường và nâng cao chất lượng sống của cư dân. Bài viết làm rõ các giá trị định hướng như coi trọng nông nghiệp, đề cao sản xuất, tiết kiệm, tự lực, tự cường, thâm canh tăng năng suất, ứng dụng KHKT, phát triển kinh tế hợp tác và gắn PTNN với cải thiện đời sống Nhân dân. Từ đó, tác giả đề xuất hoàn thiện quy hoạch, chính sách đất đai, tăng cường KHCN, đổi mới tổ chức sản xuất và phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị bền vững.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu đã đạt được

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy, vấn đề PTNN, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN và sự vận dụng tư tưởng của Người trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam đã được nhiều học giả, nhà khoa học quan tâm tiếp cận. Các kết quả nghiên cứu được công bố dưới nhiều hình thức như sách chuyên khảo, bài báo khoa học, kỷ yếu hội thảo, đề tài nghiên cứu, luận án; đồng thời được triển khai từ nhiều hướng tiếp cận khác nhau như kinh tế học, sử học, chính trị học, Hồ Chí Minh học... Những công trình này đã cung cấp nguồn tư liệu quan trọng, giúp tác giả luận án có thêm cơ sở để nhận diện, phân tích và kế thừa các vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến PTNN. Từ đó, có thể khái quát một số kết quả chủ yếu sau:

** Nghiên cứu về phát triển nông nghiệp ở Việt Nam*

Trước hết, các công trình đã làm rõ tầm quan trọng của nông nghiệp đối với phát triển KT-XH, bảo đảm an ninh lương thực, tạo việc làm, ổn định sinh kế, giảm nghèo, nâng cao đời sống nông dân và củng cố vị thế quốc gia. Nông nghiệp được nhìn nhận không chỉ là ngành sản xuất vật chất cơ bản, mà còn là “trụ đỡ” của nền kinh tế, là nền tảng bảo đảm ổn định xã hội, nhất là ở khu vực nông thôn và những địa bàn dễ bị tổn thương trước biến động của thị trường, khí hậu và chính sách. Các nghiên cứu về lúa gạo, sinh kế nông thôn, an ninh lương thực và chuyển đổi nông nghiệp Việt Nam đã góp phần khẳng định vai trò nền tảng của PTNN đối với sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ hai, các công trình đã bước đầu nhận diện khá rõ hệ thống chủ thể, lực lượng tham gia vào quá trình PTNN. Trong đó, nông dân được khẳng định là chủ thể trung tâm, trực tiếp sản xuất, tiếp nhận và vận hành các phương thức sản xuất mới; Nhà nước giữ vai trò định hướng, hỗ trợ, ban hành chính sách và tạo lập môi trường phát triển; Đảng giữ vai trò lãnh đạo, xác lập mục tiêu, phương hướng và động lực PTNN; các tổ chức CT-XH, người tiêu dùng, doanh nghiệp, nhà khoa học và cộng đồng dân cư nông thôn được xem là những lực lượng quan trọng tham gia giám sát, liên kết, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất. Một số công trình cũng đã chú ý đến người sản xuất trong bối cảnh chuyển đổi số, coi năng lực số, nhận thức, nguồn lực tài chính và khả năng thích ứng công nghệ của nông dân là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả PTNN hiện đại.

Thứ ba, các nghiên cứu đã làm rõ nhiều nội dung cơ bản và xu hướng mới của PTNN Việt Nam. Các nội dung được đề cập khá phong phú, từ mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, ứng dụng KHCN, nâng cao chất lượng nông sản, phát triển chế biến và bảo quản sau thu hoạch, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, đến tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng gia tăng giá trị, PTNN sinh thái, nông nghiệp sạch, an toàn, hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp đa chức năng và kinh tế tuần hoàn. Nhiều công trình đã chỉ ra rằng PTNN trong giai đoạn hiện nay không chỉ dừng lại ở tăng sản lượng, mà phải hướng tới nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và mức độ gắn kết với thị trường.

Thứ tư, các công trình đã đề xuất nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy PTNN theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Nổi bật là các biện pháp về cải cách thể chế, hoàn thiện chính sách đất đai, tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp, thương mại nông sản; thúc đẩy tích tụ ruộng đất, phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, cơ cấu lại ngành nông nghiệp; tăng cường ứng dụng KHCN, công nghệ cao, cơ giới hóa, chuyển đổi số, IoT; phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp; đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị, liên kết công - tư, phát triển HTX, doanh nghiệp nông nghiệp; nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên, môi trường và mở rộng thị trường tiêu thụ. Một số công trình nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế của Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Israel, Ba Lan... cũng cung cấp những bài học tham khảo cho Việt Nam trong tổ chức sản xuất, hiện đại hóa nông nghiệp, xây dựng NTM, ứng dụng công nghệ cao và hoàn thiện chính sách PTNN.

Nhìn chung, các công trình đã tạo dựng cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để nhận diện vai trò, chủ thể, nội dung và biện pháp PTNN Việt Nam trong bối cảnh đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Những kết quả này là nguồn tư liệu có giá trị để luận án kế thừa trong quá trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN và sự vận dụng tư tưởng đó trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

**** Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp và sự vận dụng trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam***

Về lý luận: Các công trình đã thống nhất ở nhận định rằng Hồ Chí Minh sớm quan tâm đến nông nghiệp và luôn đặt PTNN trong mối quan hệ trực tiếp với nhiệm vụ cách mạng, nhất là từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tư tưởng của Người về

PTNN vừa kế thừa truyền thống coi trọng nông nghiệp của dân tộc, vừa tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Các nghiên cứu cũng bước đầu làm rõ những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN như vị trí, vai trò của nông nghiệp; yêu cầu PTNN toàn diện; Chủ thể, lực lượng và các biện pháp PTNN. Qua đó, các công trình góp phần khẳng định giá trị lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, xem đây là cơ sở quan trọng để Đảng, Nhà nước hoạch định chủ trương, chính sách PTNN qua các thời kỳ, đặc biệt trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Về thực tiễn: Các công trình đã chỉ ra rằng những kết quả đạt được trong PTNN Việt Nam thời gian qua có sự kế thừa và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là ở các quan điểm đề cao vai trò chủ thể của nông dân, phát triển HTX, coi trọng KHKT và tổ chức lại sản xuất. Nhiều nghiên cứu khẳng định việc tiếp tục quán triệt, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN là yêu cầu cần thiết trong hoạch định chính sách và tổ chức thực tiễn hiện nay. Bên cạnh các nghiên cứu khái quát, một số công trình đã đi vào những nội dung cụ thể như phát huy vai trò của nông dân, phát triển HTX nông nghiệp kiểu mới, xây dựng NTM, ứng dụng KHCN và chuyển đổi số trong sản xuất. Những hướng tiếp cận này góp phần làm rõ các phương diện vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong bối cảnh mới, đồng thời cung cấp thêm luận cứ cho Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và địa phương trong xây dựng chủ trương, chính sách PTNN phù hợp.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu đã công bố, luận án xác định cần tiếp tục nghiên cứu một số vấn đề sau:

Một là, luận án tiếp tục làm rõ và hệ thống hóa một số khái niệm nền tảng như nông nghiệp, PTNN, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Trên cơ sở đó, luận án góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho việc nhận thức đầy đủ, hệ thống hơn nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, đồng thời tạo tiền đề để phân tích sự vận dụng tư tưởng của Người trong quá trình PTNN Việt Nam hiện nay.

Hai là, mặc dù các công trình nghiên cứu thời gian qua đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc làm sáng tỏ tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp và PTNN,

song nhìn chung vẫn chưa làm rõ một cách toàn diện và có hệ thống những nội dung cốt lõi trong tư tưởng của Người. Vì vậy, luận án xác định cần tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, tập trung làm rõ năm vấn đề trọng tâm gồm: tầm quan trọng của PTNN; chủ thể và lực lượng PTNN; nội dung, biện pháp PTNN. Thông qua đó, luận án hướng đến việc khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh trong PTNN Việt Nam hiện nay; đồng thời chỉ ra sự cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người vào PTNN nước ta trong thời gian tới.

Ba là, luận án góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong PTNN ở Việt Nam. Trước hết, luận án phân tích sự cần thiết của việc vận dụng tư tưởng Người trong bối cảnh đổi mới, khi nông nghiệp vừa bảo đảm an ninh lương thực, ổn định xã hội, vừa chịu tác động của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, biến đổi khí hậu và yêu cầu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, luận án xác định chủ thể, lực lượng vận dụng, bao gồm các cơ quan lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, chính quyền các cấp, tổ chức CT-XH, doanh nghiệp, HTX và nông dân - chủ thể trực tiếp của PTNN. Đồng thời, luận án làm rõ nội dung và biện pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN theo hướng đồng bộ, khả thi, bảo đảm tính nguyên tắc nhưng phù hợp với điều kiện PTNN Việt Nam hiện nay.

Bốn là, luận án nghiên cứu, đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở Việt Nam trong công cuộc đổi mới, tập trung từ năm 2011 đến nay, gắn với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, bổ sung, phát triển năm 2011. Trên cơ sở đó, luận án phân tích những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình vận dụng tư tưởng của Người về PTNN; đồng thời xác định một số vấn đề đặt ra cần tiếp tục giải quyết nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng trong bối cảnh hiện nay.

Năm là, luận án nghiên cứu, nhận diện các yếu tố tác động đến quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở Việt Nam hiện nay, bao gồm cả thuận lợi, khó khăn và thách thức. Trên cơ sở đó, luận án xác định phương hướng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN một cách phù hợp, khả thi, đáp ứng yêu cầu PTNN và đất nước trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 1

Các nghiên cứu liên quan đến đề tài, ở nhiều mức độ và góc độ khác nhau, đã cung cấp những luận cứ quan trọng về PTNN, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, cũng như sự vận dụng tư tưởng của Người trong thực tiễn PTNN Việt Nam. Hệ thống tài liệu, sách chuyên khảo, bài báo khoa học, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước không chỉ góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài, mà còn gợi mở nhiều hướng tiếp cận có giá trị, giúp luận án có nền tảng cần thiết để tiếp tục triển khai nghiên cứu.

Quá trình tổng quan cho thấy, các công trình nghiên cứu về PTNN Việt Nam đã đề cập khá phong phú đến tầm quan trọng của nông nghiệp, vai trò của các chủ thể, lực lượng tham gia PTNN, nội dung PTNN và các biện pháp thúc đẩy PTNN trong bối cảnh đổi mới, hội nhập, chuyển đổi số và phát triển bền vững. Đồng thời, một số công trình đã bước đầu bàn đến tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN và sự vận dụng trong thực tiễn. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của PTNN Việt Nam hiện nay, việc tiếp tục nghiên cứu vấn đề này một cách hệ thống, toàn diện, gắn kết giữa cơ sở tư tưởng, thực tiễn vận dụng và yêu cầu phát triển mới vẫn là nhiệm vụ cần thiết. Các công trình đã công bố là nguồn tư liệu quan trọng, giúp tác giả luận án có cơ sở nhận diện vấn đề khách quan hơn; đồng thời xác định những kết quả có thể kế thừa, những nội dung còn bỏ ngỏ cần tiếp tục bổ sung, phát triển.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu trước, luận án tập trung làm rõ tầm quan trọng, nội dung, biện pháp PTNN trong tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích thực trạng vận dụng tư tưởng của Người về PTNN trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam, nhất là từ năm 2011 đến nay; chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân. Từ đó, luận án xác định phương hướng, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, góp phần xây dựng nền nông nghiệp Việt Nam hiện đại, toàn diện, hiệu quả và bền vững trong thời gian tới.

Chương 2

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN

2.1.1. Khái niệm nông nghiệp

Nông nghiệp là một trong những ngành sản xuất vật chất ra đời sớm nhất, gắn với quá trình con người khai thác tự nhiên để duy trì sự sống và tổ chức đời sống xã hội. Ban đầu, hoạt động nông nghiệp chủ yếu phụ thuộc vào đất đai, nguồn nước, khí hậu và kinh nghiệm canh tác. Cùng với sự phát triển của KHKT và yêu cầu phát triển bền vững, nông nghiệp ngày càng được tổ chức theo những mô hình hiện đại hơn như nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh học, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch và nông nghiệp bền vững. Các mô hình này không chỉ hướng tới nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, mà còn chú trọng bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái và sức khỏe con người. Do giữ vai trò quan trọng đối với an ninh lương thực, ổn định xã hội và phát triển quốc gia, nông nghiệp luôn là đối tượng nghiên cứu của nhiều học giả trong và ngoài nước. Tùy theo cách tiếp cận, mục tiêu nghiên cứu và điều kiện thực tiễn của mỗi quốc gia, khái niệm nông nghiệp được lý giải theo nhiều cách khác nhau.

Trong Từ điển tiếng Anh: “Nông nghiệp là hoạt động canh tác và các phương pháp được sử dụng để trồng trọt và chăm sóc cây trồng và vật nuôi” [213, tr.90].

Trong Từ điển tiếng Việt, nông nghiệp là “ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, cung cấp sản phẩm trồng trọt và sản phẩm chăn nuôi” [149, tr.740].

Theo từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam:

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, sử dụng đất đai để trồng trọt và chăn nuôi, khai thác cây trồng và vật nuôi làm tư liệu và nguyên liệu lao động chủ yếu để tạo ra lương thực, thực phẩm và một số nguyên liệu cho công nghiệp. Nông nghiệp là một ngành lớn, bao gồm nhiều chuyên ngành: trồng trọt, chăn nuôi, sơ chế nông sản; theo nghĩa rộng còn bao gồm cả lâm nghiệp và thủy sản [88, tr.303].

Theo giáo trình Kinh tế nông nghiệp, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân: “Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, theo nghĩa hẹp bao gồm trồng trọt và chăn nuôi, hiểu theo nghĩa rộng bao gồm các ngành nông, lâm và thủy sản” [175, tr.13].

Theo tác giả David R. Harris and Dorian Q Fuller, “nông nghiệp” (agriculture) được bắt nguồn từ tiếng Latin gồm: ager (cánh đồng) và colo (trồng trọt) ghép lại với nghĩa là đồng ruộng hoặc canh tác đất đai” [215, tr.104-113].

Theo Bhani Ram Dall, nông nghiệp là một ngành khoa học ứng dụng toàn diện, bao quát mọi khía cạnh của sản xuất cây trồng và vật nuôi, bao gồm làm vườn, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp... Đây vừa là khoa học vừa là nghệ thuật trong việc canh tác cây trồng, chăm sóc vật nuôi nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của con người và phục vụ mục tiêu công nghiệp. Nông nghiệp còn gắn liền với nghiên cứu khoa học, thử nghiệm để cải tiến kỹ thuật, công nghệ, đồng thời liên quan đến sản xuất, chế biến, tiếp thị và phân phối các sản phẩm nông nghiệp [207].

Tác giả Đinh Phi Hồ quan niệm “Nông nghiệp là một trong những ngành sản xuất vật chất quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Hoạt động nông nghiệp không những gắn liền với các yếu tố KT-XH mà còn gắn với các yếu tố tự nhiên. Nông nghiệp theo nghĩa rộng gồm có: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản” [85, tr.5].

Qua các khái niệm trên cho thấy, hiện nay nông nghiệp được hiểu theo 2 nghĩa: nghĩa hẹp và nghĩa rộng.

Nghĩa hẹp: Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội bao gồm trồng trọt và chăn nuôi.

Nghĩa rộng: Nông nghiệp là tổ hợp một ngành lớn bao gồm nhiều chuyên ngành: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản. Nông nghiệp theo nghĩa rộng thường được sử dụng trong phân tích mối quan hệ với công nghiệp và dịch vụ.

Tuy nhiên, dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp, thì nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất vật chất, trong đó con người dựa vào quy luật sinh trưởng của cây trồng và vật nuôi để sản xuất lương thực, thực phẩm... nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người và sự phát triển của xã hội.

Trên cơ sở các khái niệm trên, theo tác giả: *Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội bao gồm nông, lâm, ngư nghiệp; nhằm tạo ra lương thực, thực phẩm,... đáp ứng nhu cầu của con người và góp phần phát triển kinh tế, xã hội.*

2.1.2. Khái niệm phát triển nông nghiệp

*** *Phát triển***

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: “Phát triển dùng để chỉ quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến

hoàn thiện hơn của sự vật” [70, tr.75]. Theo đó, phát triển diễn ra dần dần, nhảy vọt đưa tới sự ra đời của cái mới thay thế cái cũ; không phải lúc nào sự phát triển cũng diễn ra theo đường thẳng, mà quanh co, phức tạp, thậm chí có những bước lùi tạm thời “phát triển dùng để chỉ quá trình vận động của sự vật, hiện tượng theo khuynh hướng đi lên: từ trình độ thấp đến trình độ cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn” [69, tr.73]. Phát triển là kết quả của quá trình thay đổi dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, là quá trình diễn ra theo đường xoáy ốc và hết mỗi chu kì sự vật lặp lại dường như sự vật ban đầu nhưng ở cấp độ cao hơn. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin cũng khẳng định nguồn gốc của sự phát triển nằm trong bản thân sự vật “Sự phát triển là một cuộc “đấu tranh” giữa các mặt đối lập” [117, tr.379].

Trong Từ điển tiếng Việt, phát triển là: “Biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp” [149, tr.769].

Tác giả Bùi Đình Thanh, cho rằng:

Phát triển là một quá trình tiến hóa của mọi xã hội, mọi cộng đồng dân tộc trong đó các chủ thể lãnh đạo và quản lý, bằng các chiến lược và chính sách thích hợp với những đặc điểm về lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của xã hội và cộng đồng dân tộc mình, tạo ra, huy động và quản lý các nguồn lực tự nhiên và con người nhằm đạt được những thành quả bền vững và được phân phối công bằng cho các thành viên trong xã hội vì mục đích không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của họ [108].

Trong Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, Điều 3, Khoản 3 có ghi rõ: “Phát triển là quá trình gia tăng về quy mô, hiệu quả, chất lượng và bền vững của nền kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người” [156, tr.4].

Tiếp thu các quan điểm trên, tác giả cho rằng: *Phát triển là quá trình vận động đi lên của sự vật, hiện tượng hay một ngành (lĩnh vực), trong đó sự tích lũy về lượng, chuyển biến về chất, dẫn đến cái mới ra đời ở trạng thái hoàn thiện hơn về quy mô, cơ cấu, số lượng và chất lượng.*

*** Phát triển nông nghiệp**

Theo Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc, “PTNN không chỉ dừng lại ở gia tăng sản lượng mà còn hướng tới “nông nghiệp hiện đại mang đặc trưng Trung Quốc”, với trọng tâm là phát triển xanh, hiệu quả và thông minh (CIRS, 2021) [212]. Theo đó, PTNN ở Trung Quốc được xác định là một quá trình hiện đại hóa

toàn diện, kết hợp giữa tăng trưởng sản lượng, cải tiến công nghệ và bảo đảm tính bền vững, với mô hình “sáu hóa”: “công nghiệp hóa, sản xuất hóa, xã hội hóa, xanh hóa, thông minh hóa và quy mô hóa”. Đây được coi là định hướng cốt lõi nhằm tổ chức lại nền nông nghiệp Trung Quốc một cách toàn diện.

Ở Hoa Kỳ, PTNN được hiểu là “một mô hình tổng thể - không chỉ dừng ở tăng sản lượng mà còn chú trọng đến tính bền vững (cả môi trường, kinh tế và xã hội), ổn định thu nhập người nông dân, phát triển cộng đồng nông thôn thông qua đầu tư tài chính, kỹ thuật, chính sách và bảo đảm an ninh lương thực - thực phẩm”.

Theo tổ chức FAO (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc): “PTNN là quá trình làm gia tăng năng suất nông nghiệp, nâng cao an ninh lương thực, thúc đẩy thu nhập khu vực nông thôn và bảo đảm sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên” [218].

Tác giả Nguyễn Văn Nam cho rằng, “PTNN là quá trình gia tăng về quy mô sản xuất, cải tiến công nghệ, tổ chức lại sản xuất và chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp” [140, tr.13].

Theo Phạm Văn Đình và các cộng sự:

PTNN là quá trình thay đổi của nền nông nghiệp ở giai đoạn này so với giai đoạn trước đó, thường đạt ở mức độ cao hơn cả về lượng và chất. Nông nghiệp phát triển là một nền nông nghiệp có sản phẩm nhiều về số lượng, đa dạng về chủng loại, chất lượng đảm bảo thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người [67, tr.32].

Tác giả Phùng Văn Dũng, cho rằng:

PTNN là quá trình vận động của ngành nông nghiệp nhằm chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp thủ công là chủ yếu sang nền nông nghiệp sử dụng máy móc và công nghệ hiện đại; chuyển nền nông nghiệp tự cung tự cấp là chính sang nền sản xuất hàng hóa chất lượng cao và tham gia ngày càng sâu rộng hơn vào chuỗi giá trị nông sản toàn cầu và phát triển nhanh nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao..., nhằm đáp ứng mục tiêu của PTNN bền vững [47, tr.34].

Trên cơ sở các khái niệm trên, tác giả cho rằng: *PTNN là quá trình vận động, biến đổi của ngành nông nghiệp theo hướng ngày càng hợp lý về quy mô, hoàn thiện*

về cơ cấu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh; hướng tới xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, toàn diện, bền vững, góp phần nâng cao đời sống của Nhân dân và gia tăng tiềm lực kinh tế đất nước.

2.1.3. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp

Kế thừa truyền thống “coi trọng nông nghiệp” trong lịch sử dân tộc, và tận mắt chứng kiến những cơ cực, vất vả của người nông dân Việt Nam dưới sự áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến, Hồ Chí Minh đã dành sự quan tâm đặc biệt đến nông dân và nông nghiệp. Với tư duy chính trị nhạy bén, Người nhận thấy để PTNN thì phải giải phóng người nông dân về mặt chính trị. Điều này chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xóa bỏ hoàn toàn mọi sự áp bức, bóc lột, bất công mà người nông dân phải gánh chịu bao đời nay; thực hành triệt để khẩu hiệu “người cày có ruộng”, tức là đem ruộng đất - cái vốn dĩ thuộc về người nông dân trả lại cho nông dân.

Từ thực tiễn khảo nghiệm, nghiên cứu nhiều nền nông nghiệp tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh nhận thấy tình trạng lạc hậu, kém phát triển là điểm “then chốt” của nền nông nghiệp Việt Nam. Đặc biệt, khi tận mắt chứng kiến những thành công mà chế độ XHCN ở Liên Xô mang lại, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp, Hồ Chí Minh xác định, để nền nông nghiệp nước ta phát triển phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, là tiền đề để thực hiện cuộc cách mạng điền địa - cách mạng trong lĩnh vực nông nghiệp. Thực chất của cuộc cách mạng này là xóa bỏ triệt để mọi tàn dư, vết tích của chính sách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, địa chủ phong kiến đối với người nông dân. Đây chính là yếu tố đầu tiên, nền tảng quan trọng nhất để PTNN nước nhà.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong giai đoạn nước ta chưa giành được độc lập được thể hiện chủ yếu trong việc đấu tranh phê phán, lên án, vạch trần bản chất phản động, tàn bạo của chế độ thực dân, phong kiến đối với nông nghiệp và nông dân Việt Nam. Người chỉ rõ rằng các chính sách ruộng đất hà khắc cùng hàng trăm thứ thuế vô lý mà thực dân, phong kiến áp đặt không chỉ tước đoạt tư liệu sản xuất cơ bản của người nông dân, mà còn đẩy họ vào cảnh bần cùng, kiệt quệ, bị bóc lột đến tận cùng sức lao động. Điều đó làm cho nông nghiệp Việt Nam rơi vào tình trạng lạc hậu, trì trệ, năng suất thấp, đời sống nông dân vô cùng cực khổ.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN chuyển sang một bình diện mới. Nếu trước đó, Người chủ yếu vạch trần chính sách bóc lột của thực dân, phong kiến đối với nông dân và nền nông nghiệp thuộc địa, thì từ đây, trọng tâm tư tưởng của Người hướng vào tổ chức, xây dựng và phát triển nền nông nghiệp của chế độ mới. PTNN không chỉ nhằm khắc phục nạn đói, ổn định đời sống Nhân dân, mà còn trở thành nhiệm vụ cấp thiết để củng cố chính quyền cách mạng, phục vụ kháng chiến, kiến quốc và đặt nền móng cho sự phát triển lâu dài của đất nước. Người xác định muốn củng cố chính quyền cách mạng, ổn định đời sống nhân dân và phát triển kinh tế đất nước thì phải đặc biệt chú trọng PTNN, bởi đây là lĩnh vực gắn bó mật thiết với đời sống đại bộ phận nhân dân và là nền tảng bảo đảm lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho xã hội. Từ đó, Hồ Chí Minh chủ trương từng bước giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, khôi phục sản xuất, chống nạn đói, thực hành tăng gia sản xuất và xây dựng đời sống mới ở nông thôn, qua đó từng bước giải phóng sức sản xuất, cải thiện đời sống nông dân và tạo nền tảng cho nông nghiệp Việt Nam phát triển theo con đường mới.

Từ những vấn đề trên, theo tác giả: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN là hệ thống quan điểm của Người về tầm quan trọng, chủ thể, lực lượng, nội dung và biện pháp PTNN; nhằm tổ chức, thúc đẩy nông nghiệp phát triển phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước, từng bước mở rộng quy mô, hoàn thiện cơ cấu, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất; góp phần bảo đảm lương thực, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, phục vụ sự nghiệp kháng chiến và xây dựng đất nước.*

Khái niệm trên chỉ ra:

Tầm quan trọng của PTNN: Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, PTNN giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Người không xem nông nghiệp chỉ là lĩnh vực sản xuất lương thực, thực phẩm, mà còn là nền tảng kinh tế trực tiếp bảo đảm đời sống Nhân dân, củng cố hậu phương xã hội và tạo cơ sở vật chất cho cách mạng. PTNN góp phần đáp ứng nhu cầu vật chất, cải thiện đời sống tinh thần, bảo đảm quyền lợi thiết thực của Nhân dân, nhất là nông dân; đồng thời tạo tiền đề để công nghiệp, thương nghiệp và các ngành kinh tế khác phát triển. Vì vậy, trong tư tưởng của Người, PTNN vừa là nhiệm vụ

kinh tế cấp thiết, vừa là điều kiện CT-XH quan trọng để phục vụ sự nghiệp cách mạng và phát triển quốc gia.

Chủ thể, lực lượng PTNN: Hồ Chí Minh quan niệm, PTNN là một cuộc cách mạng trong lĩnh vực kinh tế, do đó cần phải huy động mọi lực lượng của HTCT và toàn xã hội. Trong đó, Đảng giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Bộ Nông nghiệp; cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên trực tiếp lãnh đạo, tổ chức, hướng dẫn Nhân dân tiến hành PTNN; Mặt trận và các tổ chức CT-XH có vai trò vận động, tập hợp, tuyên truyền và hướng dẫn Nhân dân tham gia PTNN; Nhân dân (nhất là nông dân) - lực lượng trực tiếp tiến hành PTNN; Các doanh nghiệp, nhà khoa học, các cơ quan có liên quan đóng vai trò quan trọng trong quá trình PTNN.

Nội dung PTNN: Theo Hồ Chí Minh, nông nghiệp nước ta cần được phát triển toàn diện, đa dạng cơ cấu các ngành nghề nông nghiệp; đảm bảo sự cân đối, hài hòa với các ngành, lĩnh vực khác trong nền kinh tế đất nước và phù hợp với lợi thế của từng vùng, địa phương.

Biện pháp PTNN: Theo Hồ Chí Minh, để PTNN, các chủ thể, lực lượng cần thực hiện đồng bộ các biện pháp: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động và giáo dục để khơi dậy tinh thần yêu lao động, khuyến khích thi đua sản xuất và thực hành tiết kiệm trong nông dân; hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về nông nghiệp, phát triển các hình thức kinh tế tập thể, đặc biệt là HTX; CNH, HĐH nông nghiệp; ứng dụng KHKT; gắn PTNN với xây dựng đời sống mới ở nông thôn; Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.1.4. Khái niệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp

Vận dụng là quá trình các chủ thể thực hiện theo những tri thức, kinh nghiệm, lý luận đã thu nhận được, bao gồm các hoạt động có ý thức, diễn ra trong thực tiễn cuộc sống của con người. Thực tế cho thấy, mọi hành động của con người đều gắn với hiện thực khách quan, nhằm cải tạo hiện thực theo mong muốn của mình và diễn ra dưới sự chỉ đạo của những tri thức, kinh nghiệm mà loài người đã tích lũy được. Mục đích vận dụng lý luận vào thực tiễn không chỉ nhằm thu được hiệu quả cao trong hoạt động thực tiễn, mà còn nhằm kiểm nghiệm tính đúng đắn của lý luận đó và phát triển lý luận mới. Như vậy, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN là quá trình tiếp thu, phát triển sáng tạo các quan điểm của Người, nhằm đề

ra các chủ trương, chính sách, giải pháp và triển khai trong thực tiễn PTNN sao cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương và của cả đất nước.

Từ cách tiếp cận trên, tác giả đưa ra khái niệm: *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN là hoạt động có mục đích của các chủ thể, lực lượng trong nghiên cứu, quán triệt, tiếp thu và phát triển sáng tạo những quan điểm của Người vào xây dựng chủ trương, chính sách và tổ chức thực tiễn PTNN; nhằm thúc đẩy sự biến đổi tích cực về quy mô, cơ cấu, năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền nông nghiệp; hướng tới xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, sinh thái, bền vững, nông thôn văn minh, nông dân có đời sống ngày càng ấm no, hạnh phúc, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.*

Khái niệm trên đã làm rõ một số vấn đề vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh:

* *Tầm quan trọng*: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong PTNN ở nước ta không chỉ tạo nền tảng vững chắc cho Đảng đề ra chủ trương, đường lối PTNN... mà còn định hướng cho Nhà nước và các cấp, ngành triển khai các chính sách, giải pháp phù hợp. Qua đó góp phần đưa nền nông nghiệp nước ta ngày càng hoàn thiện về quy mô, cơ cấu, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp; tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển, nâng cao đời sống Nhân dân; thực hiện thành công mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh, hùng cường, thịnh vượng.

* *Chủ thể, lực lượng vận dụng*

Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghiên cứu, quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong quá trình xây dựng chủ trương, đường lối PTNN, nông dân, nông thôn phù hợp với thực tiễn đất nước và yêu cầu của bối cảnh mới. Trên cơ sở đó, Đảng lãnh đạo, chỉ đạo việc thể chế hóa các quan điểm về PTNN thành chính sách, pháp luật cụ thể; bảo đảm sự thống nhất giữa định hướng chính trị, mục tiêu phát triển và tổ chức thực hiện trong toàn HTCT. Đồng thời, Đảng nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng ở cơ sở nông thôn, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên gắn bó với nông dân, am hiểu thực tiễn nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh công tác chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí chiến lược của nông nghiệp trong phát triển kinh tế đất nước.

Nhà nước: Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước thể chế hóa thành hệ thống chính sách, pháp luật và chương trình hành động cụ thể, tạo khuôn

khả pháp lý và điều kiện thực tiễn cho PTNN. Với chức năng quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện, Nhà nước giữ vai trò quan trọng trong quy hoạch phát triển, huy động và phân bổ nguồn lực cho hạ tầng sản xuất, thủy lợi, giao thông nông thôn, cơ giới hóa, chuyển đổi số, nghiên cứu và ứng dụng KH-CN. Đồng thời, Nhà nước triển khai đồng bộ các chính sách về tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp, bảo vệ lợi ích chính đáng của nông dân, phát triển thị trường tiêu thụ và nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản. Cùng với đó, Nhà nước đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý, phòng ngừa tiêu cực, xây dựng môi trường minh bạch, công bằng cho các chủ thể kinh tế tham gia PTNN; phối hợp với các tổ chức CT-XH, nhất là Hội Nông dân, trong tuyên truyền chính sách, định hướng sản xuất, đào tạo nghề, chuyển giao kỹ thuật và nâng cao trình độ cho nông dân.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (từ 01/3/2025 có tên là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Tham mưu cho Đảng, Nhà nước trong xây dựng, ban hành các chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật liên quan đến PTNN; đồng thời cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước thành các chương trình, đề án, chiến lược PTNN trình Chính phủ xem xét, phê duyệt. Bộ ban hành theo thẩm quyền các thông tư, quyết định và văn bản hướng dẫn về PTNN; tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chương trình, đề án, chiến lược PTNN ở các địa phương. Cùng với đó, các bộ, ngành liên quan như Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao để phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong nghiên cứu, ứng dụng KH-CN, phát triển hạ tầng, logistics, thị trường tiêu thụ, chế biến và xuất khẩu nông sản, góp phần thúc đẩy PTNN đồng bộ, hiệu quả.

Cấp ủy, chính quyền địa phương (tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, xã/ phường/ đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố): Giữ vai trò trực tiếp trong đưa tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN vào thực tiễn. Cấp ủy địa phương lãnh đạo toàn diện quá trình PTNN, chỉ đạo xây dựng nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch phát triển phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện cụ thể của từng địa bàn. Chính quyền các cấp cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành nhiệm vụ, chương trình, chính sách và hoạt động quản lý thiết thực nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống nông dân, bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhân dân. Đồng thời, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách PTNN; hỗ

trợ nông dân tiếp cận thị trường, ứng dụng KHCN, chuyển đổi số, đào tạo nghề; tăng cường kiểm tra, giám sát, tháo gỡ kịp thời khó khăn phát sinh và phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Nhân dân trong PTNN.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức CT-XH các cấp (nòng cốt là Hội Nông dân): Thực hiện tuyên truyền, vận động Nhân dân nhận thức đúng ý nghĩa của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong PTNN; đồng thời phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Các tổ chức này góp phần củng cố khối đại đoàn kết, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, ý chí vươn lên, tính sáng tạo và trách nhiệm của Nhân dân trong lao động sản xuất. Đồng thời, chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nông dân để phản ánh với cấp ủy, chính quyền; phát hiện, biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả, gương điển hình tiên tiến và thúc đẩy phong trào “nông dân sản xuất giỏi”, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả PTNN ở cơ sở.

Cán bộ, đảng viên: Nghiên cứu, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về PTNN; tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện đúng quan điểm của Đảng, pháp luật Nhà nước về PTNN; phát huy vai trò gương mẫu trong PTNN; thường xuyên gần bó, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân để phản ánh với cấp ủy, chính quyền địa phương.

Nông dân: Là chủ thể trực tiếp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Họ chủ động tìm hiểu, chấp hành chủ trương, chính sách và cơ chế của chính quyền địa phương; không ngừng học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng và kinh nghiệm để sản xuất hiệu quả. Phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau vươn lên làm giàu chính đáng, xây dựng nông thôn văn minh, giàu đẹp; đồng thời đổi mới tư duy, tiếp thu tiến bộ KHCN và ứng dụng vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đóng góp vào nền nông nghiệp hiện đại và bền vững. Bên cạnh đó, nông dân có trách nhiệm chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn thực phẩm, gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống và tích cực tham gia xây dựng đời sống mới ở nông thôn.

Bên cạnh những lực lượng chính, các doanh nghiệp, hiệp hội, HTX và các tổ liên kết cũng giữ vai trò quan trọng trong PTNN. Họ tham gia tìm kiếm thị trường, bảo đảm nguồn đầu vào và đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp; đầu tư vốn, ứng dụng KHCN hiện đại vào sản xuất, đồng thời tham gia xây dựng NTM, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu PTNN. Đồng thời, các viện nghiên cứu và nhà khoa học nghiên

cứu, chuyển giao và áp dụng các thành tựu KH-CN vào sản xuất, cung cấp cho nông dân những kỹ thuật tiên tiến, giống cây trồng và vật nuôi chất lượng cao, từ đó nâng cao giá trị và sản lượng nông sản.

** Nội dung vận dụng:* Các chủ thể, lực lượng cần nghiên cứu, hiểu đúng, đầy đủ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN; trên cơ sở đó, vận dụng linh hoạt trong xây dựng quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện phù hợp với thực tiễn đất nước. Trong đó, tập trung vào ba nội dung chính: nhận thức của các chủ thể, lực lượng về tầm quan trọng của PTNN; nội dung và biện pháp PTNN theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

** Phương thức vận dụng:* Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN phải được tiến hành linh hoạt, sáng tạo, sát thực tiễn, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Trọng tâm là nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể, từ cơ quan lãnh đạo, quản lý đến doanh nghiệp, HTX và nông dân; làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành định hướng trong tổ chức sản xuất, quản lý và PTNN. Đồng thời, cần hoàn thiện chính sách, pháp luật, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, đổi mới sáng tạo, ứng dụng KH-CN, chuyển đổi số và PTNN xanh, hiện đại; phát huy vai trò chủ thể của nông dân, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, ý chí vươn lên và năng lực làm chủ trong sản xuất; bảo đảm nông dân được tham gia, được hưởng lợi công bằng từ quá trình PTNN. Đổi mới mô hình tổ chức sản xuất, nâng cao hiệu quả HTX nông nghiệp, tăng cường liên kết giữa nông dân, HTX, doanh nghiệp và thị trường là điều kiện quan trọng để hình thành chuỗi giá trị bền vững. Bên cạnh đó, cần coi KH-CN và chuyển đổi số là động lực then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của nông sản; đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế nhằm tiếp thu tri thức, công nghệ, kinh nghiệm quản trị và nâng cao vị thế nông nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

2.2. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

2.2.1. Tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp

2.2.1.1. Phát triển nông nghiệp là gốc, là nền tảng để phát triển kinh tế đất nước

Theo Hồ Chí Minh, PTNN giữ vai trò gốc rễ, là nền tảng quan trọng bảo đảm và thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế đất nước. Người chỉ rõ: “Việt Nam là một nước sống về nông nghiệp. Nền kinh tế của ta lấy canh nông làm gốc”

[128, tr.246]. Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam là một quốc gia nông nghiệp, với phần lớn dân cư sinh sống ở nông thôn, Hồ Chí Minh nhìn nhận nông nghiệp không chỉ là lĩnh vực sản xuất trực tiếp nuôi sống đại bộ phận Nhân dân, mà còn là điểm tựa căn bản để xây dựng tiềm lực kinh tế, củng cố đời sống xã hội và tạo nền móng cho sự phát triển của đất nước. Vì vậy, Người khẳng định: “Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh” [128, tr.246]. Hồ Chí Minh luôn coi nông nghiệp là nền tảng để phát triển đất nước, đồng thời, trình độ PTNN là thước đo cho sự giàu mạnh của đất nước. Việc xác định “canh nông làm gốc” cho thấy Hồ Chí Minh luôn đặt nông nghiệp vào vị trí trung tâm, là bệ đỡ cho các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

Hồ Chí Minh không chỉ nhận thấy mối quan hệ gắn bó, tác động qua lại giữa nông nghiệp với các ngành kinh tế khác, mà còn khẳng định vai trò nền tảng của nông nghiệp trong việc thúc đẩy công nghiệp, thủ công nghiệp cũng như thương mại phát triển. Chính vì thế, Người yêu cầu: “... phát triển kinh tế nói chung phải lấy việc phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính” [136, tr.635]. Muốn xây dựng được một nền kinh tế độc lập, tự chủ thì trước hết phải bảo đảm được cái gốc là nông nghiệp - bệ đỡ để phát triển các ngành khác. Bởi, nông nghiệp phát triển sẽ tạo ra nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp chế biến, cung cấp thị trường tiêu thụ ổn định cho hàng hóa công nghiệp và là cơ sở để mở rộng hoạt động thương mại, lưu thông hàng hóa. Ngược lại, công nghiệp, thương mại phát triển sẽ hỗ trợ nông nghiệp về công cụ, máy móc, phân bón, giống cây trồng, vật nuôi và dịch vụ tiêu thụ sản phẩm, tạo nên mối quan hệ tương hỗ, cùng phát triển, góp phần xây dựng một nền kinh tế quốc dân cân đối, bền vững và tự chủ. Cụ thể:

Đối với công nghiệp: Nông nghiệp là tiền đề, nền tảng - “cái gốc” vững chắc cho công nghiệp phát triển. Người cho rằng, nông nghiệp không phát triển thì công nghiệp cũng không thể phát triển, bởi nông nghiệp đồng thời thực hiện ba chức năng then chốt đối với công nghiệp: bảo đảm lương thực để ổn định đời sống và tái sản xuất sức lao động, cung cấp nguyên liệu - vật liệu cho các ngành công nghiệp, và tạo thị trường tiêu thụ rộng lớn cho sản phẩm công nghiệp. Người chỉ rõ, PTNN sẽ “cung cấp nguyên liệu, vật liệu để khôi phục tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp...” [134, tr.212]. Vì vậy, PTNN chính là tạo nền tảng đầu vào, không

gian thị trường và động lực tích lũy để công nghiệp phát triển. Trong điều kiện một nước có xuất phát điểm còn nặng về nông nghiệp như Việt Nam, quan điểm của Người càng có sức thuyết phục: muốn công nghiệp phát triển thì phải có nguồn lực tích lũy và các yếu tố đầu vào hình thành từ nông nghiệp; nói cách khác, công nghiệp hóa không thể “đi tắt” bằng cách bỏ qua nông nghiệp. Chỉ một nền nông nghiệp phát triển, hiệu quả và ổn định mới có thể cung ứng bền vững lương thực, nguyên liệu, vốn và thị trường - những điều kiện tối thiểu để công nghiệp mở rộng quy mô, nâng cấp công nghệ và phát triển dài hạn.

Đối với thương nghiệp: Sự phát triển của nông nghiệp sẽ thúc đẩy thương nghiệp phát triển. Khi nông nghiệp phát triển, nông dân sản xuất nhiều sản phẩm đưa ra thị trường, từ đó gia tăng hoạt động thương mại. Đồng thời, nông nghiệp cung cấp nguyên vật liệu cho công nghiệp, làm phong phú quá trình trao đổi hàng hóa giữa nông nghiệp và công nghiệp, từ đó nâng tầm hoạt động thương nghiệp. Nông nghiệp phát triển không chỉ cung cấp lương thực, thực phẩm và nguyên vật liệu cho công nghiệp mà còn tạo ra hàng hóa xuất khẩu. Bên cạnh đó, Người còn cho rằng, PTNN sẽ “...cung cấp lâm thổ sản để mở rộng quan hệ buôn bán với các nước ngoài” [134, tr.212], cho thấy nông nghiệp góp phần quan trọng trong thúc đẩy đối ngoại và tăng cường giao thương quốc tế.

2.2.1.2. Phát triển nông nghiệp góp phần tạo dựng sức mạnh quân sự phục vụ sự nghiệp kháng chiến của dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, sức mạnh quân sự không chỉ được cấu thành từ vũ khí, tổ chức và nghệ thuật tác chiến, mà trước hết phải dựa trên nền tảng bảo đảm hậu cần - lương thực - quân nhu vững chắc. Để có được nền tảng đó, phải huy động toàn dân tích cực tăng gia, sản xuất, PTNN để có đủ lương thực cho Nhân dân và bộ đội tham gia chiến đấu. Người chỉ rõ, “Có đủ cơm ăn áo mặc cho bộ đội và nhân dân, thì kháng chiến mới mau thắng lợi, thống nhất và độc lập mau thành công” [130, tr.212]. Luận điểm ấy cho thấy, trong tư duy chiến lược của Người, PTNN không chỉ là nhiệm vụ kinh tế - dân sinh, mà còn là điều kiện vật chất trực tiếp bảo đảm sức mạnh của cuộc kháng chiến. Là một nhà quân sự thiên tài, Hồ Chí Minh thấu hiểu sâu sắc chân lý “thực túc” thì “binh cường”: muốn kháng chiến lâu dài và giành thắng lợi, phải bảo đảm được lương thực, thực phẩm, quân nhu cho tiền tuyến, đồng thời ổn định đời sống Nhân dân ở hậu phương. Nếu sản xuất nông

nghiệp đình đốn, lương thực thiếu thốn, đời sống Nhân dân khó khăn thì không thể nuôi quân, không thể duy trì sức chiến đấu, cũng không thể giữ vững tinh thần và kỷ luật của toàn dân trong kháng chiến.

Từ đó, Người đặt sản xuất nông nghiệp trong mối quan hệ hữu cơ với nhiệm vụ chiến đấu. Theo Hồ Chí Minh, mặt trận quân sự và mặt trận sản xuất tuy khác nhau về hình thức, nhưng đều cùng hướng vào mục tiêu chung là đánh thắng kẻ thù, bảo vệ độc lập dân tộc. Người chỉ rõ: “Chiến sĩ trước mặt trận thì xung phong giết giặc bằng súng đạn. Chiến sĩ nhà nông thì xung phong giết giặc bằng cày cuốc, nghĩa là phải xung phong tăng gia sản xuất, để giúp cho bộ đội đủ ăn đủ mặc để đánh giặc” [130, tr.213]. Với cách diễn đạt giản dị mà sâu sắc ấy, Hồ Chí Minh đã nâng lao động nông nghiệp lên thành một hình thức chiến đấu, biến ruộng đồng thành hậu phương của chiến trường, biến người nông dân thành “chiến sĩ” trên mặt trận sản xuất. Nhờ đó, PTNN không chỉ tạo ra của cải nuôi dân, nuôi quân, mà còn khơi dậy tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm cộng đồng và sức mạnh đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Trong logic đó, các tổ chức sản xuất, đặc biệt là HTX nông nghiệp, trở thành lực lượng hậu cần quan trọng, cung cấp nguồn lực vật chất ổn định cho quân đội và góp phần củng cố sức mạnh chiến tranh nhân dân. Từ nhận thức ấy, Hồ Chí Minh đòi hỏi Đảng và Chính phủ phải có kế hoạch cụ thể để PTNN, bởi nền thực nghiệp còn lạc hậu mà không chủ động phát triển thì không thể bảo đảm đầy đủ quân nhu, lương thực cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Như vậy, PTNN theo Hồ Chí Minh chính là cách tạo dựng sức mạnh quân sự từ gốc: củng cố hậu phương, bảo đảm hậu cần, duy trì sức chiến đấu và nâng cao khả năng thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến của dân tộc. Người nhấn mạnh: “Nền thực nghiệp nước ta vốn lạc hậu. Chúng ta đặt kế hoạch cụ thể để phát triển nền thực nghiệp ấy mới có thể cung cấp đủ quân nhu, lương thực cho cuộc kháng chiến lâu dài” [128, tr.530].

2.2.1.3. Phát triển nông nghiệp là điều kiện để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, PTNN không chỉ nhằm tạo ra lương thực, thực phẩm cho xã hội, mà sâu xa hơn là để chăm lo đời sống của Nhân dân, trước hết là đời sống của nông dân - lực lượng đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam. Người chỉ rõ: “Muốn kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công ắt phải dựa vào quần chúng

nông dân. Muốn dựa vào nông dân ắt phải *bồi dưỡng* lực lượng của họ. Muốn nông dân có lực lượng dồi dào thì phải làm cho họ có *ruộng cày*, có cơm ăn, áo mặc, nhà ở” [132, tr.42]. Quan điểm đó cho thấy, Hồ Chí Minh luôn nhìn nhận nông nghiệp trong mối quan hệ trực tiếp với con người, với nhu cầu sống thiết thân của Nhân dân và với sức mạnh của cách mạng. Muốn phát huy vai trò to lớn của nông dân thì trước hết phải chăm lo, bồi dưỡng sức dân; muốn bồi dưỡng sức dân thì phải bắt đầu từ những điều kiện sinh hoạt căn bản nhất: ruộng đất để sản xuất, lương thực để ăn, áo mặc, nhà ở và những bảo đảm tối thiểu cho cuộc sống. Đây không chỉ là sự quan tâm đến đời sống thường nhật của Nhân dân, mà còn thể hiện chiều sâu nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh: lấy con người làm trung tâm, lấy hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu cao nhất của cách mạng. Theo Người, khi những nhu cầu thiết yếu chưa được bảo đảm, Nhân dân khó có thể yên tâm lao động, học tập, tham gia kháng chiến, kiến quốc và xây dựng đời sống mới. Vì vậy, PTNN, trước hết là bảo đảm lương thực, thực phẩm, trở thành nhiệm vụ có ý nghĩa nền tảng trong việc nâng cao đời sống Nhân dân. Trong hoàn cảnh đất nước còn nghèo nàn, lạc hậu, lại chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh, vấn đề ăn không chỉ là nhu cầu sinh tồn trước mắt, mà còn là cơ sở để ổn định xã hội, bồi dưỡng sức dân và tạo tiền đề cho Nhân dân tham gia kháng chiến, kiến quốc.

Hồ Chí Minh luôn đặt con người ở vị trí trung tâm của quá trình phát triển; vì vậy, việc chăm lo đời sống Nhân dân, trước hết là bảo đảm cái ăn, trở thành một thước đo quan trọng của hiệu quả quản lý nhà nước và của sự tiến bộ xã hội. Theo Người, khi Nhân dân chưa được bảo đảm những nhu cầu tối thiểu thì khó có thể nói đến học tập, lao động, cống hiến, xây dựng đạo đức, phát triển văn hóa hay thực hiện những mục tiêu cao hơn của cách mạng. Từ quan niệm dân gian “Dân dĩ thực vi thiên” và “Có thực mới vực được đạo”, Hồ Chí Minh khẳng định một chân lý giản dị mà sâu sắc: đời sống vật chất được bảo đảm là nền tảng để xây dựng đời sống tinh thần, củng cố niềm tin của Nhân dân và huy động sức mạnh của toàn dân tộc. Không dừng lại ở việc nêu lên ý nghĩa của vấn đề ăn đối với đời sống Nhân dân, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ con đường trực tiếp để giải quyết vấn đề ấy: “Muốn giải quyết tốt vấn đề ăn thì phải làm thế nào cho có đầy đủ lương thực. Mà lương thực là do nông nghiệp sản xuất ra. Vì vậy, *phát triển nông nghiệp là việc cực kỳ quan trọng*” [137, tr.375].

Hơn ai hết, Hồ Chí Minh thấu hiểu sâu sắc nỗi đau của một dân tộc vừa trải qua nạn đói khủng khiếp cuối năm 1944, đầu năm 1945, khiến hơn hai triệu đồng bào ta chết đói. Thực tiễn đau thương ấy càng làm cho Người nhận rõ rằng, độc lập dân tộc sẽ không thể có ý nghĩa đầy đủ nếu Nhân dân vẫn còn đói rét, cơ cực; chính quyền cách mạng sẽ không thể vững mạnh nếu không kịp thời chăm lo đời sống thiết thân của Nhân dân. Bởi vậy, trên cương vị người đứng đầu Đảng và Nhà nước cách mạng non trẻ, Hồ Chí Minh xác định diệt “giặc đói” là một trong những nhiệm vụ cấp bách, quan trọng hàng đầu lúc bấy giờ.

Để cứu đói trước mắt, Người trực tiếp phát động phong trào “hũ gạo cứu đói”, kêu gọi đồng bào cả nước nêu cao tinh thần tương thân tương ái, nhường cơm sẻ áo, chung sức giúp đỡ những người đang lâm vào cảnh đói khát. Tuy nhiên, Người nhận thức sâu sắc, muốn khắc phục tận gốc nạn đói, muốn bảo đảm đời sống ổn định, lâu dài cho Nhân dân thì phải phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp. Do đó, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm được Người coi là con đường căn bản để làm ra nhiều của cải, nâng cao đời sống Nhân dân và củng cố nền tảng vật chất của chế độ mới.

Từ cách nhìn biện chứng giữa phát triển kinh tế và cải thiện đời sống, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “nền kinh tế của ta như nước hồ, nước sông, đời sống của ta như chiếc thuyền. Nước càng lên cao, thuyền càng cao. Vì thế, nên nền kinh tế càng cao thì đời sống của nhân dân mới cao. Vậy, muốn cải thiện đời sống, phải thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm” [134, tr.296]. Luận điểm ấy cho thấy, trong tư tưởng của Người, PTNN không chỉ nhằm giải quyết cái ăn trước mắt, mà còn là điều kiện nền tảng để phục hồi kinh tế, bồi dưỡng sức dân, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, qua đó tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc và xây dựng xã hội mới.

Tiếp cận vấn đề nâng cao đời sống Nhân dân từ những nhu cầu thiết yếu nhất của con người, Hồ Chí Minh cho rằng, con người sống không chỉ cần có cái ăn, mà còn phải có cái mặc. Đây là những điều kiện sinh hoạt căn bản, trực tiếp bảo đảm sự tồn tại, sức khỏe, phẩm giá và khả năng lao động, cống hiến của mỗi người. Vì vậy, trong tư duy phát triển KT-XH của Người, giải quyết vấn đề lương thực phải gắn liền với việc bảo đảm những nhu cầu vật chất thiết yếu khác của Nhân dân. Người lý giải rất cụ thể: “...nếu chú trọng lương thực mà không có bông thì tức là có ăn

chứ chưa có mặc. Mình có cần mặc không? Cần. Nếu không toàn diện, tức là chú trọng cái ăn chứ chưa chú trọng cái mặc. Thế cho nên, vừa phải chú trọng cái ăn, vừa phải chú trọng cả cái mặc” [137, tr.255].

Luận điểm trên cho thấy tư tưởng phát triển toàn diện, cân đối và hài hòa của Hồ Chí Minh trong chăm lo đời sống Nhân dân. Theo Người, nâng cao đời sống không thể chỉ dừng lại ở việc chống đói, bảo đảm lương thực, mà phải từng bước mở rộng sang các điều kiện sinh hoạt khác như quần áo, nhà ở, học hành, chăm sóc sức khỏe và đời sống văn hóa. Nói cách khác, mục tiêu phát triển không chỉ là làm cho Nhân dân đủ ăn, mà còn phải từng bước làm cho Nhân dân được mặc ấm, ở yên, học hành tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng nâng cao. Đây chính là biểu hiện sinh động của quan điểm lấy con người làm trung tâm, coi sự thỏa mãn ngày càng đầy đủ, cân đối các nhu cầu cơ bản của con người là thước đo của tiến bộ xã hội.

Từ đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ muốn Nhân dân có cái mặc thì phải quan tâm PTNN một cách toàn diện. Bởi nông nghiệp không chỉ sản xuất ra lương thực, thực phẩm để nuôi sống con người, mà còn cung cấp nguồn nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp nhẹ, nhất là ngành dệt may như bông, đay, gai, tầm tơ... Trong tư tưởng của Người, cái ăn và cái mặc đều là những nhu cầu thiết yếu, có quan hệ chặt chẽ với nhau và đều bắt nguồn trực tiếp từ sản xuất nông nghiệp. Do vậy, PTNN không chỉ là tăng sản lượng lúa, ngô, khoai, sắn, mà còn phải mở rộng cây công nghiệp, cây nguyên liệu, kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, phát triển sản xuất theo hướng toàn diện để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đời sống của Nhân dân.

Chính vì vậy, trong quá trình chỉ đạo thực tiễn, Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở các địa phương và bà con nông dân phải chú trọng trồng bông, phát triển các loại cây nguyên liệu phục vụ may mặc, coi đó là một nhiệm vụ thiết thực trong sản xuất nông nghiệp. Điều này thể hiện tầm nhìn sâu sắc của Người về mối quan hệ giữa nông nghiệp với công nghiệp, giữa sản xuất với tiêu dùng, giữa phát triển kinh tế với nâng cao đời sống Nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, khi nông nghiệp phát triển toàn diện, Nhân dân không chỉ có đủ lương thực để ăn, mà còn có nguyên liệu để mặc, có thêm việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống và góp phần xây dựng nền kinh tế tự chủ, phục vụ trực tiếp cho mục tiêu dân sinh, dân chủ và hạnh phúc của con người.

Không chỉ chăm lo cho Nhân dân có cơm ăn, áo mặc, Hồ Chí Minh còn đặc biệt quan tâm đến vấn đề nhà ở - một nhu cầu thiết yếu gắn trực tiếp với ổn định

đời sống và xây dựng cuộc sống lâu dài của Nhân dân. Trong tư tưởng của Người, “có nhà ở” không đơn thuần là có nơi che mưa, che nắng, mà còn là điều kiện để mỗi gia đình yên tâm lao động sản xuất, nuôi dạy con cái, tổ chức đời sống văn hóa và gắn bó bền chặt với quê hương, đất nước. Ăn, mặc, ở vì thế là những nhu cầu căn bản, thiết thực, hợp thành nền tảng vật chất ban đầu để con người ổn định đời sống và phát triển toàn diện.

Từ cách nhìn đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ muốn chăm lo nhà ở cho Nhân dân thì phải PTNN, nhất là trồng cây gây rừng, trồng cây lấy gỗ. Bởi nông nghiệp không chỉ cung cấp lương thực để ăn, bông, đay, gai, tầm tơ để mặc, mà còn cung cấp nguyên liệu cần thiết phục vụ xây dựng nhà ở và cải thiện điều kiện sinh hoạt của Nhân dân. Người lý giải rất cụ thể: “...Muốn làm nhà ở phải có cái gì? Gỗ. Muốn có gỗ thì phải trồng cây. Nếu bây giờ trở đi không trồng cây cho tốt thì lấy gỗ đâu?” [137, tr.255]. Cách đặt vấn đề giản dị ấy cho thấy tư duy rất thực tiễn của Hồ Chí Minh: muốn nâng cao đời sống Nhân dân phải bắt đầu từ sản xuất; muốn có vật liệu làm nhà thì phải chủ động tạo ra nguồn nguyên liệu; muốn đời sống ổn định lâu dài thì phải biết tính toán từ hôm nay cho nhu cầu của ngày mai. Quan điểm đó còn thể hiện tầm nhìn xa của Người về mối quan hệ giữa PTNN với xây dựng NTM mới. Khi người dân có điều kiện trồng cây, gây rừng, tạo nguồn gỗ và vật liệu xây dựng tại chỗ, họ không chỉ có thêm điều kiện cải thiện nhà ở, mà còn có thêm sinh kế, việc làm, thu nhập và khả năng tổ chức cuộc sống ổn định hơn. Nhà ở đàng hoàng, bền vững sẽ góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống gia đình, củng cố cộng đồng làng xã và tạo nền tảng cho phát triển KT-XH ở nông thôn. Vì vậy, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chúng ta đang chuẩn bị *xây dựng nông thôn mới*. Việc đầu tiên của nông thôn mới là xây dựng nhà ở cho đàng hoàng. Muốn vậy, thì ngay từ bây giờ phải trồng cây nhiều và tốt để lấy gỗ” [138, tr.446].

Từ việc bảo đảm cái ăn, cái mặc, nhà ở cho Nhân dân, Hồ Chí Minh đi đến một nhận thức sâu sắc: độc lập, tự do chỉ thực sự có ý nghĩa khi gắn liền với đời sống cụ thể của con người. Người khẳng định: “Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ” [128, tr.175]. Điều đó cho thấy, đối với Hồ Chí Minh, nâng cao đời sống vật chất không phải là mục tiêu tự thân, mà là điều kiện nền tảng để con người phát triển toàn diện hơn. Khi Nhân dân được bảo đảm những nhu cầu thiết yếu, họ mới có điều kiện học tập, nâng cao dân trí, tham gia đời

sống văn hóa, chính trị và phát huy đầy đủ quyền làm chủ của mình. Chính từ nền tảng ấy, PTNN không chỉ góp phần chăm lo đời sống vật chất, mà còn mở ra tiền đề quan trọng để nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân.

Mặt khác, PTNN còn góp phần quan trọng vào việc nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đời sống vật chất và đời sống tinh thần không tách rời nhau, mà gắn bó chặt chẽ trong quá trình phát triển con người toàn diện. Khi cái ăn, cái mặc, nhà ở được bảo đảm, Nhân dân mới có điều kiện học hành, tiếp cận văn hóa, tham gia các hoạt động xã hội, nâng cao trình độ nhận thức và từng bước làm chủ cuộc sống của mình. Vì vậy, PTNN không chỉ tạo ra cơ sở vật chất để bảo đảm dân sinh, mà còn mở ra tiền đề để phát triển dân trí, bồi dưỡng văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, nhất là ở khu vực nông thôn.

Theo Hồ Chí Minh, muốn xây dựng xã hội mới thì phải phát triển sản xuất, nâng cao trình độ kỹ thuật và văn hóa cho Nhân dân. Người chỉ rõ: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải tăng gia sản xuất. Muốn tăng gia sản xuất tốt thì phải có kỹ thuật cải tiến. Muốn sử dụng tốt kỹ thuật thì phải có văn hóa” [136, tr.361]. Luận điểm này cho thấy mối quan hệ biện chứng giữa sản xuất, kỹ thuật và văn hóa. Sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp, tạo ra nền tảng vật chất cho đời sống xã hội; kỹ thuật làm cho sản xuất phát triển cao hơn; còn văn hóa giúp con người tiếp thu, làm chủ và vận dụng kỹ thuật vào thực tiễn. Do đó, PTNN không chỉ làm ra nhiều lương thực, thực phẩm và nguyên liệu phục vụ đời sống, mà còn đặt ra yêu cầu phải nâng cao trình độ văn hóa, KHKT cho người nông dân.

Khi nông nghiệp phát triển, sản xuất ổn định, đời sống nông dân được cải thiện, con em nông dân có thêm điều kiện đến trường, người dân có thêm thời gian và khả năng tham gia học tập, sinh hoạt văn hóa, tiếp cận thông tin, mở rộng hiểu biết. Từ đó, trình độ dân trí ở nông thôn từng bước được nâng lên; những phong tục, tập quán lạc hậu dần được khắc phục; đời sống văn hóa cộng đồng ngày càng phong phú, lành mạnh hơn. Như vậy, PTNN không chỉ làm thay đổi điều kiện sinh hoạt vật chất của nông thôn, mà còn góp phần tạo dựng môi trường xã hội thuận lợi để Nhân dân nâng cao nhận thức, bồi dưỡng đạo đức, phát triển văn hóa và xây dựng đời sống mới.

Bên cạnh đó, PTNN còn góp phần nâng cao ý thức làm chủ và quyền lợi chính trị của nông dân - lực lượng đông đảo, giữ vai trò to lớn trong sự nghiệp cách mạng. Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: “nông dân là lực lượng cách mạng đông

nhất chống phong kiến, chống đế quốc” [132, tr.31]. Tuy nhiên, để nông dân thực sự trở thành chủ thể tích cực của cách mạng, không chỉ cần giác ngộ chính trị, mà còn phải có đời sống kinh tế ổn định, có trình độ văn hóa nhất định và có điều kiện tham gia các tổ chức CT-XH. Khi nông nghiệp phát triển, nông dân có ruộng đất, có việc làm, có thu nhập, được học tập và được tổ chức, thì họ mới có cơ sở để phát huy quyền làm chủ, tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội và đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng chế độ mới. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh khẳng định: “Quyền kinh tế đã được nâng cao thì quyền chính trị cũng được nâng cao và được đảm bảo” [132, tr.24]. Theo Người, quyền làm chủ chính trị của nông dân không thể tách rời nền tảng kinh tế và trình độ dân trí. Khi đời sống kinh tế được cải thiện thông qua PTNN, nông dân không chỉ thoát khỏi đói nghèo, lệ thuộc, mà còn từng bước trưởng thành về nhận thức, nâng cao vị thế xã hội và trở thành lực lượng nòng cốt của chính quyền cách mạng ở nông thôn. Người chỉ rõ: “Nông dân lao động đã thành cột trụ của chính quyền ở nông thôn, do đó mà nhân dân dân chủ chuyên chính và công nông liên minh trở nên vững chắc” [132, tr.24].

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, PTNN không chỉ là điều kiện bảo đảm đời sống vật chất, mà còn là nền tảng để nâng cao đời sống tinh thần, phát triển dân trí, bồi dưỡng văn hóa và mở rộng quyền làm chủ của Nhân dân. Từ việc bảo đảm ăn, mặc, ở đến việc học hành, tiếp cận văn hóa, làm chủ kỹ thuật và tham gia đời sống chính trị, PTNN góp phần trực tiếp vào quá trình xây dựng con người mới, NTM và xã hội mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, văn minh.

2.2.1.4. Phát triển nông nghiệp góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tầm quan trọng của PTNN không chỉ được nhìn nhận từ phương diện kinh tế, mà sâu xa hơn còn được đặt trong chiều sâu văn hóa, xã hội, con người Việt Nam qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Việt Nam - một quốc gia hình thành và phát triển lâu dài trên nền tảng văn minh nông nghiệp lúa nước, nông nghiệp không chỉ tạo ra lương thực, thực phẩm, mà còn tạo ra môi trường sống, phương thức lao động, quan hệ cộng đồng và hệ giá trị văn hóa của dân tộc. Ruộng đồng, làng xóm, mùa vụ, thủy lợi, tập quán canh tác, quan hệ xóm giềng, tinh thần tương trợ trong sản xuất và đời sống... đều là những yếu tố góp phần hình thành nên bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, khi PTNN,

đời sống nông dân được cải thiện, nông thôn được ổn định và đổi mới, thì những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc có điều kiện được bảo tồn, nuôi dưỡng và phát huy ngay trong đời sống hiện thực.

Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức rằng, dưới sự cai trị của thực dân, phong kiến, nông nghiệp Việt Nam bị kìm hãm, nông dân bị bóc lột nặng nề, đời sống nông thôn rơi vào cảnh nghèo đói, lạc hậu; từ đó, những giá trị văn hóa tốt đẹp của làng quê cũng bị tổn thương, biến dạng hoặc không có điều kiện phát triển. Khi người nông dân không có ruộng cày, thiếu cơm ăn, áo mặc, phải sống trong cảnh sưu cao, thuế nặng, nợ nần, thất học, thì những phẩm chất như cần cù, nhân nghĩa, đoàn kết, gắn bó cộng đồng tuy vẫn tồn tại bền bỉ, nhưng bị đè nén bởi đói nghèo và áp bức.

Chính vì vậy, PTNN trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là khôi phục sản xuất, bảo đảm đời sống, mà còn là khôi phục và bồi đắp môi trường xã hội - văn hóa của nông thôn Việt Nam. Khi nông nghiệp phát triển, nông dân có ruộng đất, có việc làm, có thu nhập, nông thôn được tổ chức lại theo hướng dân chủ, đoàn kết, hợp tác và văn minh, thì những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp mới có điều kiện được giữ gìn, phát huy và chuyển hóa thành sức mạnh tinh thần của công cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Chính lao động nông nghiệp lâu đời đã hun đúc ở người Việt Nam nhiều phẩm chất tốt đẹp như cần cù, chịu thương chịu khó, tiết kiệm, bền bỉ, nhân nghĩa, thủy chung, gắn bó với gia đình, quê hương, xóm làng. Trong điều kiện sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, thường xuyên phải đối mặt với hạn hán, bão lũ, mất mùa, con người không thể sống biệt lập, mà phải biết đoàn kết, tương trợ, chia sẻ khó khăn, cùng nhau trị thủy, làm thủy lợi, gieo trồng, thu hoạch và bảo vệ mùa màng. Vì vậy, khi Hồ Chí Minh kêu gọi nông dân thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, giúp đỡ nhau vượt qua đói nghèo, phát triển HTX, xây dựng đời sống mới ở nông thôn, thì đó không chỉ là yêu cầu phát triển kinh tế, mà còn là quá trình khơi dậy, tổ chức và phát huy những phẩm chất văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong điều kiện cách mạng mới.

Hồ Chí Minh luôn nhìn thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, giữa phát triển sản xuất và xây dựng văn hóa. Khi Nhân dân còn đói nghèo, thiếu thốn, rất khó có điều kiện học hành, sinh hoạt văn hóa, giữ gìn phong tục tốt đẹp hay xây dựng nếp sống văn minh. Chỉ khi nông nghiệp phát triển, cái ăn, cái mặc, nhà ở được bảo đảm, người dân mới có điều kiện tham gia học tập, sinh hoạt cộng

đồng, tổ chức đời sống văn hóa, giáo dục con cái, tiếp thu cái mới và cải tạo cái cũ. Từ nhận thức đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Muốn nâng cao đời sống của nhân dân thì trước hết phải giải quyết tốt *vấn đề ăn* (rồi đến vấn đề mặc và các vấn đề khác)” [137, tr.375]. Luận điểm ấy cho thấy, muốn nâng cao đời sống tinh thần, muốn xây dựng đời sống văn hóa, trước hết phải có nền tảng vật chất; mà đối với một nước nông nghiệp như Việt Nam, nền tảng ấy trước hết được tạo ra từ PTNN.

Ở Hồ Chí Minh, giữ gìn văn hóa truyền thống không có nghĩa là bảo thủ, giữ nguyên mọi tập quán cũ, mà là biết kế thừa những giá trị tốt đẹp, đồng thời cải tạo những yếu tố lạc hậu để xây dựng đời sống mới. Người chỉ rõ: “Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm. Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm” [129, tr.112]. Tư tưởng đó cho thấy PTNN và xây dựng NTM không làm mất đi bản sắc truyền thống, mà là điều kiện để sàng lọc, kế thừa và phát triển những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Thông qua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, tổ chức HTX, giữ gìn vệ sinh, xây dựng nếp sống đoàn kết, tương trợ, chống mê tín, chống lãng phí, văn hóa làng quê được đổi mới theo hướng văn minh, tiến bộ nhưng vẫn giữ được cốt lõi nhân nghĩa, cần cù, thủy chung và gắn bó cộng đồng.

Đối với người Việt Nam, miếng ruộng, mảnh vườn không chỉ là tư liệu sản xuất, mà còn là biểu tượng của quê hương, cội nguồn và bản sắc dân tộc. Hạt gạo của người nông dân làm ra không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế, nó còn là bản sắc văn hóa. Bởi, hạt gạo không chỉ nuôi sống chính bản thân người nông dân, mà còn nuôi quân đánh giặc, nuôi dưỡng ý chí độc lập, tự cường và tinh thần bền bỉ của dân tộc trong các cuộc kháng chiến cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước. Khi Hồ Chí Minh phát động phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, trồng cây gây rừng, làm thủy lợi, xây dựng HTX và xây dựng NTM, Người không chỉ đặt ra nhiệm vụ kinh tế, mà còn khơi dậy lòng yêu nước từ những việc làm cụ thể, thiết thực trong lao động và đời sống hàng ngày. Nhờ đó, tình yêu quê hương, ý thức cộng đồng, tinh thần tự lực, tự cường và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được nuôi dưỡng, bồi đắp ngay trong thực tiễn PTNN. Nói cách khác, PTNN theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là làm cho ruộng đồng thêm năng suất, nông dân thêm no ấm, mà còn là giữ lấy gốc rễ, cội nguồn văn hóa của dân tộc.

2.2.2. Chủ thể, lực lượng phát triển nông nghiệp

Một là, Đảng lãnh đạo phát triển nông nghiệp

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, PTNN không phải là nhiệm vụ kinh tế đơn lẻ, mà được đặt trong tổng thể nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Đối với một nước nông nghiệp, đại bộ phận dân cư là nông dân, nông nghiệp vừa là nền tảng kinh tế, vừa là cơ sở xã hội rộng lớn của cách mạng. Vì vậy, PTNN không chỉ nhằm bảo đảm lương thực, cải thiện đời sống Nhân dân, mà còn trực tiếp góp phần củng cố khối liên minh công - nông, xây dựng hậu phương, tăng cường sức mạnh của chế độ mới và tạo tiền đề vật chất cho công cuộc xây dựng CNXH. Từ cách nhìn đó, Hồ Chí Minh luôn khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định để PTNN đúng hướng, có tổ chức và đạt hiệu quả thiết thực.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng, là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do đó, muốn PTNN, trước hết phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Sự lãnh đạo ấy thể hiện ở việc Đảng đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của từng thời kỳ cách mạng; tổ chức, động viên Nhân dân thực hiện; chăm lo lợi ích thiết thực của nông dân; đồng thời định hướng PTNN theo con đường tiến bộ, từng bước đi lên sản xuất lớn XHCN.

Vai trò lãnh đạo của Đảng trong PTNN, trước hết được thể hiện thông qua việc đề ra chủ trương, đường lối PTNN đúng, phù hợp với từng thời kỳ, từng giai đoạn của cách mạng. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện trong lãnh đạo Nhân dân tiến hành đánh đổ thực dân, đế quốc giành độc lập về cho dân tộc, đánh đổ địa chủ phong kiến đem ruộng đất về cho Nhân dân. Sau khi giành được độc lập, Đảng lãnh đạo PTNN thông qua việc đề ra chủ trương, đường lối cải cách ruộng đất... Hồ Chí Minh nhấn mạnh, Đảng “lãnh đạo nông dân làm cải cách ruộng đất... lãnh đạo nông dân xây dựng hợp tác xã” [137, tr.221]. Đối với Hồ Chí Minh, PTNN phải gắn liền với vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa giải quyết lợi ích thiết thực của nông dân, vừa định hướng xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, tập thể và XHCN. Bên cạnh đó, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với PTNN còn được thể hiện thông qua các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên. Người cho rằng, “Mỗi cấp bộ của Đảng phải là một cơ quan lãnh đạo vững chắc ở địa

phương, theo đúng đường lối, chính sách của Trung ương” [138, tr.28]. Để PTNN, theo Người phải tăng cường xây dựng tổ chức đảng ở nông thôn thật sự trong sạch, vững mạnh. Hồ Chí Minh quan niệm: “Chi bộ là gốc rễ của Đảng ở nông thôn. Chi bộ vững mạnh thì mọi chính sách của Đảng và Chính phủ nhất định thi hành được tốt” [134, tr.504]. Hồ Chí Minh nhận định, thực tiễn đã chỉ ra, ở đâu chi bộ và chi đoàn hoạt động tốt, đảng viên và đoàn viên nêu gương sáng, thì ở đó nông nghiệp có bước phát triển mạnh. Do đó, việc xây dựng, củng cố và phát triển chi bộ vững mạnh giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong PTNN.

Hai là, Nhà nước quản lý phát triển nông nghiệp

Trong PTNN, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò quan trọng của Nhà nước. Theo Người, Nhà nước phải chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng về nông nghiệp; xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách PTNN; đồng thời quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất, chế biến, phân phối sản phẩm nông nghiệp. Ngoài ra, Nhà nước cần triển khai các chính sách hỗ trợ thiết thực như cung cấp vốn, đào tạo cán bộ, phát triển cơ sở hạ tầng, thiết lập khung giá cả, thuế và chính sách thu mua, nhằm khuyến khích sản xuất, nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Từ Phủ Thủ tướng đến Ban Công tác nông thôn của Đảng, đến các Bộ Nông nghiệp, Thủy lợi, Lâm nghiệp, Công nghiệp, Thương nghiệp, Tài chính, Ngân hàng, v.v. đều phải có kế hoạch phục vụ nông nghiệp, giúp nông dân, hợp tác xã phát triển sản xuất” [137, tr.220].

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ khuyết điểm của Đảng và Nhà nước trong cải cách ruộng đất: “vì sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ có chỗ thiếu cụ thể, thiếu kiểm tra đôn đốc - cho nên khi cải cách ruộng đất đã xảy ra những khuyết điểm, sai lầm: Trong việc thực hiện đoàn kết nông thôn, việc đánh kẻ địch, việc chấn chỉnh tổ chức, trong chính sách thuế nông nghiệp, v.v...” [134, tr.412]. Trên cơ sở đó, Hồ Chí Minh yêu cầu Trung ương Đảng và Chính phủ phải nghiêm túc kiểm điểm, khắc phục những sai lầm, khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo và quản lý nông nghiệp, đồng thời có kế hoạch cụ thể để củng cố đoàn kết trong đội ngũ cán bộ, gắn bó mật thiết với nhân dân, ổn định nông thôn và đẩy mạnh sản xuất. Theo Người, chỉ khi nào Nhà nước thực sự lắng nghe

dân, tôn trọng dân và phục vụ lợi ích của dân thì Nhà nước mới thật sự là của dân, do dân và vì dân.

Để thực hiện tốt vai trò đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh các cơ quan nhà nước phải quan tâm sâu sát hơn đến nông nghiệp, coi đây là lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế quốc dân. Mỗi ngành, mỗi cấp cần phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc hỗ trợ, hướng dẫn và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, bảo đảm cho nông dân có điều kiện thuận lợi nhất trong lao động, sản xuất và phát triển đời sống, qua đó góp phần xây dựng nông thôn giàu mạnh, đất nước phồn vinh.

Bên cạnh đó, theo Hồ Chí Minh, Bộ Canh nông không chỉ là cơ quan quản lý hành chính mà còn là lực lượng trung tâm, trực tiếp gắn kết với đời sống và sản xuất của nông dân. Người nhấn mạnh: “Bộ Canh nông phải chuẩn bị cày cuốc và lương thực, sẵn sàng rồi thì thông tri cho Ban kỳ biết, nơi nào thu dụng được mấy người để cho Ban kỳ phân phối” [128, tr.548], điều này cho thấy Bộ có trách nhiệm chủ động chuẩn bị vật tư, tổ chức sản xuất và điều phối nguồn lực sao cho kịp thời, hiệu quả, bảo đảm nhu cầu sinh kế của nông dân. Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ, đây là “một bộ có quan hệ nhiều nhất với nông dân” [132, tr.424], bởi mọi quyết định, chính sách và hành động của Bộ đều trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống, năng suất và hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Do đó, mỗi cán bộ trong Bộ phải “thiết thực phụ trách công tác thực tế, mọi việc phải làm cho có kết quả thiết thực. Phải gần gũi quần chúng, học tập quần chúng, để hướng dẫn và giúp đỡ quần chúng” [132, tr.425].

Đồng thời, Người yêu cầu Bộ phải có trách nhiệm chủ động, sâu sát cơ sở, thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật về các địa phương để trực tiếp hướng dẫn, giúp nông dân tháo gỡ khó khăn trong quá trình sản xuất. Theo Người, việc đưa cán bộ về với dân không chỉ giúp giải quyết những vướng mắc cụ thể về kỹ thuật, mà còn góp phần củng cố niềm tin, sự gắn bó giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Những chỉ dẫn này không chỉ nhấn mạnh trách nhiệm hành chính, mà còn đề cao vai trò cầu nối, hướng dẫn và hỗ trợ trực tiếp của Bộ đối với nông dân, giúp họ áp dụng tiến bộ KHKT, đổi mới phương thức sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, Bộ Nông nghiệp vừa là cơ quan hoạch định, vừa là lực lượng thực thi, bảo đảm nông nghiệp phát triển toàn diện, bền vững và góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển KT-XH của đất nước.

Ba là, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương - trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nếu Đảng giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước quản lý chung, quyết định phương hướng chiến lược của PTNN, thì các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương là lực lượng trực tiếp tổ chức, chỉ đạo và đưa đường lối, chủ trương ấy vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp ở từng địa bàn cụ thể. Nông nghiệp là lĩnh vực gắn chặt với điều kiện tự nhiên, thời vụ, đất đai, nguồn nước, tập quán canh tác và trình độ tổ chức sản xuất của từng địa phương. Vì vậy, chủ trương đúng chỉ có thể phát huy hiệu quả khi được các cấp ủy, chính quyền địa phương cụ thể hóa thành kế hoạch thiết thực, sát với tình hình cơ sở, phù hợp với yêu cầu sản xuất và đời sống của Nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, lãnh đạo PTNN ở địa phương trước hết phải xuất phát từ thực tiễn, dựa vào Nhân dân và cùng Nhân dân bàn bạc, tổ chức thực hiện. Người nhấn mạnh: “Các cấp ủy Đảng và chính quyền phải cùng nhân dân bàn định kế hoạch thật cụ thể” [135, tr.503]. Cách đặt vấn đề đó cho thấy, trong tư tưởng của Người, PTNN không thể lãnh đạo bằng mệnh lệnh hành chính chung chung, càng không thể xa rời thực tiễn sản xuất của nông dân. Các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương phải nắm chắc tình hình ruộng đất, thủy lợi, giống, phân bón, thời vụ, kỹ thuật; phải biết bàn bạc dân chủ với Nhân dân, lắng nghe kinh nghiệm của nông dân, phát huy trí tuệ của quần chúng để xây dựng kế hoạch sản xuất cụ thể, khả thi và hiệu quả.

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy đảng địa phương, nhất là cấp tỉnh, trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ PTNN. Người khẳng định: “cần phải tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trước hết là sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy” [137, tr.260]. Điều đó cho thấy, PTNN không chỉ là công việc chuyên môn của ngành nông nghiệp, mà là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cả HTCT ở địa phương. Cấp ủy đảng phải giữ vai trò định hướng, lãnh đạo toàn diện; chính quyền phải cụ thể hóa bằng kế hoạch, biện pháp, tổ chức điều hành; các đoàn thể phải vận động, tập hợp quần chúng; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu trong thực hiện. Chỉ khi có sự lãnh đạo thống nhất, trực tiếp và thường xuyên của cấp ủy, nhiệm vụ PTNN mới được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, có kiểm tra và đạt kết quả thiết thực.

Trong chỉ đạo thực tiễn, Hồ Chí Minh luôn yêu cầu các cấp ủy và chính quyền địa phương phải chăm lo đầy đủ những điều kiện thiết yếu của sản xuất nông nghiệp như nước tưới, phân bón, giống tốt, cải tiến kỹ thuật, tổ chức lao động, củng cố tổ đổi công và HTX nông nghiệp. Đây là những yếu tố trực tiếp quyết định năng suất, sản lượng và hiệu quả sản xuất. Vì vậy, trách nhiệm của địa phương không chỉ là tuyên truyền, vận động chung, mà phải tổ chức cụ thể từng khâu, từng việc; phải kịp thời tháo gỡ khó khăn cho nông dân; phải biến các phong trào tăng gia sản xuất, làm thủy lợi, cải tiến kỹ thuật, xây dựng HTX thành những hoạt động thiết thực, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng xã, từng HTX.

Đặc biệt, đối với một nước nông nghiệp thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lụt, hạn hán, Hồ Chí Minh yêu cầu các cấp ủy và chính quyền địa phương phải chủ động lãnh đạo công tác thủy lợi, đê điều, phòng chống lụt bão, bảo vệ sản xuất và đời sống Nhân dân. Người chỉ rõ: “các cấp ủy đảng và các ủy ban hành chính từ tỉnh, huyện đến xã cần phải gấp rút động viên nhân dân kịp thời hoàn thành kế hoạch đê điều, và làm tốt công việc giữ đê và phòng lụt, chống lụt” [137, tr.412]. Đây là biểu hiện sinh động của quan điểm lãnh đạo nông nghiệp phải sát dân, sát việc, sát mùa vụ và sát những yêu cầu cấp bách của đời sống. PTNN không chỉ là gieo trồng, thu hoạch, mà còn là bảo vệ thành quả lao động của Nhân dân, chủ động phòng ngừa rủi ro, tổ chức sức dân để chống thiên tai, ổn định sản xuất và bảo đảm an toàn cho nông thôn.

Bốn là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội, nông cốt là Nông hội có trách nhiệm chính bảo đảm kế hoạch cho việc phát triển nông nghiệp

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, PTNN không chỉ là trách nhiệm của Đảng và chính quyền, mà còn là nhiệm vụ chung của cả HTCT và toàn thể Nhân dân. Nếu Đảng giữ vai trò lãnh đạo, chính quyền giữ vai trò quản lý, tổ chức thực hiện, thì các tổ chức CT-XH là lực lượng trực tiếp tuyên truyền, vận động, tập hợp, giáo dục và phát huy sức mạnh của các tầng lớp Nhân dân trong sản xuất nông nghiệp. Bởi nông nghiệp là lĩnh vực gắn với đông đảo nông dân, thanh niên, phụ nữ và các lực lượng lao động ở nông thôn; muốn PTNN có hiệu quả thì phải biết tổ chức quần chúng, khơi dậy tinh thần thi đua, biến chủ trương của Đảng và Nhà nước thành phong trào hành động rộng khắp trong Nhân dân.

Nói về vai trò của các tổ chức CT-XH trong PTNN, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nông hội có trách nhiệm chính đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất. Đoàn thanh niên có nhiệm vụ xung phong thúc đẩy phong trào. Phụ nữ cần phải phát huy lực lượng của mình để sản xuất nhiều, sản xuất tốt” [134, tr.214]. Trong đó, Hội nông dân là tổ chức giữ vai trò rất quan trọng trong PTNN. Ngay từ năm 1927, trong tác phẩm “Đường Kách mệnh”, Hồ Chí Minh đã dành riêng một chương để bàn về tổ chức của nông dân có tên gọi là Nông hội. Với sự thấu hiểu sâu sắc về những nỗi thống khổ, bóc lột mà giai cấp này phải gánh chịu, Người đã vạch ra con đường giải phóng: “Nếu dân cày An Nam muốn thoát khỏi vòng cay đắng ấy, thì phải tổ chức nhau để kiếm đường giải phóng” [126, tr.339]. Nhận thức được tầm quan trọng của việc đoàn kết, tập hợp lực lượng, Hồ Chí Minh đã đề xuất thành lập “Nông hội” - một tổ chức dành riêng cho nông dân Việt Nam. Ý tưởng sáng suốt này đã được Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào tháng 10/1930 nhất trí cao và đề ra nhiệm vụ thành lập Tổng Nông hội Việt Nam.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến vai trò của Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật và các nhà khoa học. Người khẳng định rõ: “Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật có nhiệm vụ rất lớn trong việc thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội cần được củng cố và phát triển tốt xuống tận các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các cơ sở khác” [138, tr.98]. Hồ Chí Minh không xem Hội chỉ là tổ chức truyền bá tri thức đơn thuần, mà là một lực lượng tổ chức - vận động có khả năng biến tri thức khoa học thành năng lực sản xuất trực tiếp, tạo chuyển biến thực chất trong phương thức canh tác, quản lý và hiệu quả lao động.

Ngoài ra, để PTNN, theo Hồ Chí Minh cần chú trọng phát huy vai trò của các doanh nghiệp. Người nêu rõ: “Nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là các sự kinh doanh của các nhà công nghiệp, thương nghiệp thịnh vượng” [128, tr.53]. Do đó, Hồ Chí Minh luôn yêu cầu phải đặc biệt coi trọng và phát huy vai trò của các doanh nghiệp, coi đây là lực lượng quan trọng trong việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và vững mạnh. Người nhấn mạnh rằng, trong khi toàn dân đang nỗ lực phấn đấu vì độc lập dân tộc, thì giới công - thương phải tích cực hoạt động, đóng góp thiết thực vào việc xây dựng một nền kinh tế và tài chính quốc gia vững vàng, thịnh vượng. Theo Người, sự phát triển của doanh nghiệp, nhất là trong lĩnh vực

công - thương, không chỉ mang lại lợi ích cho bản thân doanh nghiệp mà còn góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến và lưu thông hàng hóa.

Bên cạnh đó, Người cũng ra sức kêu gọi, “Các nhà giàu có mau mau góp vốn lại mở các công ty kinh doanh công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, tài chính, giao thông để tích cực tăng gia sinh sản, lưu thông buôn bán” [128, tr.98]. Để các nhà doanh nghiệp hoạt động đúng định hướng và phù hợp với quan điểm của Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng doanh nhân phải gắn hoạt động kinh doanh với lợi ích của đất nước và nhân dân, coi đó là trách nhiệm và nghĩa vụ công dân trong thời kỳ xây dựng và phát triển kinh tế quốc gia. Người căn dặn, các nhà công thương cần thi đua kinh doanh lành mạnh, tuân thủ đúng các chính sách kinh tế, tài chính của Chính phủ, góp phần khôi phục và phát triển nền kinh tế nước nhà. Theo Người, doanh nghiệp không chỉ là lực lượng sản xuất, mà còn là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân, có vai trò tích cực trong việc PTNN, công nghiệp, thương mại và xây dựng một nền kinh tế vững mạnh, tự chủ.

Năm là, cán bộ, đảng viên - lực lượng nòng cốt trong phát triển nông nghiệp

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ, đảng viên là lực lượng nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, đồng thời là cầu nối quan trọng giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân trong sự nghiệp PTNN. Xuất phát từ vai trò đó, Người căn dặn: “Các cán bộ phải chú ý lãnh đạo nông nghiệp, vì muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển công nghiệp nhưng đồng thời cũng phải phát triển nông nghiệp, vì hai ngành đó khăng khít với nhau” [135, tr.361]. Theo Hồ Chí Minh, cán bộ không chỉ quán triệt và triển khai chính sách, mà còn phải trực tiếp bám sát thực tiễn, kiểm tra, đôn đốc công việc một cách thiết thực, tránh bệnh quan liêu, hình thức. Người nêu rõ: “Các cấp từ trung ương đến huyện phải lãnh đạo chặt chẽ, thiết thực, phải đến tận nơi kiểm tra, đôn đốc và phải đi đúng đường lối quần chúng, không được quan liêu, chỉ lãnh đạo phong trào trên giấy tờ” [135, tr.361]. Đồng thời, Người yêu cầu cán bộ các cấp đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau trong thực thi nhiệm vụ; cán bộ cấp trên cần quan tâm, giúp đỡ cấp dưới để nâng cao hiệu quả công tác và sản xuất. Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ trong học tập, công tác, sản xuất và chăm lo đời sống Nhân dân. Là những người gần dân nhất, cán bộ địa phương phải biết tạo dựng niềm tin, tập hợp

và phát huy sức mạnh quần chúng, để Nhân dân tích cực tham gia các phong trào sản xuất, các tổ đổi công, HTX. Người chỉ rõ: “Vận động nông dân vào tổ đổi công, hợp tác xã thì phải tuyên truyền giải thích nhưng như thế chưa đủ, mà phải lấy kết quả thực tế để nông dân nhìn thấy tận mắt, nghe thấy tận tai thì việc tuyên truyền đó mới có kết quả tốt” [135, tr.361]. Nếu phát huy tốt vai trò của cán bộ địa phương sẽ góp phần thiết thực trong PTNN.

Sáu là, Nông dân - lực lượng trực tiếp, giữ vai trò quyết định trong phát triển nông nghiệp

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, người nông dân giữ vai trò chủ thể trong sự nghiệp PTNN. Người luôn khẳng định Việt Nam là nước nông nghiệp, do đó sự thịnh vượng của quốc gia phụ thuộc trực tiếp vào đời sống và năng lực sản xuất của nông dân. Nông dân không chỉ là lực lượng sản xuất chính, tạo ra của cải vật chất nuôi sống xã hội, mà còn là chủ thể quyết định sự thành công của quá trình PTNN. Theo Người, nếu nông dân giàu thì nước sẽ mạnh, còn nếu nông dân nghèo thì đất nước khó phát triển. Vì vậy, phải coi nông dân là trung tâm của mọi chính sách nông nghiệp, là người trực tiếp tổ chức, sáng tạo và hưởng lợi từ thành quả lao động của mình. Quan điểm ấy thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về việc phát huy vai trò, quyền làm chủ và sức mạnh nội sinh của người nông dân trong công cuộc PTNN. Bởi, Hồ Chí Minh thấu hiểu, nông dân chính là người “đổ mồ hôi sôi nước mắt, mới làm ra được lương thực” [133, tr.469]. Từ sự đánh giá sâu sắc ấy, Người khẳng định rằng muốn PTNN thì phải đặc biệt coi trọng vai trò, khơi dậy tiềm năng, trí tuệ, sức sáng tạo của nông dân; tạo điều kiện để họ phát huy đầy đủ năng lực, trở thành chủ thể thực sự của quá trình PTNN.

Do vậy, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân, đồng thời tạo điều kiện để họ tiếp cận tiến bộ KHKT nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Người cho rằng, nếu không coi nông dân là trung tâm, không phát huy vai trò chủ thể của họ thì mọi chủ trương, chính sách PTNN khó có thể đi vào cuộc sống. Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh, mỗi khi nông dân được động viên, khích lệ và hỗ trợ kịp thời, họ sẽ trở thành lực lượng to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, trong đó có PTNN.

2.2.3. Nội dung phát triển nông nghiệp

2.2.3.1. *Phát triển toàn diện, đa dạng cơ cấu các ngành nghề nông nghiệp*

Để nông nghiệp thật sự là nền tảng của đời sống và kinh tế quốc dân, theo Hồ Chí Minh nội dung PTNN trước hết phải bảo đảm đa dạng cơ cấu các ngành nghề. Người nêu định hướng: “Sản xuất phải toàn diện, trồng cây lương thực và cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, phát triển nghề rừng” [137, tr.225]. PTNN phải đa dạng hóa cơ cấu ngành nghề: vừa bảo đảm lương thực cho đời sống, vừa tạo nguồn hàng hóa và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Đồng thời, phát triển chăn nuôi và nghề rừng giúp tận dụng nguồn lực, nâng giá trị gia tăng và giữ vững cân bằng sinh thái, tạo nền tảng lâu dài cho kinh tế quốc dân.

Phát triển ngành trồng trọt. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm phát triển ngành trồng trọt, nhất là trồng lúa. Bởi vì, nước ta là một trong những “cái nôi” của nền văn minh lúa nước, coi cây lúa là cây lương thực chính - “Sản xuất thóc là chính” [137, tr.199]. Mục đích của sản xuất lúa không chỉ cung cấp lương thực cho Nhân dân, cho bộ đội kháng chiến, mà còn xuất khẩu, đem lại nguồn lợi cho đất nước, đồng thời góp phần bảo đảm an ninh lương thực toàn cầu. Theo Người, trong PTNN cần có cái nhìn toàn diện, hài hòa giữa các loại cây trồng, không được coi trọng một mặt mà xem nhẹ mặt khác. Người cho rằng lúa là cây trồng chủ lực, giữ vai trò chính trong bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, nhưng các cây lương thực khác như ngô, khoai, sắn cũng rất cần thiết và phải được chú trọng phát triển đồng đều. Nếu chỉ tập trung vào lúa mà bỏ qua các loại hoa màu khác thì sẽ gây mất cân đối trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, Người cũng nhấn mạnh việc phát triển hoa màu là hết sức cần thiết, vì đây không chỉ là nguồn lương thực bổ sung cho con người mà còn là nguồn thức ăn quan trọng phục vụ chăn nuôi. Phát triển hợp lý cây hoa màu góp phần đa dạng hóa sản xuất, tận dụng tối đa tiềm năng đất đai, nâng cao thu nhập cho nông dân và tạo nền tảng cho một nền nông nghiệp ổn định, bền vững.

Xuất phát từ quan niệm trên, trong quá trình lãnh đạo PTNN, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở: “Để tránh tình trạng lương thực gặp khó khăn, các cấp ủy từ tỉnh đến huyện và xã cần phải cấp tốc đến tận nơi động viên và hướng dẫn đồng bào nông dân và các cơ quan, bộ đội trồng đủ và chăm bón tốt ngô, khoai, sắn, quyết tâm thu một vụ hoa màu thắng lợi” [137, tr.379]. Theo Người, ngoài trồng các loại cây

lượng thực, phải trồng cây công nghiệp vì: “Cây công nghiệp không đạt được kế hoạch thì ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp” [137, tr.81]. Hồ Chí Minh còn coi trọng đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, xem đây là định hướng quan trọng để PTNN theo hướng bền vững, nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế. Người yêu cầu: “Khôi phục *cây công nghệ*, chủ yếu là bông, mía, cà phê và các cây công nghệ và cây ăn quả khác” [134, tr.213]. Trong đó, cây bông được Người nhấn mạnh như một cây trồng có ý nghĩa chiến lược, bởi nước ta có điều kiện tự nhiên phù hợp để phát triển, đồng thời sản phẩm bông còn cung cấp nguồn nguyên liệu quan trọng cho ngành dệt - một ngành thiết yếu gắn trực tiếp với đời sống Nhân dân và sự phát triển của nền kinh tế. Ngoài ra, Người cũng nhắc phải trồng cây chè, cà phê, trồng dâu nuôi tằm, trồng mía, trồng cây ăn quả... là những loại cây thuộc lợi thế của một đất nước có khí hậu nhiệt đới như nước ta. Điều đó thể hiện quan điểm của Người về trồng trọt theo hướng toàn diện, kết hợp giữa cây lương thực với cây công nghiệp và cây có giá trị hàng hóa, nhất là những loại có thể tham gia xuất khẩu để tạo nguồn lực cho công cuộc kiến thiết. Người căn dặn rất cụ thể: “Trong trồng trọt phải chú ý toàn diện. Trồng cà phê, trồng lúa nhưng đồng thời phải chú ý trồng lạc, trồng vùng vè lạc, vùng là thứ hàng xuất khẩu rất tốt để đổi lấy máy móc. Nhưng ở đây chưa được chú ý đầy đủ” [137, tr.286].

Bên cạnh việc chú trọng trồng các loại cây lương thực, cây công nghiệp, hoa màu, Hồ Chí Minh còn coi trọng trồng cây lấy gỗ. Bởi theo Người: “Nếu mỗi năm, mỗi người trồng 4 cây, trong 5 năm lại có gỗ làm nhà, đóng giường, bàn ghế, làm nông cụ” [137, tr.213]. Chỉ bằng một ví dụ đơn giản, Người đã chỉ ra tầm quan trọng của việc trồng cây gây rừng không chỉ để bảo vệ môi trường, mà còn tạo ra nguồn nguyên liệu phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Qua đó thể hiện tư duy sâu sắc, thiết thực và mang tính chiến lược về phát triển lâm nghiệp gắn với đời sống Nhân dân. Người không chỉ khuyến khích trồng cây, mà còn nhấn mạnh đến trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ để cây sinh trưởng tốt. Người nhấn mạnh: “Trồng cây phải chú ý chăm sóc, trồng cây nào sống cây ấy. Trồng ít, trồng vừa mà cây nào được cây ấy, còn hơn trồng nhiều mà có nhiều cây chết” [137, tr.213].

Phát triển ngành chăn nuôi. Hồ Chí Minh luôn coi chăn nuôi là một bộ phận quan trọng cấu thành nên nền nông nghiệp toàn diện. Người cho rằng chăn nuôi không chỉ góp phần cải thiện đời sống của Nhân dân, bảo đảm nguồn thực phẩm

thiết yếu, mà còn tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Vì vậy, Người luôn nhấn mạnh phải đẩy mạnh chăn nuôi, mở rộng quy mô, nâng cao năng suất và chất lượng đàn vật nuôi, coi đó là hướng đi tất yếu để xây dựng một nền nông nghiệp phát triển cân đối, bền vững và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Người chỉ rõ: “Phải phát triển mạnh chăn nuôi để bảo đảm có thêm thịt ăn, thêm sức kéo, thêm phân bón” [137, tr.213].

Để bảo đảm có thêm nguồn thực phẩm, sức kéo và phân bón phục vụ sản xuất, Hồ Chí Minh coi trọng chăn nuôi trâu, bò, lợn - những vật nuôi mang lại lợi ích thiết thực và đa dạng cho nông nghiệp. Người cho rằng, trâu, bò, lợn không chỉ là nguồn cung cấp thịt cho đời sống hàng ngày mà còn là nguồn sức kéo quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, đồng thời cung cấp lượng phân bón dồi dào cho ruộng đồng, góp phần nâng cao năng suất cây trồng. Bên cạnh đó, Người còn khuyến khích mở rộng chăn nuôi gia súc, gia cầm nhỏ như dê, thỏ, gà, vịt, nhằm tận dụng tối đa tiềm năng sẵn có ở nông thôn, đa dạng hóa nguồn thực phẩm và nâng cao thu nhập cho người dân. Việc khuyến khích nuôi thêm các loại vật nuôi như dê, thỏ, gà, vịt nhằm mở rộng và làm đa dạng sản phẩm chăn nuôi, cung cấp nguồn thực phẩm phong phú gồm thịt, trứng, sữa, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của người dân. Những loại vật nuôi này có ưu điểm dễ nuôi, vốn đầu tư thấp, thời gian sinh trưởng nhanh, phù hợp với điều kiện của nhiều hộ gia đình nông thôn, đặc biệt là tại các vùng khó khăn. Hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao đời sống và thu nhập của nông dân, mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình và kinh tế HTX. Đồng thời, việc đa dạng hóa chăn nuôi giúp bảo đảm an ninh lương thực - thực phẩm và hạn chế rủi ro khi một loại vật nuôi gặp dịch bệnh. Như vậy, chỉ dẫn của Hồ Chí Minh vừa có ý nghĩa trước mắt, vừa mang tính chiến lược, định hướng phát triển ngành chăn nuôi toàn diện, hài hòa và đa dạng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế nông nghiệp.

Hồ Chí Minh luôn coi chăn nuôi là một lĩnh vực quan trọng, không thể tách rời với trồng trọt bởi nó vừa cải thiện dinh dưỡng cho Nhân dân, vừa cung cấp phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp, tạo nguồn thu nhập ổn định cho nông hộ. Trồng trọt muốn đạt năng suất cao phải có phân bón. Trong điều kiện sản xuất còn thủ công, hữu cơ, phân chuồng (phân từ chăn nuôi) đóng vai trò rất quan trọng để cải tạo đất, tăng độ màu mỡ. Muốn có nguồn phân chuồng dồi dào thì phải phát triển chăn nuôi. Hồ Chí Minh không chỉ nói đến phát triển số lượng, mà còn hướng đến

tổ chức lại sản xuất nông nghiệp một cách khoa học, tạo ra một vòng tuần hoàn nông nghiệp hiệu quả: chăn nuôi phục vụ trồng trọt, còn phụ phẩm trồng trọt lại làm thức ăn cho vật nuôi. Muốn chăn nuôi hiệu quả thì phải có nguồn thức ăn bảo đảm, do đó cần quy hoạch và mở rộng diện tích trồng cây làm thức ăn cho gia súc, gia cầm. Đây là định hướng thiết thực, đặt nền móng cho việc xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ ngành chăn nuôi hiện nay.

Phát triển ngành lâm nghiệp. Hồ Chí Minh sớm dành sự quan tâm sâu sắc đến phát triển lâm nghiệp, đặc biệt là trồng, bảo vệ và khai thác rừng một cách hợp lý. Người chỉ rõ, ““Rừng vàng, biển bạc”. Chúng ta chớ lãng phí vàng, mà phải bảo vệ vàng của chúng ta” [137, tr.81]. Điều đó vừa khẳng định giá trị to lớn của tài nguyên thiên nhiên đối với đất nước, đời sống và sản xuất, vừa nhấn mạnh một nguyên tắc phát triển có tính chiến lược: phát triển kinh tế phải gắn chặt với bảo vệ tài nguyên, khai thác đi đôi với tái tạo, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hướng tới tính bền vững của các nguồn lực thiên nhiên. Bởi theo Hồ Chí Minh, cây và rừng là nguồn lợi to lớn, có giá trị nhiều mặt đối với đời sống con người và sự phát triển của đất nước. Người cho rằng việc trồng cây không chỉ là một hoạt động kinh tế trong PTNN mà còn mang ý nghĩa sâu sắc về giáo dục tinh thần yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Hồ Chí Minh coi trồng cây, gây rừng là trách nhiệm của mọi người dân. Người cho rằng, trồng cây là việc làm thiết thực, đem lại lợi ích lớn về kinh tế, môi trường và xã hội, song trong thực tế nhiều người dân chưa nhận thức đầy đủ giá trị đó, vì vậy cần được tuyên truyền, khuyến khích và biến việc trồng cây thành phong trào thường xuyên, bền vững trong toàn xã hội.

Đi đôi với trồng rừng, Người không quên nhắc nhở Nhân dân phải biết chăm sóc và bảo vệ rừng. Bởi theo Người, “Phá rừng thì dễ, nhưng gây lại rừng thì phải mất hàng chục năm” [138, tr.165]. Đây là lời cảnh báo sâu sắc về hậu quả của việc hủy hoại tài nguyên rừng và nhấn mạnh trách nhiệm trong bảo vệ môi trường. Người chỉ ra sự chênh lệch lớn giữa tốc độ tàn phá và quá trình phục hồi, từ đó kêu gọi phải nâng cao ý thức gìn giữ rừng, bởi mất rừng là mất đi lá chắn tự nhiên bảo vệ cuộc sống con người.

Đối với Hồ Chí Minh, trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Do đó, Người luôn nhắc nhở cán bộ phải có trách nhiệm trong việc bảo vệ và phát triển rừng, coi đây là nhiệm vụ gắn liền với lợi ích lâu dài của

đất nước. Người yêu cầu cán bộ phải chủ động tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực trồng cây, gây rừng để làm cho quê hương, đất nước ngày càng xanh tươi, trù phú. Đồng thời, phải biết khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên rừng, tránh tình trạng chặt phá bừa bãi gây tổn hại đến môi trường và nguồn sinh kế của nhân dân. Hồ Chí Minh sớm cảnh báo về hậu quả nghiêm trọng của việc tàn phá rừng, bởi khi rừng bị kiệt quệ, nguồn nước sẽ cạn, đất đai bạc màu, dễ dẫn đến thiên tai như lũ lụt, hạn hán, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sản xuất của con người. Không chỉ đề ra tư tưởng, giáo dục, động viên Nhân dân, chính Hồ Chí Minh là tấm gương trong việc trồng cây, bảo vệ rừng, tạo thành phong trào, truyền thống, mang lại giá trị thực tiễn, góp phần làm đẹp cảnh quan, bảo vệ thiên nhiên, môi trường.

Phát triển ngành thủy sản. Xuất phát từ lợi thế vốn có nước ta với bờ biển dài, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến phát triển ngành thủy sản và các ngành nghề kinh tế liên quan đến biển. Một mặt để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân, Người nhấn mạnh: “Cần đẩy mạnh nghề đánh cá, nghề làm muối, nuôi dưỡng và bảo vệ các thứ hải sản, trăn châu, v.v..” [137, tr.129]. Để có thể khai thác các nguồn lợi kinh tế từ biển, Hồ Chí Minh căn dặn Đảng, Chính phủ phải quan tâm chăm lo mọi mặt cho ngư dân. Bởi, ngư dân là lực lượng trực tiếp gắn bó với biển, giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển đảo, do đó cần phải được quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất. Người cho rằng, muốn khai thác và làm giàu từ biển, trước hết ngư dân phải có sức khỏe, có kiến thức, đồng thời phải được trang bị tốt hơn về phương tiện và kỹ thuật. Theo Người, cần phải đưa máy móc, công nghệ hiện đại vào nghề cá, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

Mặt khác, cùng với việc khai thác các nguồn lợi kinh tế từ biển, Hồ Chí Minh cũng thường xuyên nhấn mạnh đến việc nêu cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Người nhắc nhở: “Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng. Ngày nay ta có ngày, có trời, có biển. Bờ biển ta dài, tươi đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy nó” [190, tr.80]. Người không chỉ nhấn mạnh về đẹp và giá trị của vùng biển - một phần thiêng liêng của lãnh thổ quốc gia, mà còn cảnh báo về nguy cơ đánh mất nếu không biết trân trọng và giữ gìn. Từ hình ảnh “đêm và rừng” đến “ngày, trời, biển” là biểu tượng cho sự chuyển mình từ kháng chiến gian khổ sang hòa bình, phát triển, đồng thời thể hiện tư

tương phát triển gắn liền với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là biển - nơi có tiềm năng kinh tế to lớn và ý nghĩa chiến lược về quốc phòng, an ninh của đất nước.

2.2.3.2. Phát triển nông nghiệp cân đối, hài hòa với các ngành khác trong nền kinh tế đất nước

Hồ Chí Minh luôn đặt PTNN trong mối liên hệ hữu cơ với các ngành kinh tế khác, chứ không xem đó là lĩnh vực tách biệt. Người nhấn mạnh: “Giữa các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, văn hóa, giáo dục... với nhau và trong mỗi một ngành phải phát triển cân đối” [137, tr.470]. Trong đó, PTNN cần kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp và nông nghiệp, bảo đảm sự gắn kết giữa các khâu sản xuất - chế biến - lưu thông - tiêu thụ, tạo thành một chuỗi giá trị khép kín. Theo Người, chỉ khi các ngành kinh tế cùng phát triển hài hòa, hỗ trợ lẫn nhau thì mới có thể phát huy tối đa hiệu quả sản xuất, thúc đẩy kinh tế nông thôn và đất nước phát triển bền vững. Nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp được xem là ba trụ cột chính, vừa tác động lẫn nhau, vừa bổ trợ cho nhau, tạo nên một tổng thể thống nhất. Sự liên kết này không chỉ nâng cao hiệu quả sản xuất, tiêu thụ và phân phối, mà còn bảo đảm nền kinh tế phát triển ổn định, bền vững, đồng thời đáp ứng thiết thực nhu cầu đời sống của Nhân dân.

Phát triển nông nghiệp phải đặt trong mối quan hệ với công nghiệp. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Công nghiệp và nông nghiệp như hai chân của con người. Hai chân có mạnh thì đi mới vững chắc. Nông nghiệp không phát triển thì công nghiệp cũng không phát triển được. Ngược lại, không có công nghiệp thì nông nghiệp cũng khó khăn” [137, tr.469]. Trong mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, Hồ Chí Minh chỉ rõ đây là hai ngành gắn bó mật thiết, bổ sung cho nhau. Nông nghiệp giữ vai trò cung cấp lương thực, thực phẩm thiết yếu cho đời sống Nhân dân, đồng thời tạo nguồn nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy chế biến và là thị trường tiêu thụ rộng lớn của sản phẩm công nghiệp. Ngược lại, công nghiệp đảm nhiệm việc sản xuất và cung ứng tư liệu sản xuất hiện đại, máy móc, phân bón, giống mới cùng nhiều hàng hóa tiêu dùng cần thiết khác phục vụ nông nghiệp. Như vậy, công nghiệp và nông nghiệp không tồn tại tách biệt mà tạo thành một chỉnh thể thống nhất, hỗ trợ và thúc đẩy nhau cùng phát triển, góp phần nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống Nhân dân và xây dựng nền kinh tế đất nước. Chính vì thế,

theo Hồ Chí Minh, nông nghiệp phải đi trước một bước tạo tiền đề cho công nghiệp phát triển; đến lượt mình công nghiệp lại tạo ra các phương tiện hiện đại để tăng sức sản xuất cho nông nghiệp.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, Hồ Chí Minh luôn quan tâm phát triển đồng thời cả nông nghiệp và công nghiệp. Bởi, nếu chỉ tập trung, chú trọng phát triển thiên lệch nông nghiệp hoặc công nghiệp thì nền kinh tế đất nước sẽ trở nên “què quặt”. Người viết: “...công nghiệp và nông nghiệp phải giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau phát triển, như hai chân đi khỏe và đi đều thì tiến bước sẽ nhanh, và nhanh chóng đi đến mục đích. Thế là thực hiện liên minh công nông để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân” [137, tr.376]. Nông nghiệp cần được đẩy mạnh để bảo đảm đủ lương thực phục vụ đời sống Nhân dân; đồng thời cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp như bông, mía, chè... và tạo nguồn nông sản xuất khẩu như lạc, đỗ, đậu... nhằm thu ngoại tệ để nhập khẩu máy móc. Song song đó, công nghiệp cũng phải phát triển mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của Nhân dân, đặc biệt là nông dân; cung cấp các phương tiện, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp như máy bơm nước, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật... và tiến tới cơ giới hóa đồng bộ nông nghiệp với các loại máy cày, máy bừa cho HTX. Chỉ khi công nghiệp phát triển thì nông nghiệp mới có điều kiện phát triển theo.

Từ thực tiễn đất nước, Hồ Chí Minh xác định kinh tế nước ta phải bắt đầu từ nông nghiệp, lấy nông nghiệp làm chính, tức là theo cơ cấu nông - công nghiệp. Người lý giải: “Nếu nông nghiệp không phát triển thì không đủ lương thực để cung cấp cho công nhân, bộ đội, cán bộ, nhân dân thành thị và thanh niên” [137, tr.469]. Vì thế, nhiệm vụ của công nghiệp trước hết là nhằm phục vụ cho nông nghiệp. Theo Hồ Chí Minh, công nghiệp phải phát triển gắn liền và hướng mạnh vào việc phục vụ nông nghiệp. Trước hết, công nghiệp cần tập trung sản xuất máy bơm nước, công cụ lao động cải tiến, thuốc trừ sâu cùng các phương tiện, vật tư thiết yếu khác nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài của sản xuất nông nghiệp. Đây không chỉ là giải pháp nâng cao năng suất, giảm bớt sức lao động thủ công nặng nhọc cho nông dân, mà còn là điều kiện để hiện đại hóa sản xuất, phòng trừ sâu bệnh, bảo đảm an toàn mùa màng và tiến tới PTNN một cách hiệu quả, bền vững. Quan điểm này thể hiện rõ tư duy biện chứng của Người: công nghiệp hóa phải bắt đầu từ nông nghiệp, và công nghiệp muốn phát triển vững chắc thì trước hết cần đáp ứng yêu cầu phục vụ nông nghiệp.

Phát triển nông nghiệp đặt trong mối quan hệ với thương nghiệp. Mối quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp phải được thực hiện qua một mắt khâu trung gian là thương nghiệp. Do đó, PTNN không thể tách rời mối quan hệ với thương nghiệp. Theo Hồ Chí Minh, sản xuất phải gắn liền với tiêu thụ; nông sản làm ra cần có hệ thống lưu thông, phân phối hiệu quả để đưa hàng hóa đến tay người tiêu dùng, bảo đảm lợi ích cho nông dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Thương nghiệp đưa hàng đến nông thôn phục vụ nông dân, thương nghiệp lại đưa nông sản, nguyên liệu cho thành thị tiêu dùng” [134, tr.335].

Đồng thời, phát triển thương nghiệp còn góp phần mở rộng thị trường, thúc đẩy giao thương, nâng cao giá trị hàng hóa nông sản và đóng vai trò trung gian quan trọng trong quá trình liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu dùng. Nếu thương nghiệp không phát triển thì sẽ ảnh hưởng lớn đến PTNN. Người lý giải: “Công tác thương nghiệp không chạy thì hoạt động nông nghiệp, công nghiệp sẽ bị rời rạc” [134, tr.335]. Theo Hồ Chí Minh, thương nghiệp đóng vai trò cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng. Nông nghiệp và công nghiệp tạo ra sản phẩm, nhưng nếu không có hệ thống thương nghiệp bảo đảm lưu thông, phân phối hàng hóa thì hàng hóa sẽ không đến được với người tiêu dùng, sản phẩm ứ đọng, sản xuất đình trệ. Lúc này, hoạt động sản xuất sẽ bị “rời rạc”, thiếu tính liên kết và không tạo được chuỗi giá trị hoàn chỉnh. Một hệ thống thương nghiệp hiệu quả sẽ bảo đảm nông sản lưu thông thuận lợi, nâng cao giá trị hàng hóa, đồng thời kéo theo sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Thương nghiệp không chỉ ổn định thị trường mà còn điều tiết cung - cầu, duy trì giá cả hợp lý, từ đó giúp nông dân yên tâm sản xuất dài hạn. Ngược lại, nếu thương nghiệp yếu kém, giá cả biến động sẽ làm giảm động lực sản xuất, cản trở sự phát triển của kinh tế nông nghiệp. Hơn nữa, sự phát triển của thương nghiệp còn góp phần thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường trong nước và ra quốc tế.

Theo Hồ Chí Minh, thương nghiệp không chỉ thúc đẩy nông nghiệp phát triển mà còn giữ vai trò quan trọng trong việc củng cố và tăng cường khối liên minh công - nông, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp xây dựng CNXH. Người chỉ rõ: “Nếu khâu thương nghiệp bị đứt thì không liên kết được nông nghiệp với công nghiệp, không củng cố được công nông liên minh” [134, tr.335].

2.2.3.3. Phát triển nông nghiệp phù hợp với lợi thế của từng vùng, địa phương

Nội dung PTNN theo Hồ Chí Minh không chỉ cần đa dạng hóa cơ cấu ngành nghề, mà còn phải phát triển đồng bộ, toàn diện trên phạm vi cả nước. Theo đó, PTNN không thể chỉ tập trung vào những vùng, địa phương có điều kiện tự nhiên thuận lợi như ở đồng bằng, mà phải phát triển toàn diện ở các địa phương trong cả nước. Điều này đòi hỏi phải có chủ trương, định hướng và cơ chế tạo điều kiện phù hợp cho từng vùng, từ quy hoạch sản xuất, đầu tư kết cấu hạ tầng, chuyển giao KHKT, đến tổ chức thị trường và liên kết tiêu thụ, bảo đảm mỗi địa phương đều có “điểm tựa” để phát triển theo lợi thế so sánh của mình. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Phải ra sức làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp. Giữa nông trường và đồng bào địa phương, giữa đồng bào ở đồng bằng đến vỡ hoang và đồng bào miền núi” [137, tr.454]. Trên tinh thần đó, PTNN phải hướng tới thu hẹp dần chênh lệch giữa vùng thuận lợi và vùng khó khăn, nâng đỡ khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa “tiến kịp” với miền xuôi, qua đó hình thành một mặt bằng phát triển hài hòa, đồng bộ và bền vững trên phạm vi cả nước.

Các địa phương cần căn cứ vào đặc điểm, điều kiện, thế mạnh để chọn mô hình phát triển phù hợp. Người khẳng định: “Phải phát triển nông nghiệp một cách toàn diện. Tùy điều kiện của mỗi địa phương mà trồng nhiều lúa và nhiều hoa màu để bảo đảm lương thực cho nhân dân và nghĩa vụ đối với Nhà nước” [137, tr.461]. Mỗi vùng, mỗi địa bàn có đặc điểm khác nhau về đất đai, khí hậu, nguồn nước, lao động và tập quán canh tác; do đó, phải lựa chọn hướng sản xuất đúng lợi thế. Theo đó, địa phương có thế mạnh cây lương thực thì chú trọng thâm canh bảo đảm “thực túc”; nơi thuận lợi cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi hay thủy sản thì phát triển sản phẩm hàng hóa; vùng khó khăn cần lựa chọn mô hình phù hợp để ổn định đời sống, từng bước nâng cao thu nhập. Cách tiếp cận đó giúp khai thác hợp lý tiềm năng từng địa phương, giảm rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, đồng thời khắc phục “bệnh hình thức” trong sản xuất, bởi mở rộng quy mô chỉ có ý nghĩa khi tạo ra kết quả thực chất; nếu tăng diện tích mà không tăng sản lượng, chất lượng thì “vô ích, mất công”. Người yêu cầu các địa phương phải linh hoạt, sáng tạo, tùy tình hình thực tiễn để đề ra kế hoạch PTNN phù hợp. Người khẳng định: “Muốn lãnh đạo cho đúng tất nhiên phải theo đường lối chung. Song cách làm phải tùy theo chỗ, tùy theo mùa, tùy theo hoàn cảnh thực tế địa phương” [134, tr.310].

Mục tiêu mà Hồ Chí Minh hướng tới trong PTNN là hình thành các vùng chuyên canh theo hướng chuyên môn hóa, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Để đạt được điều đó, Người yêu cầu công tác lãnh đạo và lập kế hoạch phải sát thực tế, xuất phát từ đặc điểm cụ thể của từng vùng, từng miền. Theo Hồ Chí Minh, không thể áp dụng một cách rập khuôn, máy móc hay nóng vội, vì “tình hình vùng này không giống vùng khác”, do đó mọi chủ trương, chính sách đều phải linh hoạt, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của địa phương. Người cũng căn dặn cán bộ, đảng viên phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ; đi đúng đường lối quần chúng; làm việc thiết thực, tránh hình thức, máy móc. Muốn như vậy, cán bộ phải sâu sát thực tế, đi tận nơi, xem tận chỗ, hiểu rõ đặc điểm từng vùng, từng ngành để xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, không thể lấy kinh nghiệm của vùng này áp dụng cho vùng khác, bởi mỗi nơi có đặc điểm riêng về điều kiện tự nhiên, đất đai, khí hậu và con người. Mục đích nhằm phát huy các yếu tố: thiên thời, địa lợi, nhân hòa trong PTNN.

Yếu tố thiên thời. Theo Hồ Chí Minh, điều kiện tự nhiên ở nước ta là yếu tố rất thuận lợi cho PTNN. Người chỉ rõ: “Ở các xứ rét, mỗi năm tuyết giá dai dẳng, chỉ trồng trọt được một mùa. Khí hậu nước ta ấm áp cho phép ta quanh năm trồng trọt, thu hoạch bốn mùa. Như thế là thiên thời rất thuận lợi” [137, tr.375]. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh luôn lưu ý rằng, PTNN phải gắn liền với điều kiện tự nhiên, đặc biệt là khí hậu và thời tiết của từng mùa. Người cho rằng việc lựa chọn cây trồng, vật nuôi cần phù hợp với thời vụ và đặc điểm sinh thái của từng vùng, tránh làm theo phong trào hoặc tùy tiện. Hồ Chí Minh nhấn mạnh yếu tố “thiên thời”, nghĩa là mùa nào làm việc nấy, phải canh tác đúng thời vụ, kịp thời gian, bởi chỉ khi nắm vững quy luật tự nhiên, chủ động trong sản xuất thì mới đạt năng suất cao và bảo đảm hiệu quả bền vững cho nông nghiệp.

Yếu tố địa lợi. Nước ta chẳng những có thiên thời thuận lợi mà còn có cả địa lợi tốt để PTNN. Người chỉ rõ: “Vùng đồng bằng miền Bắc tuy ruộng ít, người nhiều; nhưng chúng ta trồng xen, tăng vụ, thì một mẫu đất có thể hóa ra hai. Miền ngược thì có nhiều vùng đất rộng mênh mông và màu mỡ, tha hồ cho chúng ta vỡ hoang. Như thế là địa lợi rất tốt” [137, tr.375]. Hồ Chí Minh đã nhìn thấy và tìm mọi cách phát huy yếu tố thiên thời, địa lợi để PTNN.

Yếu tố nhân hòa. Đây là yếu tố quyết định đến sản xuất, PTNN. Bởi, theo Hồ Chí Minh: “Tất cả của cải vật chất trong xã hội, đều do công nhân và nông dân làm ra. Nhờ sức lao động của công nhân và nông dân, xã hội mới sống còn và phát triển” [132, tr.247]. Trong quá trình lãnh đạo PTNN, Hồ Chí Minh sớm nhận thấy con người là nhân tố quyết định, là yếu tố “nhân hòa” trong ba điều kiện thiên thời - địa lợi - nhân hòa. Người khẳng định nhân dân Việt Nam, đặc biệt là nông dân, có truyền thống cần cù, thông minh, khéo léo và giàu kinh nghiệm sản xuất, đây là nguồn lực to lớn để thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Theo Hồ Chí Minh, khi nông dân được giác ngộ, thấm nhuần đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, họ sẽ phát huy mạnh mẽ tinh thần cách mạng, hăng hái thi đua lao động, tạo nên những chuyển biến to lớn trong sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, PTNN không chỉ dựa vào thiên nhiên hay chính sách, mà trước hết phải phát huy sức mạnh, tinh thần và trí tuệ của người nông dân, coi đó là nền tảng vững chắc để xây dựng một nền nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại.

Để phát huy yếu tố nhân hòa, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng và Chính phủ cần lưu ý: “Xã viên có người khỏe, người yếu; có người thạo nghề, người chưa thạo. Công việc có việc khó việc dễ, việc nặng việc nhẹ. Phải phân phối thế nào cho người đúng với việc, việc đúng với người, và ai cũng có công việc, cũng phấn khởi lao động” [137, tr.123]. Trên cơ sở đó, Hồ Chí Minh căn dặn toàn Đảng, toàn dân phải biết kết hợp và vận dụng hài hòa ba yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, đặc biệt ở miền Bắc - trung tâm nông nghiệp của cả nước. Người cho rằng nếu biết khai thác thuận lợi của tự nhiên, sử dụng hợp lý tài nguyên đất nước và phát huy sức mạnh đoàn kết, cần cù, sáng tạo của nhân dân thì nhất định sẽ tạo được bước chuyển căn bản trong PTNN.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh ví PTNN như sự vận hành của một “guồng máy”, trong đó các khâu từ chọn giống, làm đất, gieo trồng, chăm sóc đến thu hoạch phải được phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng thì kết quả mới cao. Người nhấn mạnh, trong PTNN, không chỉ mở rộng diện tích hay đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, mà quan trọng hơn là nâng cao hiệu quả, sản lượng và chất lượng sản phẩm. Theo Người, phải làm việc một cách cẩn trọng, tỉ mỉ, thường xuyên theo dõi, chăm sóc, tránh bệnh hình thức hoặc chạy theo số lượng. Người phê phán tư tưởng “tăng diện tích mà không tăng sản lượng”, coi đó là việc làm hình thức, tốn công mà không mang lại lợi ích thiết thực cho nông dân và nền kinh tế.

2.2.4. Biện pháp phát triển nông nghiệp

2.2.4.1. Tuyên truyền, giáo dục, khơi dậy ý thức tự lực, tự cường, tinh thần yêu lao động, thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm của người nông dân

Nông nghiệp gắn chặt với nông dân, vì vậy để PTNN, trước hết phải khẳng định và phát huy vai trò chủ thể của nông dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong công cuộc xây dựng dân chủ mới, muốn phát triển công nghệ và thương nghiệp, ắt phải do nông dân được giải phóng, thi đua sản xuất, cung cấp nguyên liệu và lương thực, đồng thời tiêu thụ dồi dào những thứ công nghệ sản xuất ra” [132, tr.258]. Xác định nông dân là chủ thể, giữ vai trò quyết định, Hồ Chí Minh luôn đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của họ trong PTNN. Người ví mỗi nông dân như một chiến sĩ xung phong trên mặt trận nông nghiệp, bởi thành quả của ngành nông nghiệp phụ thuộc trực tiếp vào ý thức và nỗ lực lao động của họ. Theo Hồ Chí Minh, ruộng đất chỉ phát huy được giá trị khi người nông dân thật sự cần cù, chịu khó, gắn bó với đồng ruộng và không ngại khó, ngại khổ trong sản xuất. Người nhấn mạnh rằng, muốn có của cải, lương thực và cuộc sống ấm no, nông dân phải dựa vào chính sức lao động của mình, phải cần mẫn, sáng tạo và luôn coi lao động là vinh dự, là nghĩa vụ thiêng liêng đối với đất nước. Nội dung tuyên truyền, giáo dục cần khơi dậy tinh thần làm chủ, ý thức trách nhiệm, quyết tâm vươn lên trong cuộc sống, phát huy mạnh mẽ tinh thần tự lực, tự cường, chống tư tưởng trông chờ ỷ lại.

Hồ Chí Minh cho rằng, bên cạnh vai trò hỗ trợ của Nhà nước thì việc phát huy tinh thần tự lực, tự cường của nông dân là một biện pháp quan trọng trong PTNN. Theo Người, Nhà nước có trách nhiệm định hướng, tạo điều kiện và hỗ trợ về cơ chế, chính sách, KHKT; tuy nhiên, yếu tố quyết định vẫn là sự chủ động, cần cù và sáng tạo của chính người nông dân. Do vậy, Người luôn đề cao tinh thần “dựa vào sức ta là chính”, coi lao động sản xuất là con đường căn bản để nâng cao đời sống vật chất của Nhân dân. Muốn vậy, phải tăng cường đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất trong Nhân dân. Người viết: “...chúng ta phải động viên lòng hăng hái sản xuất của nhân dân” [134, tr.213]. Thi đua chính là cách thiết thực nhất để khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý thức vươn lên và sức sáng tạo của người nông dân trong lao động sản xuất; từ đó tạo ra chuyển biến đồng bộ trong cách nghĩ, cách làm, nề nếp sản xuất và hiệu quả kinh tế. Người kêu gọi đồng bào: “Thi đua tăng gia sản xuất,

chăn nuôi thêm súc vật, giồng thêm nhiều thóc lúa, hoa màu, bông, rau. Trai, gái, già, trẻ, mỗi người đều phải cố gắng, người đã tăng gia sản xuất sẽ tăng gia sản xuất nhiều hơn, người chưa tăng gia sản xuất sẽ phải tăng gia sản xuất. Chúng ta quyết thực hiện khẩu hiệu: *Toàn dân canh tác, bốn mùa canh tác*” [130, tr.324]. Thi đua phải thật sự trở thành phong trào rộng khắp “Người này thi đua với người khác. Nhà này thi đua với nhà khác. Làng này thi đua với làng khác” [129, tr.119]. Chính sự lan tỏa từ cá nhân đến gia đình, thôn xóm sẽ tạo nên khí thế sôi nổi trong PTNN.

Bên cạnh phát huy tinh thần thi đua sản xuất, Hồ Chí Minh còn đặc biệt chú trọng giáo dục tinh thần thực hành tiết kiệm trong Nhân dân. Người cho rằng tăng gia sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm, vì đó là hai yếu tố gắn bó hữu cơ, cùng góp phần xây dựng CNXH và mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Theo Người, sản xuất tạo ra của cải vật chất, còn tiết kiệm giúp sử dụng hợp lý và hiệu quả những thành quả đó; nếu chỉ sản xuất mà không tiết kiệm thì chẳng khác nào làm mà không giữ, “gió vào nhà trống”. Người chỉ rõ: “Nếu cán bộ khéo lãnh đạo và thiết thực giúp đỡ đồng bào và đồng bào cố gắng tăng gia sản xuất và tiết kiệm thì dân sẽ no ấm, mọi việc trôi chảy, thuế khóa dễ thu, tài chính dồi dào, dân no thì nước giàu...” [133, tr.518]. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh việc kết hợp giữa lao động cần cù với lối sống tiết kiệm, giản dị, chống lãng phí trong sản xuất và đời sống. Người yêu cầu trong nông nghiệp, mỗi địa phương, mỗi hộ nông dân phải tính toán cụ thể diện tích canh tác, sức lao động và nhu cầu sản xuất, sử dụng hợp lý tài nguyên, tận dụng từng tấc đất, không để đất bỏ hoang, không làm theo phong trào hay hình thức. Theo Người, chỉ khi nhân dân biết vừa sản xuất giỏi, vừa tiết kiệm tốt thì đời sống mới ngày càng ấm no, đất nước mới thật sự phát triển bền vững.

Ngoài ra, phải quan tâm chăm lo xây dựng, phát triển người nông dân một cách toàn diện. Trong đó, chú trọng nâng cao trình độ dân trí cho nông dân, bởi “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” [128, tr.7]. Nâng cao dân trí, một mặt giúp Nhân dân hiểu rõ quyền lợi, trách nhiệm của mình, mặt khác, đây là điều kiện cần để nâng cao trình độ văn hóa, phát huy quyền làm chủ trong PTNN.

2.2.4.2. Hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển nông nghiệp

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, để PTNN cần phải có chủ trương, chính sách đúng, cơ chế phù hợp. Người luôn coi trọng vai trò tổ chức của Nhà nước và HTCT trong việc định hướng, điều tiết, “đỡ đầu” cho nông dân, đồng thời bảo đảm công

bằng, chống đặc quyền, đặc lợi, chống lãng phí và quan liêu. Vì vậy, hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật về PTNN là giải pháp có tính nền tảng để khơi thông nguồn lực, tạo động lực và thiết lập môi trường phát triển ổn định, bền vững.

Trước hết, Đảng, Nhà nước phải đề ra và thực hiện chủ trương người cày có ruộng. Bởi, dưới chế độ thực dân, phong kiến, ruộng đất chủ yếu tập trung trong tay giai cấp thống trị, trong khi nông dân - lực lượng sản xuất chính lại bị tước đoạt tư liệu lao động cơ bản là ruộng đất. Nhận thức sâu sắc về bất công đó, Hồ Chí Minh xác định rõ, muốn PTNN, trước hết phải trao quyền làm chủ ruộng đất cho người nông dân. Vì vậy, ngay từ khi thành lập, Đảng đã sớm đề ra chủ trương “người cày có ruộng” và xác định việc tịch thu ruộng đất của đế quốc, địa chủ để chia cho dân cày là nhiệm vụ cấp thiết. Trong Chính cương vắn tắt do Hồ Chí Minh soạn thảo năm 1930, Người nhấn mạnh: “Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo”. [127, tr.2]. Tư tưởng này tiếp tục được khẳng định trong cuộc trả lời phỏng vấn báo France Tireur (Báo Du kích Pháp) vào tháng 6/1949, khi phóng viên đặt câu hỏi: “Nước Cộng hoà Việt Nam đã cải cách được những gì về mặt xã hội? Và sẽ định thực hiện những gì, nhất là việc cải cách và phân chia ruộng đất? ” [130, tr.132], Hồ Chí Minh đã trả lời: “Về việc cải cách ruộng đất, giảm địa tô hai mươi lăm phần trăm” [130, tr.132]. Cùng với đó, Người ban hành nhiều sắc lệnh mang tính đột phá như Sắc lệnh số 27b-SL ngày 2/3/1947, quy định cấp đất công hoang cho công dân từ 18 tuổi trở lên. Những chính sách này đã đặt nền móng cho tiến trình hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật, đồng thời cho thấy tư duy và tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh về PTNN.

Đồng thời, phải hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật về phát huy vai trò của nông dân trong PTNN. Theo Hồ Chí Minh, “Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thật thà thực hiện, thì phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân” [132, tr.31], bởi nông dân là lực lượng nòng cốt của cách mạng và là chủ thể quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước. Do đó, Người yêu cầu, Đảng, Nhà nước phải sớm hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật để nâng cao vai trò, vị thế của người dân. Thông qua đó, để bảo đảm quyền lợi về kinh tế, chính trị và xã hội cho họ, trong đó nổi bật là chính sách ruộng đất, tín dụng, thuế khóa, giáo dục và y tế. Người cho rằng mọi cơ chế, chính sách phải xuất phát từ lợi ích thiết thực của nông

dân, đồng thời tạo điều kiện để họ được tham gia xây dựng, giám sát và thực hiện pháp luật. Người chỉ rõ: “Nội dung cách mạng dân chủ căn bản là giải phóng cho nông dân, chia ruộng đất cho nông dân. Nội dung cách mạng dân tộc cũng là giải phóng cho nông dân. Bao giờ ở nông thôn nông dân thật sự nắm chính quyền, nông dân được giải phóng thì mới là dân chủ thực sự” [132, tr.44]. Với Hồ Chí Minh, mọi cơ chế, chính sách PTNN phải nhằm hướng tới nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Bên cạnh đó, Đảng, Nhà nước phải ban hành chính sách miễn, giảm thuế nông nghiệp. Hồ Chí Minh có quan điểm nhất quán và tiến bộ về chính sách miễn, giảm thuế nông nghiệp, coi đó là một công cụ quan trọng để hỗ trợ nông dân, cải thiện đời sống và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Bởi theo Người: “Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất” [139, tr.617]. Vì vậy, Nhà nước cần có chính sách thuế hợp lý, trong đó ưu tiên miễn, giảm thuế cho nông dân nghèo, vùng bị thiên tai, mất mùa hoặc gặp khó khăn đặc biệt. Trong nhiều bài viết và chỉ thị, Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc không để nông dân “đóng thuế mà đói” và yêu cầu chính quyền các cấp phải thực hiện chính sách thuế nông nghiệp với tinh thần nhân đạo, công bằng và khuyến khích sản xuất. Tư tưởng đó không chỉ thể hiện lòng nhân ái, vì dân của Người mà còn là nền tảng để xây dựng chính sách tài chính nông nghiệp công bằng, hiệu quả và hợp lòng dân.

Hồ Chí Minh luôn xác định HTX là con đường, đồng thời là biện pháp thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Người chỉ rõ: “Cải cách ruộng đất xong rồi, còn phải *phục tra*, còn phải thực hiện tổ đổi công rộng khắp và vững chắc, còn phải tổ chức hợp tác xã nông nghiệp, rồi khi đã có điều kiện và nông dân yêu cầu thì tiến tới nông trường tập thể” [134, tr.181]. Do vậy, theo Người, Đảng, Nhà nước cần phải hoàn thiện các chính sách hỗ trợ HTX như: Chính sách tín dụng, thuế, đào tạo cán bộ, chuyển giao kỹ thuật... để HTX thực sự trở thành tổ chức giúp nông dân ổn định cuộc sống và PTNN bền vững. Thực tế, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người đã ký, ban

hành các sắc lệnh liên quan đến HTX nông nghiệp như: Sắc lệnh số 145-SL, ngày 6-10-1950, bổ nhiệm Giám đốc Vụ HTX nông nghiệp Bộ Canh nông; Sắc lệnh số 37-SL, ngày 28-6-1951, bãi bỏ Vụ HTX nông nghiệp thuộc Bộ Canh nông.

Ngoài ra, phải hoàn thiện chủ trương, chính sách đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng KHKT, hỗ trợ vốn, vật tư cho nông dân. Theo Hồ Chí Minh, nước ta vốn là một quốc gia nông nghiệp còn lạc hậu, vì vậy đời sống Nhân dân chỉ có thể được cải thiện đáng kể khi sản xuất được cơ giới hóa rộng rãi, cả trong công nghiệp lẫn nông nghiệp. Việc sử dụng máy móc không chỉ bỏ trợ sức lao động con người mà còn làm tăng hiệu quả sản xuất lên nhiều lần, giúp con người thực hiện được những công việc trước đây khó thực hiện hoặc không thể làm bằng sức người. Vì vậy, Người đã sớm quan tâm đến việc ban hành các cơ chế, chính sách để đẩy mạnh ứng dụng KHKT trong PTNN. Năm 1959, Người đã ký sắc lệnh thành lập Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước. Ủy ban này có nhiệm vụ nghiên cứu, hướng dẫn và triển khai các thành tựu KHKT vào thực tiễn sản xuất, đồng thời phối hợp với các viện nghiên cứu, nhà khoa học để nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và hiện đại hóa các khâu sản xuất, chế biến, bảo quản trong nông nghiệp. Đồng thời, Người còn yêu cầu Đảng, Chính phủ phải có các cơ chế, chính sách nhằm “Ra sức giúp đỡ nông dân cải tiến kỹ thuật canh tác...” [137, tr.433-434]. Mặt khác, Người yêu cầu: “Cán bộ canh nông thì hợp tác mật thiết với cán bộ địa phương, đi sát với dân, thiết thực bày vẽ cho dân cách trồng trọt, chăn nuôi, cách chọn giống, ủ phân, làm cỏ, v.v..” [130, tr.233]. Chỉ khi đó, cơ chế mới thật sự được vận hành hiệu quả, chính sách mới nhanh chóng thấm sâu vào đời sống nông dân và phát huy giá trị trong thực tiễn.

2.2.4.3. Phát triển các hình thức kinh tế tập thể, nhất là hợp tác xã trong phát triển nông nghiệp

Theo Hồ Chí Minh, để PTNN nước ta theo hướng bền vững, tạo tiền đề tiến lên một nền nông nghiệp sản xuất lớn XHCN cần phải thực hiện các hình thức kinh tế tập thể, nhất là HTX. Với tư duy đó, ngay từ tác phẩm “Đường Cách mệnh” Hồ Chí Minh quan niệm: “Hợp tác xã là “góp gạo thổi cơm chung” cho khỏi hao của, tốn công, lại có nhiều phần vui vẻ” [126, tr.343]. Khi bàn về vai trò của HTX nông nghiệp, Người luôn coi đây là một hình thức tổ chức kinh tế tiên tiến và phù hợp với điều kiện của nông thôn Việt Nam, mang lại lợi ích thiết thực cho người nông dân và

cho đất nước. Người khẳng định HTX nông nghiệp là tổ chức có lợi lớn cho nhà nông, vì nó giúp nông dân đoàn kết, hỗ trợ nhau trong sản xuất, nâng cao năng suất, giảm chi phí và ổn định đời sống. Theo Hồ Chí Minh, HTX không chỉ là biện pháp kinh tế hiệu quả, góp phần đưa nông dân thoát khỏi sản xuất manh mún, tự phát, mà còn là cách làm thiết thực để xây dựng CNXH ở nông thôn, làm cho nông dân giàu có, nông thôn phát triển và đất nước ngày càng thịnh vượng. Mục đích phát triển HTX nông nghiệp vì mục tiêu “ích quốc, lợi dân”, gắn kết lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, tạo nên sức mạnh đoàn kết to lớn trong PTNN. Từ đó, Người khẳng định: “Các hợp tác xã nông nghiệp là đội quân hậu cần của quân đội chiến đấu ngoài mặt trận” [139, tr.258]. Vì vậy, theo Hồ Chí Minh, HTX là con đường, biện pháp để đưa nông nghiệp nước nhà phát triển. Bàn đến sự cần thiết phải tiến hành phát triển HTX, Hồ Chí Minh diễn đạt rất đơn giản, nhưng dễ hiểu và vô cùng sâu sắc: “Nếu chúng ta đứng riêng ra, thì sức nhỏ, mà làm không nên việc. Thí dụ mỗi người mang một cái cột, một tấm tranh ở riêng mỗi người một nơi, thì lều chäng ra lều, nhà chäng ra nhà. Nhóm những cột ấy, tranh ấy, sức ấy, làm ra một cái nhà rộng rãi bề thế rồi anh em ở chung với nhau. Ấy là hợp tác” [126, tr.343].

Qua đó cho thấy, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nhận thấy rõ vị trí, vai trò và sự cần thiết của HTX trong PTNN. Mục đích phát triển HTX theo Hồ Chí Minh là “Cốt làm cho những người vô sản giai cấp hoá ra anh em. Anh em thì làm giùm nhau, nhờ lẫn nhau. Bỏ hết thói tranh cạnh. Làm sao cho ai trồng cây thì được ăn trái, ai muốn ăn trái thì giùm vào trồng cây” [126, tr.343]. Theo Hồ Chí Minh, phát triển HTX, cần chú trọng đến chất lượng, không nên chạy theo số lượng. Cần thực hiện quan điểm, phát triển HTX nào cần làm tốt HTX ấy. Bên cạnh đó, Người luôn chú trọng đến cách tổ chức HTX. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, việc phát triển HTX nông nghiệp phải xuất phát từ thực tiễn và nhu cầu thực tế của địa phương, không được làm theo phong trào hay áp đặt hành chính. Người chỉ rõ, mỗi vùng, mỗi làng có điều kiện kinh tế, dân cư và sản xuất khác nhau, nên việc thành lập HTX phải phù hợp với tình hình cụ thể, tránh cứng nhắc, hình thức, chạy theo số lượng mà bỏ qua chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Trong xây dựng HTX, Hồ Chí Minh yêu cầu phải quán triệt nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi, coi đây là điều kiện tiên quyết. Việc tổ chức tổ đổi công hay HTX phải dựa trên tinh thần tự giác của nông dân, thông qua công tác tuyên

truyền, giải thích để họ hiểu rõ lợi ích, từ đó tự nguyện tham gia. Người kiên quyết phản đối mọi biểu hiện ép buộc, gò ép, “nắm cổ kéo người ta vào” HTX, vì điều đó đi ngược lại bản chất nhân văn và tinh thần đoàn kết của mô hình hợp tác. Theo Hồ Chí Minh, chỉ khi nông dân thật sự tin tưởng, tự nguyện và đồng lòng, HTX mới có thể trở thành tổ chức KT-XH vững mạnh, góp phần thiết thực vào công cuộc PTNN và NTM.

Về đường lối xây dựng HTX, theo Hồ Chí Minh, trước hết phải xây dựng tốt phong trào đổi công ở khắp mọi nơi và trên cơ sở đó sẽ xây dựng HTX nông nghiệp từ thấp đến cao. Đường lối cải tạo XHCN trong lĩnh vực nông nghiệp mà Đảng xác định là từng bước tổ chức lại sản xuất của nông dân theo hướng tập thể hóa. Từ chỗ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, nông dân được vận động tham gia tổ đổi công - hình thức hợp tác giản đơn, mang tính chất ban đầu của CNXH; sau đó phát triển lên HTX bậc thấp - thể hiện sự kết hợp bước đầu giữa quyền lợi cá nhân và tập thể; và cuối cùng là xây dựng HTX bậc cao - một hình thức sản xuất nông nghiệp XHCN hoàn chỉnh hơn, dựa trên sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất và phân phối theo lao động.

Về vai trò của xã viên, Hồ Chí Minh khẳng định: “xã viên là chủ hợp tác xã nông nghiệp” [137, tr.78]. Hạt nhân, trung tâm của HTX là xã viên; xã viên hợp tác với nhau để có lợi ích thiết thực và vẫn duy trì tính độc lập của mình; xã viên là chủ đích thực của HTX, là mục tiêu mà HTX phải phục vụ; HTX là phương tiện để phục vụ xã viên, phải bảo đảm đem lại lợi ích cho xã viên. Hồ Chí Minh luôn coi nông dân là chủ thể thực sự của HTX, là người làm chủ và hưởng lợi từ chính công sức lao động của mình. Người khẳng định rằng trong HTX, dân là chủ, xã viên là chủ, còn ban quản trị chỉ là người phục vụ, tổ chức điều hành để mang lại lợi ích chung, tuyệt đối không được quan liêu, mệnh lệnh hay “ngồi chỉ tay năm ngón”. Theo Người, để thực sự xứng đáng với vai trò làm chủ, mỗi xã viên phải đoàn kết, hăng hái sản xuất, tích cực củng cố và phát triển các tổ đổi công, HTX, cùng nhau nỗ lực vì mục tiêu chung là nâng cao đời sống, làm cho nông thôn ngày càng no ấm, giàu đẹp. Khi nhân dân thật sự làm chủ nông thôn, phát huy tinh thần tập thể, gần bó, tương trợ lẫn nhau thì đó chính là sức mạnh to lớn góp phần xây dựng nông nghiệp phát triển, nông dân giàu có và đất nước phồn vinh.

2.2.4.4. Tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp

Dựa trên thực tiễn của đất nước, Hồ Chí Minh xác định, công nghiệp hóa nông nghiệp không chỉ là biện pháp mà còn là bước đi tất yếu để thúc đẩy nông nghiệp

nước ta phát triển. Theo Người, đời sống của Nhân dân chỉ có thể thực sự đầy đủ và phong phú khi chúng ta áp dụng rộng rãi máy móc trong sản xuất, cả trong công nghiệp lẫn nông nghiệp. Máy móc sẽ tăng cường sức lao động của con người, làm cho năng suất gấp hàng trăm, hàng nghìn lần và giúp con người thực hiện những công việc phi thường.

Từ đó, Người khẳng định công nghiệp hóa là điều kiện tất yếu để đưa nền nông nghiệp nước ta từ nghèo nàn, lạc hậu tiến dần lên CNH, HĐH. Điều này, được thể hiện trước hết thông qua việc đưa máy móc vào sản xuất nông nghiệp. Người ví việc này như “chắp thêm tay cho người”. Thông qua đó không chỉ giúp giảm sức lao động thủ công nặng nhọc, mà còn thúc đẩy quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, tạo ra bước chuyển căn bản trong phương thức sản xuất nông nghiệp. Hồ Chí Minh cho rằng nông nghiệp chỉ có thể phát triển mạnh, tạo ra sản phẩm dồi dào khi được cơ giới hóa, sử dụng máy móc rộng rãi trong sản xuất. Đây là con đường tất yếu để đưa đất nước tiến hành công nghiệp hóa, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Theo Người, công nghiệp hóa XHCN sẽ tạo ra nền sản xuất lớn, tiên tiến, với cơ cấu công - nông nghiệp phát triển hài hòa, trong đó công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp bằng máy móc và kỹ thuật, còn nông nghiệp cung cấp nguyên liệu, lương thực và thị trường cho công nghiệp. Người nhấn mạnh: “Công nghiệp phải phát triển mạnh để cung cấp đủ hàng tiêu dùng cần thiết cho nhân dân, trước hết là nông dân, cung cấp máy bơm nước, phân hóa học, thuốc trừ sâu... để đẩy mạnh nông nghiệp, và cung cấp dần dần máy cày, máy bừa cho các hợp tác xã nông nghiệp” [137, tr.375-376]. Theo Hồ Chí Minh, nông nghiệp muốn phát triển cần sự hỗ trợ mạnh mẽ từ công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp cung cấp tư liệu sản xuất nông thôn. Máy móc, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... không chỉ nâng cao năng suất mà còn giúp nông dân chuyển từ sản xuất thủ công sang hiện đại. Đồng thời, công nghiệp phải hướng tới phục vụ đời sống Nhân dân, đặc biệt là nông dân, bảo đảm phát triển hài hòa giữa các ngành kinh tế.

2.2.4.5. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong phát triển nông nghiệp

Trong hành trình bốn ba tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh có điều kiện tiếp xúc, quan sát và tìm hiểu nhiều mô hình PTNN trên thế giới. Từ thực tiễn đó, Người sớm nhận ra một quy luật mang tính phổ quát: những thành tựu nổi bật của nông

ng nghiệp các nước chủ yếu bắt nguồn từ việc coi trọng và ứng dụng KHKT vào tổ chức sản xuất, từ giống, canh tác, thủy lợi đến cơ giới hóa, bảo quản và chế biến. Người nhấn mạnh: “Nhờ những tiến bộ của xã hội hóa và cơ giới hóa ở nông thôn, nền nông nghiệp đã sản xuất lên cao hơn trước chiến tranh” [135, tr.72]. Tuy nhiên, trên thực tế, nông nghiệp nước ta vẫn còn nghèo nàn, lạc hậu, nên năng suất, chất lượng còn nhiều hạn chế. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống Nhân dân và sức mạnh kinh tế của đất nước. Do vậy, “Việc cải tiến kỹ thuật là một điều rất quan trọng để phát triển nông nghiệp” [138, tr.101], là con đường giải phóng sức lao động của nông dân, tạo điều kiện để nông nghiệp chuyển từ tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa, góp phần xây dựng nền kinh tế vững mạnh. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “chúng ta cần phải tập trung lực lượng làm cho nước ta sản xuất ngày càng nhiều lương thực; trồng càng nhiều cây công nghiệp; chăn nuôi càng nhiều trâu, bò, lợn, gà... Muốn có kết quả đó, thì nhất định phải cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật” [138, tr.42].

Theo Hồ Chí Minh, muốn sản xuất đạt hiệu quả cao thì phải đồng thời cải tiến kỹ thuật và tổ chức lao động, kết hợp chặt chẽ giữa trí tuệ và công sức con người. Người phê phán tư tưởng sản xuất theo thói quen, làm việc thiếu khoa học hoặc chỉ dựa vào sức lao động thủ công, bởi cách làm ấy dễ dẫn đến năng suất thấp, chất lượng kém và lãng phí. Người nhấn mạnh, chỉ khi biết ứng dụng tiến bộ KHKT và cải tiến phương pháp lao động, mới có thể sản xuất “nhiều, nhanh, tốt, rẻ”, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới.

Để tăng cường cải tiến và ứng dụng KHKT trong PTNN, Hồ Chí Minh yêu cầu phải tích cực tiếp thu các thành tựu mới nhất về KHKT của thế giới không chỉ giới hạn trong hệ thống các nước XHCN mà còn ở tất cả các nước dân chủ khác trên thế giới. KHKT là tài sản chung của nhân loại nên mỗi người, mỗi dân tộc đều có thể “hưởng thụ tất cả những khoa học, những hiểu biết của thời đại” [136, tr.247]. Tuy nhiên, quá trình áp dụng, cải tiến, ứng dụng KHKT phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của đất nước, tránh tư tưởng chủ quan, nóng vội và phải bắt đầu từ việc cải tiến nông cụ để làm giảm sức lao động và tăng năng suất đem lại lợi ích to lớn. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Dùng một máy cấy thông thường thì một người trung bình cấy bằng hai người; nếu dùng thạo thì có thể cấy bằng ba, bốn người. Dùng một xe cút kít chở ít nhất cũng được 80 cân. Một người dùng xe cút kít có thể làm gấp hai, ba người gánh” [137, tr.219].

Bên cạnh đó, để nghiên cứu ứng dụng KHKT vào PTNN, Hồ Chí Minh xác định cần phát huy vai trò nòng cốt của Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật như một biện pháp tổ chức - vận động đưa tri thức khoa học đến tận cơ sở sản xuất. Theo đó, hoạt động của Hội phải gắn chặt với các nhiệm vụ trọng tâm và được cụ thể hóa thành những phong trào hành động thiết thực. Trước mắt, Hội phải phục vụ tốt ba cuộc vận động lớn: (1) thúc đẩy cải tiến quản lý HTX, cải tiến kỹ thuật để phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc; (2) gắn phổ biến kỹ thuật với nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế - tài chính, đồng thời chống tham ô, lãng phí, quan liêu nhằm bảo đảm kỷ luật, hiệu quả và nguồn lực cho sản xuất; (3) góp phần huy động lực lượng, tri thức để phát triển kinh tế và văn hóa ở miền núi, mở rộng không gian phát triển, thu hẹp chênh lệch vùng miền. Đồng thời, Người yêu cầu kết hợp chặt chẽ việc phổ biến KHKT với phong trào thi đua yêu nước, để KHKT thực sự trở thành động lực của phong trào quần chúng, tạo chuyển biến trong năng suất và hiệu quả sản xuất, chứ không dừng lại ở khẩu hiệu.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh Hội phải dựa vào lực lượng to lớn của các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ, công đoàn..., đồng thời phối hợp chặt chẽ với các ngành chuyên môn và các tổ chức khoa học khác. Nhờ đó, Hội vừa làm nhiệm vụ “cầu nối” chuyển giao tiến bộ kỹ thuật xuống tận HTX, thôn xóm, vừa góp phần hỗ trợ các ngành và đoàn thể hoàn thành kế hoạch của Nhà nước, tạo nền tảng cho nông nghiệp phát triển theo hướng tiên bộ, hiệu quả và hiện đại. Đồng thời, để củng cố điều kiện bảo đảm cho quá trình này, Người nhấn mạnh: “Các cấp đảng và chính quyền hãy tăng cường lãnh đạo và giúp đỡ Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của nó” [136, tr.573].

Cùng với vai trò của Hội, Hồ Chí Minh yêu cầu cần phát huy trách nhiệm của đội ngũ trí thức, nhà khoa học trong việc “đem khoa học xuống cơ sở”, bám sát yêu cầu thực tiễn của nông dân. Người căn dặn: “Các cô, các chú phải ra sức đem hiểu biết khoa học kỹ thuật của mình truyền bá rộng rãi trong nhân dân lao động, để nhân dân đẩy mạnh thi đua sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ. Có như vậy nước mới giàu, dân mới mạnh và đời sống của nhân dân mới được cải thiện về mọi mặt” [138, tr.97]. Theo Người, muốn KHKT đi vào sản xuất thì nhà khoa học không thể đứng ngoài thực tiễn, mà phải trực tiếp “cùng làm, cùng giải”, lắng nghe đúng nhu cầu của cơ sở; vì

vậy Người yêu cầu: “Các đồng chí phải đi xuống tận các xí nghiệp, các hợp tác xã, hỏi han công nhân, nông dân yêu cầu gì, họ làm ăn và sinh sống như thế nào và phổ biến những điều cần thiết giúp đỡ họ cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống” [138, tr.97]. Ở đây, chuyển giao tri thức không chỉ là truyền đạt, mà còn là hướng dẫn, đồng hành, cải tiến phương thức sản xuất, từng bước thay thế tập quán lạc hậu bằng phương pháp khoa học, qua đó nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị nông sản.

2.2.4.6. Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng đời sống mới ở nông thôn

Trước hết, phải chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH ở nông thôn. Đây là một động lực quan trọng thúc đẩy và bảo đảm quá trình xây dựng đời sống mới ở nông thôn. Trong đó, làm nhà ở, xây dựng đường xá và làm thủy lợi là các vấn đề thiết yếu nhất. Hồ Chí Minh sớm nhận thấy “Nông thôn của ta, nhà ở của đồng bào phần nhiều đang ọp ẹp, tối tăm, chẳng ra sao, chẳng có hàng lối gì” [137, tr.255] nên Người đã rất quan tâm đến xây dựng nhà ở cho Nhân dân. Hồ Chí Minh luôn coi xây dựng NTM là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao đời sống của nhân dân, bắt đầu từ những việc thiết thực như xây dựng nhà ở khang trang, đàng hoàng, tạo diện mạo mới cho nông thôn.

Người còn đặc biệt quan tâm đến phát triển thủy lợi, coi đây là yếu tố nền tảng để thúc đẩy nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Theo Hồ Chí Minh, làm thủy lợi tuy vất vả trong thời gian đầu nhưng mang lại lợi ích lâu dài cho đời sống nông dân. Công tác thủy lợi phải kết hợp công trình lớn, vừa và nhỏ, phù hợp điều kiện từng địa phương, và cần sự phối hợp giữa Nhà nước và nhân dân: công trình lớn Nhà nước đầu tư, công trình trung Nhà nước và nhân dân cùng làm, còn công trình nhỏ do nhân dân đảm trách. Người khẳng định, dù phải bỏ nhiều công sức, nhưng kết quả là đời sống đồng bào được cải thiện, nông thôn ngày càng no ấm, giàu đẹp.

Bên cạnh đó, phải tiến hành xây dựng đường xá để phục vụ cuộc sống người dân và PTNN, nhất là trong trao đổi, mua bán hàng hóa. Trước hết, “Nên làm cho đồng bào thấy rõ lợi ích của việc làm thêm đường sá, tuyên truyền giải thích cho khéo, thì đồng bào tự làm và làm tốt” [138, tr.165]. Về cách thức thực hiện, Hồ Chí Minh chủ trương tiến hành theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, trong đó xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng cấp. Theo Người, Nhà nước đảm nhận những công trình

lớn mang tính chiến lược, còn địa phương và nhân dân chủ động thực hiện những công trình vừa và nhỏ, phục vụ trực tiếp đời sống, sản xuất hàng ngày. Người lấy ví dụ, việc làm những tuyến đường lớn do Trung ương và Bộ Giao thông phụ trách, còn các tuyến đường liên xã, liên thôn thì nhân dân có thể tự tổ chức làm. Quan điểm đó thể hiện tư duy thực tiễn, phát huy sức mạnh toàn dân, kết hợp chặt chẽ giữa nguồn lực Nhà nước và nội lực của nhân dân, nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển nông thôn toàn diện, bền vững.

2.2.4.7. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển nông nghiệp

Tư tưởng về hợp tác quốc tế nói chung, hợp tác trên lĩnh vực kinh tế nói riêng đã được Hồ Chí Minh quan tâm và đề cập từ rất sớm. Ngay từ năm 1919, Hồ Chí Minh đã viết: “Xét về nguyên tắc, tiến bộ chung phụ thuộc vào việc phát triển chủ nghĩa quốc tế; và văn minh chỉ có lợi khi các quan hệ quốc tế được mở rộng và tăng cường” [125, tr.14]. Theo Người, hợp tác quốc tế có ý nghĩa rất lớn đến sự phát triển của mỗi quốc gia và sự phát triển chung của toàn nhân loại. Bởi, sức mạnh của mỗi quốc gia, dân tộc không chỉ phụ thuộc vào con người, tài nguyên, vị trí, truyền thống của nước ấy, mà một phần quan trọng tùy thuộc vào các mối liên kết quốc tế. Qua đó cho thấy, Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được tầm quan trọng của hợp tác quốc tế đối với sự phát triển đất nước nói chung và nông nghiệp nói riêng. Trên cơ sở nhận thức ấy, sau khi giành được chính quyền, Hồ Chí Minh đã nghĩ ngay đến việc thiết lập, mở rộng những quan hệ quốc tế, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Tư tưởng hợp tác quốc tế trong PTNN của Người được thể hiện đậm nét trong tác phẩm Thường thức chính trị. Trong phần Chính sách kinh tế của Đảng và Chính phủ, Hồ Chí Minh đề cập 4 chính sách kinh tế mấu chốt: công tư đều lợi, chủ thợ đều lợi, công nông giúp nhau và lưu thông trong ngoài. Theo đó, chính sách thứ tư, “lưu thông trong ngoài” có nghĩa là: “Ta ra sức khai lâm thổ sản để bán cho các nước bạn và để mua những thứ ta cần dùng. Các nước bạn mua những thứ ta đưa ra và bán cho ta những hàng hóa ta chưa chế tạo được. Đó là chính sách mậu dịch, giúp đỡ lẫn nhau rất có lợi cho kinh tế ta” [132, tr.267].

Hồ Chí Minh cho rằng, PTNN gắn với hợp tác quốc tế để nhận được hỗ trợ từ các nước, đồng thời tận dụng nông sản xuất khẩu để tạo nguồn lợi kinh tế và trao đổi các vật tư, máy móc cần thiết cho sản xuất, kháng chiến và xây dựng đất nước. Nông sản

vừa đáp ứng nhu cầu trong nước, vừa cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và hàng hóa xuất khẩu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh rất sớm quan tâm đến hợp tác quốc tế trong việc đào tạo đội ngũ trí thức và nhà khoa học. Thực tế, ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, trong bức thư gửi Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Giêm Biécơ ngày 1/11/1945, Người bày tỏ nguyện vọng được cử một phái đoàn khoảng 50 thanh niên Việt Nam sang Mỹ nhằm vừa thiết lập quan hệ văn hóa thân thiện với thanh niên Mỹ, vừa tiếp tục nghiên cứu và nâng cao trình độ trong các lĩnh vực kỹ thuật, nông nghiệp và các ngành chuyên môn khác. Điều đó cho thấy tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo cán bộ có trình độ KHCN, nhất là đội ngũ những nhà khoa học đối với phát triển đất nước nói chung và PTNN nói riêng.

Trong quan hệ hợp tác quốc tế trên lĩnh vực nông nghiệp, Hồ Chí Minh luôn yêu cầu phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ. Người lưu ý: “Về nông nghiệp: Làm sao chống lụt, chống hạn, chống dịch trâu bò, phát triển chăn nuôi. Các nước bạn sẽ giúp ta kinh nghiệm chống lụt. Nhân dân và cán bộ cần hiểu rằng với sự giúp đỡ của các nước bạn, ta vẫn phải tự lực hăng hái mà làm” [134, tr.65]. Người đề cao sự giúp đỡ của các nước về vốn, về KHKT, kinh nghiệm nhưng bản thân chúng ta phải cố gắng sản xuất và thực hành tiết kiệm. Tuyệt đối tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại, dựa dẫm vào bên ngoài. Người yêu cầu: “Các nước bạn giúp ta cũng như thêm vốn cho ta. Ta phải khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng của ta, phát triển khả năng của ta. Song nhân dân và cán bộ ta tuyệt đối chớ vì bạn ta giúp nhiều mà đâm ra ỷ lại. Trái lại, chúng ta phải học tinh thần tự lập tự cường, tinh thần hăng hái thi đua sản xuất và tiết kiệm của nhân dân các nước bạn” [134, tr.56-57]. Người đánh giá cao sự giúp đỡ của các nước anh em, bầu bạn, tuy nhiên Nhân dân phải dốc sức sản xuất, tận dụng nguồn vốn cũng như kinh nghiệm, kỹ thuật để PTNN.

Tiểu kết chương 2

Tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Người đối với nông nghiệp và nông dân, đồng thời định hướng con đường phát triển KT-XH của đất nước. Các quan điểm chỉ đạo của Người về tầm quan trọng, chủ thể, lực lượng, nội dung và biện pháp PTNN là kết quả của sự kế thừa truyền thống dân tộc và vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng về PTNN của Người, không chỉ góp phần giải quyết nạn đói, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho CNH, HĐH đất nước. Đồng thời, đây là cơ sở quan trọng để Đảng xây dựng đường lối, chính sách PTNN trong quá khứ cũng như hiện nay, hướng tới nền nông nghiệp bền vững, hiện đại, gắn kết với xây dựng đời sống mới ở nông thôn.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đi từ việc làm rõ một số khái niệm liên quan, như: Nông nghiệp, PTNN; Tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN; Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, tác giả tiến hành phân tích những vấn đề cơ bản trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN như: Tầm quan trọng, chủ thể, lực lượng, nội dung, biện pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Đồng thời, phân tích, luận giải những nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN theo trật tự logic của vấn đề nghiên cứu bao gồm: Tầm quan trọng của PTNN, chủ thể, lực lượng, nội dung, biện pháp PTNN. Qua đó, thấy được giá trị và sự cần thiết phải quán triệt, vận dụng tư tưởng của Người vào PTNN ở nước ta hiện nay. Đây còn là cơ sở lý luận để đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam, giai đoạn từ năm 2011 đến nay; từ đó xác định những vấn đề đặt ra trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong công cuộc đổi mới.

Chương 3

THỰC TRẠNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 2011 - 2025 VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. THỰC TRẠNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ 2011 - 2025

3.1.1. Về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể, lực lượng trong phát triển nông nghiệp

3.1.1.1. Đảng, Nhà nước

Quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của PTNN, Đảng và Nhà nước ta luôn nhận thức rõ nông nghiệp không chỉ là một ngành kinh tế đơn thuần, mà còn là lĩnh vực có ý nghĩa chiến lược đối với ổn định đời sống Nhân dân, bảo đảm an ninh lương thực, phát triển nông thôn, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức và giữ vững nền tảng CT-XH của đất nước. Vì vậy, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là trong công cuộc đổi mới, Đảng ta luôn dành sự quan tâm đặc biệt đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; coi đây là vấn đề lớn, có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nếu như tại Đại hội XI, Đảng mới dừng lại ở việc xác định định hướng chung “phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới” [59, tr.195], thì đến Đại hội XII, quan điểm đó đã được cụ thể hóa thành mục tiêu và yêu cầu hành động rõ ràng hơn, với trọng tâm “Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, xây dựng nông thôn mới và cải thiện đời sống của nông dân” [60, tr.281]. Kế thừa và phát triển nhất quán tư duy này, Đại hội XIII tiếp tục khẳng định sự quan tâm chiến lược của Đảng đối với nông nghiệp, nông thôn và nông dân thông qua chủ trương “Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh” [61, tr.124], qua đó thể hiện tầm nhìn dài hạn và ngày càng toàn diện trong PTNN.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước không chỉ nhìn nhận nông nghiệp đơn thuần như một ngành kinh tế, mà đặt PTNN trong chính thể chiến lược “tam nông” - nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Quan điểm này được khẳng định rõ trong Nghị quyết số 19-NQ/TW (16/6/2022), theo đó “nông nghiệp, nông dân, nông thôn là ba thành tố có quan hệ mật thiết, gắn bó, không thể tách rời; giữ vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, đồng thời, được xác định là cơ sở và lực lượng to lớn đối với phát triển KT-XH, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam, cũng như đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế [63, tr.2].

Tiếp nối và phát triển tư duy đó, trong định hướng của Đại hội XIV, Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu PTNN theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và nâng cao chất lượng phát triển. Nông nghiệp không chỉ tiếp tục được khẳng định là “trụ đỡ” quan trọng của nền kinh tế, mà còn được đặt trong yêu cầu mới: phát triển theo hướng sinh thái, xanh, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Cách tiếp cận này cho thấy nhận thức của Đảng về nông nghiệp đã có bước phát triển sâu sắc hơn: từ tư duy bảo đảm sản xuất, bảo đảm lương thực, chuyển sang tư duy PTNN đa giá trị, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với KHCV, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Điều đó cho thấy, nhận thức và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước đối với PTNN trong giai đoạn hiện nay đã được nâng lên một tầm cao mới. PTNN không chỉ nhằm giải quyết vấn đề “ăn no” như trong giai đoạn đầu của cách mạng, cũng không chỉ dừng lại ở mục tiêu tăng năng suất, sản lượng, mà phải hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, có sức cạnh tranh, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường và văn hóa. Đây chính là sự vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp trong điều kiện mới, thể hiện trách nhiệm lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong việc chăm lo đời sống Nhân dân, phát huy vai trò chủ thể của nông dân, xây dựng NTM và bảo đảm cho nông nghiệp tiếp tục giữ vị trí chiến lược trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh đó, quán triệt quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò chủ thể của nông dân trong PTNN, Đảng, Nhà nước luôn nhất quán xác định nông dân không chỉ là

lực lượng lao động trực tiếp mà còn là trung tâm của quá trình tổ chức sản xuất, đổi mới phương thức canh tác và xây dựng kinh tế nông thôn. Đảng nhấn mạnh: “nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới” [13, tr.1]. Trên cơ sở đó, nhiều chủ trương, chính sách được ban hành theo hướng trao quyền, tạo động lực và nâng cao năng lực cho nông dân: bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp trong sản xuất; hỗ trợ tiếp cận vốn, KHCN, khuyến nông; phát triển hợp tác, liên kết chuỗi; đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng quản trị sản xuất - thị trường; nâng cao vị thế, tri thức, kỹ năng và năng lực làm chủ của nông dân, xây dựng thể hệ nông dân mới “có tri thức, có bản lĩnh, có khát vọng và có năng lực hội nhập quốc tế” [63, tr.2]. Đây chính là bước phát triển quan trọng trong nhận thức của Đảng, Nhà nước về vai trò chủ thể của nông dân trong PTNN. Đồng thời, tinh thần “lấy dân làm gốc”, “dựa vào dân” được cụ thể hóa bằng việc mở rộng dân chủ ở cơ sở và tăng cường vai trò của các tổ chức đại diện (như Hội Nông dân, HTX, tổ hợp tác...) nhằm phát huy tiếng nói, sáng kiến và trách nhiệm của nông dân trong xây dựng kế hoạch sản xuất, tham gia giám sát thực thi chính sách, cũng như chủ động góp phần giải quyết các vấn đề PTNN. Đặc biệt, Đảng, Nhà nước luôn nhất quán quan điểm: “phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn là trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm của cả HTCT và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng” [13, tr.2]. Chủ trương trên thể hiện sự kế thừa, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong công cuộc đổi mới.

Ngoài ra, trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, nông nghiệp được nhìn nhận không chỉ là lĩnh vực cần được hỗ trợ, mà còn là không gian phát triển quan trọng, có khả năng tạo động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế. Đó là nền nông nghiệp vừa bảo đảm sinh kế cho hàng triệu nông dân, vừa cung cấp lương thực, thực phẩm an toàn cho xã hội; vừa góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn văn hóa nông thôn, vừa tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Vì vậy, Đảng đặt ra yêu cầu phải tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị và có hiệu quả; đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo vào sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản. Đảng nhấn mạnh: “Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp,

phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, hướng tới mô hình nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” [61, tr.61]. Đồng thời, yêu cầu khẩn trương xây dựng các hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, lấy HTX làm nòng cốt, kết nối nông dân - doanh nghiệp - nhà khoa học - Nhà nước, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Với vai trò là cơ quan chủ quản, trực tiếp chịu trách nhiệm về PTNN, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Từ 01/3/2025 là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã quán triệt, triển khai nghiêm túc, đồng bộ các chủ trương, quan điểm của Đảng cũng như chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến PTNN. Bộ luôn kiên định quan điểm của Hồ Chí Minh, coi nông nghiệp là nền tảng, trụ cột của nền kinh tế; PTNN, nông thôn và nâng cao đời sống nông dân là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài [31, tr.3]. Bộ đã triển khai nhiều chủ trương, biện pháp vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN phù hợp với thực tiễn, như: thúc đẩy chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang kinh tế nông nghiệp; điều chỉnh kế hoạch sản xuất, cơ cấu mùa vụ và chuyển đổi cây trồng, vật nuôi dựa trên tín hiệu thị trường và diễn biến thời tiết; đồng thời chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát dịch bệnh. Công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, thúc đẩy chuyển đổi nền nông nghiệp theo hướng sinh thái, xanh, tuần hoàn và ứng dụng công nghệ cao. Qua đó, chất lượng và hiệu quả sản xuất được nâng lên, nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò là “trụ đỡ” của nền kinh tế, đồng thời bảo đảm an sinh xã hội và an ninh lương thực quốc gia trong mọi hoàn cảnh, đặc biệt là trong bối cảnh đại dịch Covid-19 [33, tr.29]. Đồng thời, Bộ phối hợp mật thiết với các bộ, ngành và chính quyền địa phương để nhanh chóng giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai các chương trình PTNN và nông thôn [32, tr.3]. Đảng ủy Bộ đã chú trọng đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và khơi dậy khát vọng xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, xem đây là động lực quan trọng để PTNN bền vững, toàn diện và hội nhập quốc tế [33, tr.21].

Tuy nhiên, bên cạnh những chuyển biến tích cực, nhận thức và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước đối với PTNN vẫn còn những hạn chế nhất định. Ở một số thời điểm, một số cấp, ngành chưa nhận thức thật đầy đủ vị trí chiến lược của nông

ng nghiệp, nông dân, nông thôn; còn có biểu hiện coi nông nghiệp chủ yếu là lĩnh vực bảo đảm lương thực, ổn định đời sống, mà chưa thấy hết vai trò của nông nghiệp như một không gian phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, sinh thái và an ninh quốc gia. Hạn chế đó dẫn đến trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, thể chế hóa và tổ chức thực hiện có lúc chưa quyết liệt, chưa đồng bộ; một số cơ chế, chính sách về đất đai, tín dụng, KHCN, thị trường, liên kết sản xuất, kinh tế hợp tác chậm đi vào cuộc sống hoặc chưa đủ sức tháo gỡ các điểm nghẽn của nông nghiệp. Trong Đại hội XIV, Đảng chỉ rõ: “hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” [65, tr.117]. Từ đó, trách nhiệm thể chế hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với PTNN có lúc chưa thật kịp thời, đồng bộ và hiệu quả. Một số cơ chế, chính sách về đất đai, tín dụng, KHCN, thị trường, liên kết sản xuất, kinh tế hợp tác, xây dựng NTM còn chậm đi vào cuộc sống hoặc chưa đủ sức tháo gỡ những điểm nghẽn căn bản của nông nghiệp. Điều này cho thấy, việc chuyển hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của phát triển PTNN thành nhận thức thống nhất, trách nhiệm chính trị, cơ chế chính sách và hành động quản lý cụ thể của Đảng, Nhà nước vẫn cần tiếp tục được nâng cao.

Bên cạnh đó, nhận thức, trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN vẫn còn những hạn chế nhất định. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo còn thiếu sót như: một số cấp ủy và thủ trưởng đơn vị chưa thật quan tâm, chưa thật sự chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện các bước của việc học tập làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh [21, tr.5]. Một số đơn vị còn thiếu tính chủ động trong việc nghiên cứu, quán triệt và cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của cấp trên, nên việc tổ chức triển khai chưa thật kịp thời, đồng bộ. Vì vậy, một số nội dung của yêu cầu “tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” vẫn chưa được thực hiện đầy đủ, đặc biệt là những nội dung liên quan trực tiếp đến tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN [21, tr.5]. Việc vận dụng tư tưởng của Người trong đề ra các chủ trương, biện pháp PTNN trong thực tiễn đôi khi còn chưa cụ thể. Vai trò tham mưu của Bộ trong xây dựng và đề xuất cơ chế, chính sách vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN còn hạn chế, dẫn đến văn bản hướng dẫn chậm ban hành hoặc chưa phù hợp thực tiễn, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai trong thực tiễn.

3.1.1.2. Các cấp ủy, chính quyền địa phương trong cả nước và đội ngũ cán bộ, đảng viên phụ trách nông nghiệp

Nhìn chung, các cấp ủy, chính quyền địa phương và đội ngũ cán bộ, đảng viên (đặc biệt là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và lực lượng phụ trách lĩnh vực nông nghiệp) đã có những chuyển biến tích cực trong nhận thức, trách nhiệm đối với việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, điều này được thể hiện sâu sắc trong quán triệt và chấp hành các chủ trương, quan điểm, chính sách PTNN của Đảng, Nhà nước. Từ đó cấp ủy, chính quyền các địa phương đã cụ thể hóa thành nghị quyết, chương trình, kế hoạch và cơ chế tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện từng địa bàn. Trên cơ sở bám sát đường lối chung, nhiều địa phương chủ động xác định mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm; phân công rõ trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, giám sát, kỷ luật, kỷ cương trong triển khai; đồng thời lồng ghép yêu cầu PTNN bền vững với nâng cao đời sống nông dân, bảo vệ môi trường và xây dựng NTM.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên phụ trách lĩnh vực nông nghiệp ở các địa phương nhìn chung đã chủ động trong nghiên cứu, tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, coi đây là cơ sở quan trọng để nâng cao năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Chính vì vậy, bước đầu đội ngũ này đã hình thành nhận thức tương đối rõ về những quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, trước hết là tầm quan trọng của nông nghiệp đối với đời sống Nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước; yêu cầu PTNN phải gắn với lợi ích thiết thực của nông dân, nông thôn và ổn định xã hội. Kết quả khảo sát phản ánh khá rõ nền tảng nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên đối với nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN khi các lựa chọn ở nhóm nội dung cốt lõi đều đạt tỷ lệ cao, lần lượt là 94.0%, 91.6%, 95.6% và 97.2% [Phụ lục 3 - B2].

Qua đó thấy được giá trị cũng như sự cần thiết phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong PTNN ở địa phương. Kết quả khảo sát có 75.2% (Rất quan trọng và quan trọng) [Phụ lục 03 - E6].

Cấp ủy, chính quyền nhất là cấp cơ sở và đội ngũ cán bộ, đảng viên đã chú trọng đa dạng hóa các kênh tuyên truyền, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN cho người dân [Phụ lục 3 - C3]. Nội dung triển khai cũng tương đối toàn diện [Phụ lục 03 - C4]. Ở cấp thôn, bản và trong các tổ chức cơ sở, đội ngũ cán bộ, đảng viên phát huy vai trò gương mẫu, tiên phong trong phổ biến, tuyên truyền và

vận động Nhân dân thực hiện; sự “lồng ghép” nội dung vận dụng với nhiệm vụ PTNN ở cơ sở thể hiện rõ qua các lựa chọn đạt tỷ lệ cao như tuyên truyền nhận thức chung (94.4%), kỹ thuật sản xuất/khuyến nông, chuyển giao KHCN (87.6%), liên kết sản xuất - tiêu thụ, tổ hợp tác/HTX (91.6%), quản lý nhà nước (quy hoạch, đất đai, thủy lợi, giống...) (95.6%) và xây dựng NTM (97,6%) [Phụ lục 03 - C4]. Những số liệu này cho thấy nội dung vận dụng được tổ chức theo hướng linh hoạt, gắn “học Bác” với việc làm cụ thể, tạo điều kiện để người dân dễ tiếp cận, dễ làm theo và lan tỏa trong cộng đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những chuyển biến tích cực, nhận thức, trách nhiệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN của một bộ phận cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền địa phương và cán bộ, đảng viên vẫn còn những hạn chế. Điều đó được thể hiện trước hết ở việc nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn chưa đầy đủ và đúng mức, dẫn đến tình trạng một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền còn thiếu chủ động, trông chờ, chưa sâu sát và quyết liệt trong triển khai thực hiện các nghị quyết [13, tr.2]. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền nhận thức trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN chưa thực sự đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra [33, tr.32].

Kết quả khảo sát cũng cho thấy mức độ quán triệt và thấm thấu nội dung tư tưởng chưa đồng đều khi vẫn còn 14.4% cho biết “chưa từng nghe đến” [Phụ lục 03 - B1], và nhận thức chưa thật sự đúng về tầm quan trọng của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong thực tiễn, khi có 15.6% đánh giá ở mức “bình thường”, 6.8% “ít quan trọng” và 2.4% “hoàn toàn không quan trọng” [Phụ lục 3 - B6]

Ở một số nơi, việc cụ thể hóa nội dung vận dụng thành chương trình, kế hoạch và mô hình phù hợp điều kiện địa phương còn chậm; công tác lãnh đạo, chỉ đạo đôi khi mang tính hình thức, thiếu kịp thời và chưa sát thực tiễn, phản ánh qua việc hoạt động quán triệt, học tập gắn với PTNN chưa thật đồng bộ khi vẫn có 12.8% cho biết “không” tổ chức và 15.6% “không rõ/không theo dõi” [Phụ lục 3 - C1]; hoạt động tuyên truyền, phổ biến tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN cho cán bộ, đảng viên, Nhân dân của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức CT-XH cũng chưa được tiến hành thường xuyên. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hoạt động tuyên truyền “định kỳ 1 lần/năm” đạt 39.2% và “thỉnh thoảng” đạt 30.4%, trong khi ở mức “thường xuyên (nhiều lần/năm)” chỉ đạt 21.2% [Phụ lục 3 - C3].

Bên cạnh đó, các chủ thể, lực lượng này cũng chưa chú trọng đa dạng hóa các nội dung tuyên truyền, quán triệt vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Kết quả khảo sát có 91.6% cho rằng nội dung tuyên truyền còn chung chung, ít gắn tình huống thực tiễn, [Phụ lục 3 - D2]. Mặt khác, công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và khơi dậy trách nhiệm của người dân trong tham gia thực hiện các chủ trương, chương trình PTNN ở một số nơi chưa được chú trọng đúng mức; việc quán triệt và phát huy vai trò chủ thể của nông dân còn hạn chế, dẫn đến tình trạng một số nông dân chưa nhận thức đúng về trách nhiệm, còn thờ ơ hoặc trông chờ sự hỗ trợ từ Nhà nước và xã hội [104]. Qua đó cho thấy, quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở một số địa phương chưa đi vào chiều sâu, chưa phát huy đầy đủ vai trò nêu gương, dẫn dắt và tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Kết quả vận dụng trong thực tiễn chưa tạo chuyển biến rõ nét, thể hiện ở đánh giá hiệu quả còn phân tán: “rất hiệu quả” 5.2%, “hiệu quả” 24.4%, trong khi “bình thường” 26.4%, “không hiệu quả” 17.6% và “khó đánh giá” 24.0% [Phụ lục 3 - D1].

3.1.1.3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức CT-XH, đặc biệt là Hội Nông dân Việt Nam các cấp, thời gian qua đã có những chuyển biến rõ nét trong nhận thức và trách nhiệm đối với việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Được thể hiện ở việc tích cực hưởng ứng và thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với phong trào thi đua sản xuất trong nông dân, xây dựng NTM... Đồng thời, Mặt trận và các cấp Hội đã tích cực đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động người dân hưởng ứng việc “học tập và làm theo Bác” bằng những việc làm thiết thực, cụ thể. Kết quả khảo sát cho thấy kênh Hội Nông dân/đoàn thể là nguồn tiếp cận chủ yếu của người dân đối với các nội dung liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh (89.2%) [Phụ lục 4 - B4]; đồng thời, các hình thức triển khai gắn với sinh hoạt Hội Nông dân/HTX/tổ hợp tác và phong trào thi đua được ghi nhận với tỷ lệ cao (77.3%; 91.3%) [Phụ lục 4 - C3]. Qua đó, cho thấy Mặt trận và tổ chức CT-XH đã tham gia khá rõ nét vào việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở địa phương.

Hội Nông dân đã duy trì và phát triển các phong trào thi đua như “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”, qua đó tạo môi trường thực hành “làm theo” trong sản xuất và đời sống nông thôn;

đồng thời chú trọng bồi dưỡng, nâng cao trình độ học vấn và tay nghề cho nông dân, góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, thể hiện qua tỷ lệ lao động nông thôn từ 15 tuổi trở lên được đào tạo tăng từ 8,5% năm 2010 lên 16,3% năm 2020; tỷ lệ lao động ngành nông, lâm, thủy sản đã qua đào tạo tăng từ 4,3% năm 2015 lên 4,6% năm 2020 [179, tr.164].

Cùng với đó, hoạt động tư vấn, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho nông dân được các cấp Hội đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp, qua đó góp phần làm rõ hơn phương diện “vận dụng” tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực hành pháp luật và kỷ cương trong đời sống nông thôn. Chỉ tính riêng giai đoạn 2018-2023, Hội Nông dân các cấp đã tiến hành “tư vấn pháp luật cho 98.290 lượt người; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho trên 5,2 triệu lượt người, góp phần nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của nông dân” [89, tr.9]. Bên cạnh đó, Hội Nông dân các cấp quan tâm vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân tham gia phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp; phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, thành viên HTX và tổ hợp tác; đồng thời thu hút hộ nông dân tham gia các dự án, nhóm hộ xây dựng mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả. Thực tiễn này tương thích với kết quả khảo sát hình thức tổ chức tuyên truyền cho Nhân dân thông qua “Sinh hoạt Hội Nông dân/HTX/tổ hợp tác” được ghi nhận ở mức cao (77.3%) [Phụ lục 4 - C4]. Hội cũng chủ động hỗ trợ, tư vấn và hướng dẫn thành lập 10.561 mô hình kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả, trong đó có 2.127 HTX và 8.434 tổ hợp tác, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn theo hướng bền vững và hợp tác [89, tr.9]. Điều đó cho thấy, hoạt động của Mặt trận và các tổ chức CT-XH không chỉ góp phần củng cố niềm tin của nông dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương, mà còn tạo động lực, “khơi dậy” tinh thần thi đua lao động sản xuất và làm giàu chính đáng gắn với học tập và làm theo những lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn giai cấp nông dân nước ta.

Tuy nhiên, nhận thức, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các tổ chức CT-XH trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN vẫn còn nhiều hạn chế. Ở không ít nơi, việc quán triệt và triển khai còn dừng ở mức tuyên truyền chung chung, chưa chuyển hóa thành mục tiêu, nội dung và cách làm cụ thể phù hợp với điều kiện từng địa bàn và nhu cầu thiết thân của nông dân. Tính chủ động

của một số tổ chức chưa cao, hoạt động vận động quần chúng có lúc bị hành chính hóa, thiên về “triển khai theo chỉ đạo” hơn là xuất phát từ vấn đề của cơ sở. Nội dung vận dụng chưa bám sát yêu cầu thực tiễn của “tam nông”, vì vậy hiệu quả thuyết phục và lan tỏa chưa mạnh; trong khi đó, vai trò giám sát và phản biện xã hội đối với các chương trình, dự án nông nghiệp - nông thôn ở nhiều nơi còn nể nang, né tránh, chưa tập trung vào các khâu dễ phát sinh bất cập, lãng phí.

Sự phối hợp giữa MTTQ, các đoàn thể với chính quyền, ngành chuyên môn và doanh nghiệp có lúc thiếu chặt chẽ, dẫn đến phong trào phân tán, nguồn lực dàn trải. Bên cạnh đó, năng lực của một bộ phận cán bộ mặt trận, đoàn thể ở cơ sở còn hạn chế về kỹ năng dân vận trong bối cảnh mới, kiến thức thị trường và tổ chức liên kết sản xuất, nên việc xây dựng và nhân rộng mô hình đôi khi còn hình thức, thiếu theo dõi đánh giá theo tiêu chí “dân hưởng lợi”, làm giảm tác động thực chất và tính bền vững của quá trình vận dụng.

Kết quả khảo sát cho thấy rõ vấn đề này, mặc dù Hội Nông dân/đoàn thể là kênh tiếp cận chủ đạo trong tuyên truyền, giáo dục cho Nhân dân tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, nhưng mới chỉ dừng lại ở một nhóm đối tượng, nhất là hội viên. Đặc biệt, nhận thức và hoạt động hỗ trợ nông dân theo hướng tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng năng lực cạnh tranh và hội nhập còn chưa tương xứng, thể hiện gián tiếp qua việc tham gia HTX/nhóm liên kết tiêu thụ còn thấp (27.6%) [Phụ lục 4 - E4] và trở ngại lớn nhất vẫn là “không có HTX phù hợp” (61.7%) [Phụ lục 4 - E5], cho thấy vai trò “dẫn dắt liên kết” của tổ chức đoàn thể ở một số nơi chưa tạo được chuyển biến mạnh và bền vững.

3.1.1.4. Nông dân

Nhận thức của người nông dân về PTNN đã có nhiều chuyển biến rõ rệt. Nông dân ngày càng tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và chủ động hơn trong thực hiện các chủ trương, chính sách về PTNN, nông thôn. Họ từng bước khẳng định vai trò trung tâm, chủ thể của mình trong tiến trình PTNN và xây dựng NTM; tích cực tham gia tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, hợp tác, liên kết sản xuất và tham gia các mô hình HTX, tổ hợp tác có quy mô lớn [89, tr.2]. Nhiều nông dân đã chủ động đổi mới tư duy sản xuất, mạnh dạn ứng dụng tiến bộ KHCN, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá

trị, coi nông nghiệp không chỉ là sinh kế truyền thống mà là một lĩnh vực kinh tế có thể mang lại thu nhập ổn định và bền vững. Nhờ vậy, người nông dân không chỉ góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng NTM mà còn khẳng định vị thế, vai trò nòng cốt của mình trong PTNN, giữ gìn bản sắc văn hóa và bảo đảm trật tự, an ninh nông thôn [89, tr.2].

Từ số liệu khảo sát, cho thấy, nhận thức và trách nhiệm của nông dân đối với vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN có những bước tiến đáng kể. Theo đó, nhận thức chung về tư tưởng Hồ Chí Minh và phong trào học tập, làm theo đã có nền tảng nhất định, thể hiện ở tỷ lệ người dân đã từng nghe đến “Tư tưởng Hồ Chí Minh” đạt 65.3% và đã từng nghe về việc “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đạt 58.4% [Phụ lục 4 - B1, B2]; đây là tiền đề quan trọng để tiếp tục nâng mức hiểu biết từ “biết đến” sang “hiểu để vận dụng”. Trách nhiệm và sự đồng thuận của nông dân đối với PTNN thể hiện rất rõ, khi tỷ lệ đánh giá PTNN “quan trọng/rất quan trọng” đạt 94.0% [Phụ lục 4 - D1]; đồng thời 91.2% khẳng định vai trò nông dân là “rất quan trọng” [Phụ lục 4 - D2].

Đồng thời, tinh thần “học Bác” đã được cụ thể hóa thành nhiều hành vi sản xuất và lối sống trong lao động, thể hiện ở các lựa chọn có tỷ lệ cao như cần cù, chịu khó (91.2%), đổi mới kỹ thuật/áp dụng giống mới/canh tác an toàn (89.6%), thi đua sản xuất giỏi làm giàu chính đáng (88.6%), chấp hành chủ trương chính sách (78.3%), thực hành tiết kiệm chi phí đầu vào, chống lãng phí (71.5%) [Phụ lục 4 - E2]; bên cạnh đó, một bộ phận nông dân cũng đã tham gia tổ hợp tác/HTX/liên kết sản xuất-tiêu thụ (56.2%) [Phụ lục 4 - E2], cho thấy bước đầu hình thành ý thức hợp tác và liên kết trong sản xuất. Qua đó, đã khơi dậy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động của người nông dân trong PTNN.

Tuy nhiên, nhận thức, trách nhiệm của nông dân trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN vẫn còn nhiều hạn chế. Mặc dù, đã có 65.3% người được hỏi từng nghe đến “Tư tưởng Hồ Chí Minh” (65.3%) và 58.4% từng nghe về việc “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” [Phụ lục 4 - B1, B2], nhưng khi gần trực tiếp với PTNN thì tỷ lệ từng nghe/biết về học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với PTNN chỉ 24.5% [Phụ lục 4 - B3]; đặc biệt mức độ

hiểu về “tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN” rất thấp khi 81.8% “không biết, không hiểu”, chỉ 6.9% “biết sơ sơ” và 11.3% “chỉ nghe tên” [Phụ lục 4 - B5].

3.1.2. Về nội dung phát triển nông nghiệp

3.1.2.1. Phát triển toàn diện, đa dạng cơ cấu các ngành nông nghiệp

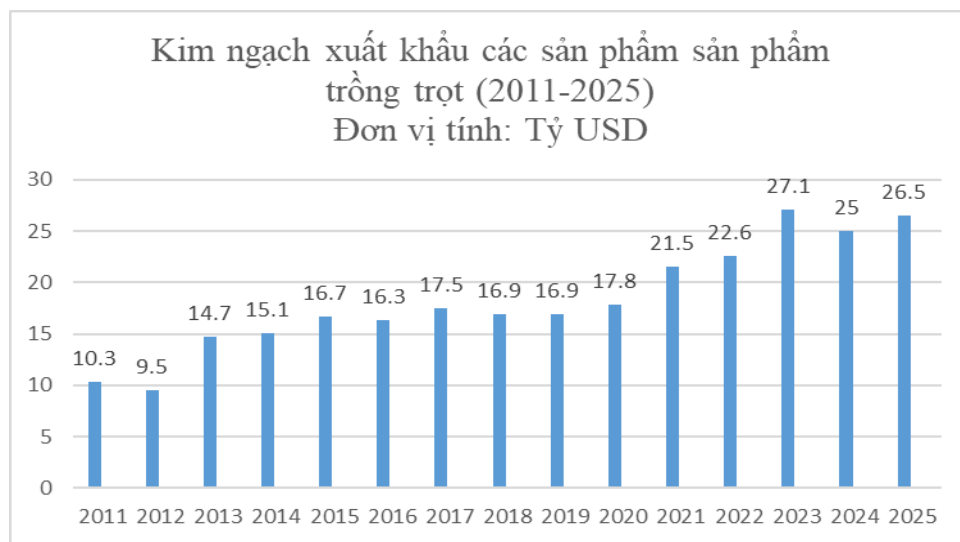
Từ năm 2011 -2025, cơ cấu nông nghiệp nước ta chuyển dịch theo hướng: trồng trọt giảm dần tỷ trọng lúa, tăng cây công nghiệp và cây ăn quả; chăn nuôi phát triển theo hướng tập trung, hiện đại; lâm nghiệp mở rộng diện tích rừng trồng, nâng độ che phủ; thủy sản tăng trưởng mạnh, trở thành ngành xuất khẩu chủ lực. Cụ thể:

Một là, phát triển ngành trồng trọt. Đảng và Nhà nước luôn coi trồng trọt là lĩnh vực trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đối với bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nông nghiệp. Nhận thức rõ vai trò chiến lược đó, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm định hướng phát triển ngành trồng trọt theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Trọng tâm là tái cơ cấu ngành theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của các nhóm cây trồng chủ lực; đồng thời, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện từng vùng, từng địa phương, gắn với yêu cầu của thị trường và tiến bộ KHKT.

Thực hiện các chủ trương này, nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước đã đẩy mạnh phát triển trồng trọt theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, thuận lợi cho cơ giới hóa và ứng dụng KHCN. Mô hình “cánh đồng lớn” đã được triển khai rộng rãi ở nhiều địa phương, tạo điều kiện hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tăng cường liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong các khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập cho người nông dân. Tính đến tháng 7 năm 2021, cả nước có 2.788 xã thực hiện đồn điền, đổi thửa với tổng diện tích khoảng 790.000 ha, tăng hơn 96.000 ha so với năm 2016 - minh chứng rõ nét cho sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức lại sản xuất nông nghiệp; đồng thời xây dựng 1.660 cánh đồng mẫu lớn tại 1.051 xã, thu hút sự tham gia của 327.326 hộ dân [28, tr.5]. Ngành trồng trọt giai đoạn 2011 đến nay luôn duy trì ở mức tăng trưởng ổn định.

Bên cạnh đó, ngành trồng trọt nước ta đã tăng cường ứng dụng KHCN, sử dụng giống mới, năng suất và chất lượng cao, thực hiện các giải pháp quy trình kỹ thuật tiên tiến, ứng dụng cơ giới hóa và phát triển mạnh công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Ngoài các sản phẩm là thế mạnh truyền thống như: Lúa, gạo, cao su, cà

phê, hồ tiêu, trái cây, các địa phương đã tích cực chuyển đổi các cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao, liên kết sản xuất theo chuỗi, có hợp đồng bao tiêu sản phẩm, có thị trường đầu ra tương đối ổn định từ đó tạo ra giá trị gia tăng. Việc áp dụng KHCN trong trồng trọt còn được thể hiện qua việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, sử dụng nhà lưới, nhà kính, nhà màng. Bên cạnh đó, nhiều địa phương đã quan tâm phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng của nông sản và bảo đảm an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng. Việc chuyển hướng từ sản xuất truyền thống sang sản xuất theo quy trình tiêu chuẩn, thân thiện với môi trường ngày càng được mở rộng. Tính đến cuối năm 2024, trên phạm vi cả nước đã có khoảng 463.000 ha cây trồng được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP, cho thấy sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các địa phương đối với mục tiêu PTNN xanh, bền vững [32, tr.6]. Đặc biệt, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm trồng trọt trong giai đoạn 2011 đến nay cơ bản tăng. Điều đó được thể hiện rõ qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.1. Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm trồng trọt

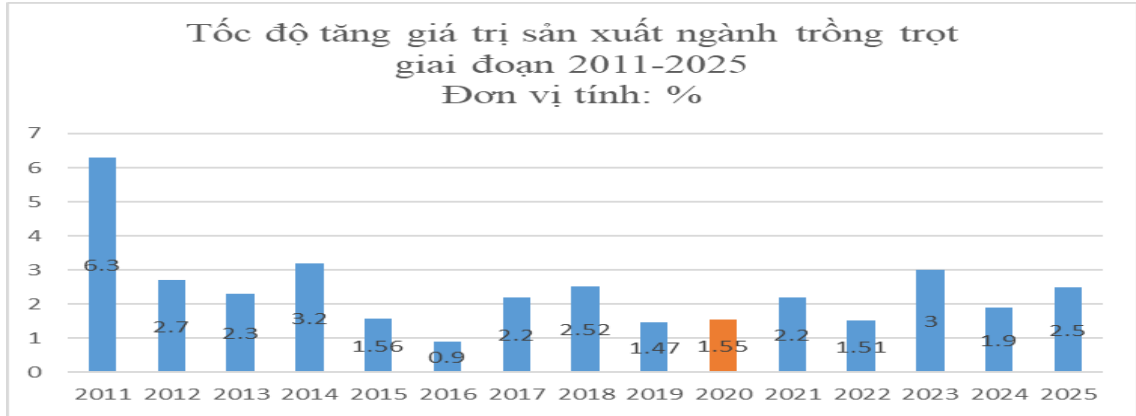
Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam

Biểu đồ cho thấy kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm trồng trọt của Việt Nam giai đoạn 2011-2025 có xu hướng tăng rõ rệt, từ 10,3 tỷ USD (2011) lên 16,7 tỷ USD (2015) và tiếp tục duy trì đà tăng trong giai đoạn 2016-2020, đạt 17,8 tỷ USD (2020). Đặc biệt, giai đoạn 2021-2023 ghi nhận bước tăng tốc mạnh, kim ngạch tăng từ 21,5 tỷ USD (2021) lên 27,1 tỷ USD (2023), phản ánh tác động tích cực của mở rộng thị trường, tận dụng các hiệp định thương mại và nâng cao năng lực chế

biến - xuất khẩu. Sang năm 2024, kim ngạch giảm nhẹ còn 25 tỷ USD, sau đó phục hồi năm 2025 lên 26,5 tỷ USD, cho thấy xu hướng ổn định ở mức cao nhưng chịu ảnh hưởng nhất định từ biến động giá cả, thị trường và chi phí logistics.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, ngành trồng trọt vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Quy mô sản xuất phần lớn còn nhỏ lẻ, manh mún, tích tụ ruộng đất chậm. Thực hiện chuỗi liên kết giữa sản xuất - tiêu thụ, giữa nhà nước - nông dân - doanh nghiệp, giữa nông dân - HTX và doanh nghiệp chưa đi vào chiều sâu và bền vững. Cơ cấu cây trồng chuyển dịch chưa đáp ứng kịp nhu cầu thị trường và yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, trong khi tỷ trọng cây trồng giá trị cao còn hạn chế. Năng suất, chất lượng nhiều loại sản phẩm, cây trồng còn thấp nhưng giá thành cao dẫn đến khả năng cạnh tranh thấp, thị trường tiêu thụ thiếu ổn định, còn bị lệ thuộc lớn vào thị trường tiêu thụ Trung Quốc. Trình độ chế biến sản phẩm trồng trọt xuất khẩu còn thấp, chủ yếu vẫn xuất khẩu dưới dạng thô nên chưa mang lại giá trị kinh tế cao. Đơn cử như cây lúa: “Dù giữ vị thế cao về sản lượng và xuất khẩu, lúa gạo Việt Nam chỉ đứng thứ 15 về năng suất trên mỗi ha, đạt chưa tới 50% của top 1” [109].

Chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và tính cạnh tranh thấp; xuất khẩu gạo khối lượng lớn nhưng giá trị thấp (giá cùng loại luôn thấp hơn gạo Thái Lan khoảng 20 - 30USD/tấn); sản xuất lúa thiếu tính bền vững; khâu chế biến sâu, đa dạng hóa các loại gạo và sản phẩm chế biến từ gạo còn hạn chế; chưa chú trọng sử dụng các sản phẩm phụ (trấu, cám, rơm rạ...) để nâng cao giá trị gia tăng, tăng hiệu quả sản xuất. Điều đó, dẫn đến thu nhập của nông dân sản xuất lúa thấp, đời sống bấp bênh, tình trạng “được mùa - mất giá” vẫn đang là phổ biến do bị lệ thuộc vào thị trường tiêu thụ và sự ép giá của các doanh nghiệp tư nhân, thương lái. Đặc biệt, an toàn vệ sinh nông sản thực phẩm trong ngành trồng trọt của nước ta còn nhiều hạn chế. Do vậy, dẫn đến sản phẩm nông nghiệp nước ta khó tiếp cận với thị trường xuất khẩu thế giới, nhất là các nước lớn như: Mỹ, EU, Nhật Bản... Việc thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp ở hầu hết các địa phương còn lúng túng; sản phẩm sản xuất ra chưa có thị trường tiêu thụ ổn định; nâng cao hiệu quả sản xuất lúa gạo thông qua việc tập trung xây dựng cánh đồng mẫu lớn theo phương pháp canh tác thâm canh lúa cải tiến (SRI - System of Rice Intensification) chưa đạt được kết quả như mong đợi. Đặc biệt, tốc độ phát triển của ngành trồng trọt trong thời gian qua thiếu ổn định. Cụ thể:

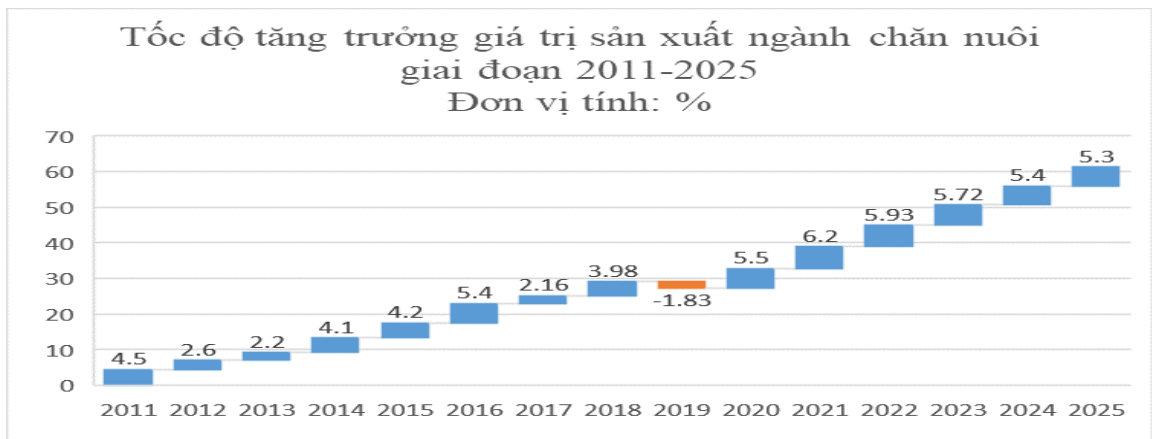


Biểu đồ 3.2. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành trồng trọt

Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam

Qua số liệu có thể nhận thấy, tốc độ tăng trưởng của ngành trồng trọt giai đoạn 2011-2024 có nhiều biến động theo xu hướng giảm và thiếu tính bền vững. Điều đó phản ánh những thách thức trong quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng dụng KHCN và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hai là, phát triển ngành chăn nuôi. Trên cơ sở quán triệt quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tập trung chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh tái cơ cấu ngành chăn nuôi, chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình sản xuất nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô trang trại, gia trại, hướng tới chăn nuôi công nghiệp và ứng dụng công nghệ cao. Nhờ sự chuyển dịch này, số lượng trang trại chăn nuôi tăng nhanh, từ 8.796 trang trại năm 2013 lên 15.096 trang trại năm 2017 [24, tr.8]. Nhờ đó, dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, ngành chăn nuôi vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định và đạt kết quả tích cực.



Biểu đồ 3.3. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi

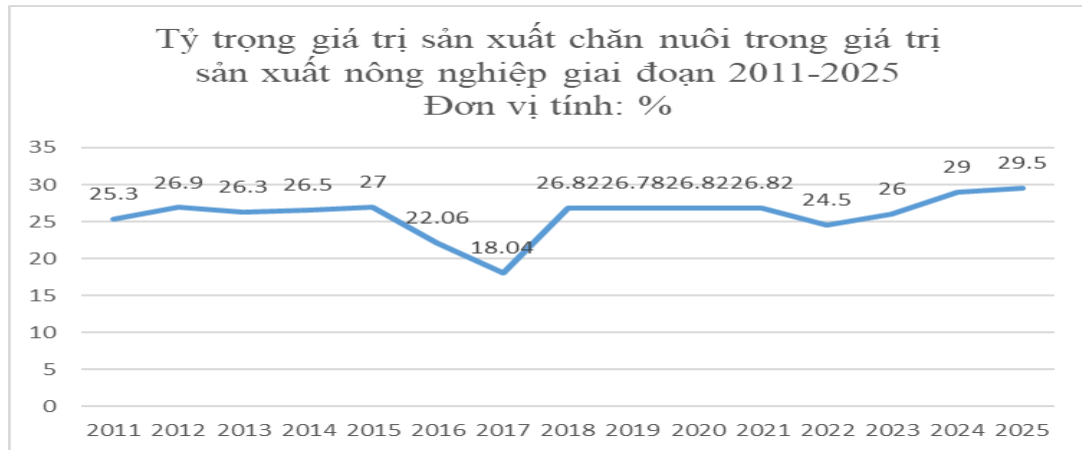
Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam

Biểu đồ cho thấy tăng trưởng chăn nuôi nhìn chung ổn định, chỉ giảm mạnh năm 2019. Từ 2020, ngành phục hồi rõ rệt và tăng liên tục, đạt mức cao nhất giai đoạn 2023 - 2025, cho thấy xu hướng phát triển tích cực.

Tổng thể, tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi giai đoạn 2011-2025 cho thấy xu hướng tăng trưởng tích cực và bền vững, thể hiện nỗ lực chuyển đổi cơ cấu, ứng dụng KHKT và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong ngành chăn nuôi Việt Nam. Các địa phương đã chú trọng nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo hướng áp dụng kỹ thuật tiên tiến, có kiểm soát phát triển theo hướng công nghiệp tập trung, chất lượng cao; cải tạo giống, nâng cao năng suất, chất lượng đàn vật nuôi; phát triển giống chất lượng cao; ưu tiên nhập khẩu giống tốt, chọn tạo đàn giống thích hợp cho mỗi vùng sinh thái; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín. Cùng với đó, ngành chăn nuôi đã từng bước hình thành và mở rộng các chuỗi liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị, từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, góp phần cắt giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất và giá trị gia tăng. Chất lượng sản phẩm chăn nuôi ngày càng được kiểm soát chặt chẽ hơn, bảo đảm an toàn thực phẩm và đáp ứng yêu cầu của thị trường. Nhờ vậy, sản xuất chăn nuôi trong nước đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng thực phẩm của người dân và từng bước hướng tới xuất khẩu.

Chăn nuôi công nghiệp công nghệ cao ngày càng có xu hướng phát triển mạnh, nhiều doanh nghiệp lớn đã đầu tư vào nông nghiệp như: TH với 1 tỷ USD; Bình Hà 10.000 tỷ đồng; DABACO 4.000 tỷ đồng; Thái Dương 500 tỷ đồng; cùng các tập đoàn Hòa Phát, Hùng Vương [23, tr.13].

Nhiều địa phương đã tổ chức liên kết theo chuỗi sản phẩm từ sản xuất đến thị trường, trong đó doanh nghiệp là nòng cốt, xác định các chuỗi ngành hàng lợi thế của địa phương, một số sản phẩm chăn nuôi chủ lực của nước ta được xuất khẩu mạnh, như: “Thịt lợn sữa đông lạnh xuất sang Trung Quốc, Hồng Kông (đạt 42,3 ngàn tấn, 101,4 triệu USD); trứng vịt muối xuất sang Malaysia, Singapore, Trung Quốc (sản lượng 30,12 triệu quả, đạt 3,7 triệu USD); mật ong xuất sang Mỹ, Triều Tiên, Đài Loan (sản lượng 56,8 ngàn tấn, đạt 86,9 triệu USD)” [23, tr.14]. Nhờ đó tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng. Điều này được thể hiện rõ qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.4. Tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp

Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam

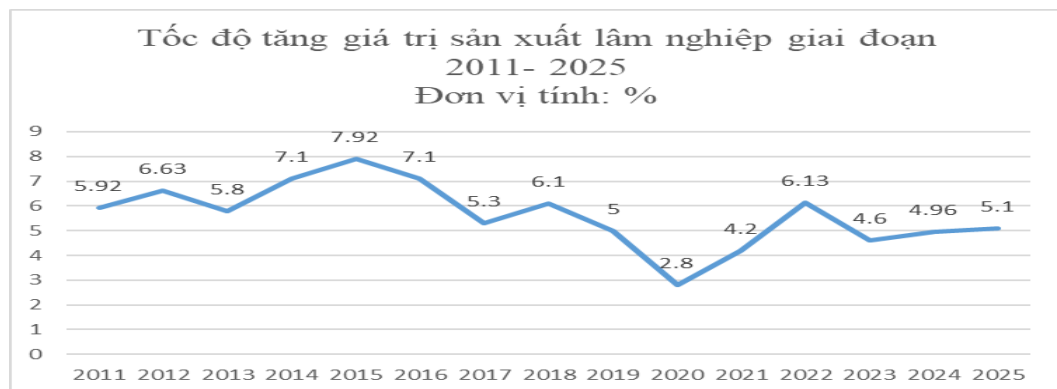
Biểu đồ cho thấy tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi trong nông nghiệp biến động nhẹ, giảm sâu giai đoạn 2016 - 2017, sau đó phục hồi và tăng dần từ 2018. Đến 2024 - 2025, tỷ trọng đạt mức cao nhất, cho thấy vai trò chăn nuôi ngày càng được củng cố trong cơ cấu nông nghiệp.

Tuy nhiên, trong thời gian qua tốc độ tăng trưởng của ngành chăn nuôi chưa bền vững, tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành còn thấp so với mục tiêu đặt ra. Cụ thể: Giai đoạn 2011-2015 “tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành đạt thấp xa so với mục tiêu kỳ vọng (đạt 3,5% so với mục tiêu 6% đến 7%); tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp (gồm trồng trọt và chăn nuôi) không có thay đổi lớn, tăng từ 25% (2010) lên 27% (2015) so với chỉ tiêu kế hoạch là 30%” [22, tr.15]; Giai đoạn 2016 - 2020, “giá trị sản xuất chăn nuôi có xu hướng giảm qua các năm (từ 5,40% (2016) xuống còn (-1,83%) năm 2019)” [27, tr.15]. Trừ chăn nuôi bò sữa, còn lại hầu hết các lĩnh vực, việc tổ chức chăn nuôi theo chuỗi liên kết chiếm tỷ lệ thấp cả về quy mô và mức độ liên kết. Điều đó dẫn đến khó kiểm soát dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và xây dựng các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Việc áp dụng KHCN vào chăn nuôi ở nước ta còn hạn chế dẫn đến giá thành sản phẩm chăn nuôi còn cao so với thị trường thế giới. Đơn cử như: Tại Việt Nam, giá 1 kg sữa tươi khoảng 12.000 đồng, cao gấp đôi so với New Zealand; giá thịt lợn hơi dao động 45.000 - 55.000 đồng/kg, gần gấp 2 lần mức giá tại Mỹ, nơi thịt lợn hơi chỉ khoảng 25.000 - 30.000 đồng/kg [49]. Chính vì thế, sản phẩm chăn nuôi khó cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường quốc tế. Khâu chế biến các

sản phẩm chăn nuôi cũng chưa được quan tâm đầu tư. Hiện nay, giết mổ công nghiệp và bán công nghiệp chỉ chiếm khoảng 20% tổng sản lượng thịt, phần lớn vẫn thực hiện theo phương thức thủ công, thiếu điều kiện bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, làm giảm giá trị gia tăng của sản phẩm. Bên cạnh đó, công nghệ chế biến và bảo quản sau thu hoạch trong lĩnh vực chăn nuôi còn rất hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và kéo dài thời gian bảo quản sản phẩm [49]. Vấn đề xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm chăn nuôi vẫn là khâu yếu kém, nhất là khâu tìm kiếm thị trường xuất khẩu. Do đó, thị trường xuất khẩu chăn nuôi thiếu ổn định, làm cho giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi thấp. Ngoài ra, chăn nuôi vẫn là ngành nhập siêu lớn nhất trong các ngành nông lâm thủy sản. Theo số liệu của Tổng Cục thống kê năm 2023, “kim ngạch nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi là 3,53 tỷ USD, trong khi xuất khẩu chỉ có 515 triệu USD” [181, tr.41].

Ba là, phát triển ngành lâm nghiệp. Ngành lâm nghiệp đã đạt những thành tựu quan trọng, với tốc độ tăng trưởng nhanh. Giai đoạn 2011 - 2015 “tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt bình quân 6,67%/năm, vượt chỉ tiêu kế hoạch là 5% - 6%” [22, tr.17]. Giai đoạn 2016 - 2020, “tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 5,6%, đạt mục tiêu đề ra. Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp trong giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2020 ước đạt 3,52%, vượt mục tiêu kế hoạch (3,5%)” [27, tr.19].



Biểu đồ 3.5. Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp

Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam

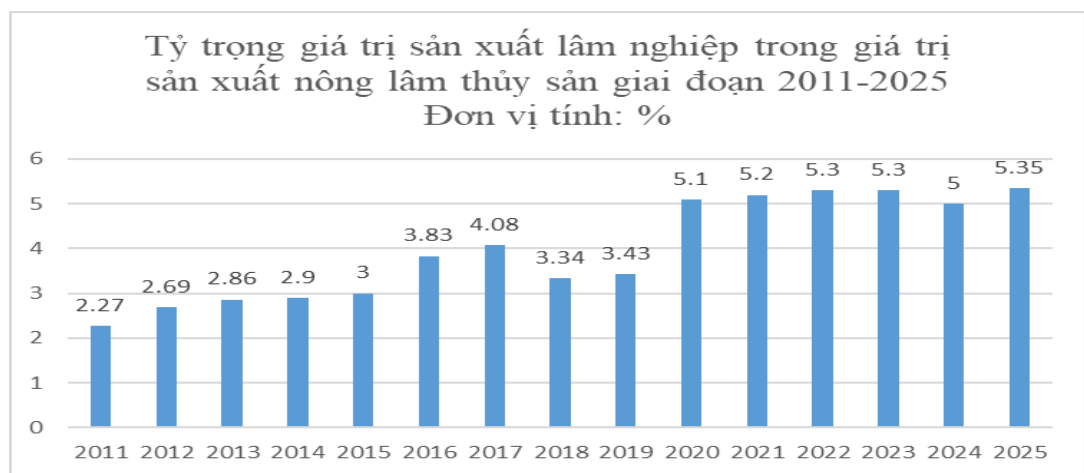
Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, rừng phát triển ổn định, ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Giai đoạn 2011 - 2015, bình quân mỗi năm trồng mới khoảng 220.000 ha rừng và khoanh nuôi tái sinh khoảng 460.000 ha, trong đó có khoảng 50.000 ha trở thành rừng chính

thức. Việc áp dụng giống mới và tiến bộ kỹ thuật thâm canh đã nâng sản lượng sinh khối rừng sản xuất từ 7-8 m³/ha/năm lên 12-15 m³/ha/năm, cá biệt có nơi đạt đến 40 m³/ha/năm. Độ che phủ rừng cũng tăng từ 39,1% năm 2009 lên khoảng 40,7% năm 2015 [22, tr.17]. Giai đoạn 2016-2020, công tác trồng rừng tại các địa phương tiếp tục được triển khai tích cực, với bình quân hàng năm khoảng 225 nghìn ha rừng tập trung được trồng, trong đó 90% là rừng sản xuất. Năng suất rừng trồng không ngừng được nâng cao, diện tích rừng đạt chứng chỉ quản lý bền vững đã vượt 224 nghìn ha. Tỷ lệ che phủ rừng liên tục tăng, ước đạt 42% vào năm 2020, hoàn thành mục tiêu đề ra trong kế hoạch [27, tr.17]. Tình hình phá rừng, cháy rừng, khai thác lâm sản trái pháp luật, lấn chiếm đất quy hoạch lâm nghiệp đã được kéo giảm. Rừng tự nhiên được bảo vệ khá tốt, ít bị xâm hại. Tỷ lệ che phủ rừng liên tục tăng qua các năm (39,7% năm 2011, 40,84% năm 2015, 42% năm 2020, 42,02% năm 2023). Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản đã có bước phát triển mạnh mẽ, thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, hình thành hệ thống sản xuất hàng hóa đa dạng, quy mô ngày càng lớn. Sản phẩm lâm sản ngày càng thích ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường, xu thế tiêu dùng xanh và biến đổi khí hậu, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, giải quyết hài hòa các rào cản kỹ thuật và thương mại trong xuất khẩu.

Giai đoạn 2011-2015: “Kim ngạch xuất khẩu gỗ và lâm sản ngoài gỗ tăng hơn 1,65 lần trong 5 năm, từ 4,2 tỷ USD năm 2011 lên 7,1 tỷ USD so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 4,5 tỷ USD” [22, tr.17]; Giai đoạn 2016-2020: “Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm đồ gỗ và lâm sản ngoài gỗ bình quân 5 năm đạt 9,52 tỷ USD và liên tục tăng qua các năm, đến năm 2020 ước đạt 11,5 tỷ USD, gấp 1,57 lần năm 2016 và vượt kế hoạch 35,29%” [27, tr.20]; “ước tính cả năm 2024, xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt trên 17,2 tỉ USD, tăng 18,9% so với năm 2023, vượt 13,1% so với kế hoạch năm 2024” [98].

Hiện nay, ngành lâm nghiệp đã có nhiều hướng phát triển mới, nhất là hướng vào con đường phát triển bền vững lấy bảo vệ, bảo tồn bồi dưỡng hoàn thiện nâng cao làm mục tiêu, lấy việc khai thác khoa học, hợp lý, hiệu quả đúng quy trình công nghệ - kỹ thuật lâm sinh. Đặc biệt, ngành lâm nghiệp cũng chuyển mạnh lên sản xuất hàng hóa, biến các sản phẩm của ngành lâm nghiệp, kể cả các dịch vụ cho xã hội vào giao lưu hàng hóa theo quy luật của nền kinh tế thị trường, từ đó nâng cao

sức cạnh tranh bằng chất lượng và tính độc đáo của lâm sản với giá cả hấp dẫn. Ngành chế biến và xuất khẩu gỗ của Việt Nam những năm gần đây đã có bước phát triển mạnh mẽ, mở rộng quy mô và phạm vi thị trường. Các doanh nghiệp gỗ trong nước đã thâm nhập sâu hơn vào những thị trường trọng điểm như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Hàn Quốc, đồng thời tích cực mở rộng sang các thị trường tiềm năng và mới nổi như Ấn Độ, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) và khu vực Trung Đông. Tính đến nay, sản phẩm gỗ của Việt Nam đã có mặt tại khoảng 170 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó năm thị trường chủ lực là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và EU chiếm hơn 90% tổng kim ngạch xuất khẩu. Nhờ đó, tỷ trọng giá trị sản xuất lâm nghiệp trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản của cả nước ngày càng được nâng cao, góp phần khẳng định vị thế của Việt Nam trên bản đồ xuất khẩu gỗ toàn cầu. Kết quả đó được minh chứng qua tỷ trọng giá trị sản xuất lâm nghiệp trong giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2011 đến nay liên tục tăng, thể hiện qua biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 3.6. Tỷ trọng giá trị sản xuất lâm nghiệp trong giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản

Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam

Qua biểu đồ cho thấy, giai đoạn 2011 - 2025, ngành lâm nghiệp đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển không chỉ của riêng ngành nông nghiệp mà còn đối với nền kinh tế đất nước.

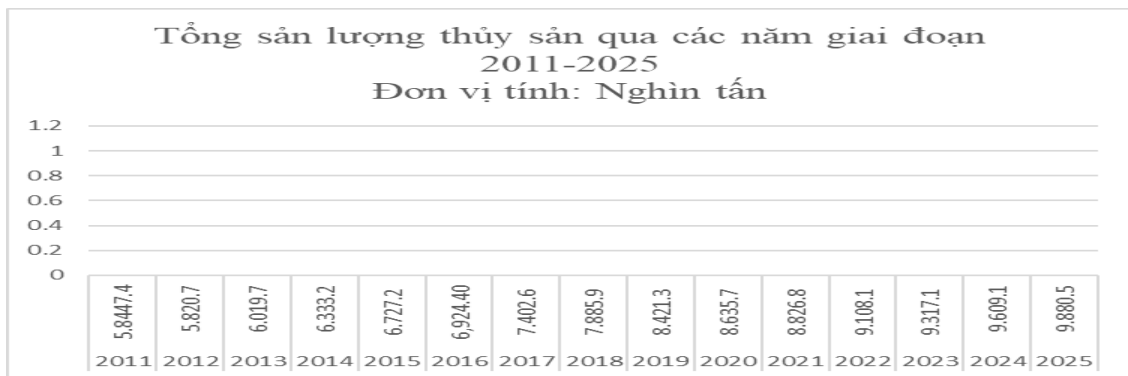
Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình phát triển ngành lâm nghiệp thời gian qua vẫn còn bộc lộ không ít hạn chế. Công tác quy hoạch, quản lý

và bảo vệ rừng ở nhiều địa phương chưa được thực hiện đồng bộ, còn thiếu tính ổn định và tầm nhìn dài hạn. Ở một số nơi, tình trạng chặt phá rừng tự nhiên, xâm lấn đất rừng để canh tác nông nghiệp vẫn diễn ra phức tạp, gây ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển bền vững của ngành. Việc xác định và cấm mốc ranh giới rừng sản xuất chưa được triển khai đầy đủ, dẫn tới khó khăn trong công tác quản lý, nhiều diện tích rừng bị lấn chiếm, chuyển đổi mục đích sử dụng trái quy định. Diện tích rừng tự nhiên chậm phát triển, chưa có biện pháp đầu tư làm giàu rừng, ngoài giá trị về môi trường rừng tự nhiên chưa đóng góp gì thêm cho nền kinh tế, song hàng năm nhà nước phải đầu tư bảo vệ, phòng chống cháy rừng.

Xử lý vi phạm về lâm nghiệp còn chậm, nhận thức của người dân ở một số địa phương sống gần rừng chưa cao, chưa hiểu hết tầm quan trọng của rừng đối với đời sống con người, điều kiện kinh tế các hộ sống ở khu vực rừng còn khá khó khăn, dẫn đến công tác bảo vệ còn hạn chế. Quá trình tái cơ cấu, sắp xếp đổi mới các công ty lâm nghiệp còn chậm, hiệu quả hoạt động sau sắp xếp chưa cao, các đơn vị chủ yếu trông chờ vào nguồn ngân sách Nhà nước, chưa chủ động kinh doanh tạo nguồn thu. Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển lâm nghiệp chưa được đầu tư tương xứng, đặc biệt tại các ban quản lý rừng và công ty lâm nghiệp, nơi cơ sở hạ tầng còn yếu kém, trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu, sản xuất giống vẫn thiếu thốn và lạc hậu [183]. Ngoài ra, ngân sách nhà nước dành cho công tác bảo vệ và phát triển rừng còn hạn hẹp, khiến một số chỉ tiêu quan trọng chưa đạt kế hoạch, như kim ngạch xuất khẩu gỗ và lâm sản hay giá trị gia tăng của ngành lâm nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng. Bên cạnh đó, ở một số địa phương, công tác quản lý và đầu tư cho phát triển lâm nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến nguồn vốn dành cho bảo vệ, chăm sóc và trồng rừng còn hạn chế. Ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản tuy phát triển nhanh nhưng vẫn mang tính phân tán, quy mô nhỏ; phần lớn là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thiếu doanh nghiệp đầu tàu có khả năng cạnh tranh quốc tế và định hướng thị trường trong nước.

Bốn là, phát triển ngành thủy sản. Với lợi thế nổi bật về điều kiện tự nhiên (đường bờ biển dài, hệ thống sông ngòi, ao hồ phong phú và nhiều vùng nước kín gió), Việt Nam có tiềm năng rất lớn để phát triển toàn diện ngành thủy sản. Nhận

thức rõ tầm quan trọng đó, Đảng, Nhà nước cùng cấp ủy, chính quyền các địa phương ven biển đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển ngành theo hướng bền vững, hài hòa giữa khai thác và nuôi trồng, trong đó nuôi trồng thủy sản dần trở thành trụ cột chủ đạo. Song song với đó, các lĩnh vực công nghiệp phụ trợ như chế biến, bảo quản và dịch vụ hậu cần nghề cá được quan tâm đầu tư, góp phần hình thành một chuỗi giá trị thủy sản tương đối hoàn chỉnh, giúp gia tăng năng suất, giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế. Nhờ định hướng đúng đắn và sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, giá trị sản xuất thủy sản trong giai đoạn 2011-2025 duy trì đà tăng trưởng liên tục. Năm 2011 đạt khoảng 5,8 nghìn tấn, năm 2015 đạt khoảng 6,7 nghìn tấn, năm 2018 đạt khoảng 7,8 nghìn tấn và tăng đều qua các năm cho đến năm 2025 đạt khoảng 9,8 nghìn tấn. Thể hiện cụ thể qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.7. Tổng sản lượng thủy sản

Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam

Trong chiến lược phát triển ngành thủy sản Việt Nam, Đảng, Nhà nước chủ trương lấy nuôi trồng làm chủ đạo. Thực hiện chủ trương đó, các địa phương có tiềm năng, thế mạnh về thủy sản đã tập trung nuôi trồng các loại thủy sản cả nước mặn, nước lợ và nước ngọt. Ngoài các sản phẩm thủy sản truyền thống là thế mạnh như: cá tra, cá ba sa, tôm... các địa phương đã mạnh dạn hướng đến các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, hướng đến thị trường xuất khẩu. Nhờ đó, số lượng nuôi trồng thủy sản ngày càng cao, đa dạng về chủng loại. Đặc biệt, nhờ áp dụng tiến bộ KH-CN vào quá trình nuôi trồng, nhất là sử dụng nhiều loại giống mới nên thu được năng suất chất lượng cao. Đơn cử như năm 2021: Diện tích nuôi trồng thủy sản đã đạt 1,13 triệu ha với sản lượng 4,8 triệu tấn. Mặc dù diện tích chỉ tăng 10,8% so với năm 2010, sản lượng lại tăng mạnh tới 77,7% trong cùng kỳ. Nhờ đó, giá trị sản phẩm thu được

trên mỗi hecta nuôi trồng thủy sản cũng tăng từ 103,8 triệu đồng/ha năm 2010 lên 241,2 triệu đồng/ha năm 2021 [186].

Đặc biệt, sau khi Đảng ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, công tác phát triển thủy sản đã có bước chuyển mạnh mẽ về tư duy và cách tiếp cận. Các địa phương ven biển đã chú trọng gắn phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, coi đây là yếu tố cốt lõi để bảo đảm sinh kế lâu dài và phát triển bền vững. Nhờ định hướng đúng đắn của Nghị quyết, ngành thủy sản đã đạt được những đột phá quan trọng, không chỉ trong khai thác và nuôi trồng, mà còn ở các lĩnh vực chế biến sâu, dịch vụ hậu cần nghề cá và phát triển kinh tế ven biển, góp phần khẳng định vị thế của Việt Nam là một trong những quốc gia có ngành thủy sản phát triển hàng đầu khu vực. Hoạt động sản xuất, khai thác thủy sản ngày càng phong phú đa dạng. Các hoạt động khai thác xa bờ kết hợp với bảo vệ an ninh, chủ quyền biển, đảo được đẩy mạnh với các đội tàu hoạt động theo hình thức tổ đội, tổ hợp tác. Cùng với đó, hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá ngày càng được đầu tư, mở rộng và nâng cấp. Các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền được xây dựng đồng bộ, đưa vào khai thác hiệu quả, góp phần bảo đảm an toàn cho ngư dân và hỗ trợ tích cực cho hoạt động khai thác xa bờ. Trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến thủy sản, các địa phương đã đẩy mạnh chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, chú trọng nâng cao chất lượng, truy xuất nguồn gốc và giá trị gia tăng của sản phẩm. Nhờ đó, giá trị sản xuất thủy sản tăng nhanh, đời sống vật chất và thu nhập của cư dân vùng ven biển ngày càng được cải thiện rõ rệt. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản không chỉ tăng về quy mô mà còn nâng cao về chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu thủy sản nước ta liên tục tăng từ năm 2011 đến nay.

Tuy nhiên, phát triển ngành thủy sản ở nước ta trong thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế. Quy mô ngành thủy sản nhìn chung còn nhỏ lẻ, phân tán. Hoạt động nuôi trồng chủ yếu theo cơ cấu hộ gia đình, chưa có nhiều hình thức liên kết theo chuỗi hoặc HTX dẫn đến dễ bị tác động bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu; chưa có kế hoạch tổng thể lâu dài và chỉ chú trọng mở rộng diện tích nên hiệu quả kinh tế không cao, có nơi còn gây hậu quả xấu về môi trường sinh thái cũng như bảo vệ nguồn lợi. Khâu chế biến thủy sản chưa được quan tâm đầu tư, chưa xây dựng

được thương hiệu thủy sản quốc gia và chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm chủ lực. Sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao hiện chiếm tỷ trọng thấp, trong khi phần lớn vẫn ở dạng đông lạnh, chiếm trên 70% tổng cơ cấu sản phẩm tiêu thụ. Cơ cấu thị trường chưa hợp lý, chủ yếu tập trung vào các phân khúc và thị trường truyền thống, chưa mở rộng mạnh sang những thị trường tiềm năng và có giá trị cao [186].

Hoạt động khai thác đánh bắt thủy sản chủ yếu theo hình thức độc lập, nhỏ lẻ, phương tiện đánh bắt lạc hậu, chủ yếu khai thác gần bờ; công nghệ khai thác và bảo quản còn lạc hậu, chi phí cao, hiệu quả thấp, tổn thất sau thu hoạch còn lớn, nhiều sản phẩm không đáp ứng đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Đặc biệt, hoạt động khai thác thủy sản của Việt Nam đang bị Ủy ban châu Âu áp dụng “thẻ vàng” do vi phạm quy định về khai thác cá bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) [186]. Hoạt động xuất nhập khẩu thủy sản còn nhiều hạn chế, nhất là trong việc duy trì, mở rộng thị trường.

3.1.2.2. Phát triển nông nghiệp cân đối, hài hòa với các ngành khác trong nền kinh tế

Từ năm 2011 đến nay, Đảng và Nhà nước luôn kiên định quan điểm coi nông nghiệp là trụ cột của nền kinh tế quốc dân, đồng thời là mắt xích quan trọng trong chuỗi liên kết ngành, vùng và lĩnh vực. Trong tiến trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, hiện đại và hội nhập quốc tế, PTNN không còn giới hạn ở phạm vi sản xuất mà được định hướng gắn kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến, dịch vụ hậu cần, logistics, KHCN và thương mại điện tử.

Tinh thần này được thể chế hóa rõ nét trong Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, cũng như trong Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 về Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025. Theo định hướng đó, chính sách được lồng ghép sâu hơn với các ngành kinh tế khác, đặc biệt là công nghiệp, nhằm hình thành chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ, trong đó công nghiệp chế biến đóng vai trò trung tâm nâng cao giá trị gia tăng của nông sản.

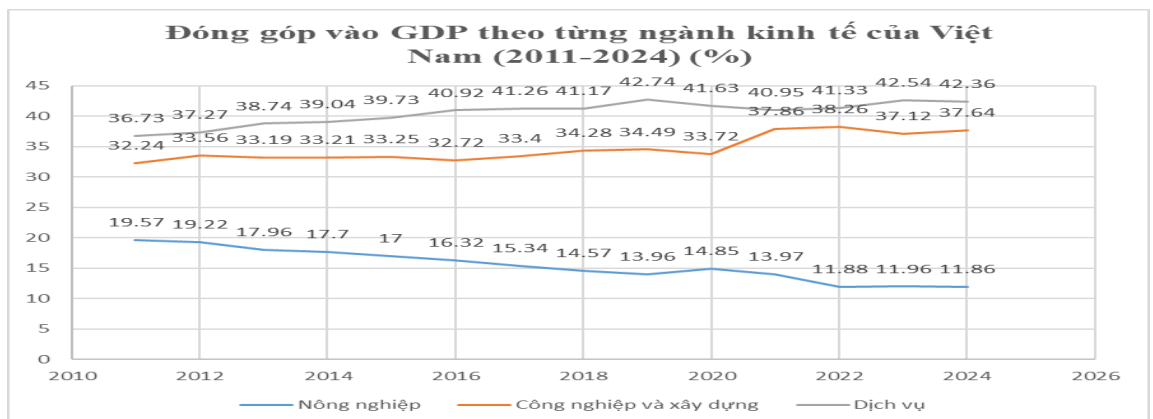
Chính phủ cũng triển khai nhiều chính sách khuyến khích và ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế, tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao và phát triển vùng nguyên liệu gắn với nhà máy chế biến ở các vùng trọng điểm như Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ. Nhờ đó, mối liên kết giữa

nông nghiệp và công nghiệp từng bước hình thành trong một cấu trúc kinh tế mới - kinh tế nông nghiệp, góp phần chuyển đổi căn bản tư duy “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp hiện đại và hội nhập”.

Bên cạnh đó, nông nghiệp Việt Nam được định hướng tăng cường gắn kết với khu vực dịch vụ, nhất là trong các lĩnh vực logistics, du lịch nông nghiệp, thương mại điện tử và tài chính vi mô. Quá trình chuyển đổi số trong nông nghiệp được đẩy mạnh thông qua việc hình thành sàn giao dịch nông sản trực tuyến, phát triển hệ thống kho lạnh, bảo quản và vận chuyển hiện đại, qua đó giảm chi phí lưu thông và nâng cao giá trị sản phẩm. Đồng thời, các chương trình như “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP), phát triển làng nghề nông thôn và du lịch sinh thái cộng đồng đã góp phần tạo mối liên kết đa chiều giữa nông nghiệp - dịch vụ - văn hóa, giúp khai thác hiệu quả tiềm năng địa phương, nâng cao thu nhập và gìn giữ bản sắc nông thôn Việt Nam trong quá trình hội nhập.

Trong cơ cấu GDP của Việt Nam giai đoạn 2011 đến nay, tỷ trọng đóng góp của các ngành kinh tế có sự thay đổi rõ rệt theo hướng giảm dần tỷ trọng khu vực nông nghiệp, trong khi lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng lên, phản ánh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế đất nước theo hướng CNH, HĐH.

Năm 2011, khu vực nông nghiệp đóng góp khoảng 19.57% GDP; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 33.24% và khu vực dịch vụ chiếm 36.73%. Tuy nhiên, đến năm 2024, tỷ trọng nông nghiệp giảm còn khoảng 11,86%, trong khi công nghiệp - xây dựng tăng lên gần 37,64% và dịch vụ đạt khoảng 42.36%.



Biểu đồ 3.8. Xu hướng thay đổi tỷ trọng GDP của ba khu vực kinh tế chính tại Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2024

Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam

Qua biểu đồ trên cho thấy, mặc dù tỷ trọng nông nghiệp trong GDP quốc gia giảm dần, nhưng về giá trị tuyệt đối, ngành vẫn duy trì mức tăng trưởng ổn định, bảo đảm an ninh lương thực và đóng vai trò là “trụ đỡ” của nền kinh tế, đặc biệt trong các giai đoạn khủng hoảng, như đại dịch COVID-19. Điều này cho thấy rằng nông nghiệp không phải đang “thụt lùi” mà là đang nhường vai trò dẫn dắt cho các ngành có giá trị gia tăng cao hơn trong tiến trình hiện đại hóa nền kinh tế đất nước.

Tuy nhiên, PTNN ở nước ta trong thời gian qua vẫn chưa thực sự được kết nối chặt chẽ với các ngành kinh tế khác. Sự thiếu liên kết này dẫn đến việc sản xuất nông nghiệp chủ yếu dừng lại ở quy mô nhỏ, manh mún, chưa tạo ra được chuỗi giá trị bền vững và chưa tận dụng được lợi thế từ các ngành công nghiệp chế biến, dịch vụ logistics hay thương mại. Điều này không chỉ làm giảm hiệu quả kinh tế mà còn làm chậm quá trình hiện đại hóa, công nghiệp hóa nông nghiệp, khiến người nông dân khó tiếp cận thị trường rộng lớn và công nghệ tiên tiến. Mặt khác, sự chênh lệch lớn giữa tỷ trọng GDP và tỷ trọng lao động cho thấy hiệu quả sản xuất giữa các ngành còn chưa đồng đều. Tính đến 2024, nông nghiệp hiện sử dụng khoảng 26,5% lực lượng lao động nhưng chỉ đóng góp khoảng 11,86% GDP, trong khi khu vực dịch vụ sử dụng gần 40% lao động và tạo ra tới 42,36% GDP [182, tr.38].

3.1.2.3. Phát triển nông nghiệp phù hợp với lợi thế của từng vùng, địa phương

Giai đoạn 2011-2025 cho thấy, ngành nông nghiệp nước ta đã phát triển theo hướng ngày càng đồng bộ, toàn diện trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương trong cả nước. Điều đó được thể hiện trước hết trong chủ trương, đường lối PTNN của Đảng, “Cơ cấu lại kinh tế vùng, đổi mới thể chế liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng, phát huy vai trò các vùng kinh tế động lực và các đô thị lớn, quan tâm phát triển các vùng còn khó khăn, thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng” [61, tr.122]. Chủ trương đó đã giúp cấp ủy, chính quyền các địa phương từng bước vượt ra khỏi tư duy phát triển “khép kín” trong phạm vi địa giới hành chính huyện (trước đây), tỉnh, thành phố; từng bước chuyển sang cách tiếp cận theo không gian vùng, miền, chú trọng liên kết nội vùng - liên vùng và gắn sản xuất nông nghiệp với chế biến, thị trường. Đảng cũng đã chủ trương tổ chức lại ngành nông nghiệp theo quy mô hàng hóa lớn, hiện đại hóa phương thức sản xuất và khai thác hiệu quả lợi thế từng địa bàn. Đảng nêu rõ: “Chú

trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương” [61, tr.124].

Thực hiện quan điểm của Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển toàn diện, đồng bộ, như: Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013, Về tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành và địa phương đã ban hành, triển khai nhiều chương trình, kế hoạch, đề án nhằm cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát huy lợi thế vùng miền và thúc đẩy liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ. Nông nghiệp nước ta đã chuyển trọng tâm từ tư duy tăng sản lượng sang tổ chức lại sản xuất theo chuỗi ngành hàng, gắn chặt giữa các vùng nguyên liệu - chế biến - logistics - tiêu thụ nhằm nâng giá trị gia tăng và tính bền vững. Nhiều địa phương đã chủ động “định vị” cây/con chủ lực, hình thành vùng nguyên liệu tập trung (cánh đồng lớn, vùng chuyên canh), chuẩn hóa quy trình sản xuất để giảm tính manh mún, khắc phục tình trạng chất lượng không đồng đều và hạn chế lệ thuộc vào khâu trung gian. Nhờ đó, đã mang lại nhiều kết quả tích cực: công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản được ghi nhận tăng giá trị gia tăng khoảng 7-8%/năm, tỷ lệ chế biến sâu tăng từ 20% (2021) lên hơn 30% (2024); cả nước có gần 8.000 cơ sở chế biến quy mô công nghiệp gắn xuất khẩu và hơn 22.000 cơ sở quy mô nhỏ phục vụ thị trường nội địa, phản ánh sự dịch chuyển từ “bán nguyên liệu thô” sang mở rộng sơ chế - chế biến - đóng gói ngay tại vùng sản xuất, đồng thời kéo theo nhu cầu kho lạnh, vận tải, kiểm nghiệm chất lượng [144]. Cùng với đó, năng lực tiếp cận thị trường được củng cố thông qua chuẩn hóa vùng nguyên liệu và truy xuất, thể hiện năm 2024 có 6.997 vùng trồng và 1.613 cơ sở đóng gói được cấp mã số phục vụ xuất khẩu, một “bằng chứng kỹ thuật” cho thấy liên kết vùng nguyên liệu - chế biến - thị trường đã chuyển từ khẩu hiệu sang điều kiện bắt buộc khi tham gia các thị trường lớn [84]. Hiệu ứng tổng hợp của phát triển đồng bộ, toàn diện còn thể hiện ở quy mô thị trường khi kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng từ 25,1 tỷ USD (2011) lên 64,01 tỷ USD (11 tháng 2025) [177], cho thấy liên kết

chuỗi và chế biến đã trở thành động lực tăng trưởng chủ đạo, trong đó vai trò then chốt của địa phương là tổ chức vùng nguyên liệu đạt chuẩn, nuôi dưỡng doanh nghiệp chế biến và “khép” chuỗi bằng logistics - thương hiệu - kênh tiêu thụ.

Ở bình diện vùng, cơ chế “tập trung - chuyên môn hóa - gắn chế biến/tiêu thụ” được minh chứng rõ: cà phê Tây Nguyên trở thành “lõi” chuyên canh quốc gia với 676,5 nghìn ha, chiếm 92,4% diện tích và 98,7% sản lượng cả nước, phản ánh mức tập trung rất cao của vùng nguyên liệu [34]; đồng thời thể hiện bước chuyển từ “nhiều lượng” sang “nhiều giá trị” khi xuất khẩu từ 1,6 triệu tấn, 3 tỷ USD (niên vụ 2011-2012) [113] lên mức 1,31 triệu tấn và tăng lên 7,42 tỷ USD (10 tháng 2025) [143]; lúa gạo Đồng bằng sông Cửu Long với hơn 2,4 triệu ha, sản xuất 24 - 25 triệu tấn, chiếm khoảng 55% sản lượng và hơn 90% lượng gạo xuất khẩu [79] đã tạo nền tảng cho hệ thống xay xát - kho bãi - logistics phát triển và tái cơ cấu theo chất lượng; cao su Đông Nam Bộ cho thấy dấu ấn chuyên canh gắn chế biến qua xuất khẩu từ 230.000 tấn, 1 tỷ USD (5 tháng đầu 2011) [201] đến 2 triệu tấn, 3,4 tỷ USD (2024) [93]; còn chè Thái Nguyên là minh chứng cho chuyên canh “quy mô - chất lượng - thương hiệu” với 22.200 ha, 272,8 nghìn tấn búp tươi, 54,6 nghìn tấn chế biến và giá trị trên 13,8 nghìn tỷ đồng (2024) [116].

Nhìn tổng thể, PTNN đồng bộ, toàn diện trong giai đoạn này không chỉ dừng ở mở rộng quy mô sản xuất mà quan trọng hơn là tổ chức lại không gian sản xuất theo lợi thế, thúc đẩy chuyên môn hóa, mở rộng liên kết chuỗi, phát triển chế biến - truy xuất - thương hiệu, qua đó nâng giá trị gia tăng và năng lực tham gia thị trường trong nước và xuất khẩu một cách bền vững.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, thực tiễn cho thấy nhiều địa phương chưa tận dụng hết tiềm năng, lợi thế so sánh để PTNN đồng bộ và bền vững. Ở không ít nơi, định hướng phát triển còn dàn trải, thiếu trọng tâm, chưa thật sự chú trọng lựa chọn và đầu tư chiều sâu cho các sản phẩm chủ lực, dẫn đến cơ cấu sản xuất thiếu ổn định, dễ dao động theo giá cả và phong trào. Việc tổ chức không gian sản xuất vẫn còn hạn chế khi chưa hình thành rõ nét các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, đặc biệt là vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khiến năng suất, chất lượng và khả năng tiêu chuẩn hóa chưa tạo được “mặt bằng” đủ mạnh để cạnh tranh dài hạn.

Thực tế cho thấy, vùng nông nghiệp công nghệ cao và “lõi” đổi mới sáng tạo phát triển chưa mạnh, chưa tạo mặt bằng phổ biến trong sản xuất: dù đến năm 2022

đã có 34 khu nông nghiệp công nghệ cao được quy hoạch, nhưng số doanh nghiệp được công nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao vẫn còn rất ít, với đánh giá cho thấy dưới 50 doanh nghiệp được công nhận là “doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao” và dưới 300 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (chưa tới 3% tổng số doanh nghiệp nông nghiệp) [96]. Cùng với đó, liên kết theo chuỗi giá trị dù đã tăng nhưng vẫn chưa đủ độ phủ để trở thành “cơ chế vận hành phổ biến” giữa các địa phương và liên vùng; tính đến hết tháng 6/2025, tổng hợp từ 34 tỉnh, thành phố cho thấy mới có 2.938 dự án và kế hoạch liên kết được phê duyệt theo Nghị định 98 (trong đó 1.968 dự án và 970 kế hoạch đã triển khai), phản ánh mức phát triển liên kết vẫn còn hạn chế so với quy mô sản xuất hàng triệu nông hộ và sự đa dạng ngành hàng trên cả nước [184]. Đồng thời, liên kết giữa các địa phương trong vùng và liên kết liên vùng còn lỏng lẻo; quy hoạch vùng nguyên liệu - chế biến - logistics thiếu đồng bộ, dẫn đến tình trạng mạnh ai nấy làm, khó phát huy hiệu quả kinh tế theo chuỗi và theo quy mô. Hệ quả là thị trường tiêu thụ của nhiều ngành hàng vẫn phụ thuộc vào một vài kênh/đối tác, liên kết hợp đồng thiếu bền chặt, nên khi biến động cung - cầu, thay đổi tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc phát sinh ách tắc logistics, chuỗi tiêu thụ dễ bị đứt gãy, kéo theo tình trạng “được mùa rớt giá”, giảm thu nhập của nông dân và làm suy giảm động lực đầu tư tái sản xuất. Đơn cử như rau quả Trung Quốc có giai đoạn chiếm gần 60% kim ngạch xuất khẩu toàn ngành (9 tháng 2025) [73], điều này làm gia tăng tính dễ tổn thương trước thay đổi chính sách nhập khẩu, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc ách tắc logistics.

3.1.3. Về biện pháp phát triển nông nghiệp

3.1.3.1. Tuyên truyền, giáo dục, phát huy vai trò chủ thể của người nông dân trong phát triển nông nghiệp

Đảng, Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp phát huy vai trò chủ thể của nông dân; đồng thời coi đây là một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu trong PTNN. Trên cơ sở quan điểm của Đảng, cấp ủy, chính quyền các cấp, đã chú trọng tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người nông dân về vai trò của nông nghiệp, vai trò chủ thể của người nông dân trong PTNN. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, hội viên, nông dân được các cấp Hội chú trọng [89, tr.3].

Công tác tuyên truyền, giáo dục đã được triển khai với nội dung phong phú và hình thức đa dạng. Trọng tâm của hoạt động này là phổ biến, hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách và quy định của pháp luật liên quan đến nông nghiệp, nông dân và nông thôn [89, tr.4]. Các hình thức tuyên truyền được tổ chức linh hoạt, gắn liền với sinh hoạt chi bộ, tổ hội, câu lạc bộ nông dân, cũng như thông qua hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm và các cuộc thi tìm hiểu kiến thức nông nghiệp. Song song đó, các phương tiện truyền thông đại chúng như báo, tạp chí, trang thông tin điện tử, cùng mạng xã hội được tận dụng mạnh mẽ để lan tỏa thông tin [89, tr.40].

Bên cạnh hình thức tuyên truyền trực tiếp, các phong trào thi đua yêu nước, tôn vinh “người tốt, việc tốt”, giới thiệu mô hình sản xuất hiệu quả, ứng dụng tiến bộ KHKT và công nghệ mới cũng trở thành kênh truyền cảm hứng quan trọng giúp nâng cao nhận thức và thay đổi tư duy của người nông dân [89, tr.4]. Nhờ vậy, công tác tuyên truyền đã tạo sức lan tỏa sâu rộng, thu hút sự tham gia tích cực của đông đảo hội viên, cán bộ và nông dân; góp phần bồi đắp ý chí tự lực, tinh thần sáng tạo, niềm tin của nông dân đối với Đảng và Nhà nước. Chỉ tính riêng ngành trồng trọt, giai đoạn 2020-2025, đã có 979 lớp tập huấn được tổ chức, thu hút 43.479 lượt nông dân tham gia, giúp họ nâng cao kiến thức và kỹ năng sử dụng phân bón hữu cơ hiệu quả. Đồng thời, 429 mô hình trình diễn được xây dựng trên tổng diện tích 7.589,7 ha, tập trung vào các cây trồng chủ lực của từng vùng, góp phần lan tỏa mô hình canh tác bền vững và nhân rộng những kinh nghiệm sản xuất hiệu quả [51, tr.11].

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền, giáo dục, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong PTNN thời gian qua vẫn chưa được tiến hành thường xuyên liên tục. Công tác tuyên truyền các quan điểm, chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho nông dân ở một số địa phương còn hình thức, mang tính thời điểm, đạt hiệu quả chưa cao. Nội dung tuyên truyền chưa được thiết kế phù hợp với đặc thù vùng miền, chưa gắn kết chặt chẽ với thực tiễn đời sống, sản xuất của nông dân, dẫn đến khó thu hút sự quan tâm và tiếp nhận thông tin một cách hiệu quả. Hơn nữa, việc áp dụng các hình thức tuyên truyền thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại và mạng xã hội chưa được coi trọng, làm giảm sức lan tỏa và tác động tích cực đến nhận thức của người dân.

Trong thực tế, việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và khó khăn của nông dân ở một số địa phương vẫn còn thiếu kịp thời và chưa sát thực tế. Không ít cấp ủy,

chính quyền chưa thật sự quan tâm đến đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu với nông dân, khiến nhiều vướng mắc trong sản xuất, tiêu thụ nông sản chậm được tháo gỡ. Tình trạng thiếu chủ động, thiếu quyết liệt trong tổ chức các buổi tiếp xúc, đối thoại công khai đã dẫn tới khoảng cách thông tin và sự hiểu biết hai chiều giữa chính quyền và người dân ngày càng lớn. Hệ quả là nhiều vấn đề bức xúc tồn đọng, làm giảm tinh thần sản xuất, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường.

3.1.3.2. Ban hành chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp

Giai đoạn 2011 đến nay ghi nhận thành tựu nổi bật là hệ thống chủ trương, chính sách và pháp luật về PTNN đã được ban hành khá đồng bộ, ngày càng hoàn thiện theo hướng tái cơ cấu ngành, nâng cao giá trị gia tăng, thúc đẩy liên kết chuỗi và phát triển bền vững, tạo khung thể chế quan trọng để tổ chức thực hiện trên phạm vi cả nước. Theo đó, trong giai đoạn này, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều Nghị quyết có liên quan trực tiếp đến PTNN, như: Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), về chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới

Bên cạnh đó, Ban Bí thư cũng đã ban hành nhiều Chỉ thị về PTNN, như: Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 20/5/2019 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống, khống chế bệnh dịch tả lợn Châu Phi; Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối

với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Chỉ thị 32-CT/TW ngày 10/4/2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định và phát triển bền vững ngành thủy sản; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nổi bật trong số đó là Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, xác định rõ định hướng phát triển toàn diện, hiện đại và bền vững khu vực “tam nông”.

Trên cơ sở đó, Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đã triển khai đồng bộ nhiều chương trình, đề án trọng điểm như Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, cùng Chiến lược PTNN, nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Những chính sách này đã tạo khung thể chế và định hướng quan trọng cho tiến trình đổi mới và hiện đại hóa nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Hệ thống cơ chế, chính sách giảm nghèo được ban hành đồng bộ, toàn diện. Tiêu biểu như: Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về “Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020”; Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 8/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 - 2015”, Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 4/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản đặc biệt khó khăn”, Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn”... Qua đó, tạo hành lang pháp lý chặt chẽ, đồng bộ trong việc thực hiện chủ trương giảm nghèo bền vững ở nước ta.

Bên cạnh đó, Nhà nước đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ thiết thực nhằm thúc đẩy PTNN theo hướng hiện đại và bền vững. Các chính sách tín dụng ưu đãi được thực hiện theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân và doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn đầu

tư. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, PTNN hữu cơ, gắn với việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 và 2021 - 2025. Song song với đó, hệ thống pháp luật về nông nghiệp được hoàn thiện với việc ban hành hàng loạt văn bản quan trọng như Luật Trồng trọt (2018), Luật Chăn nuôi (2018), Luật Thủy sản (2017), Luật HTX (2023) và các quy định về bảo vệ môi trường nông thôn. Những chính sách này đã tạo động lực cho chuyển dịch cơ cấu sản xuất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thúc đẩy nông nghiệp hiện đại, thông minh và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, nhằm tháo gỡ những rào cản và tạo bước đột phá trong tiến trình hội nhập, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Đề án thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050, mở ra hướng đi mới cho nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng.

Nhìn chung, đến nay hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về nông nghiệp đã được ban hành tương đối đầy đủ; các cơ chế, chính sách liên quan thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung, kịp thời tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc cho ngành, doanh nghiệp và nông dân. Nhờ đó, quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất và dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và các ngành nghề phi nông nghiệp diễn ra mạnh mẽ hơn. Kinh tế tập thể được đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động; an ninh lương thực được bảo đảm vững chắc, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng nhanh, đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Bên cạnh đó, việc ban hành chủ trương, chính sách về PTNN vẫn còn những hạn chế nhất định. Một số cơ chế, chính sách ban hành chậm, thiếu tính đồng bộ, nguồn lực thực hiện hạn chế, nhất là trong các vấn đề then chốt như đất đai, tín dụng, bảo hiểm và tổ chức sản xuất [63, tr.2]. Một số chủ trương của Đảng chưa được thể chế hóa đầy đủ và kịp thời; nhiều quy định pháp luật vẫn chưa phù hợp thực tiễn, dẫn đến tính khả thi thấp và phát sinh khó khăn trong áp dụng, buộc phải sửa đổi, bổ sung chỉ sau thời gian ngắn ban hành. Không ít nội dung bất cập, vướng mắc chậm được xử lý; năng lực phản ứng chính sách còn hạn chế; thậm chí có cơ chế, chính sách đã ban hành nhưng thiếu nguồn lực triển khai, làm giảm hiệu quả thực thi, mức độ tuân thủ và hiệu lực quản lý nhà nước. Tính liên thông và đồng bộ

của hệ thống pháp luật về nông nghiệp và môi trường còn nhiều bất cập; khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn vẫn chậm được ban hành và hoàn thiện [33, tr.30-31].

Mặc dù nhiều chính sách về PTNN đã được ban hành, song việc triển khai trên thực tế còn thiếu thống nhất và hiệu quả, dẫn đến tình trạng chông chéo, mâu thuẫn hoặc không được người dân, doanh nghiệp tiếp cận, hưởng ứng đầy đủ. Như đã nhận định: “Có quá nhiều chính sách để thu hút nguồn lực vào nông nghiệp nhưng lại không phát huy được hiệu quả. Tác động tích cực của nhiều chính sách ‘cởi trói’ trong nông nghiệp và nông thôn dường như đã tới hạn, thậm chí, một số chính sách lại cản trở sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn” [198].

Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành trong lĩnh vực PTNN còn thiếu rõ ràng và đồng bộ, thậm chí gây chông chéo trách nhiệm, tạo khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Công tác kiểm tra, giám sát chính sách còn lỏng lẻo, thiếu tính răn đe, làm phát sinh tình trạng tiêu cực, tham nhũng trong quá trình thực thi. Ngoài ra, một số chính sách được xây dựng chưa phù hợp với điều kiện thực tế của các vùng, miền, còn thiếu cơ chế đặc thù cho nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất quy mô lớn, trong khi sản xuất nhỏ lẻ, manh mún vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng hàng hóa còn yếu, chưa đủ sức khuyến khích nông dân tham gia. Đồng thời, hệ thống chính sách về KHCN và hợp tác quốc tế trong nông nghiệp vẫn nặng về thủ tục hành chính, thiếu tính linh hoạt và khuyến khích đổi mới sáng tạo [33, tr.31].

3.1.3.3. Phát triển hợp tác xã và các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp

Trên cơ sở quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của HTX trong PTNN, từ năm 2011 đến nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết quan trọng nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể và các mô hình tổ chức sản xuất nông nghiệp. Tiêu biểu là Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới” và Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 18/7/2023 của Chính phủ về “Phát triển HTX nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025”.

Song song với đó, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích

hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cũng được triển khai rộng rãi, góp phần thúc đẩy sự gắn kết giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị nông nghiệp.

Để tăng cường chỉ đạo thống nhất, năm 2017, Ban Chỉ đạo Trung ương về đổi mới và phát triển kinh tế tập thể, HTX được thành lập, đồng thời hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước cũng thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, thậm chí một số nơi có cả Ban Chỉ đạo cấp huyện, nhằm hỗ trợ, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn cho HTX. Sau hơn 15 năm triển khai Nghị quyết số 13-NQ/TW, nhiều cơ chế và chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể được ban hành, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của HTX nông nghiệp.

Nhờ vậy, số lượng và quy mô HTX nông nghiệp ngày càng được mở rộng. Toàn quốc hiện có 2.204 HTX, 517 tổ hợp tác, 1.091 doanh nghiệp và 186.829 hộ nông dân tham gia các mô hình hợp tác. Đến nay, 2.146 dự án liên kết đã được phê duyệt theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, bao gồm 1.504 dự án trồng trọt, 489 chăn nuôi, 61 lâm nghiệp và 92 thủy sản [31, tr.8]. Bên cạnh đó, các HTX nông nghiệp kiểu mới tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng; tính đến cuối năm 2023, cả nước có 96 Liên hiệp HTX và gần 20.500 HTX nông nghiệp, trong đó khoảng 65% được xếp loại khá và tốt [31, tr.8-9]. Thu nhập bình quân đạt 1.094 triệu đồng/năm, trong khi trên 55,8% HTX hoạt động có lãi, với mức lãi trung bình 133 triệu đồng/HTX/năm [19].

Trong những năm gần đây, nhiều HTX nông nghiệp tại các địa phương đã có bước phát triển mạnh mẽ nhờ chủ động đổi mới phương thức tổ chức sản xuất và quản trị theo hướng hiện đại, hiệu quả hơn. Các HTX đã chú trọng nâng cao năng lực quản lý, đa dạng hóa mô hình sản xuất - kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng KHCN vào mọi khâu sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và đáp ứng các tiêu chuẩn chứng nhận quốc tế như VietGAP, GlobalGAP, JAS, hay các sản phẩm OCOP đạt chuẩn hữu cơ. Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi số được nhiều HTX quan tâm triển khai, từ việc sử dụng phần mềm quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, đến việc mở rộng kênh tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Nhờ khả năng thích ứng linh hoạt với thị trường, đặc biệt sau đại dịch Covid-19, các HTX đã từng bước hoàn thiện chuỗi giá trị nông sản ở quy mô địa phương, vùng và quốc gia, gắn sản xuất với quy hoạch vùng nguyên liệu và nâng cao chất lượng dịch vụ cho thành viên.

Đáng chú ý, nhiều HTX đã phát huy vai trò cầu nối liên kết giữa nông dân - doanh nghiệp - tổ chức kinh tế, tạo ra mạng lưới hợp tác đa chiều, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể theo hướng bền vững.

Về tổ hợp tác, cả nước hiện có khoảng 135.899 tổ hợp tác, gồm 3.050 tổ, đội thủy sản khai thác xa bờ; 7.741 tổ thủy lợi và hơn 100.000 tổ hợp tác sản xuất, dịch vụ thuộc các ngành nghề khác [31]. Cơ chế tổ chức và quản lý tổ hợp tác từng bước được hoàn thiện và chặt chẽ hơn, số tổ hợp tác có tài sản dùng chung, thành viên tham gia góp vốn, góp sức và thực hiện phân phối lãi theo vốn góp, có quy chế hoạt động chiếm khoảng 80% tổng số tổ hợp tác. Tổ hợp tác đã khắc phục được một số yếu kém của kinh tế hộ như thiếu vốn, công cụ, kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất, góp phần nâng cao năng lực của kinh tế hộ. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến hết năm 2023, nước ta hiện có: “2.204 HTX, 517 tổ hợp tác, 1.091 doanh nghiệp và 186.829 hộ nông dân tham gia” [31].

Nhiều HTX, Liên hiệp HTX thực hiện chuyển đổi số làm thay đổi phương thức quản trị truyền thống, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Hiện nay, nước ta có gần 2.500 HTX nông nghiệp đã ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số; 4.339 HTX thực hiện bao tiêu nông sản. Cả nước có 19.660 trang trại, trong đó 1.034 trang trại đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời, 56 trang trại tham gia du lịch nông nghiệp và 4.235 trang trại liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm [31]. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của HTX, Liên hiệp HTX, tổ hợp tác trên địa bàn cả nước đã góp phần đẩy mạnh sản xuất, liên kết chuỗi giá trị để gia tăng sản lượng, năng suất, giảm chi phí đầu vào, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

Mặc dù đạt được những kết quả tích cực, quá trình phát triển HTX nông nghiệp ở nước ta vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Nhìn chung, quy mô và năng lực hoạt động của phần lớn HTX còn nhỏ, manh mún, chưa tương xứng với vai trò mà kinh tế tập thể cần đảm nhiệm trong tiến trình PTNN hiện đại. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ của chính quyền các cấp đối với khu vực HTX ở nhiều nơi còn thiếu tính thường xuyên và chưa thực sự sâu sát, dẫn đến việc phát huy hiệu quả của mô hình này còn hạn chế. Phần lớn các HTX thiếu nguồn lực tài chính, trình độ quản lý còn yếu, năng lực điều hành và liên kết giữa các thành viên chưa chặt chẽ, khiến hoạt động sản xuất - kinh doanh hiệu quả thấp và sức cạnh tranh hạn chế. Cơ chế tiếp cận vốn ưu đãi, chính sách hỗ trợ, KHCN và thị trường đầu ra vẫn còn

nhiều rào cản, chưa tạo được động lực mạnh mẽ để các HTX đổi mới và mở rộng quy mô hoạt động.

Những bất cập đó đã khiến vai trò của HTX trong việc dẫn dắt nông dân, tổ chức sản xuất tập trung và phát triển kinh tế hợp tác chưa được phát huy đúng mức, qua đó làm giảm khả năng đóng góp của khu vực này vào tiến trình hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Sự phục hồi và phát triển của HTX, Liên hiệp HTX, tổ hợp tác ở các địa phương chưa đồng đều, thậm chí một số HTX bị thua lỗ, giảm sản lượng, quy mô. Theo số liệu thống kê tính đến hết tháng 10/2019, cả nước có 15.040 HTX nông nghiệp. Trong đó, chỉ có 60% tổng số HTX này hoạt động hiệu quả và có 3.900 HTX tham gia được vào chuỗi giá trị nông sản [48]. Năm 2021, HTX khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có tỷ trọng số lượng HTX chiếm 51,1% tổng số HTX; thu hút lao động chiếm 45,3%; nguồn vốn chiếm 12,3%; doanh thu thuần chiếm 13,2%; lợi nhuận trước thuế lỗ 103 tỷ đồng [19].

3.1.3.4. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước luôn xác định nông nghiệp là lĩnh vực trọng điểm trong tiến trình CNH, HĐH đất nước. Nhờ định hướng đó, nông nghiệp nước ta đã có những bước chuyển rõ nét, từ mô hình sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng mạnh mẽ KHCN, hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Chủ trương đẩy mạnh cơ giới hóa, hiện đại hóa và ứng dụng KHCN trong nông nghiệp đã đạt được nhiều tiến bộ rõ rệt. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất được đầu tư đồng bộ hơn, đặc biệt trong lĩnh vực thủy lợi, điện khí hóa và giao thông nội đồng. Tỷ lệ cơ giới hóa các khâu sản xuất, thu hoạch và chế biến nông sản tăng nhanh, góp phần nâng cao năng suất và giảm chi phí lao động. Trong giai đoạn 2011-2021, số lượng máy kéo tăng 60%, máy cấy tăng gấp 10 lần, máy gặt đập liên hợp tăng 80%, máy chế biến thức ăn thủy sản tăng 2,2 lần, máy phun thuốc bảo vệ thực vật tăng 3,5 lần [107]. Những con số này cho thấy mức độ ứng dụng thiết bị, công nghệ tiên tiến ngày càng sâu rộng, tạo nền tảng thúc đẩy nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại và bền vững. Mức độ cơ giới hóa tại một số khâu, trong một số lĩnh vực ngành nông nghiệp có tỷ lệ khá cao: Trồng trọt đạt từ 70% đến 100% (làm đất, tưới, bảo vệ thực vật), chăn nuôi đạt từ 55% đến 90%... Đối với sản xuất lúa, giai đoạn từ năm 2008 đến 2021, khâu làm đất tăng từ 75% lên 97%, khâu gieo sạ, cấy từ

5% lên 65%, khâu chăm sóc, bảo vệ thực vật từ 55% lên 80%, khâu thu hoạch từ 15% lên 78%; khâu thu gom rơm, rạ đạt 90% [90].

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở nước ta trong giai đoạn 2011 đến nay có sự chuyển dịch theo hướng đa dạng hoá sản xuất, PTNN sản xuất hàng hóa tập trung gắn với liên kết “năm nhà” tạo thành chuỗi sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển ngành nghề phi nông nghiệp, rút bớt lao động ra khỏi nông nghiệp, tăng năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Theo đó, các địa phương coi trọng tái cấu trúc ngành công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, công nghiệp chế tạo máy móc nông nghiệp và đưa công nghiệp vừa và nhỏ về nông thôn. Nhờ đó, doanh nghiệp có điều kiện chuyển đổi công nghệ, sử dụng máy móc, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong PTNN. Sự phát triển này làm cho cơ cấu kinh tế có sự thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

Tuy nhiên, tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp ở Việt Nam vẫn diễn ra chậm và chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nguồn vốn đầu tư cho khu vực nông nghiệp còn hạn chế, chưa tương xứng với vai trò và đóng góp của ngành đối với nền kinh tế quốc dân [Phụ lục 13]. Cơ sở hạ tầng phục vụ PTNN còn yếu và thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu về quy mô sản xuất lớn, ứng dụng công nghệ cao. Hệ thống giao thông nông thôn, kho vận và bảo quản nông sản còn nhiều bất cập, đặc biệt là các tuyến đường trục chính, đường sắt và đường cao tốc phục vụ vận chuyển hàng nông sản xuất khẩu vẫn chưa được đầu tư thích đáng. Trong khi đó, phần lớn các dự án hạ tầng tập trung ở khu vực đô thị nhằm kết nối trung tâm kinh tế, cảng biển và khu công nghiệp, khiến khu vực nông thôn vẫn trong tình trạng thiếu thôn, lạc hậu, chưa được bảo trì thường xuyên. Thực trạng này đã và đang ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển kinh tế nông thôn, hạn chế khả năng tham gia sâu của nông sản Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu [18].

Theo nhận định của Ngân hàng Thế giới, hệ thống thủy lợi của Việt Nam vẫn hoạt động chưa thật sự hiệu quả, thiếu cơ sở dữ liệu và công nghệ kiểm soát chất lượng nguồn nước cũng như hệ thống điều tiết, quản lý dòng chảy [231]. Công tác quy hoạch và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị (bao gồm cung ứng đầu vào, sản xuất, thu gom, chế biến và tiêu thụ sản phẩm) còn nhiều bất cập, đặc biệt là mô hình “liên kết bốn nhà” (Nhà nước - nhà khoa học - nhà nông - doanh nghiệp) vẫn chưa

vận hành hiệu quả. Do thiếu sự gắn kết chặt chẽ giữa các khâu, chuỗi giá trị nông nghiệp của nước ta còn phân tán, manh mún, quy mô nhỏ, liên kết lỏng lẻo nên hiệu quả kinh tế chưa cao. Trong các khâu sau thu hoạch, ứng dụng KHCN còn yếu, đặc biệt ở lĩnh vực bảo quản và chế biến, thất thoát sản lượng và chất lượng nông sản còn lớn, trong khi chi phí logistics duy trì ở mức cao. Công tác xây dựng thương hiệu, dự báo và thông tin thị trường nông sản chưa được quan tâm đúng mức [187].

Bên cạnh đó, quá trình cơ giới hóa trong nông nghiệp mới chủ yếu tập trung ở khâu sản xuất, còn các lĩnh vực hỗ trợ như dịch vụ kỹ thuật, logistics hay bảo quản sau thu hoạch phát triển chậm. Ngành công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến sâu, phần lớn vẫn ở quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản [72]. Trình độ, kỹ năng nghề của nông dân còn hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu của CNH, HĐH nông nghiệp. Đồng thời, số lượng doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ rất thấp, chưa hình thành được các chuỗi liên kết khép kín giữa sản xuất - chế biến - tiêu thụ, làm giảm năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

3.1.3.5. Ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển nông nghiệp

Quán triệt quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò của KHKT trong việc đưa Nhân dân ta nhanh chóng “vĩnh viễn thoát khỏi cảnh nghèo đói lạc hậu” [136, tr.501], Đảng, Nhà nước luôn nhận thức đúng vai trò, tầm quan trọng của KHCN đối với phát triển kinh tế nói chung và lĩnh vực nông nghiệp nói riêng. Trên cơ sở đó, đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách tăng cường nghiên cứu, ứng dụng KHCN vào các khâu, các bước của quá trình PTNN.

Trong những năm gần đây, KHCN trong lĩnh vực nông nghiệp đã có bước phát triển mạnh mẽ, trở thành động lực quan trọng và giải pháp mang tính đột phá cho mục tiêu PTNN bền vững và hiện đại. Đặc biệt, trước tác động sâu rộng của Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, nhiều tiến bộ KHCN, nhất là công nghệ cao đã được nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng rộng rãi trong sản xuất, góp phần tăng năng suất, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của nông sản.

Việc đẩy mạnh ứng dụng KHCN không chỉ thúc đẩy hình thành và mở rộng các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mà còn giúp gia tăng đáng kể hàm lượng KHCN trong cơ cấu giá trị của ngành. Thực tế cho thấy, giai đoạn 2015 -2020, tỷ trọng đóng góp của KHCN trong tổng giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp đã

vượt mức 35%, phản ánh rõ nét vai trò dẫn dắt của yếu tố KHCN trong quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng. Nhờ đó, nhiều sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam đã đạt các tiêu chuẩn an toàn quốc tế, khẳng định năng lực cạnh tranh và vị thế ngày càng vững chắc của nông sản Việt Nam trên thị trường toàn cầu [26, tr.9].

Với vai trò là cơ quan chủ trì về PTNN, trong giai đoạn 2020-2025, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức thực hiện 51 Chương trình, Kế hoạch quốc gia về các nội dung của ngành nông nghiệp. Đầu tư, chỉ đạo hoạt động của 21 tổ chức KHCN (16 viện chuyên ngành và 05 viện quy hoạch) và 34 đơn vị đào tạo; 180 phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu KHCN; hình thành đội ngũ cán bộ khoa học lớn với hơn 11.000 người tại các đơn vị thuộc Bộ. Bộ đã ban hành 1.832 tiêu chuẩn Việt Nam và 175 quy chuẩn Việt Nam, cơ bản bao quát đầy đủ các chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ [33, tr.18].

Đặc biệt, nhằm phát huy những thành tựu đã đạt được và huy động tối đa các nguồn lực xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Đảng và Nhà nước đã xác định rõ định hướng đưa hoạt động nghiên cứu, phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ngành nông nghiệp phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Trên tinh thần đó, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 03/NQ-CP, và Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Nghị quyết số 14-NQ/ĐU ngày 31/7/2025 về “Đột phá phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành Nông nghiệp và Môi trường”. Những chủ trương này thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ trong việc xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, sinh thái, hội nhập và có năng lực cạnh tranh cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

Qua đó, các thành tựu KHCN không chỉ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp, mà còn thúc đẩy xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản Việt Nam gắn với chuỗi sản xuất - cung ứng - giá trị trong nước và quốc tế. Đặc biệt, các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn và nông nghiệp thân thiện với môi trường ngày càng được quan tâm phát triển, phù hợp với xu thế tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, việc kết nối PTNN với công nghiệp chế biến, du lịch và dịch vụ đã góp phần mở rộng và kéo dài chuỗi giá trị, gia tăng giá trị sản phẩm, đồng thời thúc đẩy nông thôn phát triển

toàn diện, hiện đại và năng động hơn. Nhờ đó, cơ cấu việc làm ở khu vực nông thôn cũng trở nên đa dạng, linh hoạt hơn, tạo thêm nhiều cơ hội sinh kế cho người dân.

Tuy nhiên, việc ứng dụng KHCN trong PTNN vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế. Các Bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương nhìn chung chưa xây dựng được định hướng chiến lược tổng thể, đồng bộ và dài hạn trong việc đưa KHCN vào lĩnh vực nông nghiệp. Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao còn thiếu sự gắn kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp và HTX ứng dụng KHCN tiên tiến trong các khâu sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản vẫn còn rất hạn chế. Thực tế cho thấy, tính đến tháng 6 năm 2021, cả nước mới có 49 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn hiệu lực, cùng với 12 vùng và 11 khu nông, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao được Chính phủ và các địa phương công nhận [202].

Quy mô ứng dụng KHCN, nhất là công nghệ 4.0 vào PTNN nước ta còn nhỏ lẻ, chủ yếu là quy mô hộ gia đình và các trang trại sử dụng ít lao động; Chưa hình thành được các khu vực tập trung, chuỗi liên kết nghiên cứu, ứng dụng KHCN quy mô lớn mang tầm quốc gia, khu vực và quốc tế; Chưa đủ sức làm đầu tàu, động lực để thúc đẩy phát triển hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng KHCN rộng rãi vào PTNN của các địa phương lân cận và cả nước. Chính vì vậy, nền nông nghiệp của nước ta vẫn đang đứng trên lằn ranh giới giữa truyền thống và hiện đại, chưa thể chuyển từ nông nghiệp quy mô nhỏ, sản xuất dựa vào điều kiện tự nhiên sang nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn trên cơ sở ứng dụng KHCN hiện đại. Theo Báo cáo tổng kết của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giai đoạn 2011 - 2020, ngành nông nghiệp đã công nhận 529 giống mới, 273 tiến bộ kỹ thuật, 185 sáng chế và 440 quy trình kỹ thuật [25]. Song số lượng thực tế được chuyển giao, ứng dụng vào quá trình sản xuất nông nghiệp một cách phổ biến, rộng rãi còn ít. Mặt khác, trình độ ứng dụng KHCN vào PTNN của nước ta còn thiếu đồng bộ, lạc hậu hơn nhiều so với thế giới. Trình độ KHCN, đặc biệt là máy móc và thiết bị ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam vẫn còn lạc hậu và thiếu tính đồng bộ. Trung bình, công nghệ sử dụng trong ngành nông nghiệp thường chậm tiến khoảng 2-3 thế hệ, tương đương với 20-30 năm so với các nước phát triển. Thậm chí, tại một số vùng, trình độ công nghệ còn lạc hậu đến 4 - 5 thế hệ, tức khoảng 50-70 năm

so với nền nông nghiệp hiện đại, gây hạn chế nghiêm trọng đến năng suất và hiệu quả sản xuất [148].

Khoa học, công nghệ chưa thực sự trở thành động lực cho phát triển nền nông nghiệp nước ta theo hướng bền vững. Việc huy động nguồn lực xã hội vào nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng KHCN vào PTNN chưa được chú trọng; việc đào tạo, trọng dụng, đãi ngộ cán bộ KHCN còn nhiều bất cập. Cơ chế quản lý hoạt động KHCN chậm được đổi mới. Hợp tác quốc tế về KHCN còn thiếu định hướng chiến lược, hiệu quả thấp. Đội ngũ cán bộ khoa học nông nghiệp ở nước ta mặc dù đông đảo về số lượng nhưng chất lượng chưa thực sự mạnh mẽ. Tỷ lệ cán bộ có đủ năng lực chủ trì các đề tài nghiên cứu đạt kết quả cao còn thấp, đồng thời thiếu hụt những chuyên gia đầu ngành có trình độ xuất sắc. Đặc biệt, trong các lĩnh vực công nghệ cao như công nghệ sinh học, nguồn nhân lực trình độ cao còn rất hạn chế, khiến việc triển khai và ứng dụng các thành tựu KHCN trong nông nghiệp diễn ra chậm chạp, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đổi mới và nâng cao hiệu quả sản xuất [18]. Số lượng các nghiên cứu về những vấn đề lý luận liên quan đến PTNN, nhất là các nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN còn rất ít, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn đất nước trong thời kỳ mới.

Việc ứng dụng KHCN và đổi mới, sáng tạo, nhất là chuyển đổi số trong PTNN nước ta chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. KHCN đang có những bước tiến vượt bậc, chính vì thế việc ứng dụng KHCN hiện đại, nhất là chuyển đổi số vào phát triển kinh tế, trong đó có nông nghiệp đang trở thành xu thế tất yếu. Mặc dù, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách về vấn đề này, tuy nhiên thực tế việc ứng dụng KHCN trong các khâu của PTNN chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn. Việc đầu tư cho KHCN hiện nay vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn và chưa tương xứng với mức đầu tư của các quốc gia trong khu vực. Trong thập niên vừa qua, tỷ trọng chi ngân sách dành cho KHCN so với GDP luôn ở mức thấp, phản ánh sự ưu tiên chưa cao trong chính sách phát triển. Ngoài ra, tổng mức đầu tư xã hội cho KHCN cũng còn hạn chế và chưa bắt kịp với xu hướng đầu tư quốc tế, dẫn đến việc ứng dụng và phát triển công nghệ mới trong nước còn chậm và thiếu sự đột phá cần thiết để nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường toàn cầu [195, tr.33]. Thực tế đã cho thấy quá trình sản xuất, chế biến, phân phối sản phẩm nông nghiệp ở nước ta chủ yếu là thủ công, công nghệ lạc hậu dẫn đến

chất lượng các mặt hàng nông sản cả hàng nguyên liệu và hàng thành phẩm cơ bản chưa đáp ứng được các quy định, tiêu chuẩn và khó cạnh tranh với các nước có nền nông nghiệp phát triển trên thế giới. Mặc dù chuyển đổi số trong nông nghiệp tại Việt Nam đang được thúc đẩy tích cực, nhưng thực tế vẫn còn ở giai đoạn sơ khai và quy mô còn khá hạn chế. Việc ứng dụng các công nghệ số mới chỉ bắt đầu được triển khai tại một số địa phương, chưa thực sự lan rộng và sâu rộng trong toàn ngành, do đó chưa phát huy hết tiềm năng giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và quản lý trong nông nghiệp [195, tr.65].

3.1.3.6. Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Trên cơ sở nhận thức đúng mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các địa phương luôn quan tâm, chú trọng đến PTNN gắn với xây dựng NTM. Các chủ trương, chính sách được triển khai đồng bộ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, đồng thời từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cảnh quan nông thôn. Những thành tựu đạt được trong PTNN đã trực tiếp góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn. Năng suất và chất lượng sản phẩm tăng lên, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân được cải thiện, tạo nguồn lực cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, trạm y tế và các công trình văn hóa tại các xã nông thôn.

Trong giai đoạn 2011 đến nay, nhờ những thành tựu trong PTNN, Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM ở nước ta đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến cuối năm 2023 cả nước có khoảng 6.370/8.167 (78%) xã đạt chuẩn NTM, trong đó, có 1.612 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 256 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, bình quân cả nước đạt 16,9 tiêu chí/xã. Có 270 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM. Trong tổng số 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% xã đạt chuẩn NTM có 05 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai, Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM [31, tr.15].

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM được triển khai mạnh mẽ, từng bước thúc đẩy phát triển hạ tầng kinh tế xã hội, kinh tế nông thôn; giúp bộ mặt nông thôn từng bước thay đổi, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế văn hóa của người dân nông thôn. Chương trình xây dựng NTM đã góp phần tăng

sự hài lòng với cuộc sống của người dân nông thôn. Tỷ lệ hộ hài lòng với cuộc sống ở nông thôn tăng từ 50,4% năm 2012 lên 79,3% năm 2018; tại các xã đạt chuẩn NTM, mức độ hài lòng cao hơn và tăng nhanh hơn, song hành với sự gia tăng mạnh về thu nhập [106]. Qua đó, góp phần tăng cường niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương luôn quan tâm và triển khai nhiều chủ trương, chính sách giảm nghèo cho nông dân; các chính sách tín dụng xã hội đã hỗ trợ người dân vay vốn để tổ chức sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, tạo sinh kế; nguồn lực xã hội hóa góp phần hỗ trợ người dân giải quyết một số nhu cầu cấp thiết như nhà ở, sinh kế, cải thiện đời sống. Nhiều người nghèo, hộ nghèo đã được tập huấn các kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, phát triển ngành nghề, được tiếp cận với các tiến bộ KH-CN để áp dụng vào sản xuất, sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất và giá trị cao hơn để thay thế cho các giống cũ, phương thức canh tác, nuôi trồng cũ, năng suất thấp ở địa phương.

Nhờ đó, kinh tế nông thôn có bước phát triển ổn định, cơ cấu ngành nghề được mở rộng, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân ngày càng được cải thiện. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM đạt được nhiều kết quả nổi bật, hoàn thành sớm so với kế hoạch, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn Việt Nam và củng cố vị thế nông nghiệp như một trụ cột của nền kinh tế quốc dân. [62, tr.61-62].

Tuy nhiên, trong thời gian qua, ở một số địa phương, việc gắn kết PTNN với xây dựng NTM vẫn chưa thật sự chặt chẽ và đồng bộ. Mặc dù bộ mặt nông thôn đã có nhiều khởi sắc, đời sống và thu nhập của phần lớn nông dân được cải thiện đáng kể, song mức tăng thu nhập còn chậm và thấp hơn mặt bằng chung cả nước, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa và khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông và khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu như giáo dục, y tế ở vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo vẫn còn nhiều hạn chế [22, tr.44]. Bên cạnh đó, tỷ lệ hộ nghèo tuy giảm nhưng hộ cận nghèo lại có xu hướng tăng, phản ánh sự gia tăng khoảng cách giàu - nghèo giữa nông dân và cư dân đô thị, giữa nông dân và công chức, viên chức. Thiếu việc làm, thu nhập bấp bênh khiến ngày càng nhiều lao động nông thôn di cư ra thành thị tìm kiếm việc làm. Trong khi chi phí đầu vào sản xuất nông nghiệp tăng cao, khả năng tích lũy và tái đầu tư của hộ nông dân lại rất thấp, làm giảm năng lực thích ứng với biến động giá cả, thiên tai và dịch bệnh. Đơn cử, năm 2024, tỷ lệ thất nghiệp trong lực lượng lao động ở khu vực nông thôn đạt

1,55%, cao hơn 1,47% của khu vực thành thị; tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn là 0,4%, cũng vượt xa mức 0,15% ở thành thị. Thu nhập bình quân hàng tháng của lao động làm công ăn lương tại khu vực nông thôn chỉ đạt 5,71 triệu đồng, thấp hơn 5,92 triệu đồng ở khu vực thành thị, phản ánh rõ sự chênh lệch về cơ hội việc làm và thu nhập giữa hai khu vực [27].

Thực tế cho thấy đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn ở nhiều vùng vẫn đang gặp nhiều khó khăn, phản ánh sự cách biệt rõ nét so với khu vực thành thị. Mặc dù, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu phát triển kinh tế nhưng mức sống của người dân nông thôn vẫn còn thấp, thu nhập chưa ổn định và thiếu đa dạng các dịch vụ xã hội thiết yếu như y tế, giáo dục, giải trí. Điều này khiến chất lượng cuộc sống và mức hưởng thụ văn hóa của cư dân nông thôn không tương xứng với tiềm năng phát triển của đất nước.

3.1.3.7. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, lĩnh vực hợp tác quốc tế về nông nghiệp luôn được Đảng, Nhà nước và các cơ quan quản lý các cấp quan tâm thúc đẩy. Thời gian qua, nhiều chương trình, dự án hợp tác song phương và đa phương đã được triển khai với sự tham gia của các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và chính phủ nước ngoài, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm như chuyển giao công nghệ, cải tiến giống cây trồng - vật nuôi, phát triển thủy sản, quản lý tài nguyên và xây dựng hạ tầng nông thôn.

Hiện nay, ngành nông nghiệp Việt Nam đã chủ động và tích cực hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu thông qua việc ký kết và thực thi 17 hiệp định thương mại tự do (FTA), cũng như tham gia các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới như WTO, ASEAN, APEC. Nhờ đó, thị trường xuất khẩu nông sản được mở rộng, dòng vốn đầu tư nước ngoài được thu hút mạnh mẽ, năng lực cạnh tranh của ngành từng bước được nâng cao. Đặc biệt, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực an ninh lương thực, công nghệ sinh học, phòng chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU) được tăng cường, góp phần quan trọng vào mục tiêu PTNN bền vững. Việt Nam dần trở thành đối tác tin cậy và điểm đến hấp dẫn của nhiều tập đoàn nông nghiệp toàn cầu như Nestlé, De Heus, CJ, CP, New Hope, khẳng định vị thế mới của ngành nông nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị quốc tế.

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác song phương với các đối tác truyền thống quan trọng, Việt Nam tận dụng hiệu quả các nguồn hỗ trợ kỹ thuật, KHCN, tri thức và dòng vốn

phục vụ phát triển, góp phần thúc đẩy chuyển dịch KT-XH, đặc biệt trong quá trình thực hiện các cam kết quốc tế. Song song đó, công tác đàm phán, tháo gỡ rào cản kỹ thuật và mở rộng thị trường cho nhiều sản phẩm nông, lâm, thủy sản vào các thị trường lớn được triển khai mạnh mẽ. Nhiều sự kiện ngoại giao, quảng bá và xúc tiến thương mại được tổ chức, góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế quốc gia. Việt Nam từng bước trở thành hình mẫu về PTNN xanh, phát thải các-bon thấp, đóng góp tích cực vào mục tiêu toàn cầu về bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo đảm an ninh lương thực bền vững, nâng cao chất lượng sống và hướng tới một xã hội an toàn, thịnh vượng [33, tr.19-20].

Bên cạnh đó, Đảng, Nhà nước, ngành nông nghiệp và các địa phương đã chú trọng ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Các nguồn lực này đã góp phần quan trọng trong việc hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, thúc đẩy ứng dụng công nghệ tiên tiến, đồng thời cải thiện sinh kế và nâng cao thu nhập cho người nông dân. Nhờ vậy, năng lực sản xuất, chất lượng và giá trị nông sản Việt Nam được cải thiện rõ rệt, góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và thúc đẩy tăng trưởng KT-XH bền vững. Ngoài ra, ngành nông nghiệp Việt Nam còn chủ động tham gia và thực hiện tích cực các chương trình, đề án, sáng kiến toàn cầu hướng tới mục tiêu PTNN bền vững, như: tăng cường công tác phòng vệ thương mại, phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại trong nông, lâm, thủy sản, kiểm soát chất lượng hàng hóa, xúc tiến thương mại và kết nối cung - cầu nông sản. Những nỗ lực này không chỉ bảo vệ sản xuất trong nước mà còn nâng cao vị thế và uy tín của nông nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Đẩy mạnh tháo gỡ rào cản kỹ thuật, nâng cao chất lượng, phát triển thị trường nông, lâm, thủy sản. Trong giai đoạn 2020 - 2025, Bộ đã triển khai thực hiện có hiệu quả 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết và hiện đang tiếp tục tham gia đàm phán 3 FTA và các Hiệp định liên quan đến trợ cấp nông nghiệp, thủy sản trong WTO. Tích cực đàm phán và ký kết các thỏa thuận công nhận lẫn nhau, tháo gỡ rào cản kỹ thuật. Nhóm 13 sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia, chủ lực cấp tỉnh và sản phẩm đặc sản địa phương (OCOP) từng bước được nâng cao chất lượng; tỉ trọng sản phẩm chất lượng cao, qua chế biến tăng nhanh, tập trung khắc phục các “điểm nghẽn” và tạo bước đột phá về chế biến, xuất khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản liên tục tăng qua các năm và vượt mục tiêu đề ra đến năm 2025.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đứng thứ 2 Đông Nam Á, thứ 15 thế giới và hiện có mặt ở trên trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ [33, tr.20-21].

Tuy nhiên, quá trình hội nhập quốc tế nói chung và hợp tác quốc tế trong PTNN của nước ta nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Việc học tập, chuyển giao, ứng dụng KHKT tiên tiến của thế giới về lĩnh vực nông nghiệp chưa mang lại hiệu quả thiết thực; kiến thức và các quy định quốc tế về lĩnh vực nông nghiệp của nông dân nước ta còn rất hạn chế dẫn đến thường bị “thua thiệt” trong quan hệ hợp tác PTNN, nhất là trong tiêu thụ sản phẩm. Hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế còn nhiều hạn chế, dẫn đến chưa làm chủ được KHCN, nhất là các công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi [33, tr.31]. Qua đó, khiến cho việc xuất khẩu nông sản của nước ta gặp nhiều khó khăn trong quá trình xuất khẩu.

3.2. THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

3.2.1. Thành tựu, hạn chế trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp từ năm 2011 -2025

3.2.1.1. Thành tựu và nguyên nhân

** Thành tựu*

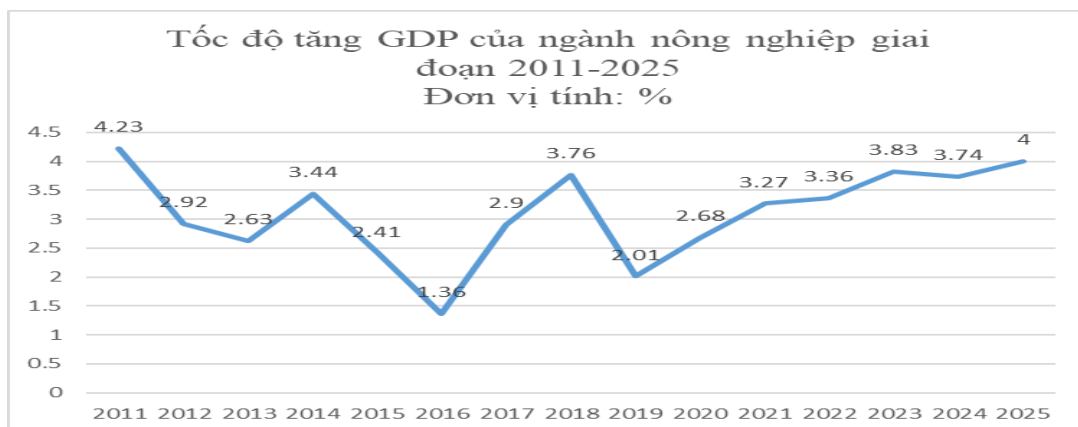
Một là, nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể, lực lượng trong quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ngày càng được nâng lên. Từ năm 2011 đến nay, Đảng, Nhà nước, các cơ quan Trung ương, địa phương, cơ sở đào tạo, nghiên cứu đã quan tâm hơn đến việc nghiên cứu, tuyên truyền, tổng kết thực tiễn và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN thông qua các hội thảo, đề tài khoa học, chương trình nghiên cứu và hoạt động giáo dục lý luận chính trị. Qua đó, nhận thức của các chủ thể về vai trò, ý nghĩa, giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với PTNN ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn. Điều này thể hiện ở chỗ, tư tưởng của Người không chỉ được khẳng định là di sản lý luận có giá trị bền vững, mà còn từng bước trở thành cơ sở định hướng cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch PTNN, xây dựng NTM và cơ cấu lại kinh tế nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững. Nhờ đó, quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ngày càng gắn chặt hơn với yêu cầu PTNN, nông dân, nông thôn trong thời kỳ mới, góp phần nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với lĩnh vực có ý nghĩa chiến lược này.

Hai là, nội dung PTNN trong tư tưởng Hồ Chí Minh được quán triệt và triển khai ngày càng toàn diện, đồng bộ hơn trên nhiều lĩnh vực. Các chủ thể lãnh đạo, quản lý và lực lượng trực tiếp tham gia PTNN đã từng bước quán triệt, vận dụng quan điểm của Người theo hướng PTNN toàn diện, gắn kết giữa trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản; giữa các vùng sản xuất; giữa nông nghiệp với công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và logistics. Tư duy PTNN không còn bó hẹp trong phạm vi sản xuất nông nghiệp thuần túy, mà ngày càng chú trọng mối liên hệ giữa nông nghiệp với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng NTM và nâng cao đời sống nông dân. Quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực; tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản và các ngành có giá trị gia tăng cao từng bước tăng lên; nhiều vùng chuyên canh gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và phát triển du lịch nông thôn được hình thành ở một số địa phương. PTNN ngày càng gắn với chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến thị trường tiêu thụ; thúc đẩy liên kết vùng, mở rộng hội nhập quốc tế, góp phần phát triển KT-XH, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, các biện pháp PTNN theo tư tưởng Hồ Chí Minh được vận dụng ngày càng phong phú, linh hoạt và từng bước phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn. Các cấp ủy, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH và các lực lượng ở cơ sở ngày càng quan tâm hơn đến công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động và phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình PTNN. Việc ban hành, bổ sung và hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn được đẩy mạnh, tạo hành lang pháp lý và cơ chế thuận lợi hơn cho PTNN trong điều kiện mới. PTNN ngày càng gắn chặt với xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn. Các HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp nông nghiệp và nhiều mô hình tổ chức sản xuất mới tiếp tục được củng cố, phát triển, từng bước trở thành hạt nhân liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Đồng thời, KHCN được ứng dụng ngày càng rộng hơn trong chọn tạo giống, canh tác, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến và bảo quản sản phẩm, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bốn là, nông nghiệp đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, có đóng góp to lớn vào nền kinh tế đất nước. Trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay, ngành nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp to lớn vào sự phát triển của đất nước, xứng

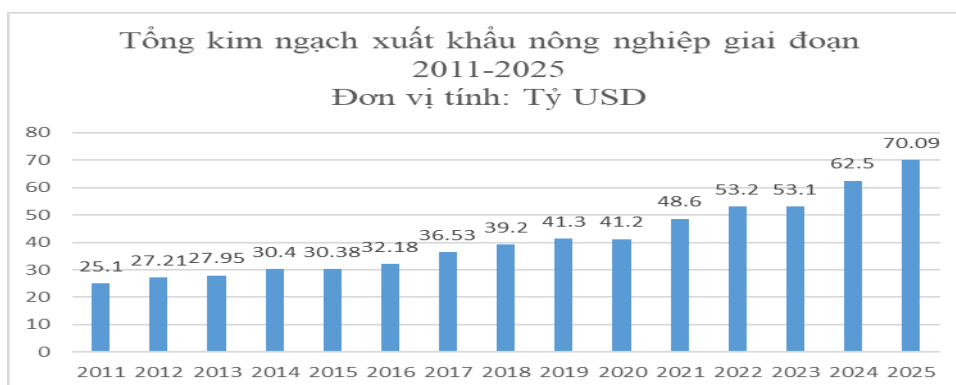
đáng với vai trò là “trụ đỡ” của nền kinh tế. Đặc biệt, khi đất nước gặp thiên tai, dịch bệnh, ngành nông nghiệp vẫn luôn chứng tỏ là “trụ chính” - vừa bảo đảm an ninh lương thực và các vấn đề xã hội, vừa đóng góp đáng kể vào mức tăng trưởng GDP của nước ta. Tốc độ tăng GDP nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2011 đến nay liên tục tăng.



Biểu đồ 3.9. Tốc độ tăng GDP của ngành nông nghiệp

Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam

Hiện nay, nông nghiệp không chỉ bảo đảm sinh kế cho hơn 60% dân số ở khu vực nông thôn, đóng góp khoảng 30% lực lượng lao động cả nước và gần 12% GDP, mà còn ghi dấu ấn mạnh mẽ trên bản đồ kinh tế thế giới. Từ chỗ là một quốc gia nông nghiệp lạc hậu, phải nhập khẩu lương thực, Việt Nam đã vươn mình trở thành một trong những cường quốc xuất khẩu nông - lâm - thủy sản hàng đầu, với kim ngạch xuất khẩu năm 2022 vượt 53 tỷ USD, chinh phục 196 quốc gia và vùng lãnh thổ [194].



Biểu đồ 3.10. Kim ngạch xuất khẩu nông nghiệp

Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam

Biểu đồ cho thấy kim ngạch xuất khẩu nông nghiệp tăng liên tục qua các năm, đặc biệt bứt phá từ 2020 và đạt mức cao nhất vào năm 2025. Điều này phản ánh đà mở rộng thị trường và nâng cao giá trị nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Đánh giá những kết quả đạt được của PTNN trong giai đoạn 2021 - 2025, Đảng nhìn nhận: “Nông nghiệp từng bước phát triển theo hướng sinh thái, xanh, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng, hiệu quả, tiếp tục phát huy vai trò “trụ đỡ” trong nền kinh tế, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia” [64, tr.47-48].

Sản phẩm nông nghiệp Việt Nam từng bước khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế. Thị phần xuất khẩu nông sản tiếp tục được củng cố, mở rộng. Ngoài 5 thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chính của Việt Nam là: Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, ASEAN và Hàn Quốc; còn có các thị trường mới nổi, thị trường ngách như: Trung Đông, Châu Phi, Đông Âu đều được lựa chọn phát triển bài bản. Hiện nay, nông sản Việt đã “đặt dấu chân” lên hơn 185 quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau; không chỉ có gạo, cà phê, hồ tiêu mà các mặt hàng rau quả, đặc biệt là trái cây nhiệt đới cũng trở thành điểm sáng trong xuất khẩu khi lần lượt tiếp cận được các thị trường hàng đầu thế giới. Việt Nam đang từng bước vươn lên trở thành một trong những nước xuất khẩu nông, lâm, thủy sản hàng đầu trên thế giới. Chỉ tính riêng năm 2023, thặng dư thương mại của toàn ngành đạt mức cao nhất trong vòng 10 năm qua, lên tới 12,06 tỷ USD, tăng 43,7% so với trước; trong đó, một số mặt hàng xuất khẩu ghi nhận mức tăng kỷ lục như rau quả tăng 69,2% và gạo tăng 38,4% [31, tr.21].

Trong những năm qua, đời sống vật chất, tinh thần và vị thế chính trị của giai cấp nông dân Việt Nam đã có bước chuyển biến rõ rệt theo hướng tích cực. Cùng với sự phát triển của nền nông nghiệp, cơ hội việc làm, thu nhập và điều kiện sống của người dân nông thôn không ngừng được cải thiện. Theo số liệu thống kê, năm 2022, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 47,2 triệu đồng, tăng 1,12 lần so với năm 2020 và gấp hơn 5 lần so với năm 2008. Khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn đã được thu hẹp đáng kể, từ 2,1 lần năm 2008 xuống còn dưới 1,8 lần vào năm 2017. Tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn tiếp tục giảm nhanh, bình quân 1-1,5% mỗi năm, hoàn thành trước 10 năm so với Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc về xóa đói, giảm nghèo.

Những kết quả này đã góp phần nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn, mở rộng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và cải thiện phúc lợi cộng đồng [80]. Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, giúp người nông dân nắm vững và

thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về PTNN, đồng thời chủ động tiếp cận, ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất. Ngày càng xuất hiện nhiều điển hình nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi, làm giàu chính đáng ngay trên quê hương mình, qua đó thúc đẩy phong trào thi đua lao động sáng tạo trong nông thôn. Đặc biệt, nhiều nông dân đã thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội cao, tự nguyện hiến đất, góp công, góp sức xây dựng hạ tầng NTM và các công trình phúc lợi cộng đồng, góp phần khẳng định vai trò, vị thế chính trị ngày càng được nâng cao của giai cấp nông dân trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta hiện nay.

** Nguyên nhân của thành tựu*

Một là, nhận thức của các chủ thể, lực lượng về giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với PTNN ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn. Qua gần 40 năm đổi mới, nhất là từ năm 2011 đến nay, Đảng, Nhà nước, đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân đã có sự chuyển biến rõ trong nhận thức về ý nghĩa của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phát triển đất nước, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp. Việc khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ có ý nghĩa lý luận, mà còn tạo cơ sở định hướng cho các chủ trương, chính sách phát triển KT-XH, trong đó PTNN là một lĩnh vực quan trọng. Đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới, Đảng nhấn mạnh: “Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về nội dung, giá trị và ý nghĩa to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” [12, tr.2]. Đây là cơ sở quan trọng giúp các cấp, các ngành thống nhất nhận thức, củng cố niềm tin và phát huy sức mạnh trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN.

Hai là, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với PTNN ngày càng được tăng cường, tạo cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng cho quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn. Trên cơ sở nhận thức sâu sắc giá trị lý luận, thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối quan trọng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Quán triệt quan điểm “nông nghiệp là gốc” của Hồ Chí Minh, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa X xác định: “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [15, tr.48-50]. Để đáp ứng yêu cầu PTNN theo hướng bền vững, toàn diện, Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh: “Phát triển nông nghiệp toàn diện, hiệu quả, bền vững theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát huy ưu thế của nền nông nghiệp nhiệt đới gắn với giải quyết

tốt các vấn đề nông dân, nông thôn” [56, tr.38-39]. Bên cạnh đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế tập thể, nông cốt là HTX, tiếp tục được Đảng và Nhà nước kế thừa, cụ thể hóa qua nhiều nghị quyết, chính sách. Đại hội XIII của Đảng khẳng định tiếp tục “đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, HTX gắn với phát huy vai trò làm chủ, tăng cường lợi ích của các thành viên”. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16-6-2022 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII xác định mục tiêu: “Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững, cùng với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”. Cùng với đó, Chính phủ ban hành “Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2030”, trong đó xác định: “kinh tế tập thể, mà nông cốt là HTX là một trong bốn thành phần kinh tế quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” [33]. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của PTNN cũng tiếp tục được kế thừa trong Đại hội XIII: “thực hiện có hiệu quả chủ trương cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh” [61, tr.124].

Ba là, sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành Trung ương với cấp ủy, chính quyền địa phương trong triển khai các chủ trương, chính sách PTNN từng bước chặt chẽ, hiệu quả hơn. Ở Trung ương, các chủ trương, đường lối, chính sách về nông nghiệp được hoạch định trên cơ sở kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh và bám sát yêu cầu thực tiễn của đất nước trong từng giai đoạn phát triển. Ở địa phương, cấp ủy, chính quyền đã chủ động cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, mô hình PTNN phù hợp với điều kiện tự nhiên, KT-XH và đặc thù của từng vùng, từng lĩnh vực sản xuất.

Sự phối hợp giữa Trung ương và địa phương ngày càng tạo được sự thống nhất từ nhận thức đến hành động, góp phần huy động hiệu quả nguồn lực của HTCT và Nhân dân trong PTNN. Nhờ đó, những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN không chỉ dừng lại ở định hướng lý luận mà từng bước được triển khai sinh động trong thực tiễn sản xuất, xây dựng NTM và phát triển kinh tế nông thôn. Các biện pháp PTNN theo tư tưởng Hồ Chí Minh được các bộ, ngành, nhất là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cùng cấp ủy, chính quyền địa phương nghiên cứu, vận dụng linh hoạt, phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, góp phần tạo chuyển biến tích cực trong nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, giáo dục về tư tưởng Hồ Chí Minh trong PTNN cũng được quan tâm đẩy mạnh thông qua nhiều hình thức như hoạt động của Hội Nông dân, các tổ chức đoàn thể, hệ thống truyền thanh, truyền hình, đội ngũ cán bộ cơ sở, tập huấn khuyến nông, sinh hoạt cộng đồng và nền tảng số, mạng xã hội. Qua đó, tư tưởng của Người về PTNN từng bước được lan tỏa, thấm sâu hơn vào đời sống nông thôn và nhận thức của người dân.

Bốn là, sự phát triển mạnh mẽ của KHCN, cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp ngày càng được cải thiện, tạo thuận lợi cho việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Quá trình hội nhập quốc tế không chỉ mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, nâng cao giá trị hàng hóa và khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam mà còn tạo cơ hội tiếp cận nguồn vốn, tri thức, công nghệ, kinh nghiệm quản trị và các nguồn lực phát triển từ bên ngoài.

Sự phát triển của công nghệ sinh học, cơ giới hóa, tự động hóa, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nông nghiệp thông minh đã từng bước làm thay đổi phương thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và giá trị gia tăng của nông sản. Hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, viễn thông, logistics và hạ tầng số ở nhiều vùng nông thôn tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, góp phần thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Những điều kiện đó tạo môi trường thuận lợi để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN theo hướng linh hoạt, hiện đại và phù hợp hơn với yêu cầu phát triển bền vững; đồng thời góp phần nâng cao đời sống nông dân, xây dựng NTM và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn trong giai đoạn hiện nay.

3.2.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

*** Hạn chế**

Một là, nhận thức về vị trí, nội dung và giá trị định hướng của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với PTNN ở một số địa phương, cơ sở còn chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc và thống nhất. Trong thực tiễn, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN có lúc, có nơi mới được tiếp cận chủ yếu ở phương diện khái quát, như coi nông nghiệp là mặt trận quan trọng, là cơ sở bảo đảm đời sống nhân dân, mà chưa nhận thức thật đầy đủ, toàn diện, hệ thống và có chiều sâu về mối quan hệ giữa nông nghiệp, nông dân, nông thôn; giữa phát triển sản xuất với cải thiện đời sống; giữa tăng năng suất lao động với tổ chức lại sản xuất, phát huy sức dân và xây dựng NTM. Vì vậy, việc nhận diện nội

dung cần vận dụng trong điều kiện mới ở một số nơi còn chưa rõ, chưa theo kịp yêu cầu PTNN hiện đại, sinh thái, bền vững và hội nhập quốc tế.

Hạn chế này biểu hiện ở chỗ một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là ở cơ sở, còn nhận thức chưa thật sâu về vai trò nền tảng của nông nghiệp, vị trí trung tâm của nông dân và ý nghĩa chiến lược của nông thôn trong sự nghiệp đổi mới. Có nơi còn nhìn nhận PTNN chủ yếu theo hướng tăng sản lượng, mở rộng mô hình sản xuất hoặc hoàn thành chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật mà chưa thấy đầy đủ yêu cầu phát triển con người nông thôn, nâng cao năng lực làm chủ của nông dân, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, bảo vệ môi trường sinh thái và giữ gìn các giá trị văn hóa nông thôn. Việc học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở một số địa phương còn thiếu chiều sâu lý luận và tính gắn kết với thực tiễn, nên chưa thật sự trở thành nền tảng nhận thức vững chắc để định hướng tư duy, cách làm và trách nhiệm của các chủ thể trong quá trình PTNN.

Hai là, quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung PTNN tuy đã có bước mở rộng và đồng bộ hơn, song ở một số lĩnh vực vẫn chưa bảo đảm tính chiều sâu và sự cân đối trong tổ chức thực hiện. Trong nội bộ ngành nông nghiệp, tuy đã có chuyển biến tích cực, nhưng cơ cấu phát triển giữa các lĩnh vực vẫn chưa cân đối. Trồng trọt còn chiếm tỷ trọng lớn, trong khi chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và các ngành hỗ trợ chưa phát triển tương xứng với tiềm năng từng vùng. Nhiều địa phương chưa khai thác tốt sản phẩm đặc trưng, lợi thế bản địa; sản xuất còn đơn điệu, giá trị gia tăng thấp, chủ yếu dừng ở sơ chế, thiếu liên kết với chế biến sâu, logistics, thương mại điện tử và dịch vụ hậu cần. Các dịch vụ hỗ trợ như tài chính, bảo hiểm nông nghiệp, du lịch sinh thái - nông nghiệp chưa được chú trọng đúng mức. Bên cạnh đó, CNH, HĐH nông nghiệp còn chậm; cơ giới hóa, công nghệ sinh học, công nghệ số mới tập trung ở một số địa bàn, trong khi sản xuất nhỏ lẻ, manh mún vẫn phổ biến. Hạ tầng phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản chưa đồng bộ, khiến tình trạng “được mùa mất giá” còn lặp lại, làm giảm sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam, nhất là trong điều kiện hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt.

Ba là, việc vận dụng các biện pháp PTNN ở một số lĩnh vực, địa phương còn thiếu đồng bộ, hiệu quả chưa cao; liên kết sản xuất, ứng dụng KHCN và phát huy vai

trò chủ thể của nông dân còn hạn chế. Mặc dù các biện pháp PTNN theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã được quan tâm triển khai trên nhiều phương diện, song ở một số nơi kết quả thực hiện chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra. Việc tuyên truyền, vận động, tổ chức và hướng dẫn nông dân tham gia phát triển sản xuất có lúc, có nơi còn thiếu chiều sâu; chưa thật sự khơi dậy mạnh mẽ tinh thần lao động sáng tạo, ý thức tiết kiệm, tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng của nông dân. Một bộ phận nông dân vẫn còn gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin thị trường, KHKT, nguồn vốn, mô hình sản xuất mới và các hình thức liên kết giá trị bền vững.

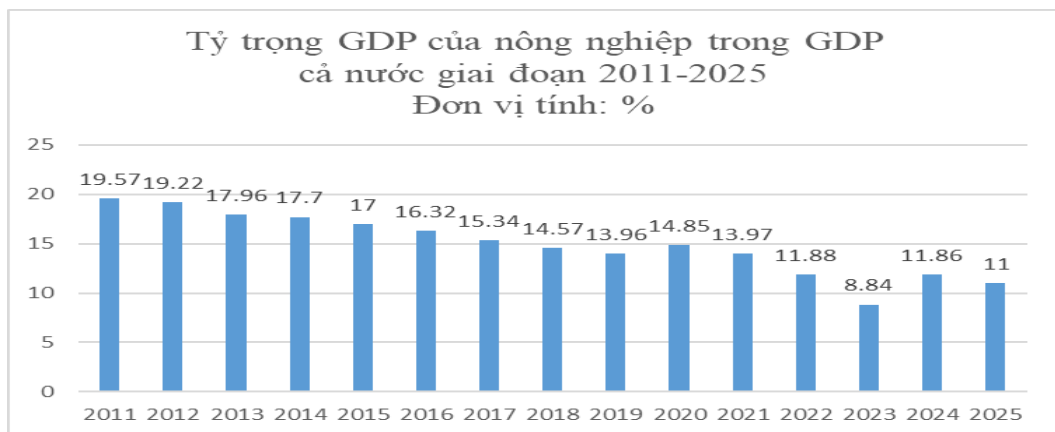
Hạn chế này còn thể hiện ở việc một số biện pháp PTNN chưa được triển khai đồng bộ giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu nông sản. Liên kết giữa nông dân, HTX, doanh nghiệp, nhà khoa học và Nhà nước ở một số địa phương còn thiếu chặt chẽ; chuỗi giá trị nông nghiệp phát triển chưa ổn định, tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, phụ thuộc nhiều vào thương lái và biến động thị trường vẫn còn khá phổ biến. Kinh tế tập thể, hợp tác xã và các mô hình tổ chức sản xuất mới tuy có chuyển biến, nhưng ở nhiều nơi quy mô còn nhỏ, năng lực quản trị hạn chế, khả năng dẫn dắt nông dân tham gia sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao và tiếp cận thị trường còn chưa rõ nét.

Việc ứng dụng KHCN, chuyển đổi số, cơ giới hóa, tự động hóa và các mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn ở một số địa phương còn chưa rộng khắp, chưa đồng đều giữa các vùng, các nhóm sản phẩm và các chủ thể sản xuất. Nhiều nông hộ, HTX, cơ sở sản xuất vẫn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm truyền thống; năng lực tiếp nhận, làm chủ và vận hành công nghệ mới còn hạn chế. Do đó, năng suất, chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn hóa sản phẩm và sức cạnh tranh của một số nông sản chưa cao; giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng.

Việc gắn kết PTNN với xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân ở một số địa phương cũng chưa thật sự chặt chẽ. Có nơi diện mạo nông thôn được cải thiện nhưng sinh kế của người dân chưa ổn định; hạ tầng được đầu tư nhưng năng lực tổ chức sản xuất, phát triển ngành nghề, dịch vụ nông thôn và mở rộng thị trường tiêu thụ còn hạn chế. Hợp tác quốc tế trong nông nghiệp tuy đã được mở rộng, song ở một số lĩnh vực chưa tạo được chuyển biến rõ rệt về công nghệ, tiêu chuẩn sản xuất, năng lực chế biến sâu, xây dựng thương hiệu

và mở rộng thị trường xuất khẩu. Những biểu hiện đó cho thấy việc vận dụng các biện pháp PTNN theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở một số nơi vẫn chưa đạt được sự đồng bộ, thiết thực và hiệu quả bền vững như yêu cầu của công cuộc đổi mới hiện nay.

Bốn là, kết quả PTNN trên thực tế vẫn còn chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của đất nước. Quy mô ngành nông nghiệp nước ta nhìn chung còn mang tính nhỏ lẻ, nên hiệu quả sản xuất kinh doanh nông nghiệp không cao. Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp của nước ta giai đoạn 2011 đến nay thiếu ổn định, sụt giảm so với các giai đoạn trước đó. Bình quân cả giai đoạn 2011 - 2015, tốc độ tăng trưởng GDP của ngành đạt 3.13%, vượt mục tiêu đề ra (từ 2.6 - 3%) nhưng thấp hơn mức tăng bình quân giai đoạn 2006 - 2010 (3.39%); xu hướng phục hồi chưa vững. Một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra như: Tốc độ tăng giá trị sản xuất của ngành, tốc độ tăng trưởng lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản... đóng góp của ngành nông nghiệp vào tổng sản phẩm nội địa chưa cao. Mặc dù, có khoảng 14.1 triệu lao động, chiếm 27.6% số lao động, nhưng ngành nông nghiệp chỉ đóng góp 11.88% giá trị vào tổng sản phẩm nội địa. Điều đó có nghĩa năng suất lao động hay thu nhập bình quân của người nông dân chưa bằng 1/3 thu nhập bình quân của người lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.



Biểu đồ 3.11. Đóng góp của nông, lâm, thủy sản vào GDP cả nước

Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp thấp đã kéo theo việc giảm tốc độ tăng trưởng của hai ngành công nghiệp và thương mại - dịch vụ trên góc độ chuỗi giá trị sản phẩm ngành nông nghiệp; đồng thời tiếp tục làm giảm năng suất lao động trong ngành nông nghiệp cũng như năng suất lao động xã hội. Điều này đã tác động rất lớn đến phát triển kinh tế đất nước nói chung và nông nghiệp nói riêng.

Ngoài ra, sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp nước ta trên thị trường nông sản thế giới còn thấp. Đa phần sản phẩm nông sản của Việt Nam xuất khẩu ở dạng thô, chưa qua chế biến, chiếm trên 80% kim ngạch xuất khẩu; thị trường xuất khẩu lệ thuộc phần lớn vào Trung Quốc; Tăng trưởng nông sản xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu dựa trên cạnh tranh về giá (giá rẻ), ở phân khúc chất lượng thấp, chưa dựa vào lợi thế cạnh tranh về chất lượng [97].

Theo Cục Sở hữu trí tuệ, hiện có hơn 80% lượng nông sản của Việt Nam chưa xây dựng được thương hiệu, chưa có logo, nhãn mác, nhiều sản phẩm bán ra thị trường thế giới phải thông qua các thương hiệu nước ngoài. Đặc biệt, do quy mô sản xuất nhỏ lẻ, dẫn đến hạn chế trong việc áp dụng KHKT vào các khâu của quá trình PTNN nên chất lượng các sản phẩm nông nghiệp nước ta còn thấp, nhiều mặt hàng nông nghiệp không đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế.

Mặc dù đời sống Nhân dân đã có những bước cải thiện rõ rệt, song ở nhiều địa phương, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa và khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, người nông dân vẫn còn đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Ở nhiều vùng nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và hải đảo, đời sống văn hóa còn nghèo nàn, mức hưởng thụ văn hóa thấp hơn đáng kể so với thành thị. Người dân nơi đây vẫn đối mặt với nhiều khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần: thu nhập thấp, thiếu việc làm, quỹ đất hạn hẹp, điều kiện sinh hoạt thiếu thốn, tỷ lệ hộ nghèo cao. Khoảng cách giàu - nghèo giữa nông thôn và thành thị, cũng như giữa các vùng, ngày càng gia tăng, kéo theo nhiều vấn đề xã hội bức xúc [102]. Chất lượng và mức hưởng thụ văn hóa của cư dân vùng nông thôn còn thấp chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của đất nước.

** Nguyên nhân của hạn chế*

Một là, việc quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở một số chủ thể, lĩnh vực còn chưa thật sâu, chưa chuyển hóa mạnh thành tư duy phát triển và hành động thực tiễn. Đây là nguyên nhân trước hết, bởi nhận thức là cơ sở định hướng cho quá trình xây dựng chủ trương, lựa chọn biện pháp và tổ chức thực hiện PTNN. Ở một số nơi, việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN còn thiên về tiếp cận khái quát, nhấn mạnh một số luận điểm quen thuộc như vai trò của nông nghiệp, vị trí của nông dân, yêu cầu tăng gia sản xuất, mà chưa đi sâu làm rõ giá trị phương pháp luận của tư tưởng Người trong điều kiện phát triển mới. Do đó,

tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thật sự trở thành nền tảng tư duy để các chủ thể nhận diện đúng yêu cầu PTNN hiện đại, sinh thái, bền vững, gắn với xây dựng NTM và nâng cao đời sống nông dân.

Ở một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là ở cơ sở, nhận thức về PTNN theo tư tưởng Hồ Chí Minh còn chưa đầy đủ, chưa thấy hết mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển sản xuất với tổ chức lại đời sống nông thôn, giữa tăng trưởng kinh tế nông nghiệp với phát huy vai trò chủ thể của nông dân, giữa ứng dụng KH-CN với xây dựng con người NTM. Vì vậy, trong thực tiễn, có nơi còn vận dụng tư tưởng của Người theo lối giản đơn, nặng về tuyên truyền, quán triệt, chưa chuyển hóa thành cách nghĩ mới, cách làm mới và cơ chế tổ chức thực hiện cụ thể. Việc cụ thể hóa còn có biểu hiện chung chung, thiếu chiều sâu, chưa gắn chặt với đặc điểm vùng miền, điều kiện sản xuất, nhu cầu của nông dân và yêu cầu thị trường.

Năng lực tư duy phát triển, năng lực tổng kết thực tiễn và khả năng sáng tạo trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của một số chủ thể còn hạn chế. Một số địa phương chưa kịp thời nhận diện những vấn đề mới của nông nghiệp trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế; từ đó việc lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm, mô hình phát triển, phương thức tổ chức sản xuất và cơ chế huy động nguồn lực còn thiếu tính đột phá. Chính sự chưa sâu sắc trong quán triệt và chưa mạnh mẽ trong chuyển hóa nhận thức thành hành động đã làm cho việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở một số nơi chưa đạt được hiệu quả tương xứng với yêu cầu của công cuộc đổi mới hiện nay.

Hai là, cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa các ngành, các cấp trong một số nội dung PTNN còn thiếu đồng bộ; trách nhiệm thực hiện có lúc, có nơi chưa thật sự rõ. Đây là một nguyên nhân quan trọng làm cho quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN chưa đạt hiệu quả đồng đều giữa các vùng, các lĩnh vực và các chủ thể. PTNN theo tư tưởng Hồ Chí Minh là quá trình tổng hợp, không chỉ liên quan đến sản xuất nông nghiệp, mà còn gắn với tổ chức đời sống nông thôn, chăm lo lợi ích của nông dân, xây dựng HTX, phát triển kết cấu hạ tầng, ứng dụng KH-CN, mở rộng thị trường và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Vì vậy, nếu thiếu sự phối hợp thống nhất, thiếu cơ chế điều phối chặt chẽ thì việc cụ thể hóa tư tưởng của Người dễ bị chia cắt theo từng ngành, từng chương trình, từng địa phương, chưa tạo thành sức mạnh tổng hợp trong thực tiễn.

Trên thực tế, mặc dù nhiều chủ trương, chương trình, kế hoạch PTNN đã được ban hành, song quá trình triển khai ở một số nơi còn có biểu hiện phân tán, thiếu liên thông giữa các cấp, các ngành và các lực lượng tham gia. Có nội dung thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan nhưng chưa được phân định thật rõ vai trò chủ trì, phối hợp và chịu trách nhiệm cuối cùng; có chương trình PTNN chưa gắn chặt với xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế tập thể, bảo vệ môi trường và xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn. Sự thiếu đồng bộ đó làm cho nguồn lực bị dàn trải, chính sách khó đi vào chiều sâu, một số mô hình tuy được triển khai nhưng thiếu điều kiện để duy trì, mở rộng và phát huy hiệu quả lâu dài.

Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong PTNN giữa Trung ương và địa phương, giữa các ngành, các cấp có lúc chưa được tiến hành thường xuyên, kịp thời và thực chất. Việc đánh giá kết quả ở một số nơi còn thiên về chỉ tiêu hành chính, chưa chú trọng đúng mức đến chất lượng vận dụng, mức độ phù hợp với thực tiễn địa phương, khả năng phát huy vai trò chủ thể của nông dân và tác động thực sự đối với đời sống nông thôn. Do đó, những mô hình hay, cách làm sáng tạo, kinh nghiệm phù hợp chưa được phát hiện, tổng kết và nhân rộng kịp thời; ngược lại, những hạn chế, vướng mắc trong tổ chức thực hiện cũng chưa được tháo gỡ triệt để.

Chính sự thiếu đồng bộ trong phối hợp, thiếu rõ ràng trong phân công trách nhiệm và chưa thường xuyên trong kiểm tra, tổng kết đã làm cho việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở một số địa phương chưa tạo được sự thống nhất cao từ nhận thức đến hành động. Điều đó khiến quá trình cụ thể hóa tư tưởng của Người vào thực tiễn PTNN còn thiếu chiều sâu, sức lan tỏa và tính bền vững.

Ba là, việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách về PTNN ở một số địa phương còn chậm, thiếu tính dự báo, chưa thật sát với đặc điểm vùng, miền và nhu cầu của nông dân. Đây là một nguyên nhân trực tiếp làm cho quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở một số nơi chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mọi chủ trương, biện pháp phát triển đều phải xuất phát từ thực tiễn, từ đời sống của nhân dân, từ điều kiện cụ thể của từng địa phương và phải hướng đến mục tiêu thiết thực là nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, trên thực tế, ở một số địa phương, việc chuyển hóa các quan điểm, chủ trương chung thành chương trình, kế hoạch, cơ chế và mô hình PTNN cụ thể còn chậm; có nội dung

triển khai chưa kịp thời trước những biến động nhanh của sản xuất, thị trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, chuyển đổi số và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Một số chính sách PTNN còn nặng về mục tiêu trước mắt, chưa chú trọng đầy đủ đến yêu cầu phát triển dài hạn và bền vững. Việc dự báo xu hướng thị trường, nhu cầu tiêu dùng, biến động giá cả, rủi ro thiên tai, dịch bệnh, tác động của đô thị hóa, công nghiệp hóa và chuyển dịch lao động nông thôn ở một số nơi còn hạn chế. Vì vậy, có địa phương còn lúng túng trong xác định cây trồng, vật nuôi chủ lực; chưa hình thành được định hướng rõ ràng về vùng sản xuất tập trung, chuỗi giá trị nông sản, mô hình kinh tế hợp tác, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp tuần hoàn. Điều đó làm cho một số chủ trương tuy đúng về định hướng nhưng khi triển khai lại thiếu tính khả thi, chưa tạo được chuyển biến mạnh trong thực tiễn.

Việc cụ thể hóa chính sách ở một số địa phương chưa thật sự bám sát đặc điểm đất đai, khí hậu, nguồn nước, tập quán sản xuất, trình độ lao động, điều kiện hạ tầng và lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa bàn. Có nơi còn áp dụng mô hình phát triển theo phong trào, thiếu chọn lọc, chưa tính đầy đủ đến khả năng tiếp nhận của nông dân và điều kiện duy trì lâu dài. Nhu cầu thực chất của nông dân về vốn, kỹ thuật, thị trường, thông tin, bảo hiểm nông nghiệp, đào tạo nghề, tiêu thụ sản phẩm và bảo đảm lợi ích trong liên kết sản xuất có lúc chưa được phản ánh đầy đủ trong quá trình xây dựng, điều chỉnh chính sách.

Chính sự chậm trễ, thiếu dự báo và chưa sát thực tiễn trong cụ thể hóa chủ trương, chính sách đã làm cho việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở một số địa phương chưa phát huy hết hiệu quả. Một số chương trình, mô hình PTNN vì thế còn thiếu sức sống thực tiễn, chưa gắn chặt với lợi ích thiết thân của nông dân, chưa tạo được động lực mạnh mẽ để thúc đẩy sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và xây dựng nông thôn phát triển bền vững.

Bốn là, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, dịch bệnh và ô nhiễm môi trường tác động trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, làm giảm hiệu quả PTNN. Đây là nguyên nhân khách quan có ảnh hưởng ngày càng rõ nét đến quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong điều kiện hiện nay. Nông nghiệp là lĩnh vực phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện tự nhiên, đất đai, nguồn nước, thời tiết, khí hậu và môi trường sinh thái. Vì vậy, khi biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, thiên tai bất thường, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở, ngập úng, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và ô nhiễm

môi trường gia tăng, quá trình PTNN ở nhiều địa phương gặp nhiều khó khăn, chi phí sản xuất tăng, năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế bị ảnh hưởng.

Trên thực tế, ở một số vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm, những tác động bất lợi của khí hậu và môi trường đã làm thay đổi điều kiện canh tác, thu hẹp diện tích sản xuất ổn định, gây thiếu nước tưới, suy giảm độ phì nhiêu của đất, làm gia tăng rủi ro trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Không ít nông hộ, HTX và cơ sở sản xuất phải đối mặt với tình trạng mùa vụ bấp bênh, chi phí phòng, chống dịch bệnh, cải tạo đất, xử lý nguồn nước và bảo vệ sản xuất ngày càng lớn. Điều đó làm cho việc duy trì sản xuất ổn định, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng nông sản và phát triển các chuỗi giá trị bền vững gặp nhiều trở ngại.

Bên cạnh đó, ô nhiễm môi trường nông thôn, suy giảm tài nguyên đất, nước, tình trạng sử dụng vật tư nông nghiệp chưa hợp lý ở một số nơi cũng ảnh hưởng đến mục tiêu PTTN sinh thái, bền vững. Một số mô hình PTNN tuy đã được triển khai nhưng dễ bị tổn thương trước biến động thời tiết, dịch bệnh và thị trường; khả năng thích ứng của một bộ phận nông dân, HTX và địa phương còn hạn chế. Việc ứng dụng KHCN, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng hệ thống cảnh báo, phòng ngừa rủi ro và phát triển các mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu ở một số nơi chưa đáp ứng kịp yêu cầu thực tiễn.

Năm là, tình hình kinh tế, chính trị thế giới diễn biến phức tạp, bất ổn đã tác động đến sản xuất và thị trường nông nghiệp, qua đó ảnh hưởng đến quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong thực tiễn. Từ năm 2011 đến nay, quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở nước ta diễn ra trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp và khó dự báo. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột chính trị, quân sự, căng thẳng thương mại, đứt gãy chuỗi cung ứng, biến động giá năng lượng, vật tư đầu vào và lạm phát toàn cầu đã tác động không nhỏ đến phát triển kinh tế nói chung, nông nghiệp nói riêng. Những biến động đó làm cho môi trường PTNN thiếu ổn định hơn, gia tăng rủi ro đối với sản xuất, chế biến, xuất khẩu và tiêu thụ nông sản của nước ta.

Trước hết, sự phục hồi chậm của kinh tế thế giới, nợ công toàn cầu gia tăng, rủi ro tài chính - tiền tệ quốc tế và xu hướng thắt chặt đầu tư ở nhiều quốc gia đã ảnh hưởng đến khả năng thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ PTNN. Nguồn

vốn FDI, ODA và các dòng vốn hỗ trợ phát triển hạ tầng, đổi mới công nghệ, chuyển giao KHCN, nâng cao năng lực chế biến và xây dựng chuỗi giá trị nông nghiệp chịu tác động nhất định. Điều này làm cho việc hiện đại hóa nông nghiệp, mở rộng ứng dụng KHCN, PTNN công nghệ cao, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn và nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản gặp thêm khó khăn.

Bên cạnh đó, những biến động địa chính trị và thương mại quốc tế đã tác động rõ đến cả đầu vào và đầu ra của sản xuất nông nghiệp. Căng thẳng giữa các trung tâm kinh tế lớn, xung đột Nga - Ucraina, xung đột Israel - Hamas và những bất ổn tại một số khu vực trên thế giới làm gia tăng giá nhiên liệu, phân bón, thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất, chi phí logistics và chi phí bảo quản, vận chuyển nông sản. Trong khi đó, nhu cầu tiêu dùng và nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản ở một số thị trường có thời điểm suy giảm, tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và yêu cầu phát triển xanh ngày càng khắt khe hơn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng chỉ rõ: “Xung đột quân sự Nga - Ucraina, Israel - Hamas kéo dài và chưa có dấu hiệu kết thúc; kinh tế thế giới phục hồi chậm, lạm phát cao ở một số nước dẫn đến nhu cầu tiêu dùng, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam giảm” [31, tr.22].

Đặc biệt, đại dịch Covid-19 đã cho thấy mức độ phụ thuộc và dễ bị tổn thương của sản xuất nông nghiệp trước những cú sốc toàn cầu. Dịch bệnh không chỉ ảnh hưởng đến đời sống KT-XH, mà còn làm gián đoạn lưu thông hàng hóa, thiếu hụt lao động, đứt gãy chuỗi cung ứng, thu hẹp thị trường tiêu thụ và gây khó khăn cho hoạt động xuất, nhập khẩu nông sản. Như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận định: “Ngành nông nghiệp triển khai thực hiện kế hoạch năm 2021 trong điều kiện có những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen; trong đó, Dịch bệnh Covid-19 tác động lớn đến đời sống, KT-XH, làm đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu và ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và hoạt động xuất, nhập khẩu, tiêu thụ nông sản” [28, tr.1]. Ngoài ra, nông nghiệp nước ta còn chịu ảnh hưởng nghiêm trọng từ biến đổi khí hậu. Sản xuất nông nghiệp tại các vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Duyên hải Nam trung bộ gặp nhiều khó khăn trong tháng 3 và 4 do khô hạn, xâm nhập mặn tăng cao [32, tr.21]. Đây là một nguyên nhân khách quan quan trọng làm cho hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở một số lĩnh vực, địa phương chưa ổn định, chưa tạo được bước phát triển bền vững như yêu cầu đặt ra.

3.2.2. Một số vấn đề đặt ra từ việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam

3.2.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp vẫn giữ nguyên giá trị, song việc nhận thức và vận dụng trên thực tế vẫn còn những hạn chế nhất định

Tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN là hệ thống quan điểm có nội dung toàn diện, chiều sâu lý luận và giá trị nhân văn sâu sắc. Tính toàn diện thể hiện ở chỗ Người đề cập đến nhiều phương diện của PTNN, từ vị trí, vai trò của nông nghiệp đến chủ thể, lực lượng, nội dung và biện pháp tổ chức thực hiện. Tính sâu sắc thể hiện ở việc các quan điểm của Người không chỉ dừng ở nhận thức lý luận, mà còn trở thành định hướng quan trọng để Đảng, Nhà nước xây dựng chủ trương, chính sách PTNN phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng. Tính nhân văn thể hiện ở mục tiêu xuyên suốt của PTNN là vì con người, phục vụ con người, trước hết là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân - lực lượng từng chịu nhiều thiệt thòi, khó khăn trong xã hội cũ. Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN không chỉ góp phần định hướng quá trình đưa nông nghiệp nước ta thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, lạc hậu, mà còn là cơ sở lý luận quan trọng để Đảng lãnh đạo PTNN qua các thời kỳ cách mạng.

Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN càng có ý nghĩa trong bối cảnh hiện nay, khi nông nghiệp Việt Nam đang chuyển từ sản xuất truyền thống sang kinh tế nông nghiệp hiện đại, từ tăng trưởng theo chiều rộng sang nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Những chỉ dẫn của Người về vai trò của nông nghiệp, vị trí của nông dân, yêu cầu tổ chức sản xuất, phát huy sức dân, nâng cao đời sống Nhân dân và gắn PTNN với xây dựng đất nước vẫn là những định hướng có giá trị lâu dài. Càng bước vào giai đoạn phát triển mới, yêu cầu vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN càng trở nên cần thiết.

Tuy nhiên, mâu thuẫn đặt ra là: trong khi tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN vẫn giữ nguyên giá trị định hướng, thì việc nhận thức, quán triệt và vận dụng tư tưởng đó ở một số nơi lại chưa thật sự tương xứng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân chưa hiểu đầy đủ nội dung, giá trị và ý nghĩa thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong bối cảnh mới. Hoạt động học tập, nghiên cứu, tuyên truyền ở không ít địa phương còn thiên về khái quát, hình thức, chưa gắn chặt với đặc điểm từng vùng, từng ngành và yêu cầu cụ thể của PTNN hiện đại. Vì vậy, tư tưởng của Người có lúc mới được nhắc lại như một cơ sở chính trị - tư tưởng chung, nhưng chưa được chuyển hóa

đầy đủ thành nhận thức phát triển, chương trình hành động, mô hình sản xuất, cơ chế tổ chức thực hiện và tiêu chí đánh giá hiệu quả trong thực tiễn.

Chính sự chưa tương xứng giữa giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh với chất lượng nhận thức và vận dụng trong thực tế là vấn đề cần tiếp tục khắc phục. Nếu không làm rõ nội dung, giá trị và phương thức vận dụng phù hợp với điều kiện mới, tư tưởng của Người dễ bị tiếp cận theo lối khái quát, giáo điều hoặc hình thức; chưa tạo được chuyển biến rõ trong tư duy, trách nhiệm và hành động của các chủ thể liên quan. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải tiếp tục nghiên cứu, quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, làm cho tư tưởng của Người thật sự trở thành nền tảng định hướng cho xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, bền vững, gắn với nâng cao đời sống nông dân và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

3.2.2.2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay cần được thực hiện một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện và bối cảnh mới, song trên thực tế, quá trình vận dụng vẫn còn máy móc, dập khuôn, chưa phù hợp với thực tiễn

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh yêu cầu vận dụng sáng tạo lý luận cách mạng vào thực tiễn. Người từng nhắc lại lời dạy của V.I. Lênin: “lý luận cách mạng không phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng; và lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động, những người cộng sản các nước phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi” [135, tr.95]. Tinh thần đó cho thấy, trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là lặp lại nguyên xi các luận điểm của Người, mà là nắm vững giá trị cốt lõi, phương pháp tư duy và mục tiêu nhân văn để vận dụng phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Đối với PTNN, yêu cầu vận dụng linh hoạt, sáng tạo càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh hiện nay. Nếu trước đây nông nghiệp chủ yếu được đặt trong yêu cầu bảo đảm lương thực, khôi phục sản xuất, cải thiện đời sống Nhân dân và phục vụ kháng chiến, kiến quốc, thì hiện nay PTNN đang đứng trước những yêu cầu mới: chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; từ tăng sản lượng sang nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh; từ sản xuất nhỏ lẻ sang liên kết chuỗi giá trị; từ dựa vào kinh nghiệm sang dựa trên KHCN, chuyển đổi số, tiêu chuẩn thị trường và phát triển bền vững. Đồng thời, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế,

biến đổi khí hậu, yêu cầu phát triển xanh, nông nghiệp sinh thái, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn an toàn ngày càng cao cũng đặt ra những điều kiện mới mà quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN phải tính đến.

Tuy nhiên, mâu thuẫn đặt ra là: trong khi thực tiễn PTNN đã thay đổi nhanh chóng và đòi hỏi sự vận dụng sáng tạo, thì ở một số nơi, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn còn biểu hiện máy móc, dập khuôn, chưa thật sự bám sát điều kiện cụ thể. Có nơi mới dừng ở việc dẫn lại quan điểm của Người như cơ sở chính trị chung, nhưng chưa cụ thể hóa thành chương trình, mô hình, chính sách và giải pháp phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương, từng loại hình sản xuất và từng chủ thể tham gia PTNN. Có nơi còn thiên về tuyên truyền khẩu hiệu, nhấn mạnh ý nghĩa tư tưởng nhưng chưa chuyển hóa thành phương thức tổ chức sản xuất, liên kết thị trường, ứng dụng KHCN, nâng cao năng lực nông dân và cải thiện hiệu quả quản trị nông nghiệp.

Bên cạnh đó, trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN vẫn cần tránh hai khuynh hướng lệch lạc. Một là tuyệt đối hóa, rập khuôn các quan điểm của Người mà chưa đặt trong bối cảnh mới của kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và biến đổi khí hậu. Hai là nhân danh đổi mới, hiện đại hóa để xa rời những giá trị cốt lõi trong tư tưởng của Người, nhất là quan điểm lấy dân làm gốc, coi trọng vai trò của nông dân, gắn PTNN với nâng cao đời sống Nhân dân, phát huy sức dân và xây dựng nông thôn bền vững. Cả hai khuynh hướng này đều làm giảm hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải giữ vững những giá trị cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, đồng thời vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào điều kiện cụ thể của đất nước, từng địa phương, từng vùng sản xuất và từng chủ thể tham gia. Sự vận dụng đó phải được thể hiện bằng các chương trình, chính sách, mô hình và giải pháp cụ thể, có khả năng giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra đối với nông nghiệp Việt Nam hiện nay. Chỉ như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh mới tiếp tục phát huy vai trò là nền tảng định hướng và kim chỉ nam cho PTNN Việt Nam trong công cuộc đổi mới.

3.2.2.3. Cơ chế, chính sách là nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển nông nghiệp, song trên thực tế còn thiếu tính đồng bộ, chưa theo kịp diễn biến thị trường

Cơ chế, chính sách là nền tảng quan trọng để thúc đẩy PTNN theo hướng hiện đại, bởi đó là công cụ quan trọng để định hướng, thúc đẩy và điều tiết các hoạt động kinh tế nông nghiệp theo mục tiêu phát triển bền vững. Trên thực tế, cơ chế, chính sách

không chỉ tạo ra hành lang pháp lý bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nông dân, doanh nghiệp và các chủ thể tham gia vào lĩnh vực nông nghiệp, mà còn mở ra cơ hội tiếp cận các nguồn lực thiết yếu như đất đai, vốn, KHCN và thị trường. Một chính sách đúng đắn, hợp lý sẽ trở thành động lực khuyến khích các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp. Đồng thời, thông qua các cơ chế hỗ trợ phù hợp, Nhà nước có thể điều tiết sản xuất, giảm thiểu rủi ro từ thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, giữ vững ổn định xã hội và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân. Hơn nữa, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, cơ chế, chính sách còn có ý nghĩa quyết định trong việc tạo dựng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy chuyển đổi sang nền nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp số, đồng thời khẳng định vị thế của nông nghiệp Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

Tuy nhiên, một trong những vấn đề đặt ra hiện nay là hệ thống cơ chế, chính sách liên quan đến PTNN vẫn còn thiếu tính đồng bộ, chưa thực sự theo kịp diễn biến của thực tiễn sản xuất cũng như yêu cầu của nền nông nghiệp hiện đại. Không ít chính sách còn mang tính ngắn hạn, dàn trải, chưa tạo được động lực đủ mạnh để khuyến khích và thu hút doanh nghiệp đầu tư lâu dài vào nông nghiệp. Đặc biệt, các quy định về đất đai, tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp vẫn tồn tại nhiều bất cập, trở thành rào cản trong việc hỗ trợ nông dân, HTX và các chủ thể kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững. Bên cạnh đó, công tác tổ chức thực hiện chính sách ở cơ sở còn chậm trễ, thiếu minh bạch, dẫn đến tình trạng nhiều nguồn lực hỗ trợ chưa đến đúng đối tượng, làm giảm hiệu quả và niềm tin của nông dân. Chính vì vậy, yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải sớm hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng khả thi, đồng bộ và gắn với thực tiễn, bảo đảm phù hợp với mục tiêu PTNN hiện đại, xanh và bền vững trong bối cảnh mới.

3.2.2.4. Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững đòi hỏi phải có thể hệ nông dân “văn minh”, tuy nhiên trên thực tế trình độ, năng lực của nông dân nước ta còn nhiều hạn chế

Nông nghiệp, nông dân và nông thôn là một chỉnh thể thống nhất, gắn bó mật thiết với nhau trong quá trình phát triển. Nói đến nông nghiệp không thể tách rời nông dân và nông thôn; ngược lại, sự phát triển của nông dân và nông thôn phải được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển của nông nghiệp. Trong chỉnh thể đó, nông dân giữ vị trí trung tâm, là chủ thể trực tiếp sản xuất, sáng tạo, tổ chức đời sống

nông thôn và thụ hưởng thành quả PTNN. Mọi đường lối, chủ trương, chính sách về PTNN, dù đúng đắn đến đâu, cũng khó đi vào cuộc sống nếu không được nông dân nhận thức đầy đủ, hưởng ứng tích cực và trực tiếp thực hiện.

Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò to lớn của nông dân trong cách mạng và trong phát triển đất nước. Theo Người, PTNN muốn thành công phải phát huy vai trò làm chủ của nông dân, coi nông dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực, vừa là lực lượng trực tiếp thực hiện các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn. Vì vậy, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong điều kiện hiện nay không thể chỉ dừng ở việc đề ra mục tiêu, cơ chế, chính sách, mà phải chú trọng xây dựng lớp nông dân mới có tri thức, có kỹ năng, có ý thức pháp luật, có tư duy kinh tế nông nghiệp, có khả năng ứng dụng KHCN, tham gia liên kết sản xuất và thích ứng với yêu cầu của thị trường.

Mâu thuẫn đặt ra là, trong khi PTNN hiện đại, hiệu quả, bền vững đòi hỏi phải có thể hệ nông dân “văn minh”, đủ năng lực làm chủ quá trình sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi số, liên kết chuỗi giá trị và PTNN xanh, thì trình độ, năng lực của một bộ phận nông dân nước ta vẫn còn nhiều hạn chế. Ở không ít địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ học vấn, tay nghề, năng lực tiếp cận thông tin, khả năng ứng dụng KHCN và chuyển đổi số của nông dân còn thấp. Nhiều nông dân vẫn nặng về tư duy sản xuất truyền thống, phụ thuộc vào kinh nghiệm, điều kiện tự nhiên và thời tiết; thiếu kỹ năng quản lý, kỹ năng thị trường, kỹ năng tham gia HTX, tổ hợp tác và chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ.

Thực trạng đó làm cho một bộ phận nông dân còn gặp khó khăn trong chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sang sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên môn hóa, hiện đại hóa; từ sản xuất theo kinh nghiệm sang sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và tín hiệu thị trường; từ bán sản phẩm thô sang tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị nông sản. Đây không chỉ là hạn chế về trình độ cá nhân của người nông dân, mà còn là điểm nghẽn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tăng trưởng của nông nghiệp, hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN và mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, sinh thái, hiệu quả, bền vững.

Vì vậy, vấn đề đặt ra hiện nay là phải nâng cao toàn diện trình độ, năng lực và nhận thức của nông dân; xây dựng thể hệ nông dân văn minh, có tri thức, có kỹ năng nghề nghiệp, có năng lực làm chủ KHCN, có ý thức hợp tác, kỷ luật thị trường và khát

vọng vươn lên làm giàu chính đáng. Chỉ khi nông dân thật sự trở thành chủ thể có năng lực, có trách nhiệm và có khả năng thích ứng với điều kiện mới, quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN mới có thể đi vào chiều sâu, tạo chuyển biến thực chất trong PTNN, xây dựng NTM, nâng cao đời sống Nhân dân.

3.2.2.5. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là chuyển đổi số là “con đường tắt yếu”, động lực để nông nghiệp nước ta phát triển, tuy nhiên vấn đề này còn nhiều bất cập

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, Người luôn coi trọng việc cải tiến kỹ thuật, tổ chức lại sản xuất, nâng cao năng suất lao động và phát huy tinh thần sáng tạo của Nhân dân. Những chỉ dẫn đó có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, khi cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, yêu cầu phát triển xanh và cạnh tranh thị trường đang tác động ngày càng sâu rộng đến nông nghiệp. PTNN hiện đại không thể chỉ dựa vào kinh nghiệm truyền thống, lao động thủ công và khai thác tài nguyên theo chiều rộng, mà phải dựa ngày càng nhiều hơn vào KHCN, đổi mới sáng tạo, dữ liệu, quy trình, tiêu chuẩn chất lượng và năng lực làm chủ công nghệ của các chủ thể sản xuất.

Mâu thuẫn đặt ra là: trong khi ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo, nhất là chuyển đổi số đã trở thành con đường tắt yếu và động lực quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh và tính bền vững của nông nghiệp, thì trên thực tế, quá trình này ở nước ta vẫn còn nhiều bất cập. Ở không ít địa phương, sản xuất nông nghiệp vẫn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, quy mô nhỏ lẻ, manh mún, thiếu dữ liệu, thiếu quy trình chuẩn và thiếu khả năng kiểm soát chất lượng đồng bộ. Việc ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa, tự động hóa, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch và chuyển đổi số tuy đã có chuyển biến, nhưng còn phân tán, chưa đồng đều giữa các vùng, ngành hàng và nhóm chủ thể sản xuất.

Bất cập đó còn thể hiện ở năng lực tiếp cận và làm chủ công nghệ của nông dân, HTX, doanh nghiệp nhỏ trong nông nghiệp còn hạn chế. Một bộ phận nông dân chưa quen với việc ghi chép nhật ký canh tác, truy xuất nguồn gốc, sử dụng nền tảng số, tiếp cận thông tin thị trường, vận hành thiết bị hiện đại hoặc tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng ngày càng cao. Hạ tầng số ở nông thôn, hệ thống dữ liệu ngành, dịch vụ khuyến nông số, nền tảng truy xuất, tư vấn kỹ thuật, tín dụng công

nghệ và đào tạo kỹ năng số chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Do đó, công nghệ có nơi mới dừng ở mô hình điểm, phong trào hoặc dự án thí điểm, chưa trở thành năng lực phổ biến của nền nông nghiệp.

Một điểm nghẽn khác là việc ứng dụng KHCN và chuyển đổi số chưa luôn gắn chặt với tổ chức lại sản xuất. Trong điều kiện sản xuất còn manh mún, thiếu liên kết, thiếu kỷ luật chất lượng và thiếu vùng nguyên liệu ổn định, lợi ích của công nghệ khó được phát huy đầy đủ. Nếu không có sự liên kết giữa nông dân, HTX, doanh nghiệp, nhà khoa học và Nhà nước, thì việc áp dụng quy trình chuẩn, đồng bộ dữ liệu, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu, đáp ứng đơn hàng lớn và tham gia chuỗi giá trị sẽ gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, chuyển đổi số trong nông nghiệp không thể chỉ hiểu là đưa công nghệ vào một số khâu riêng lẻ, mà phải gắn với đổi mới phương thức tổ chức sản xuất, quản trị chuỗi giá trị và nâng cao năng lực của các chủ thể tham gia.

Vấn đề đặt ra là phải làm cho KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực sự trở thành động lực phổ biến, thiết thực, dễ tiếp cận và phù hợp với điều kiện của nông dân, HTX, doanh nghiệp nông nghiệp và từng vùng sản xuất. Nhà nước cần phát huy vai trò định hướng, kiến tạo và hỗ trợ thông qua hoàn thiện cơ chế, chính sách; phát triển hạ tầng số nông thôn; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành; mở rộng dịch vụ khuyến nông số; hỗ trợ tín dụng, đào tạo, tư vấn kỹ thuật; đồng thời chống quan liêu, hình thức, lãng phí trong triển khai các chương trình công nghệ. Về phía nông dân và các chủ thể sản xuất, cần nâng cao năng lực làm chủ công nghệ ở mức thiết thực: hiểu và tuân thủ quy trình, ghi chép dữ liệu sản xuất, truy xuất nguồn gốc, tiếp cận thông tin thị trường, lựa chọn kỹ thuật phù hợp, tham gia liên kết và bảo đảm kỷ luật chất lượng. Chỉ khi KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được gắn với tổ chức lại sản xuất, nâng cao năng lực nông dân, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống Nhân dân, thì việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN mới đáp ứng yêu cầu hiện đại, hiệu quả và bền vững trong giai đoạn mới.

3.2.2.6. Yêu cầu khắc phục sự phát triển chưa đồng đều về chất lượng giữa các ngành, các vùng và bảo đảm hài hòa các mối quan hệ trong phát triển nông nghiệp ở nước ta hiện nay

Thực tiễn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong công cuộc đổi mới cho thấy, mặc dù nông nghiệp Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng,

song chất lượng phát triển giữa các ngành, các vùng còn chưa đồng đều. Trong trồng trọt, sản xuất vẫn còn tình trạng phụ thuộc nhiều vào quy mô diện tích, năng suất sinh học và kinh nghiệm truyền thống, trong khi chất lượng giống, tiêu chuẩn an toàn, bảo quản, chế biến và xây dựng thương hiệu chưa tương xứng. Trong chăn nuôi, quy mô nhỏ lẻ, phân tán, nguy cơ dịch bệnh, ô nhiễm môi trường và chi phí đầu vào cao vẫn là những điểm nghẽn lớn. Trong thủy sản, lợi thế xuất khẩu khá rõ nhưng vẫn chịu sức ép về truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn xanh, bảo vệ nguồn lợi và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong lâm nghiệp, yêu cầu đặt ra không chỉ là tăng độ che phủ rừng, mà còn là nâng cao chất lượng rừng, phát triển kinh tế dưới tán rừng, bảo vệ đa dạng sinh học và sinh kế bền vững cho người dân miền núi.

Sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, trình độ sản xuất, hạ tầng, nguồn nhân lực và khả năng tiếp cận thị trường cũng làm cho chất lượng PTNN giữa các vùng còn chênh lệch. Các vùng đồng bằng có lợi thế về sản xuất hàng hóa, nhưng chịu áp lực lớn về đất đai, môi trường, đô thị hóa và biến đổi khí hậu; vùng trung du, miền núi có tiềm năng về cây công nghiệp, cây dược liệu, lâm nghiệp, kinh tế sinh thái nhưng còn hạn chế về hạ tầng, nhân lực, liên kết thị trường; vùng ven biển có lợi thế về thủy sản, kinh tế biển nhưng đối mặt với xâm nhập mặn, thiên tai và suy giảm nguồn lợi; vùng đô thị và ven đô có điều kiện PTNN công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nhưng lại chịu sức ép thu hẹp đất nông nghiệp và chi phí sản xuất cao. Những khác biệt đó đặt ra yêu cầu phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN một cách linh hoạt, cụ thể, phù hợp với từng ngành, từng vùng, từng chủ thể, tránh tư duy bình quân, rập khuôn, áp đặt một mô hình chung cho mọi địa phương.

Đồng thời, PTNN hiện nay đang đặt ra yêu cầu giải quyết hài hòa nhiều mối quan hệ lớn: giữa tăng trưởng sản lượng với nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng; giữa PTNN hàng hóa quy mô lớn với bảo vệ quyền lợi chính đáng của nông dân; giữa ứng dụng KH-CN với khả năng tiếp nhận của người sản xuất; giữa khai thác tài nguyên với bảo vệ môi trường; giữa sản xuất với chế biến, bảo quản, tiêu thụ; giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, du lịch và kinh tế số; giữa phát triển thị trường trong nước với mở rộng thị trường quốc tế. Nếu các mối quan hệ này không được xử lý tốt, PTNN dễ rơi vào tình trạng mất cân đối, phát triển nóng, thiếu bền vững, làm suy giảm vai trò chủ thể của nông dân và đi ngược lại tinh thần Hồ Chí Minh về PTNN thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, vì đời sống nhân dân.

Tiểu kết chương 3

Sinh ra và lớn lên ở một nước nông nghiệp, Hồ Chí Minh là người am hiểu sâu sắc vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam. Theo đó, Người coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, nông dân là lực lượng nòng cốt và nông thôn là nền tảng của đời sống xã hội. Những quan điểm đó không chỉ có giá trị trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, mà còn tiếp tục là cơ sở lý luận, thực tiễn quan trọng để Đảng và Nhà nước hoạch định chủ trương, chính sách PTNN theo hướng hiện đại, bền vững.

Trong công cuộc đổi mới, nhất là từ năm 2011 đến nay, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhận thức của các chủ thể, lực lượng trong HTCT từng bước được nâng lên; nội dung PTNN theo tư tưởng của Người được triển khai tương đối toàn diện; các biện pháp PTNN được vận dụng linh hoạt hơn, góp phần tạo nên những chuyển biến quan trọng trong nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Tuy vậy, quá trình vận dụng vẫn còn không ít hạn chế. Một số chủ thể nhận thức chưa đầy đủ, chưa sâu sắc; việc quán triệt nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN có nơi còn hình thức, thiếu đồng bộ; một số biện pháp thực hiện chưa thật sự phù hợp với thực tiễn, hiệu quả chưa cao. Trong khi đó, nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước nhiều yêu cầu mới, như cơ cấu lại ngành theo hướng sinh thái, hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng, PTNN công nghệ cao, chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập sâu hơn vào thị trường quốc tế. Những yêu cầu này đòi hỏi việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN phải được nhận thức đầy đủ hơn, triển khai sáng tạo hơn và gắn chặt hơn với thực tiễn phát triển của đất nước. Vì thế, PTNN ở nước ta vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu đặt ra trong bối cảnh mới.

Từ thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trên các phương diện nhận thức của các chủ thể, lực lượng, nội dung và biện pháp, chương 3 đã làm rõ những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra hiện nay. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để luận án xác định phương hướng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở Việt Nam trong thời gian tới.

Chương 4

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG, PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1.1. Tình hình kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường đặt ra những thách thức chưa từng có

Trong những năm tới, mặc dù hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo, nhưng cục diện thế giới đang có sự chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng và phân tuyến mạnh. Hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều thách thức mới, có tính chất phức tạp hơn [64, tr.23]. Sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, vừa hợp tác vừa đối đầu, với nhiều điểm nóng khó lường. Xung đột sắc tộc, chiến tranh cục bộ, tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền, tài nguyên không hạ nhiệt mà còn gia tăng căng thẳng. Quan hệ quốc tế xuất hiện rạn nứt trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, ngoại giao, KHCN, tiền tệ, quân sự, kéo theo sự dịch chuyển mạnh mẽ của chuỗi cung ứng, sản xuất toàn cầu. Các chính sách thuế đối ứng, bảo hộ thương mại, cùng xu hướng khu vực hóa, đặt ra nhiều thách thức chưa từng có tiền lệ cho kinh tế toàn cầu.

Dự báo nền kinh tế thế giới từ nay đến 2030 sẽ tiếp tục tăng trưởng chậm, do chịu tác động nặng nề của hậu quả đại dịch Covid-19, hiệu ứng sập kinh tế, già hóa dân số tại nhiều quốc gia lớn, đặc biệt là cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Sự leo thang căng thẳng giữa hai nền kinh tế số một thế giới không chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới quan hệ song phương, mà còn tạo ra vòng xoáy tác động tiêu cực đến thương mại, đầu tư, tài chính toàn cầu. Các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động bất lợi đến sự phát triển bền vững của mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN đứng trước những yêu cầu mới, phức tạp và cấp thiết hơn. Những biến động về địa chính trị,

kinh tế toàn cầu và thị trường quốc tế đòi hỏi quá trình vận dụng tư tưởng của Người phải quán triệt sâu sắc quan điểm coi trọng nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, đồng thời chủ động thích ứng với hội nhập quốc tế và sự biến động của chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều đó cho thấy, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong điều kiện hiện nay không thể dừng ở việc khẳng định vai trò của nông nghiệp, mà phải cụ thể hóa thành nhận thức, chủ trương, chính sách và giải pháp phù hợp nhằm nâng cao khả năng thích ứng, tự chủ và chống chịu của nền nông nghiệp trước những biến động bên ngoài.

Đồng thời, xu hướng toàn cầu hóa đi liền với cạnh tranh gay gắt và các tiêu chuẩn ngày càng cao về chất lượng, môi trường, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phát triển bền vững cũng đặt ra yêu cầu phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN theo hướng linh hoạt, sáng tạo hơn. Tinh thần PTNN toàn diện trong tư tưởng của Người cần được cụ thể hóa không chỉ ở mở rộng quy mô sản xuất, mà còn ở nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, sức cạnh tranh và tính bền vững của nông nghiệp. Bên cạnh đó, các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng hoảng KT-XH làm cho yêu cầu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, ổn định xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân và bảo vệ môi trường trở nên cấp thiết hơn. Đây là những vấn đề đặt ra trực tiếp đối với việc tiếp tục quán triệt, bổ sung và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong giai đoạn hiện nay.

4.1.2. Tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện trên các lĩnh vực vừa tạo ra cơ hội, đồng thời cũng tạo ra khó khăn, thách thức to lớn

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện là xu thế khách quan của thế giới hiện nay, trong đó Việt Nam vừa là chủ thể tham gia tích cực, vừa chịu tác động trực tiếp từ những biến động bên ngoài. Đối với việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, quá trình hội nhập quốc tế tạo ra những điều kiện thuận lợi để tiếp tục cụ thể hóa và phát triển sáng tạo các quan điểm của Người trong bối cảnh mới. Thông qua mở rộng hợp tác song phương, đa phương, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, thu hút nguồn vốn, KHCN, kinh nghiệm quản trị và phương thức tổ chức sản xuất hiện đại, Việt Nam có thêm cơ sở thực tiễn để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về coi trọng nông nghiệp, phát huy sức dân, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng nền nông nghiệp phục vụ phát triển đất nước.

Tuy nhiên, hội nhập quốc tế cũng làm cho việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN đứng trước nhiều yêu cầu mới, phức tạp hơn. Cạnh tranh thị trường ngày càng gay gắt; yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn xanh, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội ngày càng cao. Những yêu cầu đó đòi hỏi việc vận dụng tư tưởng của Người không thể dừng ở nhận thức chung về vị trí, vai trò của nông nghiệp, mà phải được cụ thể hóa thành chủ trương, chính sách và giải pháp nhằm chuyển đổi mô hình phát triển từ chiều rộng sang chiều sâu, từ sản xuất nhỏ lẻ sang liên kết chuỗi giá trị, từ chú trọng sản lượng sang nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam.

Đặc biệt, các FTA thế hệ mới vừa mở ra cơ hội tiếp cận thị trường, vừa đặt ra những yêu cầu khắt khe hơn về quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc, kiểm soát tồn dư hóa chất, bảo vệ môi trường và phòng vệ thương mại. Trong khi đó, sản xuất nông nghiệp trong nước còn phân tán, quy mô nhỏ, liên kết chuỗi chưa chặt chẽ, năng lực quản trị của nhiều HTX và hộ nông dân còn hạn chế. Thực tế này cho thấy, nếu việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN không được thực hiện linh hoạt, sáng tạo và phù hợp với điều kiện hội nhập, thì khó có thể phát huy đầy đủ vai trò định hướng của tư tưởng Người trong giải quyết những vấn đề mới đặt ra.

Vì vậy, hội nhập quốc tế đòi hỏi phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN theo hướng vừa kiên định những giá trị cốt lõi, vừa bổ sung nội dung và phương thức thực hiện phù hợp với bối cảnh mới. Đó là sự vận dụng tư tưởng coi trọng nông nghiệp gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; phát huy vai trò chủ thể của nông dân gắn với nâng cao tri thức, kỹ năng và năng lực hội nhập; phát triển sản xuất gắn với tổ chức lại thị trường, chuỗi giá trị và tiêu chuẩn chất lượng; mở rộng hợp tác quốc tế nhưng vẫn giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường. Chỉ như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN mới tiếp tục phát huy giá trị định hướng trong quá trình xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, bền vững trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng.

4.1.3. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển vượt bậc và sẽ tiếp tục “bùng nổ” hơn nữa trong thời gian tới

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự bứt phá nhanh của KHCN đang làm thay đổi sâu sắc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có nông

nghiệp. Đảng ta đã nhận định: “Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh mẽ và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực; lực lượng sản xuất mới, nhất là công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo phát triển đột phá chưa từng có; xu thế tự chủ chiến lược về kinh tế, đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng ngày càng được các nước quan tâm, thúc đẩy” [64, tr.24]. Trong nông nghiệp, các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật, công nghệ sinh học, vật liệu mới, tự động hóa và công nghệ năng lượng đang tạo điều kiện đổi mới phương thức sản xuất, quản lý, chế biến và tiêu thụ nông sản. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN theo hướng hiện đại hơn, gần những chỉ dẫn của Người về cải tiến kỹ thuật, tổ chức sản xuất, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm và nâng cao đời sống Nhân dân với yêu cầu PTNN trong điều kiện mới.

Tuy nhiên, Cách mạng công nghiệp 4.0 không chỉ mở ra cơ hội, mà còn đặt việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trước những yêu cầu mới, phức tạp hơn. Nếu trước đây việc vận dụng tư tưởng của Người chủ yếu gắn với khôi phục sản xuất, cải tiến kỹ thuật, phát huy sức lao động và tổ chức đời sống nông thôn, thì hiện nay cần được mở rộng sang yêu cầu làm chủ KHCN, chuyển đổi số, PTNN thông minh, nông nghiệp chính xác, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn. Điều đó đòi hỏi phải hiểu đúng tinh thần sáng tạo, thiết thực, hiệu quả trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tránh cách vận dụng giản đơn, chỉ dừng ở việc nhắc lại các luận điểm chung mà chưa cụ thể hóa thành mô hình, chính sách và giải pháp phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại.

Mặt khác, sự phát triển nhanh của KHCN cũng làm bộc lộ rõ hơn những điểm nghẽn trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Sự chênh lệch về hạ tầng số, trình độ KHCN, khả năng tiếp cận tri thức và năng lực ứng dụng công nghệ giữa các vùng, các nhóm nông dân có thể làm gia tăng khoảng cách phát triển trong nông nghiệp, nông thôn. Một bộ phận nông dân còn hạn chế về kỹ năng nghề, trình độ số và tư duy đổi mới; sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, tâm lý ngại thay đổi vẫn còn phổ biến. Vì vậy, nếu không chú trọng nâng cao năng lực của nông dân, phát triển HTX, tăng cường liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, nhà khoa học và người sản xuất, thì những thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0 khó có thể chuyển hóa thành động lực thực chất cho việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN.

Vấn đề đặt ra là phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN một cách linh hoạt, sáng tạo trong điều kiện lực lượng sản xuất mới đang phát triển nhanh chóng. Sự vận dụng đó phải gắn cải tiến kỹ thuật với đổi mới sáng tạo; gắn phát huy vai trò chủ thể của nông dân với nâng cao tri thức, kỹ năng số và năng lực làm chủ công nghệ; gắn PTNN với chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống Nhân dân. Chỉ khi được cụ thể hóa theo hướng đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN mới tiếp tục phát huy giá trị định hướng trong xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, bền vững trong thời gian tới.

4.1.4. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và ô nhiễm môi trường có chiều hướng ngày càng tăng, diễn biến phức tạp, thất thường, khó kiểm soát

Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và ô nhiễm môi trường đang gia tăng về quy mô, tần suất và mức độ cực đoan, trở thành một trong những thách thức lớn đối với việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong giai đoạn hiện nay. Những biến động này không chỉ gây thiệt hại về KT-XH, môi trường sinh thái và sinh kế của nông dân, mà còn làm thay đổi điều kiện tự nhiên, điều kiện sản xuất và phương thức tổ chức PTNN. Vì vậy, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong bối cảnh mới không thể dừng ở cách tiếp cận truyền thống, mà phải được bổ sung theo hướng chủ động thích ứng, phòng ngừa rủi ro, bảo vệ tài nguyên, môi trường và nâng cao khả năng chống chịu của nền nông nghiệp.

Trước hết, biến đổi khí hậu làm sản xuất nông nghiệp trở nên bất ổn, rủi ro cao hơn. Các hiện tượng hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt, bão mạnh, sạt lở đất, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ngày càng diễn biến bất thường, ảnh hưởng trực tiếp đến mùa vụ, năng suất, chất lượng nông sản và đời sống nông dân. Điều đó đặt ra yêu cầu phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN theo hướng linh hoạt, sáng tạo hơn, gắn quan điểm coi trọng nông nghiệp, chăm lo đời sống Nhân dân với nhiệm vụ tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển các mô hình nông nghiệp thích ứng khí hậu và nâng cao năng lực dự báo, phòng chống thiên tai, dịch bệnh từ cơ sở.

Cùng với đó, sự suy giảm tài nguyên đất, nước, rừng và hệ sinh thái do biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và khai thác thiếu bền vững đang làm thay đổi căn bản điều kiện vật chất của PTNN. Tình trạng thiếu nước ngọt, xâm nhập mặn, thoái hóa đất, suy giảm phù sa, ô nhiễm nguồn nước không chỉ hạn chế mở rộng sản xuất, mà còn làm tăng chi phí và rủi ro cho người sản xuất. Trong điều kiện đó, vận dụng

tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN phải gắn chặt hơn với yêu cầu sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, cải tạo đất đai, giữ gìn nguồn nước, bảo vệ rừng và PTNN sinh thái, tuần hoàn, bền vững. Đây là sự cụ thể hóa tinh thần thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả và vì đời sống Nhân dân trong tư tưởng của Người.

Bên cạnh đó, thiên tai, dịch bệnh và ô nhiễm môi trường làm nổi bật hơn yêu cầu bảo vệ nông dân trước các rủi ro trong sản xuất và đời sống. Khi rủi ro ngày càng lớn, nông dân dễ rơi vào tình trạng mất mùa, mất thu nhập, tái nghèo, tâm lý sản xuất cầm chừng và ngại đầu tư dài hạn. Vì vậy, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong điều kiện hiện nay phải được đặt trong mối quan hệ với việc phát huy vai trò của Nhà nước, HTCT và các tổ chức CT-XH trong hỗ trợ, bảo vệ nông dân; phát triển bảo hiểm nông nghiệp, an sinh xã hội, dịch vụ khuyến nông, liên kết thị trường và các mô hình sản xuất thích ứng nhằm giảm thiểu thiệt hại cho người sản xuất.

Ngoài ra, ô nhiễm môi trường và dịch hại phát sinh mạnh cũng đặt ra yêu cầu mới về chất lượng, an toàn và trách nhiệm sinh thái của sản xuất nông nghiệp. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, PTNN phải thiết thực, hiệu quả, phục vụ đời sống Nhân dân. Vì vậy, vận dụng tư tưởng của Người hiện nay không thể chỉ hướng tới tăng sản lượng, mà phải chú trọng chất lượng, an toàn thực phẩm, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của thị trường trong nước, quốc tế. Điều đó đòi hỏi phải chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp dựa vào khai thác tài nguyên sang tư duy kinh tế nông nghiệp xanh, sinh thái, bền vững.

Từ những tác động trên, vấn đề đặt ra là phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN một cách chủ động, sáng tạo và thích ứng hơn trước những biến động của tự nhiên, môi trường và xã hội. Sự vận dụng đó phải kết hợp giữa phát triển sản xuất với bảo vệ tài nguyên, môi trường; giữa nâng cao năng suất, chất lượng với bảo đảm sinh kế bền vững cho nông dân; giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với ổn định xã hội, an toàn sinh thái và nâng cao đời sống Nhân dân. Đây là yêu cầu quan trọng để tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN tiếp tục phát huy giá trị định hướng trong xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, sinh thái và bền vững ở Việt Nam hiện nay.

4.1.5. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch lao động ở nước ta tiếp tục gia tăng

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH đang tác động trực tiếp đến việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Sự phát triển của KHCN, các khu công nghiệp, khu kinh tế, dịch vụ và đô

thị đã tạo thêm nhiều việc làm phi nông nghiệp, thúc đẩy lao động nông thôn chuyển sang các lĩnh vực khác. Đây là xu hướng khách quan của phát triển, nhưng cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề mới đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Trên thực tế, quá trình chuyển dịch này ở một số nơi còn thiếu đồng bộ, quy hoạch chưa thật dài hạn, làm thu hẹp đất sản xuất, nhất là đất canh tác màu mỡ. Có dự án công nghiệp, đô thị triển khai chậm, sử dụng đất kém hiệu quả, gây lãng phí tài nguyên và ảnh hưởng đến sinh kế của nông dân. Trong khi đó, nông nghiệp vẫn còn dựa nhiều vào quy mô hộ nhỏ, năng suất và hiệu quả kinh tế chưa cao, thu nhập thiếu ổn định, khiến một bộ phận lao động trẻ rời bỏ đồng ruộng. Điều này làm cho việc hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN gặp không ít khó khăn.

Nguồn nhân lực nông nghiệp đang biến động mạnh cả về số lượng và chất lượng. Lao động nông thôn tuy còn chiếm tỷ lệ đáng kể nhưng có xu hướng giảm nhanh, nhất là ở lớp trẻ; lực lượng trực tiếp sản xuất ngày càng cao tuổi, trong khi khả năng tiếp cận KHCN, quản trị sản xuất, liên kết thị trường còn hạn chế. Tình trạng thiếu lao động có kỹ năng, thiếu chuyên gia nông nghiệp, thiếu đội ngũ đủ năng lực tham gia chuỗi giá trị nông sản toàn cầu đang cản trở quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng. Vì vậy, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong điều kiện hiện nay phải gắn với tổ chức lại sản xuất, phát triển nguồn nhân lực nông thôn, bảo đảm sinh kế cho nông dân và giữ vững vai trò trung tâm của họ trong quá trình phát triển.

4.1.6. Tác động từ yêu cầu phát triển đất nước trong thời gian tới, đổi mới thể chế quản trị và những biến đổi về nguồn lực phát triển nông nghiệp

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN không còn diễn ra trong phạm vi nông nghiệp thuần túy, mà chịu tác động trực tiếp từ những chuyển động lớn của đất nước về mô hình tăng trưởng, thể chế quản trị, tổ chức không gian phát triển và nguồn lực sản xuất. Các định hướng xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế; cùng với quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập sâu rộng đang đặt ra yêu cầu phải tiếp cận việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN theo hướng năng động, hiện đại, thiết thực và hiệu quả hơn.

Trước hết, mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của đất nước tạo áp lực đổi mới mạnh mẽ đối với nội dung và phương thức vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Nông nghiệp không thể tiếp tục dựa chủ yếu vào kinh nghiệm truyền thống,

lao động giá rẻ, khai thác tài nguyên tự nhiên hoặc mở rộng diện tích, mà phải chuyển sang mô hình phát triển dựa trên năng suất, KHCN, chuyển đổi số, tiêu chuẩn chất lượng, tổ chức sản xuất hiện đại và năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Cách tiếp cận này phù hợp với tinh thần Hồ Chí Minh về sản xuất thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, biết học hỏi tiến bộ KHKT để làm ra nhiều của cải hơn cho xã hội và nâng cao đời sống nông dân. Tuy nhiên, điều đó cũng đòi hỏi việc vận dụng tư tưởng của Người phải tránh cách hiểu giản đơn, chỉ nhấn mạnh tăng sản lượng hoặc mở rộng sản xuất, mà chưa chú trọng đầy đủ đến chất lượng tăng trưởng, bảo vệ môi trường, lợi ích lâu dài của nông dân và mục tiêu phát triển bền vững.

Quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp cũng tác động trực tiếp đến điều kiện tổ chức thực hiện việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở cơ sở. Khi cấp trung gian được rút gọn, chủ trương, chính sách có điều kiện đến gần hơn với nông dân, doanh nghiệp, HTX và vùng sản xuất; việc chỉ đạo, hỗ trợ, kiểm tra có thể nhanh hơn, sát thực tiễn hơn. Tuy nhiên, mô hình quản trị mới cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là năng lực tham mưu, quản lý đất đai, tổ chức sản xuất, chuyển đổi số, xây dựng NTM, xử lý quan hệ lợi ích và hỗ trợ người dân tiếp cận chính sách. Nếu năng lực cán bộ, dữ liệu quản lý, cơ chế phối hợp và trách nhiệm giải trình không được nâng lên tương ứng, thì việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về gần dân, hiểu dân, vì dân trong PTNN có thể bị giảm hiệu quả ngay từ khâu tổ chức thực hiện.

Một tác động khác là sự biến đổi của nguồn nhân lực nông nghiệp. Già hóa dân số nông thôn, thiếu hụt lao động trẻ, lao động có kỹ năng và xu hướng “ly nông”, “ly hương” đang làm thay đổi chủ thể trực tiếp của PTNN. Ở nhiều địa phương, người lớn tuổi vẫn là lực lượng chính trên đồng ruộng, trong khi thanh niên rời nông thôn để tìm việc làm ở đô thị, khu công nghiệp hoặc lĩnh vực phi nông nghiệp. Điều này làm giảm khả năng tiếp nhận công nghệ mới, tổ chức sản xuất lớn, vận hành nền tảng số, xây dựng thương hiệu và tham gia thị trường hiện đại. Do đó, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò của nông dân trong thời gian tới phải gắn với tri thức hóa nông dân, đào tạo nông dân số và hình thành đội ngũ chủ thể nông nghiệp mới có năng lực làm chủ KHCN, quản trị và thị trường.

Bên cạnh đó, những định hướng mới của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đang mở rộng nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Nếu trước

đây nông nghiệp thường được nhìn nhận chủ yếu ở chức năng bảo đảm lương thực, tạo việc làm và ổn định xã hội, thì hiện nay nông nghiệp còn được đặt trong tổng thể phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, an ninh sinh thái, văn hóa nông thôn, du lịch, công nghiệp chế biến, thương mại số và hội nhập quốc tế. Vì vậy, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN không chỉ dừng ở tăng sản lượng, mà phải hướng tới tổ chức lại sản xuất, nâng cao giá trị, bảo vệ môi trường, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và xây dựng nông thôn thành không gian sống văn minh, đáng sống.

Từ những tác động trên, vấn đề đặt ra là phải tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN một cách toàn diện, sáng tạo và phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Sự vận dụng đó phải vừa giữ vững những giá trị cốt lõi trong tư tưởng của Người về vai trò của nông nghiệp, vị trí của nông dân, mục tiêu nâng cao đời sống Nhân dân, vừa bổ sung phương thức thực hiện phù hợp với điều kiện mới về KHCN, thể chế, thị trường, môi trường và nguồn nhân lực. Chỉ như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN mới tiếp tục phát huy giá trị định hướng trong xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, sinh thái, bền vững, nông thôn văn minh và nông dân có đời sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

Quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21-2-2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về kinh tế tập thể; Kết luận số 97-KL/TW ngày 9-5-2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X; cùng với quan điểm của Đảng tại Đại hội XIII: “Chú trọng PTNN sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương” [61, tr.124]; “Gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị” [61, tr.124]. Đặc biệt, trước yêu cầu phát triển đất nước trong thời gian tới, Đảng xác định đẩy mạnh ứng dụng KHCN, chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển vùng sản xuất quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao; xây dựng thương hiệu sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu và hình thành chuỗi liên kết tiêu thụ hiệu quả, qua đó nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam [64, tr.31-

32]; “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới” [65, tr.276-277].

Trên cơ sở những định hướng đó, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN ở Việt Nam trong công cuộc đổi mới cần tập trung vào một số phương hướng sau:

Một là, kiên định, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp trong thời gian tới

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến PTNN, coi đây là lĩnh vực nền tảng gắn trực tiếp với đời sống Nhân dân, sức mạnh kinh tế của đất nước và sự ổn định của chế độ. Theo Người, nông nghiệp không chỉ cung cấp lương thực, thực phẩm, mà còn là cơ sở để ổn định xã hội, cải thiện dân sinh và thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN vừa mang giá trị lý luận sâu sắc, vừa thể hiện tầm nhìn thực tiễn, trở thành nền tảng định hướng để Đảng lãnh đạo phát triển “tam nông” từ thời kỳ kháng chiến, kiến quốc đến giai đoạn hiện nay.

Trong thời gian tới, các quan điểm của Người về PTNN tiếp tục giữ nguyên giá trị thời sự và ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn. Đặc biệt, Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và thực hành tư tưởng, đạo đức, phong pháp, phong cách Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu phải đưa việc học tập và làm theo Người đi vào chiều sâu, thiết thực, gắn với nhiệm vụ chính trị, trách nhiệm nêu gương và kết quả thực hiện công việc của từng tổ chức, cá nhân. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, tinh thần đó đòi hỏi việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN không dừng lại ở nhận thức chung hay tuyên truyền khẩu hiệu, mà phải được cụ thể hóa thành chương trình, cơ chế, chính sách và hành động thực tiễn nhằm phát triển nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, bền vững, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng nông thôn văn minh.

Tuy nhiên, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là lặp lại máy móc những chỉ dẫn trong hoàn cảnh cũ, mà phải nắm chắc tinh thần cốt lõi, phương pháp tư duy và mục tiêu nhân văn của Người để chuyển hóa thành chủ trương, cơ chế, giải pháp phù hợp với điều kiện tự nhiên, lợi thế so sánh, yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng và nhiệm vụ phát triển KT-XH hiện nay. Các chủ thể, lực lượng cần tiếp tục nghiên cứu, thẩm nhuần và cụ thể hóa quan điểm của Người về vị trí của nông nghiệp, vai trò của nông dân, tổ chức sản xuất, phát triển HTX, ứng dụng KHCN và

chăm lo đời sống Nhân dân; qua đó bảo đảm sự thống nhất giữa kiên định giá trị cốt lõi với đổi mới sáng tạo trong phương thức vận dụng, làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN thật sự trở thành nền tảng định hướng cho PTNN Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Hai là, phát triển nông nghiệp toàn diện, hiện đại và gắn với xây dựng nông thôn mới

PTNN toàn diện, hiện đại và gắn với xây dựng NTM là phương hướng quan trọng trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Ngay từ sớm, Người đã chỉ rõ: “Nông dân ta giàu thì nước ta giàu, nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh”. Quan điểm đó đặt nền móng cho cách nhìn toàn diện về PTNN, trong đó nông nghiệp không chỉ nhằm bảo đảm lương thực, mà còn góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, nâng cao đời sống nông dân và phát triển nông thôn. Vận dụng tư tưởng của Người hiện nay đòi hỏi PTNN phải được triển khai theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm; kết hợp tri thức bản địa với KHCN hiện đại; chuyển từ sản xuất truyền thống sang nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp số. Đồng thời, PTNN phải gắn chặt với xây dựng NTM, bởi nông thôn không chỉ là không gian sản xuất, mà còn là không gian sống, không gian văn hóa và cộng đồng của người nông dân. Mọi chính sách, quy hoạch, mô hình phát triển cần xuất phát từ nhu cầu thực tế của cư dân nông thôn, bảo đảm người dân được tham gia, giám sát và thụ hưởng trực tiếp thành quả phát triển.

Ba là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp

Trong tiến trình phát triển đất nước, CNH, HĐH và chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông nghiệp. Hồ Chí Minh không đặt nông nghiệp đối lập với công nghiệp, mà luôn nhìn nhận hai lĩnh vực này trong quan hệ bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau. Theo Người, muốn CNH phải PTNN; nông dân là lực lượng đông đảo, là nền tảng quan trọng để tiến hành công nghiệp hóa đất nước. Trên tinh thần đó, PTNN hiện nay phải gắn với phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp như cơ giới hóa, chế biến nông sản, bảo quản sau thu hoạch, sản xuất vật tư, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật. Đồng thời, chuyển đổi số mở ra điều kiện mới để nông nghiệp Việt Nam đổi mới phương thức sản xuất, quản lý và tiêu thụ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, truy xuất nguồn gốc, thương

mại điện tử không chỉ giúp nâng cao năng suất, mà còn thay đổi căn bản cách tổ chức sản xuất và tham gia thị trường. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phương hướng này phải gắn với đào tạo nguồn nhân lực nông thôn chất lượng cao, xây dựng đội ngũ nông dân có khả năng tiếp cận KHCN, vận hành nền tảng số và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ phát triển nông nghiệp với bảo vệ tài nguyên, môi trường

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, PTNN không thể tách rời yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường và cân bằng sinh thái. Đây không chỉ là vấn đề kinh tế, mà còn là vấn đề CT-XH và nhân văn sâu sắc. Hồ Chí Minh luôn thể hiện tình yêu thiên nhiên, quý trọng đất, nước, rừng - những yếu tố gắn bó trực tiếp với đời sống và sinh kế của nông dân. Người căn dặn: “phải bảo vệ rừng như bảo vệ nhà cửa của mình” [132, tr.294]. Quan điểm đó đặt nền tảng cho nhận thức chiến lược rằng bảo vệ môi trường chính là bảo vệ điều kiện tồn tại và phát triển lâu dài của đất nước.

Hiện nay, ngành nông nghiệp vừa phải bảo đảm sản lượng, chất lượng và giá trị kinh tế, vừa phải đối mặt với suy giảm đất đai, ô nhiễm nguồn nước, lạm dụng hóa chất và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Vì vậy, PTNN cần chuyển mạnh sang nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh phải gắn với nguyên tắc lấy con người làm trung tâm, lấy phát triển bền vững làm mục tiêu; khuyến khích sử dụng công nghệ sạch, khai thác hợp lý đất, nước, rừng, bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao ý thức môi trường của nông dân. Đây là hướng đi cần thiết để bảo đảm sự phát triển lâu dài của nông nghiệp và của quốc gia.

Năm là, phát huy vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong thời gian tới phải hướng tới mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp Việt Nam hiện đại, sinh thái, hiệu quả, bền vững; nông thôn văn minh, giàu bản sắc; nông dân có đời sống vật chất, tinh thần ngày càng được nâng cao, có tri thức, kỹ năng và năng lực làm chủ KHCN. Mục tiêu đó cần được cụ thể hóa trong từng chủ trương, chính sách, chương trình, dự án PTNN; bảo

đảm PTNN không chỉ tăng sản lượng và giá trị xuất khẩu, mà còn nâng cao thu nhập, vị thế, năng lực làm chủ và chất lượng sống của nông dân.

Để thực hiện mục tiêu trên, phải xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng chủ thể. Đảng giữ vai trò lãnh đạo, định hướng đường lối, quan điểm, mục tiêu và thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện. Nhà nước thể chế hóa đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án cụ thể; phân bổ nguồn lực, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh kịp thời. Chính quyền địa phương cụ thể hóa vào điều kiện từng vùng, từng địa phương, sát dân, gần dân, nắm chắc nhu cầu của nông dân, doanh nghiệp, HTX để triển khai thiết thực, hiệu quả. MTTQ, Hội Nông dân và các tổ chức CT-XH tuyên truyền, vận động, tập hợp, hỗ trợ và giám sát quá trình thực hiện chính sách PTNN; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân. Các viện nghiên cứu, trường đại học, đội ngũ trí thức, nhà khoa học có trách nhiệm nghiên cứu, chuyển giao tri thức, KHCN, đào tạo nguồn nhân lực và cung cấp luận cứ khoa học cho hoạch định chính sách. Doanh nghiệp và HTX là lực lượng quan trọng trong tổ chức sản xuất, liên kết chuỗi giá trị, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường nông sản. Đặc biệt, nông dân là chủ thể trực tiếp của PTNN, cần được nâng cao nhận thức, kỹ năng, năng lực số và trách nhiệm xã hội để tham gia chủ động, sáng tạo vào quá trình phát triển.

Việc xác định rõ mục tiêu và trách nhiệm của từng chủ thể sẽ tạo cơ sở để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN một cách thống nhất, đồng bộ, tránh chung chung, phân tán hoặc đùn đẩy trách nhiệm. Đây cũng là điều kiện để mọi chủ trương, chính sách PTNN trong thời gian tới đều hướng tới mục tiêu cuối cùng: nông nghiệp phát triển, nông thôn đổi mới, nông dân ấm no, hạnh phúc.

4.3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

4.3.1. Nâng cao nhận thức của các chủ thể, lực lượng trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp

Với nhiều tiềm năng, lợi thế, nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển đất nước trong thời gian tới. Để vận dụng hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, trước hết cần nâng cao nhận thức của các chủ thể, lực lượng về vị trí trụ cột của nông nghiệp trong bảo đảm an ninh lương thực, tạo sinh kế, ổn định xã hội, giữ gìn văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái và nâng cao vị

thế quốc gia. Đồng thời, phải đổi mới tư duy PTNN: chuyển từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang kinh tế nông nghiệp hiện đại; từ chạy theo sản lượng sang nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh; từ sản xuất nhỏ lẻ sang liên kết chuỗi giá trị; từ dựa vào kinh nghiệm sang dựa trên tri thức, KHCN, thị trường và tiêu chuẩn chất lượng. Theo đó, cần thực hiện một số biện pháp sau:

Một là, tiến hành đa dạng các hình thức tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể, lực lượng về phát triển nông nghiệp. Đảng, Nhà nước, các cơ quan chức năng, nhất là cấp ủy, chính quyền địa phương cần triển khai tuyên truyền, giáo dục bằng nhiều hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng, đặc biệt là người dân nông thôn và nông dân trực tiếp sản xuất. Cần kết hợp giữa tuyên truyền trực tiếp và gián tiếp, giữa phương thức truyền thống với phương thức hiện đại; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số, trang thông tin điện tử của địa phương, mạng xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng. Nội dung tuyên truyền cần tập trung làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PTNN; vai trò của nông nghiệp trong bảo đảm an ninh lương thực, ổn định đời sống Nhân dân, phát triển nông thôn và bảo vệ môi trường; đồng thời thường xuyên giới thiệu mô hình hay, cách làm sáng tạo, điển hình tiên tiến, kinh nghiệm hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp. Các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình ở Trung ương và địa phương cần tăng thời lượng, xây dựng chuyên mục, phóng sự về PTNN, qua đó lan tỏa nhận thức đúng, khơi dậy trách nhiệm và tinh thần chủ động của các chủ thể trong PTNN hiện nay.

Hai là, phát huy vai trò của các tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn. Tổ chức cơ sở đảng là hạt nhân chính trị tại cơ sở, trực tiếp lãnh đạo phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh và xây dựng HTCT vững mạnh ở địa phương. Trong PTNN, tổ chức cơ sở đảng cần quán triệt, cụ thể hóa kịp thời chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước thành chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện từng địa bàn; lãnh đạo thực hiện hiệu quả cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, tổ chức cơ sở đảng phải làm tốt công tác tư tưởng, tạo đồng thuận trong Nhân dân; phát huy vai trò tiên phong của đảng viên trong vận động nông dân ứng dụng KHCN, liên kết sản xuất theo chuỗi, tham gia HTX và các mô hình kinh tế hiệu quả. Khi tổ chức cơ sở đảng có uy tín, năng lực

lãnh đạo và sức chiến đấu cao, quá trình PTNN, xây dựng nông thôn và nâng cao đời sống nông dân mới có nền tảng chính trị vững chắc.

Ba là, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội đặc biệt là Hội nông dân. Với vai trò là tổ chức đại diện cho quyền lợi và tiếng nói của giai cấp nông dân, Hội Nông dân không chỉ là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với người dân mà còn là lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong lĩnh vực nông nghiệp. Thông qua các hoạt động như tập huấn, hội thảo, chuyển giao kỹ thuật, tư vấn pháp lý và hỗ trợ phát triển sản xuất, Hội góp phần hình thành tư duy sản xuất hàng hóa, liên kết thị trường, ứng dụng KHCN, từng bước thay đổi thói quen canh tác truyền thống sang phương thức sản xuất hiện đại, bền vững.

Bốn là, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên trong phát triển nông nghiệp. Cán bộ, đảng viên, nhất là những người công tác ở cơ sở, phải là lực lượng đi đầu trong thực hiện chủ trương, chính sách về PTNN; đồng thời nêu gương về tư duy đổi mới, tinh thần trách nhiệm và phương pháp làm việc gần dân, sát dân. Sự gương mẫu không chỉ thể hiện trong lời nói, mà trước hết ở hành động cụ thể như tích cực tham gia, hướng dẫn, lan tỏa các mô hình sản xuất hiệu quả; mạnh dạn ứng dụng KHCN; phát triển kinh tế tập thể, HTX; thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Thông qua vai trò nêu gương, cán bộ, đảng viên góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; khơi dậy tinh thần hợp tác, ý chí vươn lên và trách nhiệm của nông dân trong PTNN. Đồng thời, cán bộ, đảng viên phải thường xuyên gần dân, lắng nghe dân, nắm bắt khó khăn, nguyện vọng của dân để kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp phù hợp với thực tiễn. Vì vậy, nêu gương không chỉ là yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, mà còn là phương thức lãnh đạo thiết thực, góp phần thúc đẩy PTNN hiện đại, bền vững và gắn bó chặt chẽ với lợi ích của nông dân.

Năm là, phát huy vai trò chủ thể và khơi dậy khát vọng của người nông dân trong phát triển nông nghiệp. Trực tiếp tham gia sản xuất, sáng tạo và thụ hưởng thành quả PTNN, nông dân là một trong những chủ thể, lực lượng mang tính quyết định trong PTNN. Vì thế, nâng cao nhận thức của các chủ thể, lực lượng cần phải phát huy vai trò chủ thể của người nông dân. Theo đó, cần nâng cao dân trí, nhận thức chính trị, pháp luật và năng lực PTNN của nông dân. Đây là nội dung có ý nghĩa trực

tiếp, bởi nông dân là lực lượng trực tiếp sản xuất, tổ chức đời sống nông thôn và tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách về PTNN ở cơ sở. Cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn và các tổ chức CT-XH cần tổ chức các hình thức bồi dưỡng thiết thực, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng nhóm nông dân, giúp nông dân nâng cao hiểu biết về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kinh tế nông nghiệp, thị trường, kỹ thuật sản xuất, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, chuyển đổi số và ứng dụng KHCN. Nội dung bồi dưỡng phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của nông dân, tránh hình thức, dàn trải; đồng thời gắn với khuyến nông, đào tạo nghề, chuyển giao kỹ thuật, phổ biến mô hình sản xuất hiệu quả, kinh nghiệm làm giàu chính đáng và kỹ năng tham gia các hình thức liên kết sản xuất. Mỗi nông dân cũng cần chủ động học tập, tự bồi dưỡng, từng bước hình thành lớp nông dân mới có tri thức, am hiểu pháp luật, biết tổ chức sản xuất, nắm bắt thị trường và sử dụng KHCN trong lao động. Bên cạnh đó, cần đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp và khơi dậy khát vọng vươn lên của nông dân. Trong điều kiện KHCN, biến đổi khí hậu, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế tác động ngày càng sâu rộng, nông dân cần chuyển từ tư duy sản xuất thuần túy sang tư duy kinh tế nông nghiệp; từ làm theo kinh nghiệm sang sản xuất dựa trên tri thức, công nghệ, thị trường và tiêu chuẩn chất lượng; từ sản xuất đơn lẻ sang liên kết, hợp tác, tham gia chuỗi giá trị. Cần giúp nông dân hiểu rõ các mô hình PTNN tiên tiến như nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao; đồng thời nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn văn hóa truyền thống, xây dựng thương hiệu nông sản và phát triển sản phẩm gắn với lợi thế địa phương. Cùng với đó, cần khơi dậy tinh thần yêu nước, tự lực, tự cường, đổi mới sáng tạo và khát vọng làm giàu chính đáng; khuyến khích nông dân mạnh dạn ứng dụng KHCN, tham gia HTX, tổ hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, xây dựng mô hình kinh tế hiệu quả, phát huy kinh nghiệm và tri thức bản địa trong PTNN.

4.3.2. Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển nông nghiệp

Chính sách, pháp luật là cơ sở nền tảng, yếu tố quan trọng hàng đầu để PTNN được thuận lợi và đạt kết quả cao. Chính sách, pháp luật đồng bộ, hoàn chỉnh, phù

hợp sẽ phát huy được tính năng động của các chủ thể, đồng thời khai thác tốt nhất mọi tiềm năng thế mạnh của đất nước trong PTNN và ngược lại. Hiện nay hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật nước ta về PTNN vẫn còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, hoàn thiện. Do đó, xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về PTNN là một trong những giải pháp cốt lõi tạo tiền đề để thực hiện các giải pháp khác.

Trước hết, tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đất đai bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp; thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt, hiệu quả diện tích đất phục vụ PTNN; khắc phục tình trạng bỏ hoang, làm thoái hoá đất; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật. Chính phủ, các cơ quan chức năng, nhất là Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản pháp luật về đổi mới tư duy PTNN. Trong đó, chú trọng ban hành mới các chính sách động viên nhằm khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho PTNN. Đồng thời, hoàn thiện chính sách để mở rộng quy mô, đối tượng tham gia bảo hiểm nông nghiệp, góp phần giảm thiểu rủi ro cho nông dân. Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ tín dụng cho HTX, doanh nghiệp, hộ nông dân phát triển sản xuất; nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng. Triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề, ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo ở nông thôn.

Hai là, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho người nông dân trong phát triển nông nghiệp. Đảng, Nhà nước, nhất là cấp ủy, chính quyền địa phương cần tiếp tục quan tâm tháo gỡ những điểm nghẽn đang cản trở quá trình PTNN, trước hết là tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, đất đai manh mún, thiếu vốn, thiếu hạ tầng và khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm. Các chính sách hỗ trợ phải hướng vào việc mở rộng quy mô sản xuất phù hợp, khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai, huy động nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và tạo động lực để nông dân yên tâm sản xuất. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn như giao thông, thủy lợi, điện, kho bãi, cơ sở chế biến, bảo quản nông sản, dịch vụ KHCN và đào tạo nghề cho nông dân. Đồng thời, tạo điều kiện để nông dân tiếp cận thuận lợi hơn với vốn, vật tư, giống cây trồng, vật nuôi, tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi số và thị trường tiêu thụ. Ở cơ

sở, cấp ủy, chính quyền cần tăng cường đối thoại với nông dân, lắng nghe khó khăn, nguyện vọng và kiến nghị của họ để kịp thời điều chỉnh cách làm, giải quyết vướng mắc, bảo đảm chính sách đi vào thực chất, phù hợp với yêu cầu PTNN hiện nay.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp. Nghiên cứu, hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến HTX theo hướng công khai, minh bạch, đồng bộ, dân chủ và mở rộng phạm vi, điều chỉnh đối tượng bảo đảm bao quát đầy đủ các hình thức tổ chức kinh tế HTX đang hoạt động ở nước ta; đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong thành lập, hoạt động, giải thể HTX; thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát rõ ràng, minh bạch để kiểm tra hoạt động của HTX bảo đảm tuân thủ đúng pháp luật và đạt được hiệu quả KT-XH. Đồng thời, cần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ HTX theo hướng chuyên nghiệp, có năng lực quản trị, điều hành sản xuất, quản lý tài chính và kết nối thị trường. Việc bồi dưỡng cán bộ HTX phải gắn với nhu cầu thực tiễn của từng địa phương, từng ngành hàng và từng mô hình sản xuất cụ thể; đồng thời hình thành lực lượng tư vấn, hỗ trợ HTX về kỹ thuật, quản trị, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu và tiêu chuẩn hóa sản phẩm. Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện để HTX nông nghiệp tiếp cận tốt hơn với vốn, đất đai, hạ tầng, KHCN và các dịch vụ hỗ trợ thiết yếu. Các chính sách hỗ trợ phải linh hoạt, sát nhu cầu thực tế, tránh dàn trải, hình thức; đồng thời khuyến khích doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính và các chủ thể trong chuỗi giá trị liên kết, đầu tư vào HTX trên cơ sở ổn định, minh bạch, cùng có lợi. Ngoài ra, cần hỗ trợ HTX nâng cao năng lực tiêu thụ sản phẩm thông qua xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, chuẩn hóa chất lượng, kết nối hệ thống phân phối, sàn thương mại điện tử và thị trường xuất khẩu. Đồng thời, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của thành viên HTX, nhất là quyền tham gia quản lý, quyền hưởng lợi từ hoạt động sản xuất, kinh doanh và quyền tiếp cận các nguồn hỗ trợ của Nhà nước.

Bốn là, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách trong ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp. Đây vừa là yêu cầu tất yếu, vừa là giải pháp then chốt nhằm tạo lập môi trường pháp lý minh bạch, ổn định, bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia, đồng thời thu hút và phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội, nhất là nguồn ngoại lực, tạo động lực mạnh mẽ cho quá trình chuyển đổi số trong nông nghiệp. Trọng tâm là kịp thời xây dựng, hoàn thiện và ban hành hệ thống pháp luật, cơ chế,

chính sách phù hợp, hiện đại và khả thi, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp và nông dân ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, chế biến, quản lý và tiêu thụ nông sản. Cùng với đó, cần chủ động hỗ trợ các chủ thể nông nghiệp nâng cao năng lực tiếp cận và làm chủ công nghệ số; chú trọng phát triển nguồn nhân lực số cả về số lượng và chất lượng, tăng cường sự liên kết, đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp. Đồng thời, rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách, định mức hỗ trợ của Nhà nước đối với việc ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số trong nông nghiệp; đơn giản hóa thủ tục tiếp cận hạ tầng công nghệ, đất đai và nguồn vốn; hoàn thiện cơ chế khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số ở các lĩnh vực liên quan đầu tư, tham gia sâu hơn vào quá trình PTNN.

Năm là, tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách, pháp luật về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp. Đây là nội dung quan trọng nhằm tháo gỡ những điểm nghẽn, rào cản trong hợp tác quốc tế về PTNN, tạo điều kiện để nông nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào thị trường khu vực và thế giới. Trọng tâm là nâng cao chất lượng xây dựng thể chế, kịp thời cụ thể hóa quan điểm, đường lối của Đảng về kinh tế đối ngoại, bảo đảm phù hợp với các cam kết và chuẩn mực quốc tế. Đồng thời, cần chủ động dự báo biến động thị trường, điều chỉnh chính sách hợp tác với các đối tác nước ngoài, cải cách thủ tục hành chính, giảm rào cản trong kinh doanh nông nghiệp, tạo môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút FDI, ODA và các nguồn lực quốc tế phục vụ PTNN. Bên cạnh đó, cần khai thác hiệu quả các FTA thế hệ mới như EVFTA, RCEP, CPTPP để mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản, nhất là tại các thị trường có tính bổ sung với Việt Nam như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, EU, Trung Đông và ASEAN. Thông qua đó, từng bước xây dựng hình ảnh Việt Nam là quốc gia sản xuất, cung ứng lương thực, thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững; khẳng định cam kết của Việt Nam đối với an ninh lương thực thế giới. Đồng thời, cần thúc đẩy hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số nông nghiệp, thu hút nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp công nghệ số và các tập đoàn hàng đầu tham gia PTNN số ở Việt Nam.

Sáu là, hoàn thiện cơ chế, chính sách đủ mạnh và đồng bộ nhằm khắc phục những hạn chế, tiêu cực bảo đảm phát triển nông nghiệp thiết thực, hiệu quả, bền vững theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, PTNN không chỉ nhằm tăng sản lượng lương thực, thực phẩm, mà sâu xa hơn là nâng cao đời sống nông dân, củng cố nông thôn, phát huy vai trò chủ thể của người lao động, tổ chức

sản xuất hợp lý, tiết kiệm tài nguyên, chống lãng phí và từng bước đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn, hiện đại. Do đó, vận dụng tư tưởng của Người trong thời gian tới đòi hỏi phải có hệ thống cơ chế, chính sách đủ mạnh, đồng bộ và khả thi để khắc phục những hạn chế, tiêu cực đang cản trở quá trình PTNN hiện nay.

Trước hết, cần phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, trẻ hóa lực lượng lao động và thu hút lao động có trình độ trở về nông thôn. Nội dung đào tạo phải gắn với yêu cầu mới của sản xuất nông nghiệp hiện đại như kỹ năng số, quản trị sản xuất, quản trị HTX, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu nông sản, nhất là đối với nông dân trẻ. Đồng thời, cần khuyến khích thanh niên, trí thức trẻ, kỹ sư nông nghiệp, doanh nhân và lao động có tay nghề khởi nghiệp, lập nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn, qua đó từng bước hạn chế tình trạng già hóa lao động, dịch chuyển lao động khỏi nông thôn và suy giảm nguồn lực PTNN ở cơ sở. Thúc đẩy tích tụ, tập trung ruộng đất phù hợp, phát triển HTX kiểu mới, kinh tế trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp và các hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Đây là hướng quan trọng để khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, đất nông nghiệp bị bỏ hoang hoặc sử dụng kém hiệu quả. Việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất, cho thuê đất, liên kết sản xuất hoặc tham gia HTX phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nông dân. Tổ chức lại sản xuất phải làm cho nông dân thấy rõ lợi ích thiết thực, từ đó tham gia một cách tự giác, ổn định và bền vững.

Chú trọng quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường trong PTNN theo hướng xanh, hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái. Cần kiểm soát nghiêm việc sử dụng đất, nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng, chất cấm trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; xử lý kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường, suy thoái đất, ô nhiễm nguồn nước và mất cân bằng sinh thái. Đồng thời, khuyến khích tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, phát triển năng lượng sinh khối, phân bón hữu cơ và các mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp; hỗ trợ nông dân chuyển từ phương thức sản xuất tiêu hao nhiều tài nguyên sang sản xuất tiết kiệm, an toàn, thân thiện với môi trường, bảo đảm lợi ích lâu dài của Nhân dân.

Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án PTNN. Phải khắc phục tình trạng chính sách thiếu tính khả thi, đầu tư dàn trải, chạy theo phong trào, ứng dụng công nghệ không phù hợp với điều

kiện địa phương, gây lãng phí nguồn lực. Việc phân bổ, sử dụng vốn hỗ trợ nông nghiệp cần công khai, minh bạch, gắn với trách nhiệm giải trình của cơ quan quản lý, chính quyền địa phương và người đứng đầu. Đồng thời, phát huy vai trò giám sát của MTTQ, Hội Nông dân, HTX, cộng đồng dân cư và chính người nông dân; kịp thời phát hiện, xử lý các biểu hiện tiêu cực như lợi dụng chính sách hỗ trợ, gian lận truy xuất nguồn gốc, sản xuất nông sản kém chất lượng, làm giả thương hiệu, ép giá nông dân, phá vỡ hợp đồng liên kết hoặc gây ô nhiễm môi trường.

4.3.3. Đổi mới nội dung phát triển nông nghiệp theo hướng vừa bảo đảm về cơ cấu, vừa đồng bộ, toàn diện, đem lại hiệu quả bền vững

Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung PTNN trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi sự đổi mới tư duy, cách tiếp cận và hành động một cách đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, từ các nhà quản lý, nhà khoa học đến người nông dân. Để thực hiện giải pháp này cần tập trung một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả, giá trị gia tăng và khả năng phát triển bền vững trong điều kiện mới. Nội dung này không chỉ là điều chỉnh tỷ trọng giữa trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, mà còn là quá trình tổ chức lại sản xuất theo hướng hiện đại, gắn với KHCN, thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trọng tâm là chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ, phân tán sang sản xuất hàng hóa quy mô lớn, phát triển theo chuỗi giá trị, có sự liên kết giữa nông dân, HTX, doanh nghiệp, nhà khoa học và Nhà nước. Đồng thời, cần chuyển đổi cơ cấu đất đai, lao động, giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế từng vùng; PTNN sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, mà còn góp phần cải thiện đời sống nông dân, xây dựng NTM và thúc đẩy PTNN bền vững trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước.

Hai là, đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp. Công nghiệp hóa nông nghiệp là hướng đi tất yếu để hiện đại hóa sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản trong điều kiện hội nhập. Quá trình này không chỉ dừng ở việc đưa máy móc, thiết bị vào sản xuất, mà còn bao gồm ứng dụng KHCN vào giống, nuôi trồng, thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, cần tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung, chuyên môn hóa, gắn nông dân, HTX, doanh nghiệp với thị trường và chuỗi cung ứng. Phát triển công nghiệp chế

biển, công nghiệp phụ trợ, logistics, hệ thống thông tin thị trường là điều kiện quan trọng để nâng cao giá trị gia tăng, giảm phụ thuộc vào xuất khẩu thô và tăng sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam. Bên cạnh đó, cần quy hoạch phát triển công nghiệp ở nông thôn phù hợp với điều kiện từng địa phương; ưu tiên hạ tầng giao thông, điện, nước, viễn thông, internet; phát triển cụm công nghiệp, làng nghề, dịch vụ hỗ trợ sản xuất, thương mại điện tử, tài chính, ngân hàng và các ngành dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Qua đó, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế nông thôn hợp lý, gắn PTNN với công nghiệp, dịch vụ và đổi mới sáng tạo.

Ba là, phát triển nông nghiệp gắn với dịch vụ, du lịch. Phát triển nông nghiệp kết hợp với dịch vụ, du lịch là hướng phát triển có nhiều tiềm năng, giúp đa dạng hóa sinh kế, nâng cao giá trị nông sản và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Thay vì chỉ tập trung vào sản xuất thuần túy, cần khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa, cảnh quan, làng nghề, sản phẩm đặc trưng vùng miền để phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch nông nghiệp. Sự kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp với dịch vụ, du lịch không chỉ tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân, mà còn góp phần bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương và xây dựng hình ảnh nông thôn hiện đại, hấp dẫn. Để mô hình này phát huy hiệu quả, cần đầu tư hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường năng lực quản lý và liên kết giữa các chủ thể. Đây là hướng phát triển thiết thực nhằm xây dựng kinh tế nông thôn toàn diện, hài hòa giữa sản xuất, dịch vụ và bảo tồn, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu.

Bốn là, phát triển nông nghiệp bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong điều kiện biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, PTNN bền vững và thích ứng không chỉ là yêu cầu trước mắt, mà còn là định hướng lâu dài của ngành nông nghiệp Việt Nam. Điều này đòi hỏi phải chuyển từ phương thức canh tác truyền thống sang các mô hình sản xuất thông minh, tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn. Đồng thời, cần ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; nghiên cứu, phát triển giống cây trồng, vật nuôi có khả năng chống chịu tốt với điều kiện thời tiết cực đoan; xây dựng mô hình sản xuất phù hợp với từng vùng sinh thái. Cùng với đó, phải chú trọng bảo vệ và tái tạo tài nguyên đất, nước, rừng, giảm phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp. Khuyến khích các

biện pháp canh tác xanh, an toàn, tiết kiệm sẽ góp phần xây dựng nền nông nghiệp bền vững, bảo đảm an ninh lương thực và sinh kế lâu dài cho người dân.

Năm là, phát triển thị trường và xúc tiến thương mại. Để nâng cao giá trị nông sản và mở rộng cơ hội cho người nông dân, việc phát triển thị trường và xúc tiến thương mại giữ vai trò rất quan trọng. Điều này bao gồm việc đa dạng hóa các kênh tiêu thụ, từ thị trường truyền thống đến các kênh hiện đại như siêu thị, cửa hàng tiện lợi và đặc biệt là thương mại điện tử. Đồng thời, cần tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm nông sản Việt Nam trên cả thị trường trong nước và quốc tế thông qua các hội chợ, triển lãm, diễn đàn kết nối giao thương. Xây dựng thương hiệu nông sản quốc gia và địa phương, chú trọng đến chất lượng, nguồn gốc và câu chuyện sản phẩm, sẽ giúp nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh.

Sáu là, phát triển nông nghiệp gắn với nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông nghiệp. Để thực sự tạo bước đột phá trong PTNN, việc nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng không chỉ đơn thuần là một giải pháp kỹ thuật, mà còn là một chiến lược kinh tế toàn diện. Trước hết, cần thay đổi tư duy sản xuất từ chú trọng số lượng sang tư duy về giá trị và hiệu quả kinh tế. Điều này đòi hỏi sự chuyển đổi sâu sắc trong nhận thức và hành động, từ việc chú trọng nghiên cứu và chuyển giao các giải pháp công nghệ mang tính đột phá, tạo ra những giống cây trồng, vật nuôi có năng suất vượt trội và khả năng thích ứng cao, đến việc xây dựng một hệ sinh thái nông nghiệp chất lượng, nơi các quy trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và thân thiện với môi trường. Hơn thế nữa, việc liên kết chặt chẽ giữa sản xuất với chế biến và thị trường thông qua các chuỗi giá trị bền vững, đầu tư vào công nghệ chế biến hiện đại, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có hàm lượng tri thức và giá trị gia tăng cao, cùng với việc xây dựng thương hiệu nông sản quốc gia và địa phương mạnh mẽ, sẽ là chìa khóa để nông nghiệp Việt Nam vươn lên một tầm cao mới, mang lại lợi ích thiết thực và bền vững cho người nông dân và toàn bộ nền kinh tế.

4.3.4. Xây dựng Hội Nông dân vững mạnh, phát huy vai trò nòng cốt trong phát triển nông nghiệp

Xây dựng Hội Nông dân vững mạnh có ý nghĩa quan trọng trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Nếu nông dân là lực lượng trực tiếp sản xuất, sáng tạo và thụ hưởng thành quả PTNN, thì Hội Nông dân là tổ chức CT-XH đại diện,

tập hợp, vận động, hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân. Thông qua hoạt động của Hội, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn được truyền tải đến cơ sở; đồng thời tâm tư, nguyện vọng, khó khăn, kiến nghị của nông dân được phản ánh với cấp ủy, chính quyền và các cơ quan chức năng. Vì vậy, xây dựng Hội Nông dân vững mạnh, hoạt động thực chất, gần dân, sát cơ sở là điều kiện quan trọng để phát huy sức mạnh của nông dân, thúc đẩy PTNN hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Trước hết, cần tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, sự phối hợp của chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị đối với hoạt động của Hội Nông dân. Cấp ủy các cấp cần quan tâm lãnh đạo, định hướng để Hội Nông dân thực hiện tốt chức năng đại diện, vận động, tập hợp, đoàn kết, hỗ trợ hội viên; gắn hoạt động của Hội với nhiệm vụ phát triển KT-XH, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng NTM và nâng cao đời sống nông dân. Chính quyền các cấp cần tạo điều kiện về cơ chế, nguồn lực, thông tin, chương trình phối hợp để Hội tham gia thực chất vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện, giám sát và phản biện các chính sách liên quan trực tiếp đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sự lãnh đạo, phối hợp này phải hướng tới làm cho Hội Nông dân thực sự trở thành cầu nối tin cậy giữa Đảng, Nhà nước với nông dân, chứ không chỉ là tổ chức triển khai phong trào mang tính hình thức.

Hai là, củng cố, kiện toàn tổ chức Hội Nông dân các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, sát cơ sở. Tổ chức Hội cần được xây dựng vững mạnh từ cơ sở, nhất là ở chi hội, tổ hội, nơi trực tiếp tiếp xúc, vận động và hỗ trợ hội viên. Cần rà soát, đổi mới mô hình tổ chức, phương thức tập hợp hội viên phù hợp với sự chuyển dịch của cơ cấu lao động nông thôn, sự phát triển của kinh tế nông nghiệp, kinh tế hợp tác, kinh tế số và các hình thức liên kết sản xuất mới. Việc xây dựng tổ chức Hội phải khắc phục tình trạng hành chính hóa, hình thức hóa, nặng về phong trào bề nổi; chuyển mạnh sang phương thức hoạt động dựa trên nhu cầu thực tế của hội viên, lấy hiệu quả hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, tham gia thị trường và cải thiện đời sống làm thước đo chất lượng hoạt động.

Ba là, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội Nông dân theo hướng thiết thực, chuyên nghiệp và hướng mạnh về cơ sở. Hoạt động của Hội cần tập trung vào những vấn đề nông dân đang cần và đang thiếu, như thông tin thị trường, chuyển giao KHCN, hỗ trợ vốn, đào tạo nghề, tư vấn pháp luật, xây dựng thương hiệu nông

sản, truy xuất nguồn gốc, tiêu thụ sản phẩm, liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ, phát triển tổ hợp tác, HTX và tham gia chuỗi giá trị. Hội cần đa dạng hóa phương thức vận động, hỗ trợ thông qua mô hình tổ hội nghề nghiệp, chi hội nghề nghiệp, câu lạc bộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, diễn đàn đối thoại, tư vấn trực tiếp, kết nối với doanh nghiệp, nhà khoa học, ngân hàng, HTX và các tổ chức hỗ trợ phát triển. Qua đó, Hội Nông dân không chỉ dừng lại ở tuyên truyền, vận động, mà còn trở thành lực lượng trực tiếp hỗ trợ nông dân nâng cao năng lực sản xuất, tiếp cận nguồn lực và tham gia hiệu quả hơn vào quá trình PTNN.

Bốn là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội Nông dân các cấp, nhất là cán bộ Hội ở cơ sở. Cán bộ Hội phải là người có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, gần dân, hiểu dân, trọng dân, có năng lực vận động quần chúng, có kiến thức về kinh tế nông nghiệp, kinh tế hợp tác, chuyển đổi số, thị trường, pháp luật và kỹ năng kết nối nguồn lực. Cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Hội về lý luận chính trị, nghiệp vụ công tác Hội, kỹ năng tư vấn, phản biện, tổ chức phong trào, vận động hội viên, hỗ trợ khởi nghiệp nông nghiệp, hướng dẫn xây dựng mô hình sản xuất và tham gia giám sát chính sách. Đồng thời, cần có cơ chế đánh giá, sàng lọc, bố trí, sử dụng cán bộ phù hợp với năng lực, trách nhiệm và hiệu quả công việc; kịp thời biểu dương, nhân rộng những cán bộ Hội năng động, sáng tạo, sâu sát cơ sở, có uy tín trong hội viên và nông dân.

Năm là, phát huy vai trò của Hội Nông dân trong giám sát, phản biện xã hội và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, nông dân. Trong quá trình PTNN, nông dân chịu tác động trực tiếp của nhiều chính sách về đất đai, tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp, KHCN, thị trường, môi trường, xây dựng NTM và chuyển đổi sinh kế. Vì vậy, Hội Nông dân cần chủ động nắm bắt tình hình cơ sở, lắng nghe ý kiến hội viên, kịp thời phản ánh với cấp ủy, chính quyền những khó khăn, bất cập trong thực hiện chính sách. Đồng thời, Hội cần tham gia giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên; góp phần hạn chế tình trạng nông dân bị động, yếu thế trong tiếp cận thông tin, thị trường, vốn, đất đai và các nguồn lực phát triển.

Sáu là, tăng cường vai trò kết nối của Hội Nông dân trong xây dựng các mô hình liên kết phát triển nông nghiệp. Trong điều kiện sản xuất nông nghiệp ngày càng gắn với thị trường, tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ và chuỗi giá trị, Hội

Nông dân cần trở thành đầu mối kết nối nông dân với HTX, doanh nghiệp, nhà khoa học, ngân hàng, cơ quan quản lý và các tổ chức hỗ trợ. Hội cần tích cực tham gia xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ hợp tác, HTX kiểu mới, chi hội nghề nghiệp, tổ hội nghề nghiệp, mô hình sản xuất an toàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Thông qua vai trò kết nối này, Hội góp phần thúc đẩy chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sang sản xuất có tổ chức, có liên kết, có tiêu chuẩn, có thương hiệu và có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Bây là, xây dựng phong trào nông dân thi đua phát triển sản xuất, kinh doanh giỏi gắn với phát triển nông nghiệp bền vững và xây dựng nông thôn mới. Hội Nông dân cần tiếp tục đổi mới các phong trào thi đua theo hướng thực chất, lấy hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, bảo vệ môi trường, khả năng lan tỏa và sự tham gia của hội viên làm tiêu chí đánh giá. Các phong trào cần gắn với yêu cầu PTNN hiện đại, sinh thái, tuần hoàn, thông minh; xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; giảm nghèo bền vững; bảo vệ môi trường; giữ gìn bản sắc văn hóa nông thôn; xây dựng đời sống văn minh ở cơ sở. Qua các phong trào đó, Hội Nông dân vừa tập hợp, vận động hội viên, vừa phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng những điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong PTNN.

Tám là, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Hội Nông dân với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo. PTNN là quá trình liên ngành, liên chủ thể, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp, HTX, nông dân và các tổ chức CT-XH. Trong đó, Hội Nông dân cần phát huy vai trò là tổ chức đại diện, tập hợp và kết nối nông dân, chủ động ký kết chương trình phối hợp, xây dựng mô hình liên kết, tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ hội viên tiếp cận vốn, thị trường, công nghệ và dịch vụ công. Sự phối hợp này phải được cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch, nguồn lực, sản phẩm và cơ chế kiểm tra, đánh giá rõ ràng; tránh dừng lại ở ký kết hình thức mà thiếu kết quả thực chất.

4.3.5. Đổi mới mô hình và nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp

Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn coi HTX là hình thức tổ chức quan trọng để tập hợp, liên kết nông dân và phát triển sản xuất nông nghiệp. Vận dụng tư tưởng của

Người trong điều kiện hiện nay, nhất là trước yêu cầu phát triển nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, hiện đại và bền vững, cần tiếp tục đổi mới mô hình, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp. Đây là giải pháp thiết thực nhằm tổ chức lại sản xuất, nâng cao năng suất, thu nhập cho nông dân, tăng khả năng liên kết chuỗi giá trị và thúc đẩy PTNN theo hướng hiện đại, bền vững.

Một là, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới. HTX kiểu mới phải khác về bản chất so với mô hình cũ, hoạt động trên cơ sở tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi. HTX không phải là hình thức tập thể hóa máy móc, mà là tổ chức kinh tế hợp tác nhằm phục vụ lợi ích thiết thực của thành viên thông qua cung ứng vật tư, dịch vụ, kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm, tạo việc làm và nâng cao thu nhập. Vì vậy, cần khơi dậy quyền làm chủ thực chất của xã viên, phát huy nội lực từ vốn góp, kinh nghiệm, tri thức và trách nhiệm của từng thành viên; đồng thời thu hút thêm thành viên mới, mở rộng quy mô hoạt động, liên kết hoặc hợp nhất các HTX cùng ngành nghề, cùng địa bàn để tăng năng lực tài chính, quản trị và cạnh tranh. Những HTX hoạt động hình thức, trì trệ, kém hiệu quả cần được rà soát, củng cố, chuyển đổi hoặc giải thể phù hợp để bảo đảm sự lành mạnh của khu vực kinh tế hợp tác. Phát triển đa dạng mô hình HTX phù hợp với điều kiện tự nhiên, KT-XH, văn hóa và lợi thế sản xuất của từng địa phương. Chú trọng xây dựng HTX ứng dụng KH-CN trong sản xuất, chế biến, bảo quản, phân phối sản phẩm và quản lý thông tin; tăng cường liên doanh, liên kết với doanh nghiệp, nhà phân phối, chuỗi cung ứng và thị trường xuất khẩu để mở rộng đầu ra cho nông sản. HTX chỉ phát triển bền vững khi thực sự đem lại lợi ích rõ ràng cho thành viên, giúp nông dân giảm chi phí, nâng chất lượng sản phẩm, ổn định thị trường và nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị nông nghiệp.

Hai là, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm của hợp tác xã. Mỗi HTX nông nghiệp cần xác định cho mình một sản phẩm chủ lực, từng bước xây dựng thương hiệu cho mình. Mỗi HTX là kiểu mẫu về thực hiện chương trình OCOP nhằm phát huy nội lực của các địa phương gắn với đơn vị làng, xã để tập trung phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn có giá trị gia tăng cao và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, kiến tạo, ban hành khung pháp lý và chính sách để thúc đẩy phát triển trực sản phẩm đặc sản địa phương, các vùng sản xuất hàng hóa, dịch vụ; quản lý và giám sát tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm;

hỗ trợ đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, ứng dụng KHCN; cho vay ưu đãi, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm. Các HTX muốn “ra biển lớn” thì phải bảo đảm các tiêu chuẩn quốc tế, yếu tố quyết định là ở khâu chế biến, nhất là sản xuất chế biến lớn với vùng nguyên liệu ổn định, phương thức tổ chức sản xuất khoa học, hợp lý. Vì vậy, mỗi HTX cần tập trung vào một hoặc vài sản phẩm chủ lực, sản xuất với quy mô lớn, tạo ra nguồn nguyên liệu ổn định mới có thể tăng sức cạnh tranh, đem lại nguồn lợi cho chính HTX và cho đất nước.

Ba là, đầu tư phát triển chuỗi logistic trong hợp tác xã. Đây là yếu tố quan trọng để bảo đảm sự kết nối liên mạch giữa các khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Đầu tư vào chuỗi logistic giúp HTX nông nghiệp tối ưu hóa quá trình vận chuyển, giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường khả năng cạnh tranh. Để phát triển chuỗi logistic trong HTX cần tập trung vào một số vấn đề như: xác định rõ nhu cầu hoạch định chiến lược phát triển logistics chi tiết, bảo đảm yếu tố dài hạn, bền vững; quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đặc biệt xây dựng các trung tâm logistics, trung tâm đầu mối nông nghiệp và cả trung tâm thu gom nông sản; ứng dụng công nghệ trong quản lý, liên kết hợp tác và đặc biệt là quản lý chất lượng trong chuỗi logistic. Để HTX hoạt động hiệu quả, mỗi thành viên HTX phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất được đề ra, phải làm tốt việc kiểm tra chất lượng sản phẩm thông qua những máy móc, thiết bị hiện đại, chú trọng khâu phân loại, đóng gói sản phẩm,... bảo đảm đầu ra của sản phẩm đều đạt các tiêu chí về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Kiểm soát khâu truy xuất nguồn gốc đầu vào, phải rõ xuất xứ, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm. Sản phẩm của HTX trong mỗi cửa hàng, gian hàng đều phải ghi đầy đủ thông tin của người sản xuất để thuận tiện cho việc truy xuất nguồn gốc của sản phẩm. HTX có thể liên kết, phối hợp làm tất cả các khâu từ vận chuyển, lựa chọn, đóng gói sản phẩm đến tiêu thụ, thanh toán sau bán hàng và thậm chí là phối hợp nhằm điều chỉnh cung, cầu để ổn định giá cả. HTX nên thực hiện dịch vụ thuê hoặc tự mình xây dựng các kho lạnh nhằm bảo quản nông sản để tiêu thụ trong những thời điểm có giá phù hợp nhất, tránh tình trạng được mùa mất giá, được giá mất mùa. HTX phải là cầu nối giữa người sản xuất và người tiêu dùng nhằm mục tiêu đưa nông sản từ người sản xuất đến người tiêu dùng với chất lượng, giá cả và thời gian nhanh nhất. HTX còn đóng vai trò điều chỉnh giá cả theo mùa, tránh tình trạng qua nhiều khâu trung gian dẫn đến việc ép giá.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới năng động, sáng tạo, có đạo đức và năng lực. Cán bộ là “gốc” của mọi công việc. Vì thế, xây dựng đội ngũ cán bộ HTX là khâu then chốt để đưa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về HTX đi vào thực tiễn, là yếu tố quan trọng để bảo đảm phát triển bền vững và hiệu quả của HTX. Cán bộ lãnh đạo HTX nông nghiệp cần là những người có kiến thức và kinh nghiệm về nông nghiệp, có khả năng tạo động lực và xây dựng văn hóa hợp tác để thúc đẩy tinh thần làm việc của các thành viên HTX, đặc biệt là phải có tinh thần trách nhiệm cao, khả năng thích ứng, sáng tạo, đổi mới và hợp tác. Để đạt được những tiêu chí trên cần tuyển chọn cán bộ HTX có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm, có phẩm chất cá nhân phù hợp, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, tổ chức, điều hành cho đội ngũ cán bộ HTX nông nghiệp; bố trí sử dụng cán bộ dựa trên năng lực, sở trường để tối ưu hóa hiệu quả quản lý và bảo đảm tính kế thừa; kịp thời có những chính sách đãi ngộ về lương, thưởng, về điều kiện làm việc và các chính sách khuyến khích sự sáng tạo đổi mới đặc biệt đối với đội ngũ cán bộ có trình độ cao, các kỹ sư, nhà khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp cho các HTX, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo...

Năm là, phát huy vai trò làm chủ của các thành viên hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới. Thành viên HTX là nền tảng quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của HTX, bởi họ vừa là người góp vốn, tài sản, công sức, vừa trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và quảng bá thương hiệu. Vì vậy, mỗi thành viên cần nâng cao tinh thần làm chủ, chủ động tham gia các hoạt động của HTX, tích cực đề xuất sáng kiến, cải tiến phương thức sản xuất, quản lý và tiêu thụ sản phẩm. Để phát huy vai trò của thành viên, hoạt động của HTX phải bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, đoàn kết và đồng thuận. Mỗi thành viên phải được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra và được hưởng lợi tương xứng với mức độ đóng góp. Đội ngũ cán bộ quản lý HTX cần là những người tiêu biểu về phẩm chất, năng lực, có uy tín, được thành viên tin nhiệm bầu ra, thực sự giữ vai trò hạt nhân trong tổ chức và điều hành HTX. Cùng với đó, cần khuyến khích mở rộng, đa dạng hóa thành viên theo nhu cầu, khả năng đóng góp và mức độ tham gia. Trong HTX, mỗi thành viên là một đơn vị kinh tế tự chủ, có đầy đủ quyền lợi, nghĩa vụ và trách

nhiệm theo pháp luật, điều lệ HTX; đồng thời phải phát huy tính năng động, sáng tạo và vai trò làm chủ để góp phần xây dựng HTX ngày càng hiệu quả, bền vững.

4.3.6. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Hiện nay, mặc dù nền nông nghiệp nước ta đã có những bước tiến bộ vượt bậc, tuy nhiên nhìn chung vẫn còn thua kém các nước có nền nông nghiệp tiên tiến trên thế giới. Để rút ngắn khoảng cách về trình độ PTNN với các nước và đáp ứng mục tiêu đưa nông nghiệp nước ta theo hướng hiện đại thì việc tăng cường ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhất là chuyển đổi số là vấn đề có ý nghĩa then chốt mang tính quyết định. Để thực hiện giải pháp này đòi hỏi phải tiến hành một số biện pháp sau:

Một là, tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực tiếp cận, khai thác, ứng dụng công nghệ số phục vụ sản xuất nông nghiệp hiện đại. Cần biên soạn và phổ biến nội dung kiến thức chuyển đổi số, cách thức khai thác dịch vụ số an toàn, hiệu quả trên không gian mạng đưa vào chương trình học ở các cấp học, bậc học sao cho phù hợp với đối tượng đào tạo. Đồng thời, tích cực triển khai công tác đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, khai thác dịch vụ số cho người dân, nhất là nông dân, chủ trang trại, các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Qua đó, giúp cho người sản xuất nâng cao trình độ, nâng cao kỹ năng quảng bá giới thiệu sản phẩm, kỹ năng livestream bán hàng, tạo điều kiện để người nông dân tiếp cận trực tiếp với khách hàng, hiểu và nắm rõ nhu cầu, thị hiếu, xu hướng tiêu dùng của thị trường để tổ chức sản xuất hiệu quả và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường, khắc phục tình trạng “phát triển theo phong trào, thiếu tính định hướng”. Bên cạnh đó, cần kêu gọi sự ủng hộ vào cuộc mạnh mẽ của các doanh nghiệp công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn; phổ biến, chuyển giao một số nền tảng chuyển đổi số quan trọng, nhất là ứng dụng công nghệ số vào chăm sóc, truy xuất nguồn gốc, kết nối cung - cầu giữa người dân và doanh nghiệp. Ngoài ra, cần có sự quan tâm đầu tư và ủng hộ mạnh mẽ của Nhà nước, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh ngoài lĩnh vực nông nghiệp và Nhân dân cả nước thì mới bảo đảm chất lượng và hiệu quả cao.

Hai là, triển khai ứng dụng các công nghệ hiện đại trong phát triển nông nghiệp. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu việc ứng dụng các công nghệ hiện đại là vấn đề “sống còn” của ngành nông nghiệp nước ta. Theo đó, Chính phủ cũng như các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục nghiên cứu, triển khai áp dụng công nghệ hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ 4.0 như: Ứng dụng tưới tiêu trên Smartphone, điện toán đám mây, máy bay không người lái, các loại cảm ứng, cảm biến trên các loại cây trồng, vật nuôi, công nghệ nhà kính, công nghệ đèn LED, các ứng dụng công nghệ sinh học. Trong đó, chú trọng công nghệ học máy và phân tích trong nông nghiệp. Đây không chỉ là công nghệ, mà còn là chìa khóa để mở ra một tương lai nông nghiệp thông minh. Bằng cách tận dụng sức mạnh của dữ liệu, công nghệ này giúp nông dân đưa ra các quyết định dựa trên bằng chứng, nâng cao hiệu quả sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ba là, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp. Trước hết, cần xây dựng và phổ cập hệ thống dữ liệu số ngành nông nghiệp. Đây là nội dung quan trọng nhất, nền tảng, là gốc trong chuyển đổi số nông nghiệp. Thực chất đây là quá trình xây dựng dữ liệu nông nghiệp trên nền tảng không gian số, còn gọi là tài nguyên số. Thực hiện đúng quan điểm của Chính phủ: “Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số” [36, tr.4]. Theo đó, Chính phủ, các bộ ngành có liên quan phải sớm xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp một cách đồng bộ và toàn diện. Trong đó, bao gồm các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đề án, chương trình, kế hoạch của Chính phủ và các bộ ngành có liên quan, nhất là Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Xây dựng và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu của ngành, bản đồ số nông nghiệp trên nền tảng dữ liệu lớn đồng bộ để kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở; xây dựng phần mềm quản lý, giám sát, đánh giá, phân loại sản phẩm nông nghiệp, nhất là sản phẩm đặc trưng của từng địa phương; khẩn trương xây dựng cơ sở dữ liệu đất nông nghiệp quốc gia. Triển khai cho người dân, doanh nghiệp số hóa các quy trình sản xuất, các sản phẩm

nông nghiệp tiến tới tích hợp, minh bạch sản phẩm bằng hệ thống quét mã QR. Cùng với đó, cần xây dựng hệ thống dữ liệu phân tích, đánh giá thị trường, tác động của môi trường, thời tiết, khí hậu, làm cơ sở cho người dân và doanh nghiệp nghiên cứu, tham khảo để xác định việc sản xuất, kinh doanh đạt năng suất, chất lượng và mang lại giá trị cao. Ngoài ra, cần phải thường xuyên cập nhật các quy định của quốc tế, thành tựu KHCN trong lĩnh vực nông nghiệp trên thế giới lên hệ thống cơ sở dữ liệu.

Đẩy mạnh xây dựng hạ tầng số trong lĩnh vực nông nghiệp. Đối với chuyển đổi số nói chung, chuyển đổi số trong nông nghiệp nói riêng việc xây dựng hạ tầng số là tất yếu. Bởi hạ tầng số là cơ sở để kết nối không gian thực với không gian số trên nền tảng công nghệ. Do đó, để chuyển đổi số trong nông nghiệp cần phải triển khai xây dựng hạ tầng số đồng bộ, hoàn chỉnh, hiện đại. Phải bảo đảm phủ rộng khắp hệ thống mạng viễn thông, cáp quang ở tất cả các khu vực sản xuất nông nghiệp đều có thể kết nối mạng Internet thông suốt; phải bảo đảm các thiết bị, công nghệ điện tử như: Hệ thống máy chủ, máy nguồn, máy tính điện tử đến cấp cơ sở, ít nhất là đến xã, phường, đặc khu. Đồng thời, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ nông nghiệp có trình độ, có khả năng trong chuyển đổi số. Tiếp tục quán triệt và thực hiện quan điểm của Chính phủ: “Lựa chọn, đào tạo, tập huấn đội ngũ tối thiểu 1000 chuyên gia về chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, địa phương. Các chuyên gia này tiếp tục đào tạo lại cho cán bộ liên quan ở cơ quan, tổ chức mình và trở thành lực lượng nòng cốt để dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số quốc gia” [36, tr.4]. Trong đó, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ làm việc ở các cơ quan phụ trách nông nghiệp, các HTX ở địa phương. Ngoài ra, cần xây dựng phương thức quản trị số cho ngành nông nghiệp. Số hóa quy trình quản lý: việc tăng cường kết nối giữa các thành viên trong hệ thống nông nghiệp thông qua số hóa là yếu tố quan trọng để xây dựng một chuỗi cung ứng mạnh mẽ. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường và xây dựng lòng tin với người tiêu dùng. Số hóa quy trình hành chính - nhân sự: góp phần xây dựng một môi trường làm việc hiện đại, dựa trên nền tảng dữ liệu. Việc áp dụng các giải pháp quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) giúp tối ưu hóa quy trình, tăng cường khả năng kiểm soát và quản lý rủi ro.

Bốn là, hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ số gắn với bồi dưỡng năng lực làm chủ công nghệ hiện đại cho nông dân. Đảng, Nhà nước cần quan tâm lãnh đạo,

chỉ đạo chặt chẽ, hiệu quả, đầu tư thích đáng cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ số hiện đại để tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ số trong PTNN. Đồng thời, phát huy vai trò của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông (cơ quan đồng chủ quản) phối hợp với các bộ, ban, ngành, địa phương phát triển hạ tầng và kết nối mạng internet bằng thông rộng chất lượng cao (hạ tầng mạng di động 4G, 5G, hạ tầng kết nối IoT) đến tận các xã, thôn, bản, nhất là địa bàn vùng sâu, vùng xa, nơi đặc biệt khó khăn. Chú trọng nâng cao chất lượng, bảo đảm giá thành dịch vụ viễn thông cho người dân. Quan tâm bồi dưỡng nâng cao kiến thức, năng lực và hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân, nhất là nông dân tiếp cận công nghệ hiện đại, dịch vụ viễn thông chất lượng cao. Đặc biệt, hỗ trợ người nông dân sử dụng thành thạo các thiết bị công nghệ thông tin, cung cấp mạng internet không dây miễn phí tại trung tâm các xã, phường, đặc khu, các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, điểm du lịch nông thôn. Chủ động và tiến tới phổ cập hạ tầng số theo hướng mỗi hộ nông dân một điện thoại thông minh, một đường cáp quang phổ cập định danh số cho nông dân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm tốt an toàn và an ninh mạng ở nông thôn. Kết hợp chặt chẽ giữa việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ số và bồi dưỡng năng lực làm chủ công nghệ hiện đại cho nông dân với thực hiện thắng lợi mục tiêu Chương trình quốc gia về xây dựng NTM.

Năm là, xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp số, thông minh, tuần hoàn, lấy người nông dân làm trung tâm theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới, việc ứng dụng KHCN vào PTNN không chỉ dừng lại ở trang bị máy móc, thiết bị hay số hóa từng khâu sản xuất riêng lẻ, mà phải hướng tới xây dựng một hệ sinh thái nông nghiệp số, thông minh, liên kết chặt chẽ giữa Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp, HTX và nông dân. Đây cũng là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò chủ thể của nông dân, coi trọng tổ chức sản xuất, khuyến khích học tập khoa học - kỹ thuật, thực hành tiết kiệm, nâng cao năng suất lao động và cải thiện đời sống nhân dân. Theo đó, cần phát triển các mô hình “hợp tác xã số”, “hộ nông dân số”, “vùng nguyên liệu thông minh”, “cánh đồng số”, “tràng trại tuần hoàn” gắn với truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng, bản đồ số nông nghiệp, thương mại điện tử và chuỗi cung ứng minh bạch. Nhà nước cần giữ vai trò kiến

tạo, hỗ trợ hạ tầng, dữ liệu, thể chế và tài chính; doanh nghiệp công nghệ và doanh nghiệp nông nghiệp giữ vai trò dẫn dắt thị trường, chuyển giao giải pháp; HTX làm đầu mối tổ chức nông dân tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị; còn nông dân phải được đào tạo, hỗ trợ để trở thành chủ thể làm chủ công nghệ, dữ liệu và thị trường. Cùng với đó, cần ưu tiên phát triển các mô hình nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp các-bon thấp, sử dụng công nghệ số để giảm chi phí đầu vào, tiết kiệm nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giảm phát thải, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp và nâng cao giá trị gia tăng. Đây là hướng đi cụ thể nhằm hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN theo hướng thiết thực, hiệu quả, vì lợi ích của nông dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, sinh thái, bền vững trong kỷ nguyên phát triển mới.

Sáu là, tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển nông nghiệp. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và tác động mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tăng cường hợp tác quốc tế là biện pháp quan trọng nhằm tranh thủ nguồn lực, tri thức, kinh nghiệm quản lý, KHCN và thị trường để thúc đẩy PTNN Việt Nam theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về học hỏi cái hay, cái tiến bộ của nhân loại trên tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, hợp tác quốc tế trong PTNN phải được thực hiện có chọn lọc, thiết thực, phù hợp với điều kiện của đất nước, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích chính đáng của nông dân.

Theo đó, cần mở rộng hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp tiên tiến trong những lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam còn thiếu và yếu như: công nghệ giống, công nghệ sinh học, nông nghiệp thông minh, chuyển đổi số, cơ giới hóa, chế biến sâu, bảo quản sau thu hoạch, logistics, quản trị chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc, thích ứng biến đổi khí hậu, nông nghiệp xanh và tuần hoàn. Việc lựa chọn đối tác cần có trọng tâm, ưu tiên các chủ thể có năng lực khoa KHCN, thị trường ổn định, kinh nghiệm quản lý hiện đại và thiện chí hợp tác lâu dài với Việt Nam. Bên cạnh đó, cần tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp chất lượng cao; cử cán bộ quản lý, chuyên gia, kỹ sư, cán bộ HTX và nông dân trẻ tham gia đào tạo, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài; đồng thời mời chuyên gia quốc tế hỗ trợ chuyển giao công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật và xây dựng mô hình sản xuất phù hợp với từng vùng, địa phương. Hợp tác quốc tế cũng cần gắn với mở rộng thị trường xuất khẩu,

xây dựng thương hiệu nông sản Việt Nam, nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường và trách nhiệm xã hội.

Cùng với vai trò định hướng, kiến tạo và quản lý của Nhà nước, cần phát huy tính chủ động của doanh nghiệp, HTX, hiệp hội ngành hàng và nông dân trong tìm kiếm đối tác, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, tiếp nhận công nghệ mới và thực hiện nghiêm các cam kết quốc tế. Quá trình hợp tác quốc tế phải tránh tư tưởng lệ thuộc, tiếp nhận thụ động hoặc chạy theo dự án hình thức; trái lại, phải hướng tới mục tiêu làm chủ tri thức, làm chủ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam. Đây là cách thiết thực để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong PTNN, đưa nông nghiệp nước ta phát triển nhanh hơn, bền vững hơn và hội nhập sâu hơn trong thời gian tới.

4.3.7. Kiến tạo hệ sinh thái liên kết giá trị trong phát triển nông nghiệp

Một trong những điểm nghẽn lớn của PTNN Việt Nam hiện nay là sản xuất còn phân tán, quy mô nhỏ, liên kết giữa các chủ thể chưa chặt chẽ, giá trị gia tăng của nông sản chưa cao, khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế còn hạn chế. Trong khi đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN luôn nhấn mạnh yêu cầu tổ chức sản xuất, phát huy sức mạnh đoàn kết, hợp tác, tương trợ và chăm lo lợi ích thiết thực của nông dân. Vì vậy, trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần coi kiến tạo hệ sinh thái liên kết giá trị là một giải pháp đột phá nhằm vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào PTNN hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Trước hết, cần chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, từ coi trọng sản lượng sang chú trọng chất lượng, giá trị gia tăng, thương hiệu, thị trường và hiệu quả bền vững. PTNN không thể tiếp tục vận hành theo từng hộ nông dân, từng HTX hay từng địa phương riêng lẻ, mà phải được tổ chức trong một hệ sinh thái liên kết chặt chẽ giữa nông dân, HTX, doanh nghiệp, nhà khoa học, hệ thống phân phối và người tiêu dùng. Trong đó, nông dân là chủ thể sản xuất; HTX là cầu nối tổ chức và hỗ trợ nông dân; doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt thị trường, đầu tư chế biến, bảo quản, logistics và xây dựng thương hiệu; nhà khoa học cung cấp tri thức, công nghệ, giống mới, quy trình sản xuất tiên tiến; còn hệ thống phân phối và người tiêu dùng tạo sức ép tích cực để nông nghiệp phát triển theo hướng minh bạch, an toàn, chất lượng và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường. Cùng với đó, cần thúc đẩy chuyển biến từ tư duy sản xuất dựa chủ yếu vào

kinh nghiệm sang tư duy sản xuất dựa trên dữ liệu, tiêu chuẩn chất lượng và tín hiệu thị trường. Đây là bước chuyển quan trọng để nông nghiệp Việt Nam không chỉ tăng sản lượng, mà còn nâng cao hàm lượng tri thức, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của nông sản trong chuỗi giá trị hiện đại.

Hai là, cần xây dựng chuỗi giá trị nông sản bền vững, khép kín từ sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ đến truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu. Mỗi vùng, mỗi địa phương cần xác định rõ sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP có lợi thế để hình thành vùng nguyên liệu tập trung, đạt chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm và phù hợp với yêu cầu thị trường. Cùng với đó, cần tăng cường chuẩn hóa quy trình sản xuất, áp dụng mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, hệ thống kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc, nhằm nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của nông sản Việt Nam. Trong bối cảnh mới, minh bạch dữ liệu cần được xem là yêu cầu bắt buộc của chuỗi giá trị nông sản; các thông tin về vùng trồng, quy trình canh tác, sử dụng vật tư nông nghiệp, thu hoạch, bảo quản, chế biến và phân phối cần được chuẩn hóa, cập nhật, kiểm chứng và truy xuất rõ ràng. Qua đó, nông sản Việt Nam không chỉ đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế, mà còn củng cố niềm tin của người tiêu dùng, nâng cao uy tín thương hiệu và vị thế cạnh tranh.

Ba là, cần phát triển mạnh hạ tầng hỗ trợ chuỗi giá trị nông nghiệp, nhất là hạ tầng chế biến, bảo quản sau thu hoạch, logistics, kiểm định chất lượng, tiêu chuẩn hóa sản phẩm và kết nối thị trường. Thực tế cho thấy, nhiều nông sản Việt Nam có lợi thế về sản lượng nhưng giá trị gia tăng còn thấp do khâu chế biến sâu, bảo quản, đóng gói, xây dựng thương hiệu và tổ chức tiêu thụ còn hạn chế. Vì vậy, cần ưu tiên phát triển các trung tâm dịch vụ nông nghiệp, kho lạnh, hệ thống sơ chế, chế biến, đóng gói, kiểm nghiệm chất lượng, truy xuất nguồn gốc và phân phối nông sản. Cùng với đó, cần nâng cao năng lực dự báo cung - cầu, tổ chức thông tin thị trường, phát triển hệ thống logistics phù hợp với đặc thù nông sản tươi sống, giảm chi phí vận chuyển, bảo quản và trung gian phân phối. Khi hạ tầng hỗ trợ chuỗi giá trị được hoàn thiện đồng bộ, nông dân, HTX và doanh nghiệp sẽ có điều kiện kết nối hiệu quả hơn, hạn chế thất thoát sau thu hoạch, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bốn là, cần phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp, nhà khoa học, hợp tác xã và hệ thống phân phối trong chuỗi giá trị nông nghiệp. Doanh nghiệp cần tham

gia sâu hơn vào các khâu chế biến, bảo quản, logistics, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và tiêu thụ nông sản, qua đó tạo đầu ra ổn định và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp. Nhà khoa học cần gắn nghiên cứu với nhu cầu thực tiễn sản xuất, chuyển giao giống mới, quy trình canh tác tiên tiến, công nghệ chế biến, bảo quản và các tiêu chuẩn chất lượng phù hợp với thị trường. Hệ thống phân phối cần được tổ chức theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch, kết nối chặt chẽ hơn với vùng nguyên liệu, HTX, doanh nghiệp chế biến và người tiêu dùng.

Năm là, cần thiết lập cơ chế phân phối lợi ích công bằng, hài hòa giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị nông nghiệp, gắn với phòng, chống lãng phí, tiêu cực. Liên kết giá trị chỉ có thể bền vững khi lợi ích của nông dân, HTX, doanh nghiệp, nhà khoa học, hệ thống phân phối và người tiêu dùng được bảo đảm hợp lý, trong đó đặc biệt coi trọng lợi ích chính đáng của nông dân - chủ thể trực tiếp tạo ra sản phẩm. Người nông dân phải được tham gia thực chất vào quá trình liên kết, được tiếp cận thông tin thị trường, được bảo vệ quyền lợi trong hợp đồng và được hưởng phần giá trị tương xứng với công sức, chất lượng sản phẩm và mức độ đóng góp.

Trong bối cảnh dữ liệu trở thành nguồn lực mới của PTNN, cần bảo đảm lợi ích chính đáng của nông dân đối với dữ liệu thực địa do họ tạo ra. Những thông tin về đất đai, mùa vụ, giống, quy trình canh tác, năng suất, chất lượng sản phẩm không chỉ phục vụ quản lý và thị trường, mà còn là tài sản gắn với công sức, kinh nghiệm và tri thức sản xuất của nông dân. Vì vậy, giá trị gia tăng từ khai thác dữ liệu nông nghiệp cần được chia sẻ công bằng, không để nông dân bị lệ thuộc vào nền tảng công nghệ hoặc trở thành chủ thể bị động trong chính chuỗi giá trị mà họ tham gia.

Đồng thời, cần tăng cường minh bạch trong hợp đồng liên kết, giá thu mua, tiêu chuẩn chất lượng, chi phí trung gian và phân phối lợi nhuận; kiên quyết phòng, chống các biểu hiện lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, gian lận chất lượng, ép giá nông dân, phá vỡ cam kết liên kết hoặc làm thất thoát nguồn lực đầu tư cho PTNN. Việc liên kết không được làm cho nông dân trở thành lực lượng gia công giá rẻ, lệ thuộc vào doanh nghiệp hoặc trung gian thị trường, mà phải góp phần nâng cao tri thức, năng lực sản xuất, khả năng đàm phán, ý thức làm chủ và vị thế của họ trong chuỗi giá trị. Đây cũng là biểu hiện sinh động của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống Nhân dân, phát huy vai trò của nông dân, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và lấy lợi ích thiết thực của người lao động làm mục tiêu của phát triển.

Tiểu kết chương 4

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, phải đối mặt với không ít những khó khăn, thách thức, như: tình hình kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức; tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện trên các lĩnh vực vừa tạo ra cơ hội, cũng đồng thời tạo ra khó khăn, thách thức; cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển vượt bậc và sẽ tiếp tục “bùng nổ” hơn nữa trong thời gian tới; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và ô nhiễm môi trường có chiều hướng ngày càng tăng, diễn biến phức tạp, thất thường, khó kiểm soát; nội lực của nền kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, thách thức; nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp tiếp tục có sự biến động lớn theo xu hướng ngày càng giảm cả số lượng và chất lượng. Do vậy, đòi hỏi các chủ thể, lực lượng cần quán triệt và nhận thức đầy đủ, từ đó tận dụng những thuận lợi, khắc phục những khó khăn trong quá trình PTNN.

Để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong công cuộc đổi mới ở nước ta trong thời gian tới cần quán triệt một số phương hướng cơ bản sau: kiên định, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong thời gian tới; PTNN toàn diện, hiện đại và gắn với xây dựng NTM; đẩy mạnh CNH, HĐH và chuyển đổi số trong PTNN; kết hợp chặt chẽ giữa PTNN với bảo vệ tài nguyên, môi trường; phát huy vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất 07 giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong thời gian tới bao gồm: nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong thời gian tới; xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về PTNN; đổi mới nội dung PTNN theo hướng vừa bảo đảm về cơ cấu, vừa đồng bộ, toàn diện, đem lại hiệu quả bền vững; xây dựng Hội Nông dân vững mạnh, phát huy vai trò nòng cốt trong PTNN; đổi mới mô hình và nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp; tăng cường ứng dụng KH-CN, đổi mới sáng tạo gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhất là chuyển đổi số trong PTNN; kiến tạo hệ sinh thái liên kết giá trị trong PTNN. Những giải pháp cơ bản trên đã trực tiếp đi vào giải quyết những hạn chế, bất cập trong PTNN ở nước ta thời gian qua. Do đó, trong quá trình vận dụng cần tiến hành đồng bộ các giải pháp và tùy theo tình hình cụ thể để vận dụng, linh hoạt sáng tạo.

KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN là hệ thống quan điểm về tầm quan trọng, chủ thể, lực lượng, nội dung và biện pháp PTNN. Tư tưởng của Người có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, không chỉ là cơ sở nền tảng để Đảng ta đề ra đường lối, quan điểm PTNN ở nước ta trước đây cũng như trong giai đoạn hiện nay, mà còn trực tiếp góp phần xây dựng tiềm lực kinh tế, bảo đảm cho sự nghiệp kháng kiến quốc giành độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà và xây dựng CNXH ở miền Bắc. Đặc biệt, tư tưởng và những hoạt động trực tiếp trong lãnh đạo, chỉ đạo PTNN của Hồ Chí Minh đã giải quyết cơ bản nạn đói, từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho Nhân dân. Do vậy, việc quán triệt, vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người về PTNN trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay là vấn đề có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Thời gian qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu về PTNN, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN và việc vận dụng trong thực tiễn, qua đó làm sáng tỏ nhiều vấn đề cả về lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới dừng lại ở việc phân tích, khái quát nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, chưa đi sâu làm rõ cách thức vận dụng trong bối cảnh mới. Do vậy, việc làm rõ các vấn đề như: khái niệm nông nghiệp, phát triển, PTNN, tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN và phân tích những vấn đề cơ bản như tầm quan trọng, chủ thể, lực lượng, nội dung và biện pháp vận dụng, đồng thời, luận giải, phân tích các nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN sẽ khẳng định giá trị lý luận, thực tiễn và sự cần thiết phải tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong thời gian tới.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, đặc biệt là từ năm 2011 đến nay, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế nhất định. Nhận thức của một số chủ thể, lực lượng về vị trí, nội dung và giá trị định hướng của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với PTNN ở một số địa phương, cơ sở còn chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc và thống nhất, việc quán triệt và vận dụng nội dung, biện pháp PTNN còn thiếu tính toàn diện, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả chưa cao; kết quả PTNN chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước. Những hạn chế này xuất phát từ nguyên nhân cơ bản là ở một số chủ thể, lực lượng việc quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN còn chưa thật sâu, chưa chuyển hóa mạnh thành tư duy phát triển và hành động thực tiễn; việc cụ thể hóa thành chủ trương, chính sách ở một số địa phương còn nhiều bất

cập; sự phối hợp giữa các bộ, ngành trung ương với cấp ủy, chính quyền địa phương chưa đồng bộ; từ đó đặt ra vấn đề phải tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, đồng thời, vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với bối cảnh mới; hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao trình độ, năng lực của nông dân; phát huy vai trò HTX; đẩy mạnh ứng dụng KHCN, chuyển đổi số; đồng thời tăng cường năng lực cạnh tranh trong hợp tác quốc tế để hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, bền vững.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN trong thời gian tới diễn ra trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên mọi lĩnh vực vừa mở ra nhiều cơ hội, vừa đặt ra không ít khó khăn cho PTNN Việt Nam. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ và dự báo sẽ tiếp tục “bùng nổ” trong thời gian tới, cùng với biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, diễn biến thất thường, khó kiểm soát. Trong nước, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, trong khi nội lực của nền kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế, thách thức. Trong bối cảnh đó, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN cần kiên định, sáng tạo phù hợp với bối cảnh mới, PTNN hướng tới toàn diện, hiện đại, gắn với xây dựng NTM; giải quyết hài hòa với quá trình CNH, HĐH và chuyển đổi số; kết hợp chặt chẽ với bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát huy cao độ vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong quá trình vận dụng.

Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, các chủ thể, lực lượng cần tập trung triển khai một số biện pháp cơ bản. Trước hết, phải nâng cao nhận thức của các chủ thể, lực lượng trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PTNN, coi đây là nền tảng định hướng cho mọi hoạt động. Đồng thời, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về PTNN, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và phù hợp với thực tiễn. Nội dung PTNN cần tiếp tục đổi mới theo hướng vừa bảo đảm cơ cấu hợp lý, vừa toàn diện, đồng bộ, gắn với hiệu quả bền vững. Bên cạnh đó, phải xây dựng Hội Nông dân vững mạnh, thực sự là tổ chức đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân; đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp; kiến tạo hệ sinh thái liên kết giá trị trong PTNN. Song song với đó, tăng cường ứng dụng KHCN, thúc đẩy đổi mới sáng tạo gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhất là trong lĩnh vực chuyển đổi số.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Vũ Thị Thu Hà (2023), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phát triển nông nghiệp Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, ngày 11-09-2023, tại trang <https://lyluanchinhtri.vn>.
2. Vũ Thị Thu Hà (2023), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nông nghiệp: Vận dụng trong định hướng phát triển nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, số 492, tr.28-35.
3. Vũ Thị Thu Hà (2024), “Phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở trong xây dựng nông thôn mới hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 61, tr.71-84.
4. Vũ Thị Thu Hà (2024), “Ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển nông nghiệp theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, số 8, tr.42-45.
5. Vũ Thị Thu Hà (2024), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác xã trong phát triển nông nghiệp hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số đặc biệt quý IV, tr.212-220.
6. Vũ Thị Thu Hà (2025), “Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp Việt Nam thời kỳ đổi mới”, *Hội thảo khoa học quốc gia*, tháng 01/2025, tr.541-551.
7. Vũ Thị Thu Hà (2025), “Một số giải pháp thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong phát triển nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ngày 28/08/2025, tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn>.
8. Vũ Thị Thu Hà (2026), “Phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 10-02-2026, tại trang <https://www.tapchicongsan.org.vn>.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Ngọc An (2024), *Bão Yagi và mưa lũ gây thiệt hại gần 3,3 tỉ USD*, Báo Tuổi trẻ (online), ngày 28/09/2024, <https://tuoitre.vn/bao-yagi-va-mua-lu-gay-thiet-hai-gan-3-3-ti-usd-20240928111005126.htm>
2. Bùi Thị Vân Anh (2018), *Một số yếu tố tâm lý của người nông dân ảnh hưởng tới việc chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Thị Bảo Nga (2022), “Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Israel và khuyến nghị cho Việt Nam” *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 22 (470).
4. Phạm Ngọc Anh, Phan Bá Linh (2010), “Quan điểm Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp - Giá trị lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (9), tr.27-33.
5. Phạm Ngọc Anh (2003), *Bước đầu tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Trần Thị Vân Anh (2024), “Xu hướng phát triển nông nghiệp hiện nay: Cơ hội và thách thức”, *Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn*, số 3(44).
7. Lê Thị Vân Anh (2025) “Chuyển đổi số thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững tại Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước (điện tử)*, 08/07/2025, https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/07/08/chuyen-doi-so-thuc-day-phat-trien-nong-nghiep-ben-vung-tai-viet-nam-hien-nay/?utm_source=chatgpt.com
8. Nguyễn Thị Ánh (2020), “Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững ở nước ta”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 19/10/2020.
9. Nguyễn Thị Nguyệt Ánh (2014), “Tìm hiểu quan điểm Hồ Chí Minh về nông nghiệp, nông thôn”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 9 (2014).
10. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2016), *Hội nghị lần thứ 4 về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*, ngày 05 tháng 11 năm 2016, Hà Nội.

11. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2016), *Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*, Hà Nội.
12. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021), *Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị, ngày 18/5/2021 “Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh””*, Hà Nội.
13. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
14. Ban Chấp hành Liên minh hợp tác xã Việt Nam (2020), *Báo cáo của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam khóa V, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Hà Nội.
15. Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), *Tài liệu học tập các Nghị quyết Hội nghị Trung ương bảy, khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Nguyễn Khánh Bật (chủ biên) (2010), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề nông dân*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
17. Nguyễn Văn Bích (2007), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau hai mươi năm đổi mới - quá khứ và hiện tại*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Phạm Thị Thanh Bình (2017), *Phát triển nông nghiệp Việt Nam: Thành tựu và hạn chế*, tại trang <https://www.tapchicongsan.org.vn/kinh-te/-/2018/42992/phat-trien-nong-nghiep-viet-nam--thanh-tuu-va-han-che.aspx>, ngày 11-01-2017.
19. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), *Sách trắng hợp tác xã Việt Nam năm 2023*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
20. Bộ Khoa học và Công nghệ (2019), *Chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia và một số kiến nghị cho Việt Nam trong bối cảnh mới, Tổng luận số 7/2019*.
21. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2013), *Báo cáo Số 4229/BC-BNN-TCCB, ngày 25/11/2013 về Sơ kết 2 năm thực hiện Chỉ thị số 1973/CT-TTG ngày 07/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
22. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2016), *Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn 5 năm (2016 - 2020)*, Nxb Lao Động, Hà Nội.

23. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018), *Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*, Hà Nội.
24. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Hà Nội.
25. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2020), *Báo cáo tổng kết Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2013-2020*, Hà Nội.
26. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2020), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lần thứ III, nhiệm kỳ 2020-2025*, Hà Nội.
27. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2021), *Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn 5 năm (2021 - 2025)*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
28. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2021), *Báo cáo Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2021 và triển khai Kế hoạch năm 2022*, Hà Nội.
29. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022), *Báo cáo Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2022 và triển khai kế hoạch năm 2023*, Hà Nội.
30. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2023), *Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2024*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
31. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2023), *Báo cáo tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024*, Hà Nội.
32. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2025), *Báo cáo Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2024 và triển khai kế hoạch năm 2025*, Hà Nội.
33. Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, Hà Nội.
34. Phương Chi (2025), Nam Trung bộ, Tây Nguyên giảm diện tích nhưng tăng mạnh sản lượng cây công nghiệp, *Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường điện tử*,

- ngày 31/10/2025, <https://nongnghiepmoitruong.vn/nam-trung-bo-tay-nguyen-giam-dien-tich-nhung-tang-manh-san-luong-cay-cong-nghiep-d781573.html>.
35. Phạm Minh Chính (2021), *Bài phát biểu tại buổi làm việc với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, ngày 19/5/2021, Hà Nội.
 36. Chính phủ (2020), *Quyết định Phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*, Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2020, tr.4.
 37. Chính phủ (2021), *Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030*, Hà Nội.
 38. Chính phủ (2022), *Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
 39. Chính phủ (2022), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí, vai trò chiến lược đặc biệt quan trọng*, tại trang <https://baochinhphu.vn/nong-nghiep-nong-dan-nong-thon-co-vi-tri-vai-tro-chien-luoc-dac-biet-quan-trong-102220529124502547.htm>.
 40. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ban kinh tế Trung ương (2018), Kỷ yếu Hội nghị trực tuyến toàn quốc và triển lãm quốc gia “*Tổng kết 10 năm thực hiện nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”, Hà Nội.
 41. Đinh Thu Cúc (1985) “Những bước chuyển biến đầu tiên của giai cấp nông dân trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, Số 4, tr.33.
 42. Nguyễn Xuân Cường (2017), “Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững nhằm công nghiệp hóa công nghiệp và hiện đại hóa nông thôn”, *Tạp chí Cộng sản*, (123), tr.25-31.
 43. Nguyễn Xuân Cường (2021), “Những điểm sáng của ngành nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 20/01/2021.
 44. Nguyễn Thị Kim Dung, Trần Thị Nhuận (2000), *Hồ Chí Minh với giai cấp nông dân*, Nxb Lao động - xã hội, Hà Nội.
 45. Nguyễn Quốc Dũng, Nguyễn Thị Tuyết Mai (2024), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp nền tảng đổi mới tư duy nông nghiệp Việt Nam*”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, số 6.
 46. Phạm Ngọc Dũng (2011), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn - Từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

47. Phùng Văn Dũng (2014), *Phát triển nông nghiệp Việt Nam sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
48. Nguyễn Dương (2019), *Hơn 15.000 HTX nông nghiệp Việt Nam hoạt động ra sao?* tại trang <https://dantri.com.vn/xa-hoi/hon-15000-hop-tac-xa-nong-nghiep-viet-nam-hoat-dong-ra-sao-20191213094445596.htm>, ngày 13/12/2019.
49. Đ.H (2018), “Để chăn nuôi phát triển bền vững ở Việt Nam”, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, ngày 27/03/2018, <https://dangcongsan.vn/kinh-te/de-chan-nuoi-phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-478069.html>
50. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*, Thành phố Hồ Chí Minh.
51. Đảng bộ Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (2025), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (1947), “Nghị quyết của Hội nghị cán bộ Trung ương từ 3/4 đến 6/4/1947”, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (1948), Nghị quyết Hội nghị Trung ương mở rộng ngày 15, 16, 17/1/1948, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.88.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội..
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
63. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
64. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
65. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
66. Trần Văn Đạt (2010), *Vài suy nghĩ về phát triển nông nghiệp Việt Nam trong thế kỷ 21*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
67. Phạm Văn Đình, Đỗ Kim Chung, Trần Văn Đức, Quyền Đình Hà (1997), *Kinh tế nông nghiệp*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
68. Nguyễn Hoàng Giang (2022), *Phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*, tại trang <https://hdl.vn/vi/nguyen-cuu---trao-doi/phet-trien-khoa-hoc-va-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-trong-xay-dung-nong-nghiep-sinh-thai-nong-thon-hien-dai-nong-dan-van-minh.html>, ngày 06/3/2022.
69. *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin* (2013), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
70. *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (2016), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
71. Nguyễn Ngọc Hà (2012), *Đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (1986-2011)*, Nxb Chính trị - hành chính, Hà Nội.
72. Quyền Đình Hà (2017), *Báo cáo tóm tắt đề tài cấp Bộ: Nghiên cứu đề xuất chính sách và giải pháp khuyến khích chế biến sâu một số nông sản chủ lực của Việt Nam (lúa gạo, cao su, cá tra)*, Đề tài Nghiên cứu Khoa học công nghệ cấp Bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

73. Thi Hà (2025), *Trung Quốc chi hơn một tỷ USD mua rau quả Việt trong tháng 9*, tại trang https://vnexpress.net/trung-quoc-chi-hon-mot-ty-usd-mua-rau-qua-viet-trong-thang-9-4951759.html?utm_source=chatgpt.com.
74. Trang Hà (2025), *Mưa lũ sau bão Bualoi và Matmo gây ra 76 sự cố đê điều*, Báo Lao Động, ngày 09/10/2025, <https://laodong.vn/moi-truong/mua-lu-sau-bao-bualoi-va-matmo-gay-ra-76-su-co-de-dieu-1588620.ldo>.
75. Đỗ Thị Hạnh (2023), *Nông nghiệp là trụ đỡ của nền kinh tế: Từ lý luận đến thực tiễn*, tại trang <https://vnua.edu.vn/tin-tuc-su-kien/nguyen-cuu-khoa-hoc/nong-nghiep-la-tru-do-cua-nen-kinh-te-tu-ly-luan-den-thuc-tien-53858>.
76. Phạm Bích Hằng (2017), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn”, *Tạp chí Tài chính*, tháng 9, kỳ 2, tr.8-9.
77. Vũ Thị Thúy Hằng (2021), “Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở Ấn Độ và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Con số sự kiện điện tử*.
78. Nguyễn Thế Hình (Chủ biên) (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế và quản lý kinh tế*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
79. Trần Hữu Hiệp (2025), *Phát triển bền vững vừa lúa gạo Đồng bằng sông Cửu Long*, tại trang https://nhandan.vn/phat-trien-ben-vung-vua-lua-gao-dong-bang-song-cuu-long-post921320.html?utm_source=chatgpt.com.
80. Hoàng Ngọc Hòa (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
81. Lê Minh Hoan (2023), “Tiếp tục thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhanh và bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, điện tử, ngày 01/12/2023.
82. Lê Minh Hoan (2025), “Vị thế nông nghiệp Việt Nam sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới”, *Tạp chí Cộng sản (điện tử)*, ngày 11/03/2025, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/1061702/vi-the-nong-nghiep-viet-nam-sau-gan-40-nam-tien-hanh-cong-cuoc-doi-moi.aspx>.
83. Đặng Thị Hoài, Tống Thế Sơn (2026), “Chuyển đổi số nông nghiệp - những thách thức từ góc độ của người sản xuất”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước (điện tử)*,

- 19/02/2026, https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/02/19/chuyen-doi-so-nong-nghiep-nhung-thach-thuc-tu-goc-do-cua-nguoi-san-xuat/?utm_source=chatgpt.com.
84. Bích Hồng (2024), *Thêm nhiều cơ sở thủy sản được xuất khẩu sang các thị trường*, tại trang <https://baotintuc.vn/kinh-te/them-nhieu-co-so-thuy-san-duoc-xuat-khau-sang-cac-thi-truong-20240105125824306.htm>
 85. Đinh Phi Hồ (2003), *Kinh tế nông nghiệp - lý thuyết và thực tiễn*, Nxb Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
 86. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Văn phòng Chủ tịch nước, Ban Tuyên giáo trung ương, (2019), *50 năm thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 87. Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2019), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển nền nông nghiệp bền vững*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
 88. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2005), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
 89. Hội Nông dân Việt Nam (2023), *Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khoá VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Hội Nông dân Việt Nam*, Hà Nội.
 90. Hoàng Hùng, Vinh Nghĩa (2023), Nâng cao hiệu quả sản xuất nhờ cơ giới hóa nông nghiệp, *Báo Nhân dân điện tử*, <https://nhandan.vn/nang-cao-hieu-qua-san-xuat-nho-co-gioi-hoa-nong-nghiep-post740936.html>, ngày 01/03/2023.
 91. Nguyễn Duy Hưng (2024), *Những thành tựu trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn qua gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới*, tại trang https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nhung-thanh-tuu-trong-phat-trien-nong-nghiep-nong-dan-nong-thon-qua-gan-40-nam-thuc-hien-cong-cuoc-doi-moi
 92. Đỗ Hương (2023), *Khắc phục xung đột trong quá trình hiện đại hóa nông thôn*, tại trang <https://baochinhphu.vn/khac-phuc-xung-dot-trong-qua-trinh-hien-dai-hoa-nong-thon>.
 93. Đỗ Hương (2025), *Giá cao su tăng cao từ xuất khẩu*, tại trang https://baochinhphu.vn/gia-cao-su-tang-cao-tu-xuat-khau-102250119070001572.htm?utm_source=chatgpt.com

94. Nguyễn Thị Hương (2020), Những dấu ấn quan trọng về kinh tế - xã hội trong hành trình 75 năm thành lập và phát triển đất nước qua số liệu thống kê, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 25/2020, tr.7.
95. Trần Thị Thu Huyền (2020), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp và phát triển nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, (308), tr.23-29.
96. Thu Huyền (2025), *Nông nghiệp công nghệ cao “mở đường” tăng trưởng*, tại trang https://nhandan.vn/nong-nghiep-cong-nghe-cao-mo-duong-tang-truong-post905811.html?utm_source=chatgpt.com.
97. <https://banthanhtra.vnua.edu.vn/tin-tuc-va-su-kien/goc-nhin-chuyen-gia-de-nong-nghiep-viet-nam-cat-can-h-55725>
98. <https://baochinhphu.vn/xuat-khau-go-va-lam-san-vuot-hon-13-ke-hoach-102241211095243528.htm>
99. <https://baochinhphu.vn/xuat-khau-nong-lam-thuy-san-9-thang-dat-4628-ty-usd-102241003174539769.htm>
100. <https://baodongnai.com.vn/tieu-diem/202202/nganh-chan-nuoi-thiet-hai-nang-vi-dich-benh-3104046/>
101. <https://consosukien.vn/tiep-tuc-thuc-hien-hieu-qua-chien-luoc-phat-trien-lam-nghiep-trong-boi-can-h-moi.htm>
102. <https://dangcongsan.vn/khuyen-nong-huong-toi-su-phat-trien-ben-vung/tin-tuc/can-ra-suc-nang-cao-chat-luong-doi-song-cho-nong-dan-270206.html>
103. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/nong-nghiep-tru-do-cua-nen-kinh-te-bao-dam-vung-chac-an-ninh-luong-thuc-quoc-gia-615699.html>.
104. <https://dangcongsan.vn/xay-dung-dang/phat-huy-suc-manh-vai-tro-chu-the-cua-nong-dan-trong-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-682309.html>
105. <https://doanhnhantrevietnam.vn/da-co-gan-50000-san-pham-nong-san-duoc-dua-len-san-thuong-mai-dien-tu-d23058.html>
106. <https://moha.gov.vn/nong-thon-moi/tintuc/Pages/listbnv.aspx?CateID=31&ItemID=2035>
107. <https://nhandan.vn/co-gioi-hoa-trong-san-xuat-gop-phan-tang-truong-nganh-nong-nghiep-post810720.html>
108. <https://tadri.org/vi/news/Tin-tuc/ve-khai-niem-phat-trien-199>

109. <https://vnbusiness.vn/viet-nam/san-xuat-lua-gao-viet-nam-dung-top-dau-the-gioi-nhung-nang-suat-dung-thu-15-1082332.html>
110. <https://www.vietnamplus.vn/quy-mo-san-xuat-nong-nghiep-duoc-co-cau-lai-phu-hop-hon-voi-thuc-tien-post778182.vnp>
111. <https://xuanngoc-xuantruong.namdinh.gov.vn/nong-nghiep-nong-thon-moi/chuyen-doi-so-trong-nong-nghiep-nham-phat-trien-ben-vung-nganh-nong-nghiep-viet-nam-323425>
112. Lại Quốc Khánh (2022), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp và những gợi mở hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (1), tr.17-23.
113. Chu Khôi (2011), *Xuất khẩu cà phê về đích sớm*, tại trang https://vneconomy.vn/thi-truong/xuat-khau-ca-phe-ve-dich-som-2012100310043765.htm?utm_source=chatgpt.com.
114. Đặng Kim Khôi, Trần Công Thắng (2019), *Bức tranh sinh kế người nông dân Việt Nam trong thời kỳ hội nhập (1990-2018)*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
115. Chử Văn Lâm, Nguyễn Thái Nguyên, Phùng Hữu Phú, Trần Quốc Toàn, Đặng Thọ Xương (1992), *Hợp tác hóa Nông nghiệp Việt Nam, Lịch sử - Vấn đề - Triển vọng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
116. Tùng Lâm (2025), *Thái Nguyên: Sản lượng chè búp tươi vượt kế hoạch*, tại trang https://baothainguyen.vn/kinh-te/202504/thai-nguyen-san-luong-che-bup-tuoi-vuot-ke-hoach-6551395/?utm_source=chatgpt.com
117. V.I.Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 29, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
118. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 43, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
119. Ngô Văn Lương (2010), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
120. C.Mác, Ph.Ăngghen (1984), *Tuyển tập*, tập VI, Nxb Sự thật, Hà Nội.
121. C.Mác, Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
122. Đào Thị Hoàng Mai (2019), *Chính sách phát triển nông nghiệp an toàn trong bối cảnh tái cơ cấu nông nghiệp ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
123. Hồ Chí Minh (1959), *Bài nói chuyện khi Bác Hồ về thăm làng cá Tuần Châu (Quảng Ninh) và Cát Bà (Hải Phòng)*, ngày 31-3-1959.
124. Hồ Chí Minh (1975), *Về hợp tác hóa nông nghiệp*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

125. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
126. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
127. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
128. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
129. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
130. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
131. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
132. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
133. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
134. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
135. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
136. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
137. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
138. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
139. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
140. Nguyễn Văn Nam (chủ biên) (2015), *Kinh tế phát triển*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
141. Ngân hàng thế giới (2016), *Chuyển đổi Nông nghiệp Việt Nam: tăng giá trị, giảm đầu vào*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
142. Lê Hữu Nghĩa và các cộng sự (Đồng chủ biên), (2010), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác xã: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
143. Phương Ngọc (2025), *Xuất khẩu cà phê Việt Nam 10 tháng năm 2025 tăng trưởng khả quan*, tại trang <https://nongnghiepmoitruong.vn/xuat-khau-ca-phe-viet-nam-10-thang-nam-2025-tang-truong-kha-quan-d784249.html>
144. Trang Nguyên (2025), *Công nghiệp chế biến nông sản bứt phá, tạo nền tảng cho nông nghiệp Việt Nam hiện đại và bền vững*, tại trang <https://tapchikinhjetaichinh.vn/cong-nghiep-che-bien-nong-san-but-pha-tao-nen-tang-cho-nong-nghiep-viet-nam-hien-dai-va-ben-vung-102932.html&link=1>
145. Trịnh Nhu (chủ biên, 1998), *Lịch sử phong trào nông dân và Hội nông dân Việt Nam (1930 - 1995)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.159.

146. Đặng Kim Oanh (2022), “Quá trình phát triển tư duy của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn qua 35 năm thực hiện đổi mới (1986-2021)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 379 (6/2022), tr.21-28.
147. Nguyễn Huy Oánh (2004), *Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh với xây dựng nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
148. Hoàng Văn Phai, Nguyễn Đức Trí và Hoàng Minh Đẹp (2022), *Ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp: Thành tựu, hạn chế và giải pháp tháo gỡ*, *Tạp chí Quản lý Nhà nước* (điện tử), ngày 08/08/2022, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/08/08/ung-dung-khoa-hoc-cong-nghe-vao-san-xuat-nong-nghiep-thanh-tuu-han-che-va-giai-phap-thao-go/>
149. Hoàng Phê (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr.740.
150. Trần Văn Phòng (2005), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế nông nghiệp”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, Số 11, tr.3-6.
151. Hồng Phúc (2016), *Nạn đói năm 1945 và sự thật lịch sử*, tại trang <https://nhandan.vn/nan-doi-nam-1945-va-su-that-lich-su-tiep-theo-va-het>, 29/12/2016.
152. Anh Phương (2023), *Phủ khoa học công nghệ trên cánh đồng của bà con nông dân*, tại trang <https://daibieunhandan.vn/quoc-hoi-va-cu-tri/phu-khoa-hoc-cong-nghe-tren-canhdong-cua-bacon-nong-dan-i332281/>.
153. Trần Hoa Phượng (2019), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp toàn diện vào phát triển nông nghiệp Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí cộng sản*, ngày 14-03-2019.
154. PV (2023), Việt Nam xác định nông nghiệp là trụ đỡ của nền kinh tế, *Báo điện tử - Đảng Cộng sản Việt Nam*, tại trang <https://dangcongsan.vn/thoi-su/viet-nam-xac-dinh-nong-nghiep-la-tru-do-cua-nen-kinh-te>, ngày 24/4/2023
155. Trần Thanh Quang (2016), “Quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, Số 2 (303), tr.36-40.
156. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14*, Hà Nội.
157. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2023), *Luật Hợp tác xã*, Hà Nội.

158. Anh Quyền (2020), *Đến năm 2030 diện tích cây trồng cần được tưới đất 70%*, tại trang <https://kinhtevadubao.vn/den-nam-2030-dien-tich-cay-trong-can-duoc-tuoi-dat-70-12241.html>
159. Nguyễn Thị Quyển (2024), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa nông nghiệp - nông dân - nông thôn và sự vận dụng của Đảng trong giai đoạn hiện nay*, tại trang <https://tapchilichsudang.vn/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-moi-quan-he-giua-nong-nghiep-nong-dan-nong-thon-va-su-van-dung-cua-dang-trong-giai-doan-hien-nay.html>
160. Nguyễn Đình Quyết (2024), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp và sự vận dụng của Đảng đối với vấn đề bảo đảm an ninh lương thực ở Việt Nam hiện nay*, tại trang <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/991302/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-phat-trien-nong-nghiep-va-su-van-dung-cua-dang-doi-voi-van-de-bao-dam-an-ninh-luong-thuc-o-viet-nam-hien-nay.aspx#>
161. Lê Văn Sang (2000), *Bác Hồ với nông dân, nông dân với Bác Hồ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
162. Tạ Kim Sen (2026) *Tác động xã hội của chuyển đổi số trong nông nghiệp*, tại trang https://tapchicongthuong.vn/tac-dong-xa-hoi-cua-chuyen-doi-so-trong-nong-nghiep-387520.htm?utm_source=chatgpt.com.
163. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam - Hôm nay và mai sau*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
164. Đặng Kim Sơn và cộng sự (2016), *Đổi mới chính sách nông nghiệp Việt Nam - Bối cảnh, nhu cầu và triển vọng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
165. Nguyễn Hoài Sơn (2013), “Nông dân trong phát triển nông thôn: từ phong trào Seamaul Hàn quốc đến chương trình nông thôn mới của Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, 12 (154), tr.36-44.
166. Thào Xuân Sùng (2020), *Xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
167. *Tác động của biến đổi khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam*, tại trang <https://moitruong.net.vn>, ngày 25/10/2019.
168. Lê Anh Tấn (2023), *Nông nghiệp Nghệ An vươn lên top đầu cả nước*, tại trang <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/nong-nghiep-nghe-an-vuon-len-top-dau-ca-nuoc-734957>.

169. Đào Văn Tập (chủ biên) (1990), *45 năm kinh tế Việt Nam (1945 - 1990)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
170. Đặng Công Thành (2024), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay”, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, ngày 17/1/2024.
171. Nguyễn Đình Thành (2020), “Năng lực hội nhập quốc tế của nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 11.
172. Đình Văn Thành (2010), *Tăng cường năng lực tham gia của hàng nông sản vào chuỗi giá trị toàn cầu trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam*, Nxb Công Thương, Hà Nội.
173. Trần Văn Thành (2017), “Thúc đẩy phát triển các mô hình liên kết kinh tế trong nông nghiệp”, *Tạp chí Cộng sản*, (128) (8/2017), tr.16-20.
174. Thành ủy Hà Nội (2021), *Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17-3-2021, của Thành ủy Hà Nội “Về việc đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021 - 2025”*, Hà Nội.
175. Nguyễn Đình Thắng (2006), *Giáo trình Kinh tế nông nghiệp*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
176. Nguyễn Xuân Thúy (2026), *Vận dụng quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp vào phát triển nông nghiệp đô thị ở Việt Nam hiện nay*, tại trang https://lyluanchinhtri.vn/van-dung-quan-diem-chu-nghia-mac-lenin-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-nong-nghiep-vao-phat-trien-nong-nghiep-do-thi-o-viet-nam-hien-nay-13523.html?utm_source=chatgpt.com.
177. Phùng Đức Tiến (2025), *Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam: Thành tựu và định hướng phát triển*, tại trang https://nnmt.net.vn/xuat-khau-nong-lam-thuy-san-cua-viet-nam-thanh-tuu-va-dinh-huong-phat-trien?utm_source=chatgpt.com.
178. Tổng cục Thống kê (1978), *30 năm phát triển kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
179. Tổng cục Thống kê (2021), *Niên giám thống kê 2020*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
180. Tổng cục Thống kê (2022), *Thông cáo báo chí kết quả khảo sát mức sống dân cư 2022*, tại trang <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/05/thong-cao-bao-chi-ket-qua-khao-sat-muc-song-dan-cu-2022/>, ngày 4/5/2023.

181. Tổng Cục Thống kê (2024), *Niên giám thống kê 2023*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
182. Tổng Cục Thống kê (2025), *Niên giám thống kê 2024*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
183. Thanh Trà (2024), *Nhìn lại năm 2023, ngành lâm nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức*, tại trang <https://nhandan.vn/nhin-lai-nam-2023-nganh-lam-nghiep-phai-doi-mat-voi-nhiều-khó-khăn-thách-thức>, post789522.html.
184. Thanh Trà (2025), *Liên kết nông nghiệp hiệu quả nhưng chưa bền vững*, tại trang https://nhandan.vn/lien-ket-nong-nghiep-hieu-qua-nhung-chua-ben-vững-post-922261.html?utm_source=chatgpt.com.
185. Đào Thu Trà (2025), “Phát triển kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và một số giải pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán*, kỳ 1 tháng 5, tr.41-45.
186. Minh Trang (2022), *Thực trạng hoạt động khai thác, nuôi trồng và xuất khẩu thủy sản Việt Nam*, tại trang <https://tapchicongthuong.vn/thuc-trang-hoat-dong-khai-thac--nuoi-trong-va-xuat-khau-thuy-san-viet-nam-101665.htm>.
187. Nguyễn Trần Minh Trí (2022), *Chuỗi giá trị nông sản và vai trò của các chủ thể*, tại trang <https://tapchinganhang.gov.vn/chuoi-gia-tri-nong-san-va-vai-tro-cua-cac-chu-the.htm>, ngày 22/12/2022.
188. Nguyễn Phú Trọng (2018), *Bài phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VII (nhiệm kỳ 2018-2023)*, Hà Nội.
189. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam quyết tâm phấn đấu, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ vẻ vang của dân tộc trong thời kỳ mới*, Bài phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2023-2028, Hà Nội.
190. *Truyền thống Hải quân nhân dân Việt Nam (1955-2005)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.80.
191. Nguyễn Kế Tuấn (Chủ biên) (2006), *công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam, con đường và bước đi*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
192. Nguyễn Văn Tuấn (Sưu tầm, tuyển chọn) (2009), *Đảng, Bác Hồ với vấn đề tam nông*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
193. Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang (2012), *Quyết định số 2163/QĐ-UBND về “Kế hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”*, An Giang.

194. Hà Văn (2023), *Thành tựu nông nghiệp của Việt Nam truyền cảm hứng mạnh mẽ cho nhiều nước*, Báo điện tử Chính phủ, tại trang <https://baochinhphu.vn/thanh-tuu-nong-nghiep-cua-viet-nam-truyen-cam-hung-manh-me-cho-nhieu-nuoc-102230424172937116.htm>.
195. Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam (2021), *Báo cáo chuyên đề phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, nông thôn, gắn với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, Hà Nội, tr.33
196. Viện Nghiên cứu thế giới về Kinh tế Phát triển, Đại học Liên Hợp quốc (UNU-WIDER) (2017), *Tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu và thay đổi của nông thôn Việt Nam*, Nxb Đại học Oxford, Mỹ.
197. Viện Sử học (1979), *Nông dân Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
198. Trần Đức Viên (2020), *Nông nghiệp Việt Nam: Những vấn đề tồn tại*, *Cổng thông tin điện tử Học viện Nông nghiệp Việt Nam*, ngày 2/11/2020, Hà Nội.
199. Trần Quang Vinh (2023), *Nông nghiệp trở thành “trụ chính” cho tăng trưởng kinh tế*, tại trang https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/l/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM280556
200. Hoàng Công Vũ (2021), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp và sự vận dụng của Đảng trong thời kỳ đổi mới*”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (4) (365), tr.52-57.
201. Nguyễn Vũ (2011), *Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 5 tháng đạt hơn 10 tỷ USD*, Báo điện tử Chính phủ, ngày 26/05/2011, https://baochinhphu.vn/xuat-khau-nong-lam-thuy-san-5-thang-dat-hon-10-ty-usd-10279804.htm?utm_source=chatgpt.com.
202. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (2021), *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*, ngày 28/6/2021, Hà Nội.
203. Nguyễn Xuyên (2007), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế*”, *Tạp chí Kinh tế - Thương mại*, số 5, tr.9-10.
204. Kiều Thị Yến (2016), “*Quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp - Giá trị lý luận và thực tiễn*”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, Số 1 (302), tr.34-37.

*** Tài liệu tiếng Anh**

205. Antony J. Blinken: “A Foreign Policy for the American People”, <https://il.usembassy.gov/a-foreign-policy-for-the-american-people>, ngày 3-3-2021.
206. Asia Development Bank (2022), *Agriculture, Natural Resources and Rural Development Sector Assessment, Strategy and Road Map - Viet Nam 2021-2025*, ADB.
207. Bhani Ram Dall, Agriculture (808) class - XI, Draft study material, The Central Board of Secondary Education (CBSE) in India.
208. Bonnin, C., Turner, S. và Kwan, J. (2012), “At what price rice? Food security, livelihood vulnerability, and state interventions in upland northern Vietnam”, *Geoforum*, Vol. 43, No. 1, pp. 95-105, <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0016718511001357>
209. Bui Nu Hoang Anh (2017), “Opportunities and Challenges for Sustainable Development of Agriculture in Vietnam, Noble International Journal of Economics and Financial Research, Vol. 02, No. 08, pp: 113-124.
210. Cao Duc Phat (2023), *Four Decades of Doi Moi in Viet Nam Agriculture* (Bốn thập kỷ đổi mới nông nghiệp ở Việt Nam), *Review of Agrarian Studies* (Đánh giá về nghiên cứu nông nghiệp), DOI: <https://doi.org/10.25003/RAS.13.01.0002>.
211. Chau Trinh Nguyen, Frank Scrimgeour (2022), “Measuring the impact of climate change on agriculture in Vietnam: A panel Ricardian analysis”, *Agricultural Economics*, Vol. 53, Issue 1, page 37-51
212. CIRS (Center for International Rural Studies) (2021), “Agricultural modernization with Chinese characteristics”, *Tsinghua University*. <https://www.cirs.tsinghua.edu.cn>
213. Collins COBUILD Advanced Learner’s Dictionary (2023), *HarperCollins Publishers*.
214. David Dawe (2015) *The Rice Crisis: Markets, Policies and Food Security*, Nxb Routledge, Anh.
215. David R. Harris and Dorian Q Fuller (2014), *Agriculture: Definition and Overview*, *In Encyclopedia of Global Archaeology*, Springer, New York.

216. Doan Minh Quan, Tran Thi Hai Van (2022), “Potential and trends of IoT Application in Agriculture in Vietnam”, *Open Journal of Social Sciences*, Vol. 10, No. 1, page 170-182.
217. Duc Tam Duong (2020), “Sustainable development for Vietnam agriculture”, *EDP Sciences*.
218. FAO (2017), *The future of food and agriculture - Trends and challenges*. Rome: Food and Agriculture Organization of the United Nations.
219. Joshi, Pradnya A (2015), *Challenges of agriculture economy of India*, *The Business & Management Review*; London, Vol. 5, Iss. 4.
220. Luigi Tomba (2016), *China's Rural Development Policy: Exploring the New Socialist Countryside*, NXB Routledge, Anh.
221. Mahul O và C.J. Stutley (2010), *Hỗ trợ của Chính phủ đối với những thách thức và giải pháp bảo hiểm nông nghiệp cho các nước đang phát triển*, NXB Ngân hàng Thế giới, Washington D.C.
222. Maitah, K., Smutka, L., Sahatqija, J. và Maitah, M. (2020), “Rice as a Determinant of Vietnamese Economic Sustainability”, *Sustainability*, Vol. 12, No. 12, Article 5123, <https://www.mdpi.com/2071-1050/12/12/5123>
223. Newman, C., Singhal, S. và Tarp, F. (2020), “Introduction to understanding agricultural development and change: Learning from Vietnam”, *Food Policy*, Vol. 94, <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0306919220301342>
224. Ngo Thi Huyen Trang (2025), “Vietnam’s Agricultural Policy across Various Phases (POST 1976)”, *Research on World Agricultural Economy*, 6(2), 140-156. <https://doi.org/10.36956/rwae.v6i2.1610>.
225. Nguyễn Thị Ngọc, Đinh Thị Thu Phương, “The Agricultural Production Development Path of the Communist Party of Vietnam Period 1945-1954”, *Cross-Currents: An International Peer-Reviewed Journal on Humanities & Social Sciences*, DOI: 10.36344/ccijhss.2024.v10i02.002.
226. Pham Thanh Trung (2013), “Climate change and its gendered impacts on agriculture in Vietnam”, *International Journal of Development and Sustainability*, Japan, Vol. 2, No. 1.

227. Rutten, M., van Dijk, M., van Rooij, W. và Hilderink, H. (2014), “Land Use Dynamics, Climate Change, and Food Security in Vietnam: A Global-to-local Modeling Approach”, *World Development*, Vol. 59, pp. 29-46, <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0305750X14000217>
228. Tsinghua University (2021), “Six dimensions of agricultural modernization in China”, <https://www.cirs.tsinghua.edu.cn>.
229. USDA. (2023), “Rural development programs and initiatives. *United States Department of Agriculture*” <https://www.usda.gov/farming-and-ranching/agricultural-education-and-outreach/rural-development>.
230. Vinh Bao Ngoc, Nguyen Manh Hung, Phuong Thu Pham (2021), “Agricultural Restructure Policy in Vietnam and Practical Application for Sustainable Development in Agriculture”, *Journal of Nanomaterials*, Hindawi.
231. World Bank (2010). Vietnam - Economics of adaptation to climate change. Washington, DC: World Bank. Retieved September 23, 2020 from <http://documents.worldbank.org/curated/en/2010/01/16441103/vietnam-economics-adaptation-climatechange>.

PHỤ LỤC**PHỤ LỤC 01****PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN***(Dùng cho đối tượng là cán bộ, đảng viên)***Kính thưa đồng chí!**

Tôi thực hiện đề tài nghiên cứu “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay*”. Rất mong đồng chí hỗ trợ bằng cách trả lời các câu hỏi khảo sát dưới đây.

Nếu lựa chọn phương án nào, đồng chí đánh dấu (x) vào ô vuông (□) tương ứng và có thể ghi rõ hơn ý kiến của mình nếu thấy cần thiết. Đồng chí không phải ghi tên vào phiếu này.

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG**A1. Giới tính:**

☐ Nam

☐ Nữ

A2. Độ tuổi:

☐ Dưới 30

☐ 30-39

☐ 40-49

☐ 50-59

☐ Từ 60 trở lên

A3. Trình độ chuyên môn:

☐ Trung cấp

☐ Cao đẳng

☐ Đại học

☐ Sau đại học

A4. Trình độ lý luận chính trị:

- ☐ Sơ cấp
- ☐ Trung cấp
- ☐ Cao cấp/Cử nhân

A5. Vị trí công tác hiện nay?

- ☐ Cán bộ/CC cấp xã, phường
- ☐ Cán bộ thôn/ấp/khu phố
- ☐ Cán bộ Hội Nông dân/đoàn thể chính trị-xã hội
- ☐ Cán bộ cơ quan chuyên môn về nông nghiệp/khuyến nông/khuyến ngư
- ☐ Cán bộ quản lý HTX/tổ hợp tác/đơn vị dịch vụ nông nghiệp
- ☐ Khác:

A6. Cấp quản lý/đơn vị công tác?

- ☐ Tỉnh/TP
- ☐ Xã/Phường
- ☐ Thôn/Ấp/Khu phố
- ☐ Khác:

A7. Thâm niên công tác?

- ☐ Dưới 5 năm
- ☐ 5-10 năm
- ☐ 11-20 năm
- ☐ Trên 20 năm

A8. Địa phương công tác?

- ☐ Hà Nội
- ☐ TP. Hồ Chí Minh
- ☐ Thanh Hóa
- ☐ Nghệ An
- ☐ Sơn La
- ☐ Đắk Lắk
- ☐ Vĩnh Long

- ☐ Đồng Nai
- ☐ Đồng Tháp
- ☐ An Giang

PHẦN B. NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

B1. Mức độ hiểu của đồng chí về “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp”? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Đã được tuyên truyền, học tập nhiều lần
- ☐ Đã được tuyên truyền, học tập một số buổi
- ☐ Đã được nghe qua phương tiện truyền thông, mạng xã hội
- ☐ Chưa từng nghe đến

B2. Theo đồng chí, những nội dung nào sau đây thể hiện tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp? (Chọn nhiều phương án)

- ☐ Tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp
- ☐ Chủ thể, lực lượng phát triển nông nghiệp
- ☐ Nội dung phát triển nông nghiệp
- ☐ Biện pháp phát triển nông nghiệp
- ☐ Phát triển nông nghiệp theo hướng: Sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn
- ☐ Đẩy mạnh chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp

B3. Theo đồng chí, tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp theo tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? (Chọn nhiều phương án)

- ☐ Phát triển nông nghiệp là gốc, là nền tảng để phát triển kinh tế đất nước
- ☐ Phát triển nông nghiệp góp phần tạo dựng sức mạnh quân sự phục vụ sự nghiệp kháng chiến của dân tộc
- ☐ Phát triển nông nghiệp là điều kiện để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân
- ☐ Khác:

B4. Theo đồng chí, nội dung phát triển nông nghiệp theo tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm? (Chọn nhiều phương án)

- ☐ Phát triển đa dạng cơ cấu các ngành nghề nông nghiệp
- ☐ Phát triển nông nghiệp đồng bộ, toàn diện gắn với lợi thế từng địa phương
- ☐ Phát triển nông nghiệp đồng bộ, hài hòa với các ngành, lĩnh vực khác trong nền kinh tế đất nước
- ☐ Khác:

B5. Theo đồng chí, biện pháp phát triển nông nghiệp theo tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm? (Chọn nhiều phương án)

- ☐ Tuyên truyền, giáo dục, khơi dậy ý thức tự lực, tự cường, tinh thần yêu lao động, thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm của người nông dân
- ☐ Hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển nông nghiệp
- ☐ Phát triển các hình thức kinh tế tập thể, nhất là hợp tác xã trong phát triển nông nghiệp
- ☐ Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp
- ☐ Tăng cường cải tiến và ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong phát triển nông nghiệp
- ☐ Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng đời sống mới ở nông thôn
- ☐ Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển nông nghiệp
- ☐ Khác:

B6. Đồng chí đánh giá tầm quan trọng của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển nông nghiệp hiện nay? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Rất quan trọng
- ☐ Quan trọng
- ☐ Bình thường
- ☐ Ít quan trọng
- ☐ Hoàn toàn không quan trọng

PHẦN C. THỰC TRẠNG QUẢN TRIỆT, HỌC TẬP, TỔ CHỨC THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG

C1. Trong thời gian qua, địa phương/đơn vị có tổ chức quán triệt, học tập nội dung “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với phát triển nông nghiệp không? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Có
- ☐ Không
- ☐ Không rõ/không theo dõi

C2. Nếu “Có”, tần suất thế nào? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Thường xuyên (nhiều lần/năm)
- ☐ Định kỳ (1 lần/năm)
- ☐ Thỉnh thoảng
- ☐ Không rõ

C3. Hình thức triển khai chủ yếu? (Chọn nhiều phương án)

- ☐ Hội nghị quán triệt/chuyên đề trong Đảng bộ/chi bộ
- ☐ Tập huấn chuyên môn lồng ghép nội dung học tập, làm theo
- ☐ Sinh hoạt chuyên đề của các đoàn thể (Hội Nông dân...)
- ☐ Truyền thông cơ sở (truyền thanh, pano, bản tin...)
- ☐ Nền tảng số (Zalo/FB, cổng thông tin, nhóm điều hành...)
- ☐ Gắn với phong trào thi đua, mô hình điểm
- ☐ Khác:

C4. Theo đồng chí, nội dung quán triệt/học tập thời gian qua tại địa phương bao gồm những vấn đề gì? (Chọn nhiều phương án)

- ☐ Tuyên truyền nhận thức chung
- ☐ Kỹ thuật sản xuất/khuyến nông, chuyển giao khoa học công nghệ
- ☐ Liên kết sản xuất - tiêu thụ, tổ hợp tác/HTX
- ☐ Nông nghiệp xanh/sạch, an toàn thực phẩm
- ☐ Quản lý nhà nước: quy hoạch, đất đai, thủy lợi, giống...
- ☐ Xây dựng nông thôn mới
- ☐ Khác:

PHẦN D. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VẬN DỤNG, NGUYÊN NHÂN, GIẢI PHÁP

D1. Đồng chí đánh giá chung hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển nông nghiệp tại địa phương/đơn vị? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả
- ☐ Bình thường
- ☐ Không hiệu quả
- ☐ Hoàn toàn không hiệu quả

D2. Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế trong triển khai vận dụng ở địa phương? (Chọn nhiều phương án)

- ☐ Nhận thức chưa đồng đều; coi nhẹ việc vận dụng
- ☐ Nội dung tuyên truyền còn chung chung, ít gắn tình huống thực tiễn
- ☐ Thiếu nguồn lực (kinh phí, nhân lực, phương tiện)
- ☐ Thiếu cán bộ chuyên môn/Báo cáo viên
- ☐ Phối hợp giữa các cơ quan/đoàn thể chưa chặt chẽ
- ☐ Cơ chế khuyến khích/thi đua chưa đủ mạnh
- ☐ Hệ thống dữ liệu/đánh giá chưa rõ; khó đo hiệu quả
- ☐ Tác động thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu
- ☐ Khác:

D3. Theo đồng chí, để nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp ở địa phương trong thời gian tới cần thực hiện giải pháp nào? (Chọn nhiều phương án)

- ☐ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp
- ☐ Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương
- ☐ Phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội
- ☐ Chuẩn hóa tài liệu/khung nội dung phù hợp từng vùng, từng ngành hàng
- ☐ Tăng cường đào tạo cán bộ (LLCT + chuyên môn nông nghiệp + kỹ năng truyền thông)
- ☐ Xây dựng mô hình điểm, nhân rộng điển hình “học Bác” trong sản xuất
- ☐ Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp
- ☐ Khác:

PHỤ LỤC 02
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Dùng cho đối tượng là người dân)

Kính thưa ông (bà)!

Tôi thực hiện đề tài nghiên cứu “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay*”. Rất mong Ông (Bà) hỗ trợ bằng cách trả lời các câu hỏi khảo sát dưới đây.

Nếu lựa chọn phương án nào, Ông (Bà) đánh dấu (x) vào ô vuông (□) tương ứng và có thể ghi rõ hơn ý kiến của mình nếu thấy cần thiết. Ông (Bà) không phải ghi tên vào phiếu này.

Xin trân trọng cảm ơn ông bà!

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG (MẪU KHẢO SÁT)

A1. Giới tính:

- ☐ Nam
☐ Nữ
☐ Khác

A2. Độ tuổi:

- ☐ Dưới 25
☐ 25-34
☐ 35-44
☐ 45-54
☐ 55 trở lên

A3. Trình độ học vấn:

- ☐ Trung học cơ sở trở xuống
☐ Trung học phổ thông
☐ Trung cấp
☐ Cao đẳng
☐ Đại học
☐ Sau đại học

A4. Nghề/lĩnh vực sản xuất nông nghiệp chính?

- ☐ Trồng trọt
- ☐ Chăn nuôi
- ☐ Thủy sản
- ☐ Lâm nghiệp
- ☐ Kết hợp nhiều lĩnh vực
- ☐ Khác:

A5. Thời gian tham gia sản xuất nông nghiệp?

- ☐ Dưới 5 năm
- ☐ 5-10 năm
- ☐ 11-20 năm
- ☐ Trên 20 năm

A6. Ông/Bà có tham gia tổ chức/tập thể nông nghiệp nào không?

- ☐ Hội Nông dân
- ☐ HTX
- ☐ Tổ hợp tác
- ☐ Nhóm liên kết sản xuất/tiêu thụ
- ☐ Không tham gia

A7. Địa phương nơi Ông (Bà) đang sinh sống hiện tại?

- ☐ Hà Nội
- ☐ TP. Hồ Chí Minh
- ☐ Thanh Hóa
- ☐ Nghệ An
- ☐ Sơn La
- ☐ Đắk Lắk
- ☐ Vĩnh Long
- ☐ Đồng Nai
- ☐ Đồng Tháp
- ☐ An Giang

PHẦN B. NHẬN THỨC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

B1. Ông/Bà đã từng nghe đến “Tư tưởng Hồ Chí Minh” chưa? (Chọn 01 phương án)

☐ Có

☐ Chưa

B2. Ông/Bà đã từng nghe về việc “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” chưa? (Chọn 01 phương án)

☐ Có

☐ Chưa

B3. Ông/Bà đã từng nghe/biết về việc học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với phát triển nông nghiệp chưa? (Chọn 01 phương án)

☐ Có

☐ Chưa

B4. Ông/Bà thường biết/tiếp cận nội dung “học Bác gắn với phát triển nông nghiệp” chủ yếu từ đâu? (Chọn nhiều phương án)

☐ Cán bộ xã/phường/thôn/ấp/khu phố

☐ Hội Nông dân/đoàn thể

☐ HTX/tổ hợp tác/nhóm liên kết

☐ Tập huấn khuyến nông/kỹ thuật

☐ Truyền thanh/đài địa phương/TV

☐ Mạng xã hội (Zalo/Facebook/YouTube...)

☐ Người thân/bạn bè

☐ Không biết, không tiếp cận

B5. Mức độ hiểu của Ông/Bà về “tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp” (Chọn 01 phương án)

☐ Hiểu rõ

☐ Hiểu tương đối

- ☐ Biết sơ sơ
- ☐ Chỉ nghe tên
- ☐ Không biết

PHẦN C. THỰC TRẠNG QUẢN TRIỆT, HỌC TẬP TẠI ĐỊA PHƯƠNG

C1. Trong thời gian qua, cấp ủy/chính quyền địa phương có tổ chức quán triệt/học tập về tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với phát triển nông nghiệp cho bà con không? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Có
- ☐ Không
- ☐ Không biết

C2. Nếu “Có”, tần suất tổ chức thường là? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Thường xuyên (nhiều lần/năm)
- ☐ Thỉnh thoảng
- ☐ Ít khi
- ☐ Không rõ/Không nhớ

C3. Hình thức tổ chức chủ yếu? (Chọn nhiều phương án)

- ☐ Họp dân/thôn ấp
- ☐ Sinh hoạt Hội Nông dân/HTX/tổ hợp tác
- ☐ Tập huấn khuyến nông/kỹ thuật có lồng ghép nội dung “học Bác”
- ☐ Truyền thanh/đài địa phương/pa-nô, áp phích
- ☐ Nhóm mạng xã hội địa phương (Zalo/Facebook...)
- ☐ Phong trào thi đua, mô hình điểm

C4. Những nội dung Ông/Bà đã được tuyên truyền, giáo dục? (Chọn nhiều phương án)

- ☐ Tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp
- ☐ Nông dân là chủ thể, tự lực vươn lên trong sản xuất

- ☐ Vai trò của HTX/tổ hợp tác/liên kết trong phát triển nông nghiệp
- ☐ Ứng dụng khoa học-kỹ thuật/giống mới/cơ giới hóa
- ☐ Tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất
- ☐ Nông nghiệp xanh, sạch, hữu cơ; bảo vệ môi trường
- ☐ Xây dựng nông thôn mới
- ☐ Khác:

PHẦN D. NHẬN THỨC VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

D1. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp đối với đời sống hiện nay? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Rất quan trọng
- ☐ Quan trọng
- ☐ Bình thường
- ☐ Không quan trọng
- ☐ Hoàn toàn không quan trọng

D2. Ông/Bà đánh giá vai trò của nông dân trong phát triển nông nghiệp là? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Rất quan trọng
- ☐ Quan trọng
- ☐ Bình thường
- ☐ Không quan trọng
- ☐ Hoàn toàn không quan trọng

D3. Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của hợp tác xã/tổ hợp tác/liên kết đối với phát triển nông nghiệp địa phương? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Rất quan trọng
- ☐ Quan trọng
- ☐ Bình thường

- ☐ Không quan trọng
- ☐ Hoàn toàn không quan trọng

D4. Ông/Bà đánh giá sự cần thiết của việc ứng dụng khoa học-kỹ thuật/công nghệ trong sản xuất nông nghiệp hiện nay? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Rất cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Bình thường
- ☐ Không cần thiết
- ☐ Hoàn toàn không cần thiết

PHẦN E. THỰC TIỄN VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TẠI GIA ĐÌNH/ĐỊA PHƯƠNG THỜI GIAN QUA

E1. Theo Ông/Bà, việc “học Bác” gắn với phát triển nông nghiệp có cần thiết không (Chọn 01 phương án)

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả
- ☐ Bình thường
- ☐ Không hiệu quả
- ☐ Hoàn toàn không hiệu quả
- ☐ Không biết

E2. Những việc cụ thể Ông/Bà, địa phương đã học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp? (Chọn nhiều phương án)

- ☐ Chấp hành đúng chủ trương, chính sách của cấp ủy, chính quyền địa phương
- ☐ Cần cù, chịu khó, trọng lao động trong sản xuất
- ☐ Đổi mới kỹ thuật/áp dụng giống mới/canh tác an toàn
- ☐ Tham gia tổ hợp tác/HTX/liên kết sản xuất-tiêu thụ
- ☐ Thi đua sản xuất giỏi, làm giàu chính đáng
- ☐ Tiết kiệm chi phí đầu vào, chống lãng phí
- ☐ Giữ vệ sinh môi trường, xử lý rác thải nông nghiệp
- ☐ Khác:

E3. Trong thời gian qua, Ông/Bà có áp dụng khoa học, kỹ thuật/công nghệ vào phát triển nông nghiệp không? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Có
- ☐ Có nhưng ít
- ☐ Chưa
- ☐ Không có điều kiện

E4. Ông/Bà có tham gia hợp tác xã/tổ hợp tác/nhóm liên kết tiêu thụ không? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Có
- ☐ Không

E5. Nếu “Không”, lý do chính là gì? (Chọn nhiều phương án)

- ☐ Không có HTX phù hợp
- ☐ Chưa tin vào hiệu quả của HTX mang lại
- ☐ Thủ tục/điều kiện khó khăn
- ☐ Không có thời gian
- ☐ Khác:

E6. Ông/Bà đánh giá mức hỗ trợ của chính quyền/đoàn thể cho nông dân trong phát triển nông nghiệp (vốn, kỹ thuật, thị trường...)? (Chọn 01 phương án)

- ☐ Rất tốt
- ☐ Khá tốt
- ☐ Bình thường
- ☐ Chưa tốt
- ☐ Rất chưa tốt

PHỤ LỤC 03
KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG			
A1.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	191	76.4
	Nữ	59	23.6
A2.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Độ tuổi	Dưới 30	9	3.6
	30-39	87	34.8
	40-49	115	46.0
	50-59	31	12.4
	Từ 60 trở lên	8	3.2
A3.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trình độ chuyên môn	Trung cấp	95	38.0
	Cao đẳng	85	34.0
	Đại học	66	26.4
	Sau đại học	4	1.6
A4.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trình độ lý luận chính trị	Sơ cấp	189	75.6
	Trung cấp	61	24.4
	Cao cấp/Cử nhân	0	0
A5.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Vị trí công tác hiện nay	Cán bộ/CC cấp xã, phường	41	16.4
	Cán bộ thôn/ấp/khu phố	24	9.6
	Cán bộ Hội Nông dân/đoàn thể chính trị-xã hội	56	22.4
	Cán bộ cơ quan chuyên môn về nông nghiệp/khuyến nông/khuyến ngư	44	17.6
	Cán bộ quản lý HTX/tổ hợp tác/đơn vị dịch vụ nông nghiệp	72	28.8
	Khác:	13	5.2

A6.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Cấp quản lý/đơn vị công tác	Tỉnh/TP	0	0
	Xã/Phường	148	59.2
	Thôn/Ấp/Khu phố	102	40.8
	Khác:	0	0
A7.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Thâm niên công tác	Dưới 5 năm	31	12.4
	5-10 năm	83	33.2
	11-20 năm	73	29.2
	Trên 20 năm	63	25.2
A8.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Địa phương công tác	Hà Nội	25	10
	TP. Hồ Chí Minh	25	10
	Thanh Hóa	25	10
	Nghệ An	25	10
	Sơn La	25	10
	Đắk Lắk	25	10
	Vĩnh Long	25	10
	Đồng Nai	25	10
	Đồng Tháp	25	10
	An Giang	25	10
PHẦN B. NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP			
B1.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Mức độ hiểu của đồng chí về “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp”	Đã được tuyên truyền, học tập nhiều lần	9	3.6
	Đã được tuyên truyền, học tập một số buổi	54	21.6
	Đã được nghe qua phương tiện truyền thông, mạng xã hội	151	60.4
	Chưa từng nghe đến	36	14.4

B2.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo đồng chí, những nội dung nào sau đây thể hiện tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp	Tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp	235	94.0
	Chủ thể, lực lượng phát triển nông nghiệp	229	91.6
	Nội dung phát triển nông nghiệp	239	95.6
	Biện pháp phát triển nông nghiệp	243	97.2
	Phát triển nông nghiệp theo hướng: Sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn	160	64.0
	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp	108	43.2
B3.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo đồng chí, tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp theo tư tưởng Hồ Chí Minh là gì	Phát triển nông nghiệp là gốc, là nền tảng để phát triển kinh tế đất nước	213	85.2
	Phát triển nông nghiệp góp phần tạo dựng sức mạnh quân sự phục vụ sự nghiệp kháng chiến của dân tộc	231	92.4
	Phát triển nông nghiệp là điều kiện để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân	197	78.8
	Khác:	0	0
B4.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo đồng chí, nội dung phát triển nông nghiệp theo tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm	Phát triển đa dạng cơ cấu các ngành nghề nông nghiệp	223	89.2
	Phát triển nông nghiệp đồng bộ, toàn diện gắn với lợi thế từng địa phương	236	94.4
	Phát triển nông nghiệp đồng bộ, hài hòa với các ngành, lĩnh vực khác trong nền kinh tế đất nước	229	91.6
	Khác:	0	0

B5.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo đồng chí, biện pháp phát triển nông nghiệp theo tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm	Tuyên truyền, giáo dục, khơi dậy ý thức tự lực, tự cường, tinh thần yêu lao động, thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm của người nông dân	243	97.2
	Hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển nông nghiệp	226	90.4
	Phát triển các hình thức kinh tế tập thể, nhất là hợp tác xã trong phát triển nông nghiệp	224	89.6
	Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp	194	77.6
	Tăng cường cải tiến và ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong phát triển nông nghiệp	219	87.6
	Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng đời sống mới ở nông thôn	233	93.2
	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển nông nghiệp	196	78.4
	Khác:	0	0
B6.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Đồng chí đánh giá tầm quan trọng của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển nông nghiệp hiện nay	Rất quan trọng	113	45.2
	Quan trọng	75	30.0
	Bình thường	39	15.6
	Ít quan trọng	17	6.8
	Hoàn toàn không quan trọng	6	2.4

PHẦN C. THỰC TRẠNG QUẢN TRIỆT, HỌC TẬP, TỔ CHỨC THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG			
C1.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trong thời gian qua, địa phương/đơn vị có tổ chức quán triệt, học tập nội dung “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với phát triển nông nghiệp không	Có	179	71.6
	Không	32	12.8
	Không rõ/không theo dõi	39	15.6
C2.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Nếu “Có”, tần suất thế nào	Thường xuyên (nhiều lần/năm)	38	21.2
	Định kỳ (1 lần/năm)	70	39.2
	Thỉnh thoảng	54	30,4
	Không rõ	17	9.2
C3.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Hình thức triển khai chủ yếu	Hội nghị quán triệt/chuyên đề trong Đảng bộ/chi bộ	237	94.8
	Tập huấn chuyên môn lồng ghép nội dung học tập, làm theo	228	91.2
	Sinh hoạt chuyên đề của các đoàn thể (Hội Nông dân...)	219	87.6
	Truyền thông cơ sở (truyền thanh, pano, bản tin...)	237	94.8
	Nền tảng số (Zalo/FB, cổng thông tin, nhóm điều hành...)	208	83.2
	Gắn với phong trào thi đua, mô hình điểm	217	86.8
	Khác:	0	0

C4.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo đồng chí, nội dung quán triệt/học tập thời gian qua tại địa phương bao gồm những vấn đề gì	Tuyên truyền nhận thức chung	236	94.4
	Kỹ thuật sản xuất/khuyến nông, chuyển giao khoa học công nghệ	219	87.6
	Liên kết sản xuất - tiêu thụ, tổ hợp tác/HTX	229	91.6
	Nông nghiệp xanh/sạch, an toàn thực phẩm	238	95.2
	Quản lý nhà nước: quy hoạch, đất đai, thủy lợi, giống...	239	95.6
	Xây dựng nông thôn mới	244	97.6
	Khác:	0	0
PHẦN D. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VẬN DỤNG, NGUYÊN NHÂN, GIẢI PHÁP			
D1.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Đồng chí đánh giá chung hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển nông nghiệp tại địa phương/đơn vị	Rất hiệu quả	13	5.2
	Hiệu quả	61	24.4
	Bình thường	66	26.4
	Không hiệu quả	44	17.6
	Khó đánh giá	60	24.0
	Hoàn toàn không hiệu quả	6	2.4
D2.			
Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế trong triển khai vận dụng ở địa phương	Nhận thức chưa đồng đều; coi nhẹ việc vận dụng	212	84.8
	Nội dung tuyên truyền còn chung chung, ít gắn tình huống thực tiễn	229	91.6
	Thiếu nguồn lực (kinh phí, nhân lực, phương tiện)	172	68.8
	Thiếu cán bộ chuyên môn/Báo cáo viên	221	88.4
	Phối hợp giữa các cơ quan/đoàn thể chưa chặt chẽ	141	56.4
	Cơ chế khuyến khích/thi đua chưa đủ mạnh	89	35.6

	Hệ thống dữ liệu/đánh giá chưa rõ; khó đo hiệu quả	129	51.6
	Tác động thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu	222	88.8
	Khác:	0	0
D3.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo đồng chí, để nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp ở địa phương trong thời gian tới cần thực hiện giải pháp nào	Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp	233	93.2
	Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương	223	89.2
	Phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội	219	87.6
	Chuẩn hóa tài liệu/khung nội dung phù hợp từng vùng, từng ngành hàng	194	77.6
	Tăng cường đào tạo cán bộ (LLCT + chuyên môn nông nghiệp + kỹ năng truyền thông)	196	78.4
	Xây dựng mô hình điểm, nhân rộng điển hình “học Bác” trong sản xuất	216	86.4
	Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp	192	76.8
	Khác:	0	0

PHỤ LỤC 04
KẾT QUẢ KHẢO SÁT NGƯỜI DÂN

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG			
A1.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	936	58.5
	Nữ	664	41.5
A2.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Độ tuổi	Dưới 25	42	2.6
	25-34	197	12.3
	35-44	347	21.7
	45-54	579	36.2
	55 trở lên	435	27.2
A3.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trình độ chuyên môn	Trung học cơ sở trở xuống	1210	75.6
	Trung học phổ thông	322	20.1
	Trung cấp	51	3.2
	Cao đẳng	14	0.9
	Đại học	3	0.2
	Sau đại học	0	0
A4.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Nghề/lĩnh vực sản xuất nông nghiệp chính	Trồng trọt	309	19.3
	Chăn nuôi	299	18.7
	Thủy sản	344	21.5
	Lâm nghiệp	275	17.2
	Kết hợp nhiều lĩnh vực	373	23.3
	Khác:	0	0

A5.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Thời gian tham gia sản xuất nông nghiệp	Dưới 5 năm	37	2.3
	5-10 năm	430	26.9
	11-20 năm	554	34.6
	Trên 20 năm	579	36.2
A6	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Ông/Bà có tham gia tổ chức/tập thể nông nghiệp nào không	Hội Nông dân	72	4.5
	HTX	243	15.2
	Tổ hợp tác	85	5.3
	Nhóm liên kết sản xuất/tiêu thụ	21	1,3
	Không tham gia	1179	73.7
A7.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Địa phương đang sinh sống hiện tại	Hà Nội	160	10
	TP. Hồ Chí Minh	160	10
	Thanh Hóa	160	10
	Nghệ An	160	10
	Sơn La	160	10
	Đắk Lắk	160	10
	Vĩnh Long	160	10
	Đồng Nai	160	10
	Đồng Tháp	160	10
	An Giang	160	10
PHẦN B. NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP			
B1.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Ông/Bà đã từng nghe đến “Tư tưởng Hồ Chí Minh” chưa	Có	1045	65.3
	Chưa	555	34.7

B2.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Ông/Bà đã từng nghe về việc “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” chưa	Có	934	58.4
	Chưa	666	41.6
B3:	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Ông/Bà đã từng nghe/biết về việc học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với phát triển nông nghiệp chưa	Có	392	24.5
	Chưa	1208	75.5
B4.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Ông/Bà thường biết/tiếp cận nội dung “học Bác gắn với phát triển nông nghiệp” chủ yếu từ đâu	Cán bộ xã/phường/thôn/ấp/khu phố	1224	76.5
	Hội Nông dân/đoàn thể	1427	89.2
	HTX/tổ hợp tác/nhóm liên kết	546	34.1
	Tập huấn khuyến nông/kỹ thuật	1118	69.9
	Truyền thanh/đài địa phương/TV	1277	79.8
	Mạng xã hội (Zalo/Facebook/YouTube...)	1139	71.2
	Người thân/bạn bè	34	2.1
	Không biết, không tiếp cận	597	37.3

B5.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Mức độ hiểu của Ông/Bà về “tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp”	Hiểu rõ	0	0
	Hiểu tương đối	0	0
	Biết sơ sơ	110	6.9
	Chỉ nghe tên	181	11.3
	Không biết, không hiểu	1309	81.8
PHẦN C. THỰC TRẠNG QUẢN TRIỆT, HỌC TẬP TẠI ĐỊA PHƯƠNG			
C1.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trong thời gian qua, cấp ủy/chính quyền địa phương có tổ chức quán triệt/học tập về tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với phát triển nông nghiệp cho bà con không	Có	563	35.2
	Không	734	45.9
	Không biết	303	18.9
C2.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Nếu “Có”, tần suất thế nào	Thường xuyên (nhiều lần/năm)	329	58.5
	Thỉnh thoảng	109	19.4
	Ít khi	92	16.3
	Không rõ/Không nhớ	33	5.8
C3.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Hình thức tổ chức chủ yếu	Họp dân/thôn ấp	1102	68.9
	Sinh hoạt Hội Nông dân/HTX/tổ hợp tác	1237	77.3
	Tập huấn khuyến nông/kỹ thuật có lồng ghép nội dung “học Bác”	1107	69.2
	Truyền thanh/đài địa phương/pa-nô, áp phích	1264	79.0
	Nhóm mạng xã hội địa phương (Zalo/Facebook...)	906	56.6
	Phong trào thi đua, mô hình điểm	1461	91.3

C4.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Những nội dung Ông/Bà đã được tuyên truyền, giáo dục	Tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp	914	57.1
	Nông dân là chủ thể, tự lực vươn lên trong sản xuất	1432	89.5
	Vai trò của HTX/tổ hợp tác/liên kết trong phát triển nông nghiệp	1258	78.6
	Ứng dụng khoa học-kỹ thuật/giống mới/ cơ giới hóa	1483	92.7
	Tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất	910	56.9
	Xây dựng nông thôn mới	1531	95.7
	Khác:	0	0
PHẦN D. NHẬN THỨC VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP			
D1.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp đối với đời sống hiện nay	Rất quan trọng	251	15.7
	Quan trọng	1253	78.3
	Bình thường	8	0.5
	Không quan trọng	59	3.7
	Hoàn toàn không quan trọng	29	1.8
D2.			
Ông/Bà đánh giá vai trò của nông dân trong phát triển nông nghiệp là	Rất quan trọng	1459	91.2
	Quan trọng	101	6.3
	Bình thường	40	2.5
	Không quan trọng	0	0
	Hoàn toàn không quan trọng	0	0
D3.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Ông/Bà đánh giá tầm quan trọng của HTX/tổ hợp tác/liên kết đối với phát triển nông nghiệp địa phương	Rất quan trọng	381	23.8
	Quan trọng	363	22.7
	Bình thường	354	22.1
	Không quan trọng	456	28.5
	Hoàn toàn không quan trọng	46	2.9

D4.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Ông/Bà đánh giá sự cần thiết của việc ứng dụng khoa học-kỹ thuật/công nghệ trong sản xuất nông nghiệp hiện nay	Rất cần thiết	1254	78.4
	Cần thiết	152	9.5
	Bình thường	194	12.1
	Không cần thiết	0	0
	Hoàn toàn không cần thiết	0	0
PHẦN E. THỰC TIỄN VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TẠI GIA ĐÌNH/ĐỊA PHƯƠNG THỜI GIAN QUA			
E1.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo Ông/Bà, việc “học Bác” gắn với phát triển nông nghiệp có cần thiết không	Rất cần thiết	571	35.7
	Cần thiết	818	51.1
	Bình thường	211	13.2
	Không cần thiết	0	0
	Hoàn toàn không cần thiết	0	0
E2.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Những việc cụ thể Ông/Bà, địa phương đã học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp	Chấp hành đúng chủ trương, chính sách của cấp ủy, chính quyền địa phương	1253	78.3
	Cần cù, chịu khó, trong lao động trong sản xuất	1459	91.2
	Đổi mới kỹ thuật/áp dụng giống mới/canh tác an toàn	1434	89.6
	Tham gia tổ hợp tác/HTX/liên kết sản xuất-tiêu thụ	899	56.2
	Thi đua sản xuất giỏi, làm giàu chính đáng	1418	88.6
	Tiết kiệm chi phí đầu vào, chống lãng phí	1144	71.5
	Giữ vệ sinh môi trường, xử lý rác thải nông nghiệp	734	45.9
	Khác:	0	0

E3.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trong thời gian qua, Ông/Bà có áp dụng khoa học, kỹ thuật/công nghệ vào phát triển nông nghiệp không	Có	694	43.4
	Có nhưng ít	554	34.6
	Chưa	197	12.3
	Không có điều kiện	155	9.7
E4.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Ông/Bà có tham gia HTX/tổ hợp tác/nhóm liên kết tiêu thụ không	Có	442	27.6
	Không	1158	72.4
E5.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Nếu “Không”, lý do chính là gì	Không có HTX phù hợp	715	61.7
	Chưa tin vào hiệu quả của HTX mang lại	286	24.7
	Thủ tục/điều kiện khó khăn	128	11.1
	Không có thời gian	29	2.5
	Khác:	0	0
E6.	Phương án	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Ông/Bà đánh giá mức hỗ trợ của chính quyền/đoàn thể cho nông dân trong phát triển nông nghiệp (vốn, kỹ thuật, thị trường...)	Rất tốt	326	20.4
	Tốt	499	31.2
	Bình thường	525	32.8
	Chưa tốt	200	12.5
	Rất chưa tốt	50	3.1

PHỤ LỤC 05

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TỔNG QUÁT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP (NÔNG, LÂM, THỦY SẢN)

GIAI ĐOẠN 2011 - 2025

Chỉ số đánh giá	Năm															
	Đơn vị	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1. Tốc độ tăng GDP	%	4.23	2.92	2.63	3.44	2.41	1.36	2.90	3.76	2.01	2.68	3.27	3.36	3.83	3.74	4.0
2. Tốc độ tăng giá trị sản xuất	%	5.80	3.14	2.95	3.9	2.62	1.44	3.16	3.86	2.15	2.94	2.86	3.36	3.83	3.27	3.83
4. Tỷ trọng GDP trong GDP cả nước	%	19.57	19.22	17.96	17.7	17.0	16.32	15.34	14.57	13.96	14.85	13.97	11.88	8.84	11.86	11.0
5. Năng suất lao động bình quân	Tr.đ/Lao động	22.3	25.6	26.4	28.6	31	32.6	35.5	39.8	48.2	57.4	75	82	88.6	93	98.5
6. Tốc độ tăng giá trị tăng thêm	%	4.16	2.57	2.19	2.51	2.03	0.72	2.07	2.89	0.61	2.55	15.7	2.88	3.93	2.94	3.92

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

PHỤ LỤC 06

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

GIAI ĐOẠN 2011-2025

Chỉ số đánh giá	Năm															
	Đơn vị tính	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản	Tỷ USD	25.1	27.21	27.95	30.4	30.38	32.18	36.53	39.2	41.3	41.2	48.6	53.2	53.1	62.5	70.09
- Nông sản chính	Tỷ USD	13.7	14.9	13.1	14.3	16.65	14.99	17.75	16.92	16.91	20	18.9	22.59	27.1	32.8	37.25
- Thủy sản	Tỷ USD	6.11	6.09	6.71	7.82	6.57	7.05	8.30	8.80	8.57	9.5	8.89	10.92	8.98	10.07	11.32
- Lâm sản và gỗ	Tỷ USD	4.19	4.90	5.80	6.56	7.23	7.31	8.08	9.39	11.31	12	15.87	16.93	14.4	17.28	18.5
2. Mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản	%	31.4	9.7	9.01	11.2	8.8	6.5	13	9.6	3.5	1.1	14.9	9.3	8.1	19	12

Nguồn: Tổng Cục Hải quan

PHỤ LỤC 07

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN NGÀNH TRỒNG TRỌT

GIAI ĐOẠN 2011-2025

Chỉ số đánh giá	Đơn vị	Năm														
		2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất	%	6.3	2.7	2.3	3.2	1.56	0.9	2.2	2.52	1.47	1.55	2.2	1.51	3	1.9	2.5
2. Tỷ trọng giá trị sản xuất trồng trọt trong giá trị sản xuất nông nghiệp	%	73.4	71.4	71.5	71	70	68.7	73.5	72.7	72.8	74.3	60.8	47.1	63	64	65.0
3. Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt	Tr. đ/ha	72.2	72.8	75.7	79.3	82	85.4	90.2	93.4	96.2	102.7	105.2	104.2	118.3	127	132.0
4. Sản lượng lương thực có hạt	Nghìn tấn	47.235.5	48.712.6	49.231.6	50.178.5	50.379.5	48.360.2	47.852.2	48.923.4	48.230.9	47.325.5	48.301.0	47.085.6	47.935.7	47.870	47.950.0
5. Tổng diện tích gieo trồng	Nghìn ha	14.061.1	14.014.0	14.792.5	14.813.4	14.919.6	14.444.9	14.902.0	15.023.8	14.707.6	14.487.7	14.441.7	14.388.3	14.412.2	14.493.1	4.500.0
6. Diện tích cây hàng năm	Nghìn ha	11.420.5	11.537.9	11.714.4	11.665.4	11.674.3	11.634.3	11.378.6	11.253.1	11.541.5	11.156.8	10.756.9	10.653.3	10.645.5	10.683.0	10.700.0
7. Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm trồng trọt	Tỷ USD	10.3	9.5	14.7	15.1	16.7	16.3	17.5	16.9	16.9	17.8	21.5	22.6	27.1	25	26.5

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

PHỤ LỤC 08
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN NGÀNH CHĂN NUÔI
GIẢI ĐOẠN 2011-2025

Chỉ số đánh giá	Đơn vị	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tốc độ tăng giá trị sản xuất chăn nuôi	(%)	4.5	2.6	2.2	4.1	4.2	5.4	2.16	3.98	-1.83	5.5	6.2	5.93	5.72	5.4	5.3
Tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp	(%)	25.3	26.9	26.3	26.5	27.0	22.06	18.04	26.82	26.78	26.82	26.82	24.5	26.0	29.0	29.5
Sản lượng thịt hơi các loại	(Triệu tấn)	4.18	4.29	4.36	4.6	4.81	5.04	5.2	5.36	5.18	5.7	6.69	7.05	7.79	8.26	8.64
Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng	(Triệu tấn)	3.15	3.19	3.23	3.39	3.55	3.67	3.76	3.8	3.47	3.94	4.43	4.52	4.82	5.05	5.26
Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng	(Triệu tấn)	0.68	0.72	0.76	0.84	0.93	1.02	1.11	1.21	1.34	1.47	1.69	1.81	1.94	2.08	2.22
Sản lượng sữa tươi	(Nghìn tấn)	310.0	345.0	370.0	400.0	420.0	450.0	500.0	550.0	630.0	820.0	1020.0	1200.0	1350.0	1450.0	1550.0
Sản lượng trứng gia cầm	(Tỷ quả)	6.7	7.0	7.4	7.8	8.3	8.7	9.1	9.6	10.3	11.1	12.5	13.4	14.5	15.3	16.1
Tốc độ tăng năng suất lao động trong ngành chăn nuôi	(%)		2.5	2.7	3.1	3.3	4.2	3.8	4.1	1.9	4.8	5.2	4.9	5.1	5.3	5.4
Tỷ trọng giá trị chăn nuôi công nghiệp trong tổng chăn nuôi	(%)	25.0	26.0	28.0	30.0	32.0	34.0	38.0	41.0	45.0	50.0	54.0	57.0	60.0	62.0	63.0
Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi	(Tỷ USD)	0.2	0.25	0.27	0.3	0.35	0.4	0.42	0.46	0.5	0.54	0.61	0.68	0.76	0.82	0.88

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

PHỤ LỤC 09
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN NGÀNH LÂM NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2011-2024

Chỉ số đánh giá	Năm															
	Đơn vị	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp	%	5.92	6.63	5.80	7.10	7.92	7.1	5.3	6.1	5.0	2.8	4.20	6.13	4.6	4.96	5.1
2. Tỷ trọng giá trị sản xuất lâm nghiệp trong giá trị sản xuất nông lâm thủy sản	%	2.27	2.69	2.86	2.90	3.00	3.83	4.08	3.34	3.43	5.10	5.20	5.30	5.30	-	5.35
3. Tỷ lệ che phủ rừng	%	39.7	40.7	41.0	40,\.4	40,\.7	41.19	41,45	41.65	41.85	42	42.2	42.02	42.02	42.02	42.2
4. Sản lượng gỗ khai thác	Nghìn m ³	4.692	6.892	5.908	7.701	9.199	9.653	11.500	15.248	19.500	17.200	32.000	35.700	21.600	23.334.1	24.000.0
5. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng tập trung, cây cao su, cây phân tán	Nghìn m ³	5.510	6.892	5.908	9.000	12.800	17.300	18.130	18.500	19.500	20.500	21.500	19.700	20.840	22.800	23.000.0

Nguồn: Tổng Cục Hải quan

PHỤ LỤC 10
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN
GIẢI ĐOẠN 2011 - 2025

Chỉ số đánh giá	Năm															
	Đơn vị	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành thủy sản	%	5.52	3.97	5.07	6.82	3.06	2.91	5.9	6.5	6.34	3.20	3.01	4.43	4.0	2.5	3.0
2. Tỷ trọng giá trị sản xuất thủy sản trong giá trị sản xuất nông lâm thủy sản	%	20.3	22.5	23.6	22.1	22.5	23.96	26.25	23.57	24.04	24.37	25.0	25.4	25.8	26.0	26.5
3. Tỷ trọng giá trị sản xuất nuôi trồng thủy sản trong giá trị sản xuất thủy sản	%	62.2	59.3	63.9	64	64	53.04	53.09	53.58	54.05	54.47	55.0	55.2	55.4	55.6	56.0
4. Giá trị sản phẩm thu được trên 1ha mặt nước nuôi trồng thủy sản	Tr.đ/ha	135.2	145.3	157.6	177.4	182.8	184.3	210.1	226.3	230	237.3	215.8	251.8	271.8	280.0	290.0
5. Sản lượng thủy sản	Nghìn tấn	5.8447.4	5.820.7	6.019.7	6.333.2	6.727.2	6,924.4	7.402.6	7.885.9	8.421.3	8.635.7	8.826.8	9.108.1	9.317.1	9.609.1	9.880.5
5.1. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản	Nghìn tấn	2.933.1	3.115.3	3.215.9	3.412.8	3.532.2	3.644.6	3.892.9	4.162.8	4.492.5	4.739.2	4.886.7	5.233.8	5.502.4	5.5749.6	5.980.0
5.2. Tổng sản lượng khai thác thủy sản	Nghìn tấn	2.514.3	2.705.4	2.803.8	2.920.4	3.049.9	3.2226.1	3.420.5	3.606.3	3.777.7	3.896.5	3.940.1	3.874.3	3.814.7	3.855.3	3.870.0

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

PHỤ LỤC 11
SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ VÀ LAO ĐỘNG TRONG HỢP TÁC XÃ

NĂM	SỐ HTX NÔNG NGHIỆP ĐANG HOẠT ĐỘNG CÓ KẾT QUẢ SẢN XUẤT, KINH DOANH	SỐ LAO ĐỘNG TRONG HTX ĐANG HOẠT ĐỘNG CÓ KẾT QUẢ SẢN XUẤT, KINH DOANH
Đơn vị tính: nghìn		
2011	13.338	241.118
2012	13.087	227.399
2013	12.870	215.767
2014	12.794	207.862
2015	12.866	212.939
2016	13.012	200.925
2017	13.226	188.612
2018	13.958	185.714
2019	14.388	179.938
2020	15.306	167.033
2021	16.453	166.214
2022	19.431	163.101
2023	20.500	177.824
2024	21.700	-

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

PHỤ LỤC 12
MỘT SỐ KẾT QUẢ LIÊN QUAN ĐẾN NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2011 - 2025

Chỉ số đánh giá	Đơn vị	Kết quả thực hiện năm														
		2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1. Kết quả xây dựng nông thôn mới																
Tổng số xã xây dựng NTM	xã	-	-	55.333	13.238	8.923	8.911	8.921	8.924	8.915	8.880	8.233	8.225	8.167	8.829	9.000
Số xã đạt chuẩn NTM	xã	64	152	415	1.165	1.478	2.061	3.069	3.302	4.144	5.506	5.615	6.009	6.370	6.022	6.800
Tỷ lệ xã đạt 19 tiêu chí NTM	%	0	0.4	0.75	8.8	19.7	26.4	34.4	43.02	54	62	68.2	73.06	78	68.2	74.0
Tỷ lệ hộ nghèo cả nước	%	11.76	11.1	9.8	8.4	7	9.2	8	6.8	5.46	4.8	4.4	4.2	3.4	2.59	2.0
Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn	%	17.4	14.1	12.7	10.8	9.2	11.8	10.8	9.6	8	7.1	6.5	5.9	4.8	3.29	2.5
2. Khoảng cách thu nhập giữa nông thôn và thành thị																
Thu nhập bình quân ở khu vực nông thôn	Triệu đồng/năm/người	10.8	18.9	19.97	24.5	24.4	29.2	32	35.8	39.3	41.7	41.8	46.3	50.04	52.0	55.0
Thu nhập bình quân ở khu vực thành thị	Triệu đồng/năm	14.6	34.8	35.9	47.6		54.6	57.6	67.5	72.2	67	64.7	71.3	75.1	78.0	82.0
Khoảng cách về thu nhập giữa nông thôn và thành thị		1.35	1.89		1.95		1.88		1.88		1.61	1.55	1.90			

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

PHỤ LỤC 13
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2011 - 2025

Bảng 1: Nguồn vốn đầu tư cho nông, lâm, thủy sản theo các năm

Chỉ số đánh giá	Đơn vị	Năm														
		2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1. Tổng vốn đầu tư nông, lâm, thủy sản	Tỷ đồng	51.284	52.930	63.658	61.52	76.523	87.473	100.116	108.80	117.800	127.4	138.7	150.800	164.000	178.500	195.000
2. Tỷ lệ vốn đầu tư nông, lâm, thủy sản/Vốn đầu tư toàn xã hội	%	5.98	5.24	5.82	5.04	5.60	5.88	6.00	6.10	6.20	6.35	6.50	6.70	6.90	7.10	7.30
3. Vốn ngân sách	Tỷ đồng	1.725	3.431	2.377	1,973	3.075	2.186	1.497	1.650	1.820	2.010	2.220	2.450	2.700	2.970	3.260
4. Vốn ODA	Tỷ đồng	3.922	2.777	4.395	4.415	5.003	5.109	4.734	4.900	5.080	5.270	5.470	5.690	5.920	6.170	6.430

Bảng 2: Giải ngân nguồn vốn đầu tư cho PTNN theo các năm

NĂM	GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO PTNN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC												
	NÔNG NGHIỆP		LÂM NGHIỆP		THỦY SẢN		KHCN		GDĐT		LĨNH VỰC KHÁC		TỔNG
	Số vốn (Triệu.đ)	Tỷ lệ (%)	Số vốn (Triệu.đ)	Tỷ lệ (%)	Số vốn (Triệu.đ)	Tỷ lệ (%)	Số vốn (Triệu.đ)	Tỷ lệ (%)	Số vốn (Triệu.đ)	Tỷ lệ (%)	Số vốn (Triệu.đ)	Tỷ lệ (%)	
2010	45.169	64	51.966	105	69.281	39	36.607	80	76.863	79	41.300	88	1.630.488
2011	23.254	75	21.351	89	34.726	79	30.074	83	90.568	102	41.096	97	711.973
2012	95.201	88	138.038	197	94.871	92	54.953	100	147.843	99	107.375	98	1.346.955
2013	48.869	74	38.089	92	88.131	92	15.588	50	129.143	100	79.727	99	822.270
2014	46.759	65	42.380	96	92.031	80	35.143	88	122.246	97	66.524	66	1.074.724
2015	25.041	69	30.005	101	135.108	96	43.487	94	126.531	91	61.021	93	1.114.106
2016	91.232	97	49.071	104	229.304	93	50.442	88	141.800	100	53.383	97	1.423.796
2017	42.268	92	41.082	109	115.872	77	34.976	95	105.374	95	24.679	79	1.830.615
2018	24.353	96	18.932	90	269.483	64	14.018	61	149.970	91	52.479	68	1.145.156
2019	52.331	93	23.212	96	145.732	81	34.518	84	63.761	96	11.800	34	731.489
2020	7.248	80	18.590	95	319.629	80	75.652	64	249.052	93	25.761	81	1.219.659
2021	80.153	81	21.875	74	169.015	78	40.250	43	122.625	78	15.539	89	756.857
2022	37.528	85	416	6	105.860	53	84.153	84	22.425	86	3.297	66	3.929.008
2023	159.385	57	41.220	36	491.016	82	170.484	71	289.738	80	95.587	93	5.791.901

GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO PTNN TỪ NGUỒN VỐN ODA													
NĂM	NÔNG NGHIỆP		LÂM NGHIỆP		THỦY SẢN		KHCN		GDĐT		LĨNH VỰC KHÁC		TỔNG
	Số vốn (Triệu.đ)	Tỷ lệ (%)	Số vốn (Triệu.đ)	Tỷ lệ (%)	Số vốn (Triệu.đ)	Tỷ lệ (%)	Số vốn (Triệu.đ)	Tỷ lệ (%)	Số vốn (Triệu.đ)	Tỷ lệ (%)	Số vốn (Triệu.đ)	Tỷ lệ (%)	
2010	375.987	106	245.586	133	0	0	15.673	36	17.180	24	11920	75	2.075.829
2011	937.867	152	308.689	123	0	0	0	0	4.544	82	0	0	3.675.277
2012	1.161.622	180	321.306	129	0	0	0	0	0	0	0	0	2.904.032
2013	764.614	153	510.508	255	140.928	141	0	0	0	0	0	0	3.287.454
2014	856.117	211	679.197	424	280.576	187	0	0	0	0	0	0	3.838.531
2015	797.145	332	454.310	379	346.935	289	0	0	0	0	0	0	3.904.252
2016	888.998	89	426.437	142	393.509	98	0	0	0	0	0	0	4.713.217
2017	788.975	90	278.474	129	543.759	87	0	0	251.459	92	0	0	4.520.663
2018	1.794.223	81	270.084	92	381.300	72	0	0	0	0	0	0	4.987.393
2019	57.687	61	56.272	42	12.144	28	0	0	7.929	11	0	0	1.564.073
2020	44.973	45	55.681	62	0	0	0	0	125.736	100	0	0	1.118.343
2021	12.794	62	77.588	71	0	0	0	0	390.072	54	0	0	1.747.435
2022	5.655	91	192.397	87	0	0	0	0	185.025	65	0	0	1.264.559
2023	0	0	79.372	44	0	0	0	0	84.750	30	0	0	907.669

Nguồn: Tổng Cục Thống kê